

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



## HƯỚNG DẪN

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
THEO BỘ TIÊU CHUẨN BAN HÀNH KÈM THEO  
THÔNG TƯ 04/2025/TT-BGDĐT NGÀY 17/02/2025  
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hà Nội, tháng 12 - 2025



## MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	1
PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG .....	1
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC .....	1
1.1. Mục đích ban hành Hướng dẫn.....	1
1.2. Cấu trúc của Hướng dẫn.....	2
1.3. Cách sử dụng Phần 3 - Hướng dẫn chi tiết đánh giá cho từng tiêu chí .....	3
1.4. Hướng dẫn viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo .....	4
1.5. Một số lưu ý đối với kiểm định viên .....	5
PHẦN 2. GIỚI THIỆU TÓM TẮT VỀ BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ 04/2025/TT-BGDĐT .....	6
2.1. Giới thiệu tóm tắt về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.....	6
2.2. Cách đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn và chương trình đào tạo .....	13
2.2.1. Tiêu chí điều kiện .....	14
2.2.2. Đánh giá tiêu chí .....	15
2.2.3. Đánh giá tiêu chuẩn .....	15
2.2.4. Đánh giá chương trình đào tạo.....	15
2.3. Giới thiệu tóm tắt về quy trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học .....	16
2.3.1. Quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo .....	16
2.3.2. Quy trình đánh giá ngoài chương trình đào tạo .....	17
2.3.3. Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo .....	17
2.3.4. Quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo .....	18
2.3.5. Quy trình đánh giá lại chương trình đào tạo .....	18
PHẦN 3: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ .....	20
3.1. TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	20
<i>Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học. ....</i>	20

*Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan. .... 23*

*Tiêu chí 1.3 (Tiêu chí điều kiện): Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt. .... 26*

*Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố. .... 28*

*Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài. .... 31*

*Tiêu chí 1.6 (Tiêu chí điều kiện): Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp. .... 34*

### **3.2. TIÊU CHUẨN 2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .. 37**

*Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. .... 37*

*Tiêu chí 2.2 (Tiêu chí điều kiện): Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định. .... 40*

*Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài. .... 42*

*Tiêu chí 2.4 (Tiêu chí điều kiện): Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng. .... 45*

*Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp. .... 48*

*Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân. .... 51*

*Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. .... 54*

### **3.3. TIÊU CHUẨN 3. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC ..... 58**

*Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học. .... 58*

*Tiêu chí 3.2 (Tiêu chí điều kiện): Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. .... 61*

<i>Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học. ....</i>	64
<i>Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. ....</i>	68
<i>Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. ....</i>	72
<b>3.4. TIÊU CHUẨN 4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP .....</b>	<b>77</b>
<i>Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. ....</i>	77
<i>Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.....</i>	80
<i>Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán. ....</i>	83
<i>Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....</i>	85
<i>Tiêu chí 4.5 (Tiêu chí điều kiện): Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. ....</i>	89
<i>Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.....</i>	92
<i>Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. ....</i>	94
<b>3.5. TIÊU CHUẨN 5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....</b>	<b>97</b>
<i>Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.....</i>	97
<i>Tiêu chí 5.2 (Tiêu chí điều kiện): Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. ....</i>	102
<i>Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp. ....</i>	105
<i>Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.....</i>	109

<i>Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. ....</i>	112
<i>Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện. ....</i>	116
<i>Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu. ....</i>	119
<i>Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể. ....</i>	122
<b>3.6. TIÊU CHUẨN 6. CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....</b>	<b>126</b>
<i>Tiêu chí 6.1 (Tiêu chí điều kiện): Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật. ....</i>	126
<i>Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chuẩn của vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. ....</i>	129
<i>Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. ....</i>	133
<i>Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phân phối cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập. ....</i>	137
<i>Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học.....</i>	141
<i>Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.....</i>	145
<b>3.7. TIÊU CHUẨN 7. CƠ SỞ HẠ TẦNG, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ .....</b>	<b>149</b>
<i>Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.....</i>	149
<i>Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.....</i>	152

<i>Tiêu chí 7.3 (Tiêu chí điều kiện): Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.....</i>	155
<i>Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.....</i>	160
<i>Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học. ....</i>	164
<i>Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có). ....</i>	167
<i>Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan. ....</i>	171
<i>Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến.....</i>	174
<b>3.8. TIÊU CHUẨN 8. ĐẦU RA VÀ KẾT QUẢ ĐẦU RA.....</b>	<b>178</b>
<i>Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thối học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng. ....</i>	178
<i>Tiêu chí 8.2 (Tiêu chí điều kiện): Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....</i>	182
<i>Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....</i>	187
<i>Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng. ....</i>	191
<i>Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng. ....</i>	195
<b>PHẦN 4. PHỤ LỤC - BIỂU MẪU CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>200</b>



**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

BĐCL	Bảo đảm chất lượng
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSĐT	Cơ sở đào tạo
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
ĐH	Đại học
GV	Giảng viên
GS	Giáo sư
HP	Học phần
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KQHT	Kết quả học tập
LMS	Hệ thống quản lí học tập trực tuyến
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCV	Nghiên cứu viên
NH	Người học
PGS	Phó giáo sư
PVCD	Phục vụ cộng đồng
SĐH	Sau đại học
SV	Sinh viên
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
VLVH	Vừa làm vừa học
VTVL	Vị trí việc làm



# PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

## 1.1. Mục đích ban hành Hướng dẫn

Hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học (ĐH) theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) (sau đây gọi tắt là Hướng dẫn) được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (KĐCLGD - ĐHQGHN) xây dựng và ban hành để hỗ trợ các bên liên quan thực hiện đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH (sau đây gọi tắt là CTĐT). Tài liệu này có các hướng dẫn chi tiết để đánh giá theo từng tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Căn cứ để xây dựng Hướng dẫn này là các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 8 tiêu chuẩn, 52 tiêu chí (trong đó có 10 tiêu chí điều kiện) và Phụ lục II (Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT) trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Tài liệu này đưa ra hướng dẫn để làm rõ hơn các yêu cầu của tiêu chí giúp cơ sở giáo dục ĐH (ĐH, học viện, trường ĐH, viện nghiên cứu khoa học (NCKH) được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (TS), và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam - sau đây gọi tắt là CSĐT) tham khảo trong quá trình tự đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT; giúp tổ chức KĐCLGD, kiểm định viên triển khai đánh giá ngoài CTĐT; giúp thành viên hội đồng KĐCLGD tham chiếu trong quá trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT, đảm bảo sự thống nhất trong đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, cụ thể như sau:

- Các CSĐT tham khảo Hướng dẫn này để triển khai tự đánh giá CTĐT đảm bảo hiểu rõ và áp dụng thống nhất theo nội hàm và các yêu cầu của mỗi tiêu chí; xác định các thông tin, minh chứng, số liệu cần thu thập bám sát nội hàm và yêu cầu của tiêu chí. Hướng dẫn với các nội dung chi tiết sẽ giúp cho lãnh đạo nhà trường, hội đồng tự đánh giá, các khoa/bộ môn/đơn vị quản lý CTĐT và các giảng viên (GV), nhân viên hỗ trợ CTĐT triển khai tự đánh giá CTĐT, hiểu rõ nội dung cần mô tả trong báo cáo tự đánh giá, xem xét mức độ đáp ứng từng yêu cầu tiêu chí, xác định được những điểm mạnh, những điểm cần khắc phục của CTĐT và đề xuất những biện pháp cải tiến chất lượng kịp thời. Ngoài ra, Hướng dẫn còn là tài liệu tham khảo giúp CSĐT thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT.

- Tổ chức KĐCLGD sử dụng tài liệu này để hướng dẫn các kiểm định viên, thành viên đoàn đánh giá ngoài, người thẩm định báo cáo tự đánh giá và cán bộ của tổ chức KĐCLGD tham gia các đoàn đánh giá ngoài; hỗ trợ các thành viên hội đồng KĐCLGD trong quá trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho CTĐT. Hướng dẫn giúp hoạt động của đoàn đánh giá ngoài và hội đồng KĐCLGD đảm bảo khách quan, công bằng, tuân thủ theo đúng quy định của [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), đồng thời giúp xem xét, tư vấn cải tiến chất lượng phù hợp cho từng CTĐT được đánh giá. Ngoài ra, Hướng dẫn còn được tổ chức KĐCLGD sử dụng trong các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho kiểm định viên KĐCLGD và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bồi dưỡng về phát triển CTĐT.

- Các kiểm định viên sử dụng Hướng dẫn trong quá trình nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và đánh giá ngoài: i) Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và danh mục minh chứng kèm theo báo cáo tự đánh giá, so chiếu với các nội dung yêu cầu của từng tiêu chí trong bản Hướng dẫn để nhận xét báo cáo tự đánh giá; ii) So chiếu với danh mục minh chứng gợi ý để đề xuất nhà trường cung cấp các thông tin, minh chứng cần thiết thể hiện đáp ứng yêu cầu tiêu chí; iii) Xem xét các câu hỏi

chẩn đoán, tìm hiểu các thông tin có thể thu thập được từ các bên liên quan của CTĐT để đề xuất đối tượng cần phỏng vấn, các bên liên quan cần thảo luận; iv) Tham chiếu các câu hỏi chẩn đoán để dự kiến các câu hỏi/nội dung cần phỏng vấn, thảo luận với các bên liên quan trong đợt đánh giá; v) Đề xuất các CSVC, các trang thiết bị, các đối tượng cần quan sát, khảo sát; trải nghiệm/dùng thử các phần mềm, thiết bị thực hành/thí nghiệm, v.v.; vi) Chỉ ra các điểm mạnh, điểm tồn tại và đề xuất hướng khắc phục, khuyến nghị cải tiến chất lượng cho CTĐT; vii) Đánh giá mức đạt của tiêu chí, tiêu chuẩn; viii) Viết báo cáo đánh giá ngoài.

## 1.2. Cấu trúc của Hướng dẫn

Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) do Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN xây dựng gồm 4 phần chính:

- Phần 1. Giới thiệu về Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Phần này cung cấp các thông tin cơ bản về tài liệu hướng dẫn do Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN xây dựng để người dùng hiểu rõ mục đích, đối tượng sử dụng, đồng thời hướng dẫn người dùng sử dụng nội dung trong từng mục của tài liệu, đặc biệt là những người tham gia triển khai hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Phần 2. Giới thiệu tóm tắt về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và quy trình KĐCLGD CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Phần này cung cấp thông tin cơ bản về bộ tiêu chuẩn đánh giá; các cách tiếp cận đối với bộ tiêu chuẩn, tính logic và mối quan hệ của các tiêu chuẩn, tiêu chí; chu kỳ, quy trình KĐCLGD CTĐT (quy trình tự đánh giá CTĐT; quy trình đánh giá ngoài CTĐT; quy trình thẩm định kết quả đánh giá và quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục CTĐT; quy trình đánh giá lại CTĐT). Người dùng cần sử dụng các nội dung tóm tắt ở Phần 2 để hiểu khung cấu trúc chung của bộ tiêu chuẩn, các bước cơ bản trong quy trình KĐCLGD, đồng thời biết cách đánh giá cho từng tiêu chí, tiêu chuẩn và CTĐT.

- Phần 3. Hướng dẫn chi tiết đánh giá theo từng tiêu chí. Đây là phần chính của tài liệu, có nội dung hướng dẫn chi tiết đánh giá cho từng tiêu chí, các nội dung được chia thành 05 mục gồm: giải thích và hướng dẫn các yêu cầu tiêu chí; các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá tiêu chí; gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá tiêu chí; các minh chứng gợi ý đánh giá tiêu chí và gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá tiêu chí. Phần 3 này giúp người dùng hiểu rõ và thống nhất nội hàm từng tiêu chí, yêu cầu của mỗi tiêu chí và áp dụng từng nội dung ở 05 mục để thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài. Để thuận tiện cho việc sử dụng, người dùng cần đọc kỹ phần giải thích từ ngữ trong Điều 2 của [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) để hiểu thống nhất các thuật ngữ sử dụng trong từng tiêu chí. Đồng thời, cần đọc kỹ thêm các hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) để hiểu rõ về các tiêu chí điều kiện, cách đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn, CTĐT và vận dụng nội dung hướng dẫn trong Phần 3 để thực hiện đánh giá.

- Phần 4. Phụ lục Biểu mẫu cơ sở dữ liệu KĐCLGD CTĐT. Phần Phụ lục cung cấp biểu mẫu cơ sở dữ liệu KĐCLGD CTĐT (cũng chính là các biểu mẫu cho Phụ lục Cơ sở dữ liệu KĐCLGD CTĐT trong Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo hướng dẫn trong Biểu 05 của [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)). Biểu mẫu cơ sở dữ liệu KĐCLGD CTĐT được sử dụng để CSĐT khai báo thông tin cốt lõi về CTĐT và thống kê các số liệu cơ bản về CTĐT. Báo cáo tự đánh giá cần đảm bảo thống nhất dữ liệu trong phần Cơ sở dữ liệu KĐCLGD CTĐT với các số liệu ở nội dung báo cáo tự đánh giá. Cơ sở dữ liệu KĐCLGD CTĐT đảm bảo cung cấp các thông tin, số liệu chính xác, thống nhất với thông tin, minh chứng trong báo cáo tự đánh giá.

### 1.3. Cách sử dụng Phần 3 - Hướng dẫn chi tiết đánh giá cho từng tiêu chí

Cách sử dụng từng mục trong Phần 3 như sau:

- **Mục 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của tiêu chí:** Mục này được xây dựng cho từng tiêu chí bằng cách tham chiếu các yêu cầu của mỗi tiêu chí được thể hiện ở cột 2 của Phụ lục II kèm theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Lưu ý mục *Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của tiêu chí* trong văn bản Hướng dẫn này **không phải** là các tiêu chí phụ (sub-criteria) với các yêu cầu bắt buộc nằm ngoài yêu cầu của tiêu chí theo quy định ở Phụ lục II kèm theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Đối với mỗi yêu cầu của từng tiêu chí cụ thể ở cột 2 của Phụ lục II, Hướng dẫn đưa ra các nội dung giải thích cụ thể hơn giúp người đọc hiểu rõ nội hàm và mỗi yêu cầu của tiêu chí để tham chiếu trong quá trình triển khai thực hiện CTĐT và đánh giá chất lượng CTĐT, đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu. CSĐT tham khảo phần giải thích này để tự đánh giá chất lượng CTĐT, xem xét mức độ đáp ứng yêu cầu tiêu chí để có những biện pháp cải thiện chất lượng phù hợp cho CTĐT. Để đánh giá mức đạt của tiêu chí, CSĐT cần nghiên cứu kỹ Điều 13, [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), một trong các điều kiện cần để tiêu chí được đánh giá mức đạt là CTĐT đáp ứng tất cả các yêu cầu của mỗi tiêu chí.

- **Mục 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá tiêu chí:** Mục này được xây dựng bám sát nội hàm và mỗi yêu cầu của tiêu chí. Người đánh giá (bao gồm người tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT của CSĐT và thành viên đoàn đánh giá ngoài CTĐT) cần xem xét trả lời tất cả các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá mức độ đáp ứng của mỗi tiêu chí. Trong số các câu hỏi chẩn đoán bao gồm cả những câu hỏi để xem xét CTĐT có các hoạt động đáp ứng tốt hơn yêu cầu tiêu chí nhằm đưa ra những nhận định ghi nhận những thực hành tốt của CTĐT.

- **Mục 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá tiêu chí:** Mục này định hướng một số văn bản về chủ trương, chính sách của Đảng, các quy định pháp luật của Nhà nước và văn bản do CSĐT ban hành có các quy định liên quan đến yêu cầu của mỗi tiêu chí mà CTĐT cần tuân thủ thực hiện để đáp ứng các quy định. CSĐT nói chung và các thành viên hội đồng tự đánh giá nói riêng cần đối chiếu các quy định của CSĐT và các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của pháp luật của Nhà nước trong quá trình tổ chức thực hiện CTĐT và triển khai tự đánh giá. Các thành viên đoàn đánh giá ngoài và hội đồng KĐCLGD xem xét, so chiếu các quy định của chính CSĐT, các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách, pháp luật để đánh giá, tư vấn, khuyến nghị cải tiến chất lượng cho CTĐT.

- **Mục 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá tiêu chí:** Mục này được xây dựng bám sát nội dung trong cột 3 (Minh chứng gợi ý) của Phụ lục II kèm theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Ngoài ra, Hướng dẫn đưa ra các minh chứng gợi ý khác nếu có để CSĐT bổ sung, thể hiện CTĐT đáp ứng được tốt hơn các yêu cầu tiêu chí, thể hiện được những thực hành tốt của CTĐT.

- **Mục 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá tiêu chí:** Mục này có các nội dung để gợi ý CSĐT viết phần mô tả trong báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo từng tiêu chí. Phần mô tả cho mỗi tiêu chí cần bám sát từng yêu cầu của tiêu chí và các nội dung giải thích để đưa ra các nhận định về thực trạng CTĐT. Mỗi thông tin đưa ra trong phần mô tả trong báo cáo tự đánh giá CTĐT cần có các minh chứng kèm theo. Các minh chứng này được mã hóa và gắn mã trong báo cáo tự đánh giá theo các nội dung nhận định tương ứng trong mục mô tả hiện trạng. CSĐT có thể số hóa các minh chứng và gắn các link trực tiếp vào mã minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Trong phần mô tả hiện trạng, ngoài những nội dung mô tả bám sát từng yêu cầu của tiêu chí theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), CSĐT cần nghiên cứu kỹ nội dung từng tiêu chí để đảm bảo không bỏ sót các thông tin cần có trong chính tiêu chí (thể

hiện ở cột 1) và yêu cầu tiêu chí (thể hiện ở cột 2) trong Phụ lục II. Tùy thuộc vào thực trạng của CTĐT, CSĐT có thể bổ sung những thông tin, nhận định thể hiện được những thực hành tốt của CTĐT. Căn cứ nội dung mô tả thực trạng CTĐT so với yêu cầu của từng tiêu chí, CSĐT tự đánh giá để rút ra điểm mạnh, điểm tồn tại, xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng và đánh giá mức đạt của tiêu chí, từ đó đánh giá mức đạt của tiêu chuẩn và mức đạt của CTĐT.

#### 1.4. Hướng dẫn viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

CSĐT triển khai hoạt động tự đánh giá CTĐT theo quy trình quy định tại “Mục 2. Tự đánh giá CTĐT” từ Điều 14 đến Điều 21 trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Trong quy trình 7 bước thực hiện tự đánh giá, ở Bước 4 “Tự đánh giá mức đạt của các tiêu chí”, CSĐT cần thực hiện viết phiếu đánh giá tiêu chí theo mẫu tại Biểu 04 trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Ở Bước 5 “Viết báo cáo tự đánh giá”, CSĐT sử dụng Biểu 05 trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Cấu trúc báo cáo tự đánh giá CTĐT theo Biểu 05 gồm 4 phần lớn: Phần I - Khái quát; Phần II - Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III - Kết luận; Phần IV - Phụ lục. Nội dung trong Phiếu đánh giá tiêu chí ở Biểu 04 cũng chính là nội dung tự đánh giá cho từng tiêu chí trong Phần II của báo cáo tự đánh giá CTĐT. Phần chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT là Phần II - Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, theo đó báo cáo tự đánh giá cho mỗi tiêu chí gồm 05 mục: a) Mô tả hiện trạng; b) Điểm mạnh; c) Điểm tồn tại (nếu có); d) Kế hoạch hành động; đ) Tự đánh giá. Nội dung sau đây là các chỉ dẫn để CSĐT sử dụng văn bản Hướng dẫn của Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN làm tài liệu tham khảo cho phần viết báo cáo tự đánh giá cho mỗi tiêu chí.

- **Mục a) Mô tả hiện trạng:** CSĐT mô tả đầy đủ, chi tiết, trung thực, khách quan hiện trạng hoạt động của cơ sở đào tạo thực hiện CTĐT theo trình tự nội hàm của từng tiêu chí. Mỗi nhận định, kết luận và đánh giá trong mục mô tả hiện trạng phải có các minh chứng kèm theo. Khi triển khai tự đánh giá cũng như viết báo cáo tự đánh giá, CSĐT tham khảo *Mục 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá tiêu chí*. CSĐT cần lưu ý mô tả đầy đủ bám sát theo các yêu cầu của tiêu chí. Đồng thời, cần rà soát nội dung phần mô tả ở mỗi tiêu chí để tránh mô tả trùng với các tiêu chí khác trong bộ tiêu chuẩn.

- **Mục b) Điểm mạnh:** Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở mục mô tả hiện trạng, căn cứ sứ mạng và mục tiêu của CSĐT, chức năng nhiệm vụ của đơn vị thực hiện CTĐT để tự đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hoạt động theo từng tiêu chí, chỉ ra những **điểm mạnh nổi bật của CTĐT so với các yêu cầu của tiêu chí**. CSĐT cần phân tích đưa ra các nhận định và giải thích nhằm giúp người đọc hiểu được vì sao lại đánh giá như vậy. CSĐT cần lưu ý rà soát đảm bảo các nhận định ở phần Điểm mạnh đã được rút ra từ nội dung đã được thể hiện ở phần Mô tả, đảm bảo không mâu thuẫn với nhận định ở phần Điểm tồn tại.

- **Mục c) Điểm tồn tại (nếu có):** Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở mục mô tả hiện trạng, căn cứ sứ mạng và mục tiêu của CSĐT, chức năng nhiệm vụ của đơn vị thực hiện CTĐT để tự đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hoạt động theo từng tiêu chí, **chỉ ra những điểm tồn tại chính của CTĐT so với các yêu cầu của tiêu chí**. CSĐT cần phân tích đưa ra các nhận định và giải thích nhằm giúp người đọc hiểu được vì sao lại đánh giá như vậy. CSĐT cần lưu ý rà soát đảm bảo các nhận định ở phần Điểm tồn tại đã được rút ra từ nội dung đã được thể hiện ở phần Mô tả, đảm bảo không mâu thuẫn với nhận định ở phần Điểm mạnh.

- **Mục d) Kế hoạch hành động:** Cần đưa ra kế hoạch để tiếp tục duy trì, phát huy điểm mạnh và các giải pháp khắc phục những điểm tồn tại. Kế hoạch phải cụ thể và khả thi, chỉ ra được các giải pháp khắc phục, các nguồn lực, đơn vị và/hoặc cá nhân thực hiện, thời gian thực

hiện, hoàn thành và các ghi chú cần thiết. Ngoài ra, CSĐT có thể bổ sung thêm biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hành động.

- **Mục đ) Tự đánh giá:** Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K). Căn cứ các nội dung đã mô tả và phân tích cùng với các minh chứng đã có, CSĐT xem xét mức độ đáp ứng yêu cầu tiêu chí để đưa ra kết luận về mức đánh giá. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cần nghiêm túc thảo luận để xác định mức đạt tiêu chí theo đúng thực trạng của CTĐT.

### 1.5. Một số lưu ý đối với kiểm định viên

- Hướng dẫn là văn bản tham chiếu để kiểm định viên hiểu rõ nội hàm mỗi tiêu chí và mỗi yêu cầu của tiêu chí giúp đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và triển khai đánh giá chất lượng CTĐT. Nội dung của phần Giải thích và hướng dẫn yêu cầu tiêu chí **không phải** là yêu cầu thêm các tiêu chí phụ bắt buộc (sub-criteria) nằm ngoài yêu cầu của tiêu chí theo quy định của [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Kiểm định viên cần nghiên cứu kỹ Điều 13, [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), điều kiện cần để tiêu chí được đánh giá mức đạt là CTĐT đáp ứng tất cả các yêu cầu của tiêu chí (yêu cầu của tiêu chí được thể hiện ở cột 2 của Phụ lục II - [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)). Khi đánh giá mỗi tiêu chí, kiểm định viên cần cẩn thận đọc kỹ, hiểu rõ nội hàm của từng tiêu chí (từ Điều 4 đến Điều 11) và các yêu cầu của mỗi tiêu chí thể hiện trong Phụ lục II - [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#).

- Hướng dẫn cung cấp danh mục minh chứng gợi ý bao gồm các minh chứng gợi ý trích từ nội dung trong cột 3 của Phụ lục II - [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) và các minh chứng gợi ý khác (nếu có) để CSĐT bổ sung, thể hiện CTĐT đáp ứng được tốt hơn các yêu cầu tiêu chí, và có những thực hành tốt của CTĐT. Kiểm định viên cần so chiếu mục minh chứng gợi ý này trong quá trình nghiên cứu, kiểm tra minh chứng, đánh giá tính đầy đủ và phù hợp của minh chứng. Kiểm định viên cần thận trọng nghiên cứu kỹ tên minh chứng và nội dung các minh chứng mà CSĐT cung cấp trước khi yêu cầu CSĐT bổ sung thông tin hoặc minh chứng trong quá trình đánh giá ngoài.

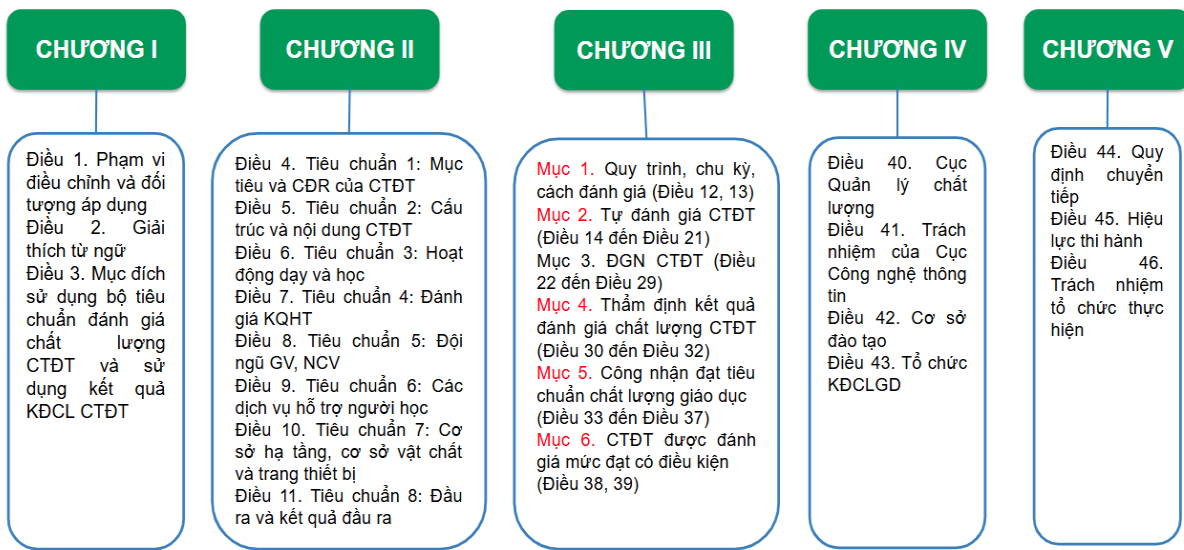
- Hướng dẫn định hướng nội dung trong báo cáo đánh giá ngoài, căn cứ để kiểm định viên nhận định về điểm mạnh, điểm tồn tại và đưa ra khuyến nghị cải tiến cho CTĐT. Để đưa ra các nhận định đánh giá, kiểm định viên cần thống nhất nguyên tắc về đánh giá dựa trên các nguyên lý phát triển CTĐT được thể hiện chi tiết trong phần giải thích và hướng dẫn từng yêu cầu của tiêu chí, đồng thời kiểm định viên cũng cần quan tâm tham chiếu thêm các văn bản quy định của pháp luật mà CSĐT có CTĐT được đánh giá cần tuân thủ. Kết hợp việc đánh giá căn cứ trên các hồ sơ minh chứng, các quan sát trải nghiệm thực tiễn và phỏng vấn các bên liên quan trong quá trình đánh giá ngoài để đưa ra các nhận định về chất lượng của CTĐT.

- Hướng dẫn bao gồm các công cụ hỗ trợ như biểu mẫu, bảng số liệu thống kê trong phần Cơ sở dữ liệu KĐCLGD CTĐT giúp kiểm định viên có thông tin tổng hợp về CTĐT, kiểm định viên cần nghiên cứu kỹ các thông tin, số liệu về CTĐT mà CSĐT cung cấp trong báo cáo tự đánh giá và minh chứng để phân tích, đối chiếu, tổng hợp thông tin trong quá trình đánh giá ngoài.

## PHẦN 2. GIỚI THIỆU TÓM TẮT VỀ BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ 04/2025/TT-BGDĐT

### 2.1. Giới thiệu tóm tắt về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

[Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH gồm có 05 Chương, 46 Điều quy định về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; quy trình thực hiện kiểm định và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH (sau đây gọi là CTĐT) được quy định tại Chương II với 08 điều (từ Điều 4 đến Điều 11) (Hình 1).



Hình 1. Cấu trúc tổng thể của [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH ban hành theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT gồm 08 tiêu chuẩn, 52 tiêu chí, trong đó có 10 tiêu chí điều kiện (Bảng 1). Ở Tiêu chuẩn 1 và Tiêu chuẩn 2, mỗi tiêu chuẩn có 02 tiêu chí điều kiện, 06 tiêu chuẩn còn lại mỗi tiêu chuẩn có 01 tiêu chí điều kiện.

Bảng 1. Tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH ban hành theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí
	<b>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (06 tiêu chí)</b>
1.	Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.
2.	Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí
3.	Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
4.	Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.
5.	Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.
6.	Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
<b>Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo (07 tiêu chí)</b>	
7.	Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.
8.	Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
9.	Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.
10.	Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
11.	Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.
12.	Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.
13.	Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.
<b>Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học (05 tiêu chí)</b>	
14.	Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.
15.	Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
16.	Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.
17.	Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.
18.	Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí
	<b>Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập (7 tiêu chí)</b>
19.	Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
20.	Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.
21.	Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.
22.	Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.
23.	Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
24.	Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.
25.	Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.
	<b>Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (8 tiêu chí)</b>
26.	Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.
27.	Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
28.	Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.
29.	Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.
30.	Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.
31.	Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.
32.	Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.
33.	Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí
<b>Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học (6 tiêu chí)</b>	
34.	Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
35.	Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chuẩn của vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.
36.	Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.
37.	Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập.
38.	Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học.
39.	Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.
<b>Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, CSVC và trang thiết bị (8 tiêu chí)</b>	
40.	Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.
41.	Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.
42.	Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
43.	Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.
44.	Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.
45.	Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có).
46.	Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.
47.	Tiêu chí 7.8: Chất lượng CSVC phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến.

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí
	<b>Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra (5 tiêu chí)</b>
48.	Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.
49.	Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. <b>(Tiêu chí điều kiện)</b>
50.	Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.
51.	Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.
52.	Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Nội dung của các tiêu chí được xây dựng có kế thừa Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH ban thành theo [Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT](#) gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí và tham khảo Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) phiên bản 4.0 gồm 08 tiêu chuẩn, 53 tiêu chí. Hình 2 dưới đây thể hiện tóm tắt so sánh bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT ban hành theo [Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) của Bộ GDĐT và Bộ tiêu chuẩn đánh giá cấp CTĐT của [AUN-QA Phiên bản 4.0](#).

STT	Thông tư 04/2016		Thông tư 04/2025		Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level Version 4.0	
	Tên tiêu chuẩn	Số lượng TC	Tên tiêu chuẩn	Số lượng TC	Tên tiêu chuẩn	Số lượng TC
1	1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3	1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	6	<b>1. Expected Learning Outcomes</b> 1. Kết quả học tập mong đợi	5
2	2. Bản mô tả CTĐT	3	2. Cấu trúc và nội dung CTĐT	7	<b>2. Programme Structure and Content</b> 2. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	7
3	3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	3				
4	4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3	3. Hoạt động dạy và học	5	<b>3. Teaching and Learning Approach</b> 3. Phương pháp dạy và học	6
5	5. Đánh giá kết quả học tập của người học	5	4. Đánh giá kết quả học tập	7	<b>4. Student Assessment</b> 4. Đánh giá kết quả học tập của người học	7
6	6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	7	5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	8	<b>5. Academic Staff</b> 5. Đội ngũ GV	8
7	7. Đội ngũ nhân viên	5				
8	8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	5	6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	6	<b>6. Student Support Services</b> 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	6
9	9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	5	7. Cơ sở hạ tầng, CSVC và trang thiết bị	8	<b>7. Facilities and Infrastructure</b> 7. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	9
10	10. Nâng cao chất lượng	6	{lồng ghép vào các tiêu chuẩn khác}			
11	11. Kết quả đầu ra	5	8. Đầu ra và kết quả đầu ra	5	<b>8. Output and Outcomes</b> 8. Đầu ra và kết quả đạt được	5
<b>Tổng số TC</b>	<b>50</b>		<b>52</b>		<b>53</b>	

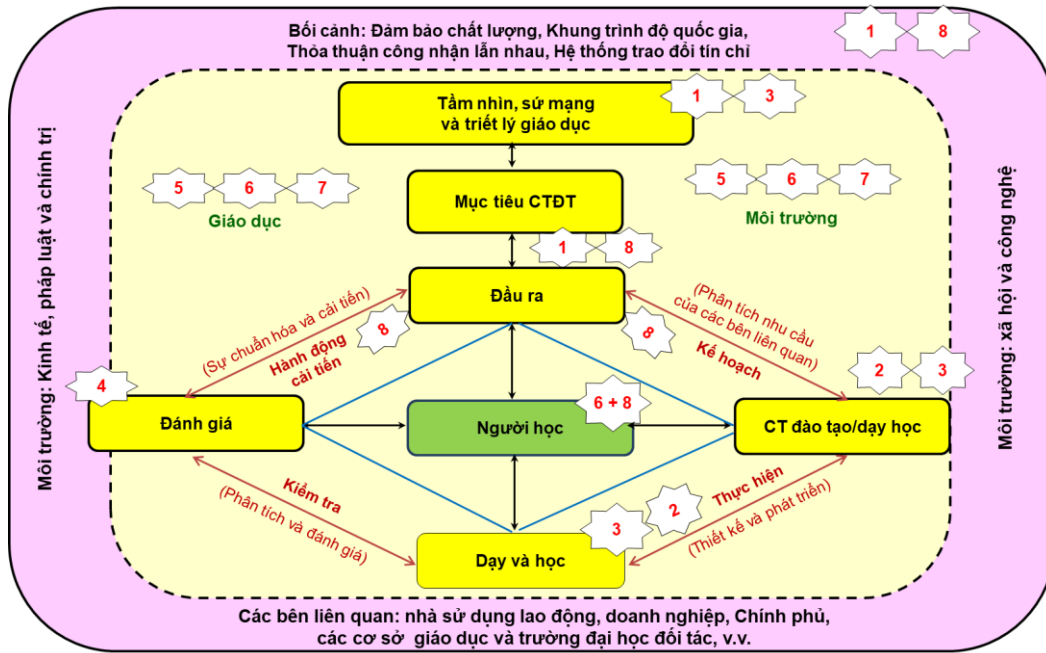
Hình 2. So sánh bộ tiêu chuẩn [Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) và Bộ tiêu chuẩn đánh giá cấp CTĐT của [AUN-QA Phiên bản 4.0](#)

Để hướng dẫn thực hiện đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH theo 08 tiêu chuẩn và 52 tiêu chí, Bộ GDĐT ban hành kèm theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) Phụ lục II Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT. Hướng dẫn trong Phụ lục II kèm theo Thông tư đã chi tiết yêu cầu của từng tiêu chí và gợi ý các minh chứng cần có để các CSĐT soi chiếu trong quá trình triển khai tự đánh giá và đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá CTĐT. Hình 3 tóm tắt một số thông số về Bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) và Phụ lục II Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT.



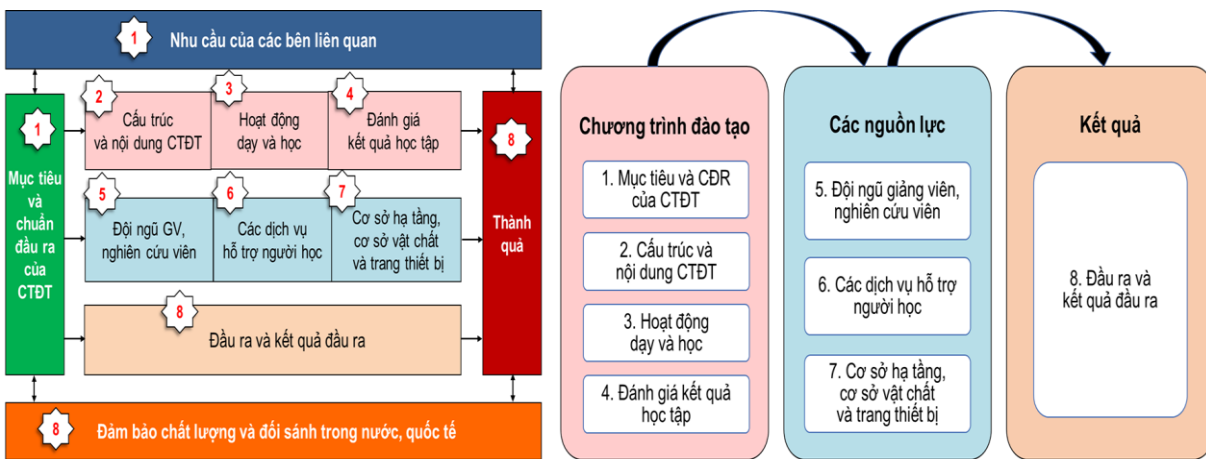
*Hình 3. Một số thông số về Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)*

Khung logic về BDCL CTĐT của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (Hình 4) thể hiện hệ thống BDCL CTĐT là hệ thống quản lý chất lượng toàn diện, trong đó CTĐT được đặt trong mối tương quan với bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội và các quy định pháp luật, nhu cầu của các bên liên quan, sự công nhận lẫn nhau theo các Khung trình độ quốc gia, sự phát triển của khoa học công nghệ và theo chu trình cải tiến chất lượng liên tục P-D-C-A. Theo đó, các CSĐT cần phân tích nhu cầu từ các bên liên quan, cập nhật xu hướng của bối cảnh, môi trường kinh tế - chính trị - xã hội, đối sánh cải tiến chất lượng liên tục để đảm bảo người học tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội.



Hình 4. Khung logic về bảo đảm chất lượng CTĐT theo các tiêu chuẩn

Phân chia theo nội dung CTĐT, các nguồn lực bảo đảm chất lượng (BĐCL) và đầu ra của CTĐT, Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH có cấu trúc gồm 3 khối, trong đó khối các tiêu chuẩn về xây dựng, thiết kế, triển khai CTĐT gồm 04 tiêu chuẩn (từ Tiêu chuẩn 1 đến Tiêu chuẩn 4); khối các tiêu chuẩn về các nguồn lực BĐCL thực hiện CTĐT gồm 03 tiêu chuẩn (từ Tiêu chuẩn 5 đến Tiêu chuẩn 7) và Tiêu chuẩn 8 thuộc khối kết quả đầu ra (Hình 5).



Hình 5. Cấu trúc Bộ tiêu chuẩn theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)

Các tiêu chí/nhóm tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn ban hành theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) được thiết kế logic, có liên quan đến nhau về nội hàm, các yêu cầu cần thực hiện để BĐCL về đầu vào, quá trình và đầu ra của CTĐT. Các CSĐT, tổ chức KĐCLGD, kiểm định viên khi sử dụng bộ tiêu chuẩn có thể tham chiếu bảng ma trận liên kết các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn (Bảng 2) để tự đánh giá, đánh giá ngoài.

Bảng 2. Ma trận liên hệ giữa các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn (Nguồn tham khảo: AUN-QA)

	1	2	3	4	5	6	7	8
1	1.1 1.2 1.3 1.4 1.5 1.6	2.1 2.2 2.3 2.4	3.2 3.3 3.4	4.1 4.4 4.5	5.3	6.3 6.4		8.4 8.5
2	1.1 1.2 1.3 1.4	2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6 2.7	3.2 3.3 3.4	4.1 4.2 4.3 4.4	5.3	6.3 6.4		8.4 8.5
3	1.1 1.2 1.3 1.4	2.1 2.2 2.4	3.1 3.2 3.3 3.4 3.5	4.1	5.3		7.1 7.2 7.3 7.4 7.5 7.6	8.5
4	1.1 1.2 1.3 1.4	2.1 2.2 2.4 2.5	3.1 3.2 3.3 3.5	4.1 4.2 4.3 4.4 4.5 4.6 4.7	5.3	6.3 6.4	7.5	8.5
5	1.1 1.2 1.3 1.5	2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6 2.7	3.1 3.2 3.3 3.4 3.5	4.1 4.2 4.3 4.4 4.5 4.6	5.1 5.2 5.3 5.4 5.5 5.6 5.7 5.8	6.3 6.4	7.1 7.2 7.3 7.4	8.3 8.4 8.5
6		2.1	3.1 3.2 3.3 3.4	4.1 4.2 4.3	5.3	6.1 6.2 6.3 6.4 6.5 6.6	7.1 7.2 7.3 7.4 7.5 7.6 7.7 7.8	8.3 8.4 8.5
7	1.5		3.2 3.3 3.4			6.2 6.3 6.6	7.1 7.2 7.3 7.4 7.5 7.6 7.7 7.8	8.3
8	1.5 1.6	2.1 2.5 2.6	3.2 3.3 3.4	4.2 4.3 4.6	5.2 5.3 5.7	6.4 6.5	7.1 7.2 7.3 7.4	8.1 8.2 8.3 8.4 8.5

## 2.2. Cách đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn và chương trình đào tạo

Điều 13, Mục I, Chương III [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) quy định về cách đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chuẩn và CTĐT. CTĐT được đánh giá theo 08 tiêu chuẩn và 52 tiêu chí.

### 2.2.1. Tiêu chí điều kiện

Tiêu chí điều kiện là tiêu chí có kết quả đánh giá bắt buộc phải ở mức “đạt” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), là điều kiện để CTĐT/tiêu chuẩn có tiêu chí điều kiện được xem xét đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. CTĐT được tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn và tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Chương II của [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#); trong đó các tiêu chí điều kiện bao gồm: Tiêu chí 1.3 và Tiêu chí 1.6 thuộc Tiêu chuẩn 1; Tiêu chí 2.2 và Tiêu chí 2.4 thuộc Tiêu chuẩn 2; Tiêu chí 3.2 thuộc Tiêu chuẩn 3; Tiêu chí 4.5 thuộc Tiêu chuẩn 4; Tiêu chí 5.2 thuộc Tiêu chuẩn 5; Tiêu chí 6.1 thuộc Tiêu chuẩn 6; Tiêu chí 7.3 thuộc Tiêu chuẩn 7; Tiêu chí 8.2 thuộc Tiêu chuẩn 8 (Bảng 3).

*Bảng 3. Bảng 10 tiêu chí điều kiện trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)*

TT	10 tiêu chí điều kiện
1.	Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.
2.	Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.
3.	Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.
4.	Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.
5.	Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
6.	Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
7.	Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.
8.	Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật.
9.	Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.
10.	Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

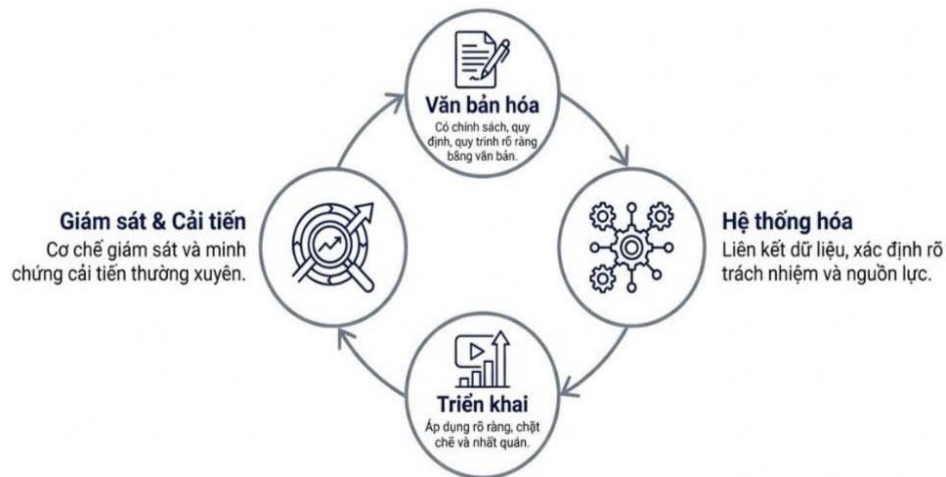
### 2.2.2. Đánh giá tiêu chí

Theo Điều 13, [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), mỗi tiêu chí được đánh giá theo 02 mức như sau:

a) Đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức đạt khi cơ sở đào tạo có **cách tiếp cận chính thức về BDCL**, có hệ thống và triển khai các hoạt động rõ ràng, chặt chẽ, nhất quán với chính sách/quy định/quy trình có liên quan để **bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí**; có minh chứng về một số cải tiến thường xuyên.

b) Không đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt khi cơ sở đào tạo không có cách tiếp cận chính thức về BDCL, không có hệ thống với các chính sách/quy định/quy trình phù hợp có liên quan để đáp ứng tiêu chí; hoặc có các chính sách/quy định/quy trình nhưng không được áp dụng nhất quán/chính thức để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí; không có minh chứng về sự cải tiến chất lượng.

Để đánh giá mức đạt tiêu chí, CSĐT cần nghiên cứu kỹ Điều 13, [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#) và cột 2 - cột Yêu cầu của tiêu chí trong Phụ lục II - [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), điều kiện cần để tiêu chí được đánh giá ở mức đạt là CTĐT đáp ứng tất cả các yêu cầu của tiêu chí.



Một cách tiếp cận chính thức đòi hỏi sự đồng bộ giữa: Chính sách → Triển khai → Giám sát → Cải tiến.

**Sự đồng bộ theo chu trình PDCA**

Hình 6. Mô tả tóm tắt về cách tiếp cận chính thức về bảo đảm chất lượng

### 2.2.3. Đánh giá tiêu chuẩn

Theo Điều 13, [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), mỗi tiêu chuẩn được đánh giá theo 02 mức như sau:

a) Đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt khi có không quá 02 tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt và các tiêu chí còn lại bao gồm tiêu chí điều kiện được đánh giá ở mức đạt.

b) Không đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức không đạt khi có tiêu chí điều kiện hoặc có trên 02 tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt.

### 2.2.4. Đánh giá chương trình đào tạo

Theo Điều 13, [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#), CTĐT được đánh giá theo 03 mức như sau:

a) Đạt: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt khi tất cả tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt.

b) Đạt có điều kiện: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt có điều kiện khi có không quá 02 tiêu chuẩn và 16 tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt. Để có kết quả đánh giá ở mức đạt, cơ sở đào tạo cần cải tiến chất lượng trong thời gian tối đa 24 tháng kể từ ngày CTĐT được tổ chức KĐCLGD công nhận đạt có điều kiện.

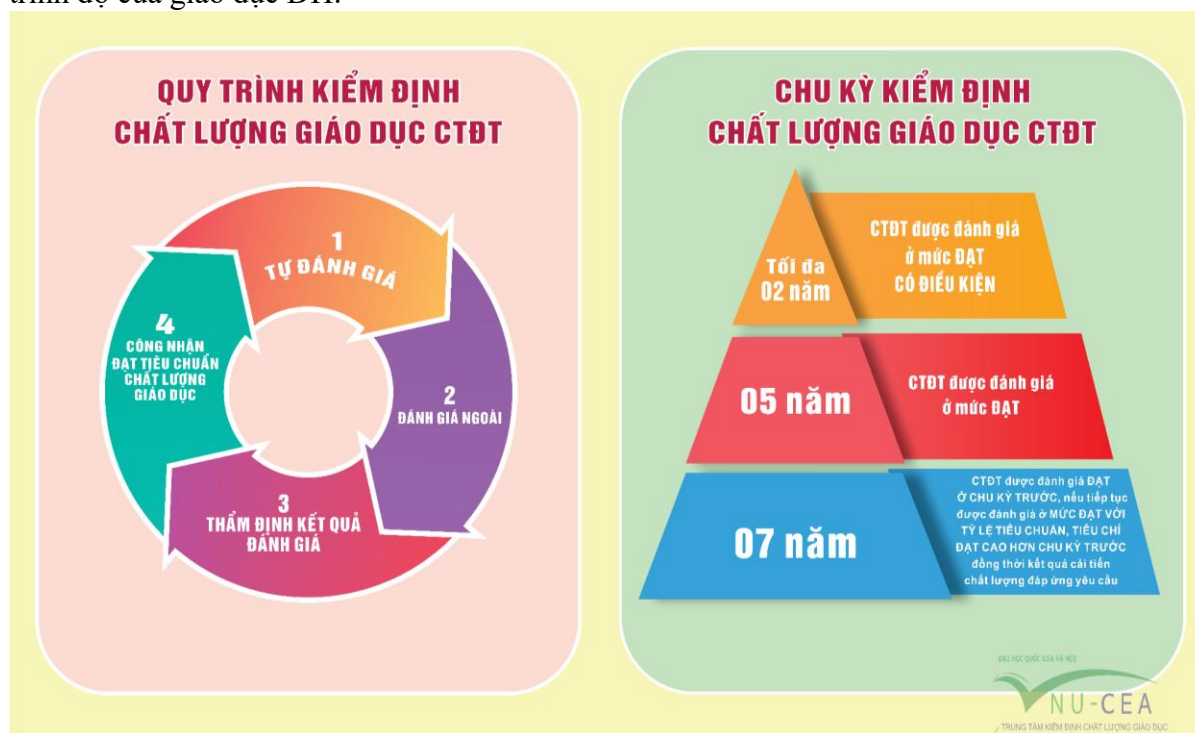
c) Không đạt: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức không đạt khi không đáp ứng quy định tại điểm a hoặc điểm b.

### 2.3. Giới thiệu tóm tắt về quy trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT được quy định tại Điều 12 [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Quy trình kiểm định chất lượng CTĐT gồm bốn bước:

- a) Tự đánh giá.
- b) Đánh giá ngoài.
- c) Thẩm định kết quả đánh giá.
- d) Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

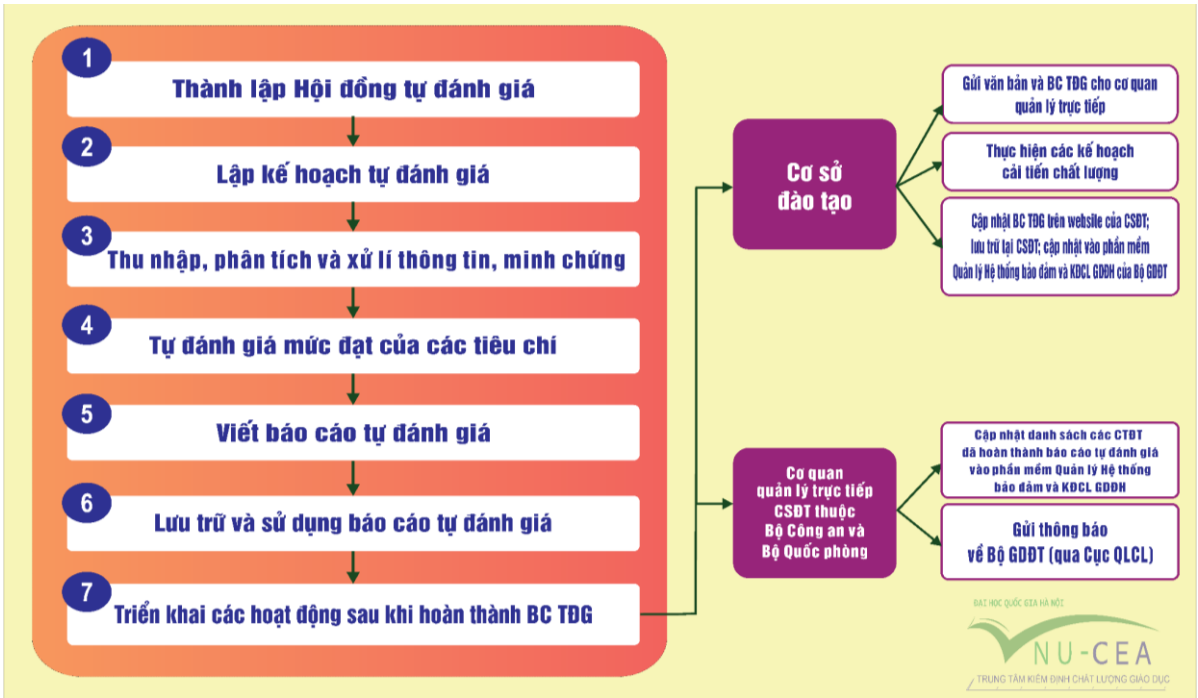
Hình 6 dưới đây là sơ đồ tóm tắt quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.



Hình 6. Sơ đồ quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT

#### 2.3.1. Quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo

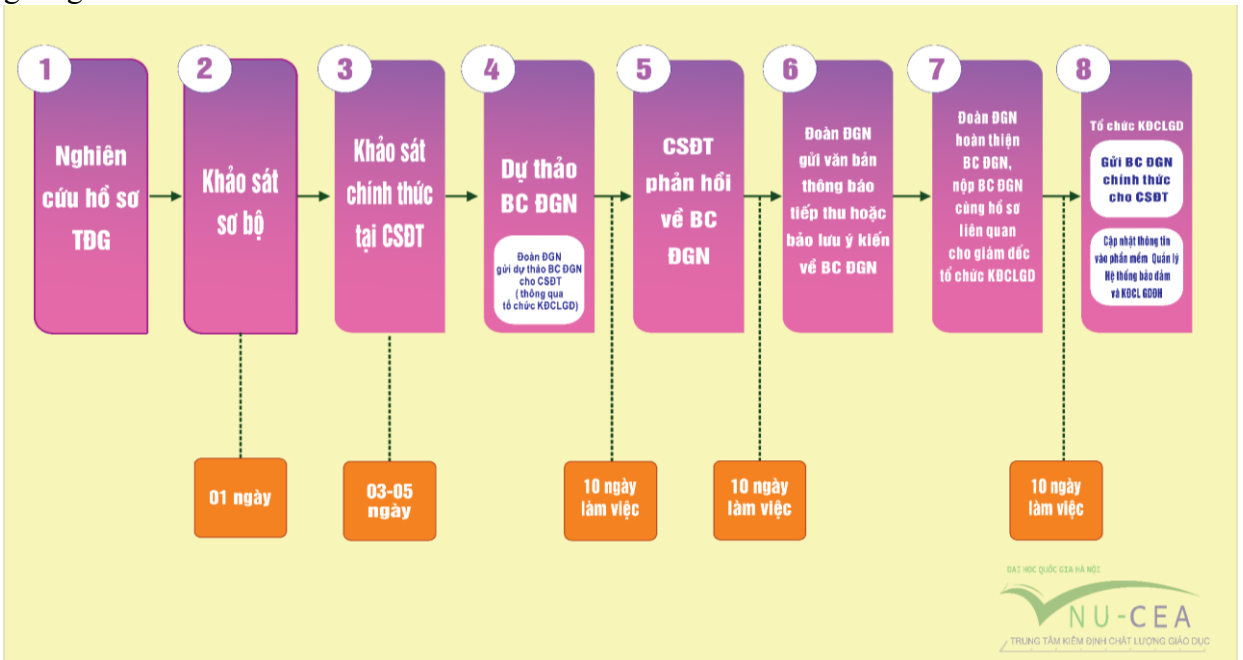
Quy trình tự đánh giá CTĐT được quy định tại Mục 2, Chương III (từ Điều 14 đến Điều 21) trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Hình 7 dưới đây là sơ đồ tóm tắt quy trình tự đánh giá CTĐT.



Hình 7. Sơ đồ quy trình tự đánh giá CTĐT

2.3.2. Quy trình đánh giá ngoài chương trình đào tạo

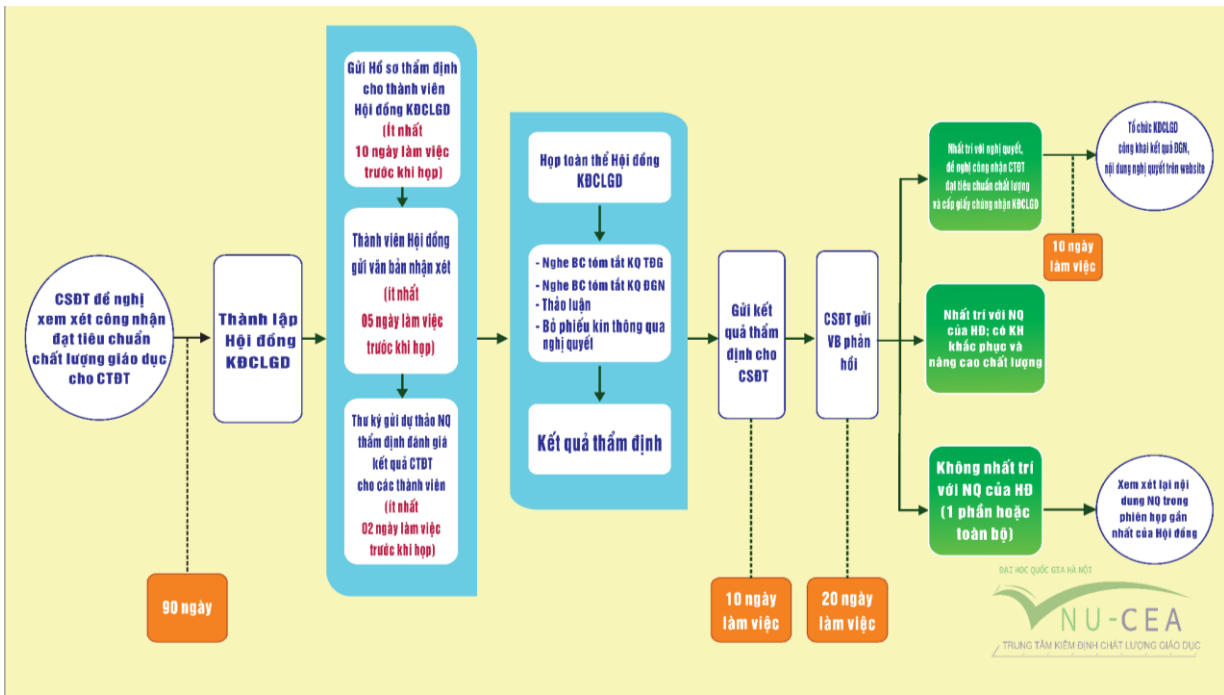
Quy trình đánh giá ngoài CTĐT được quy định tại Mục 3, Chương III (từ Điều 22 đến Điều 29) trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Hình 8 dưới đây là sơ đồ tóm tắt quy trình đánh giá ngoài CTĐT.



Hình 8. Sơ đồ quy trình đánh giá ngoài CTĐT

2.3.3. Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

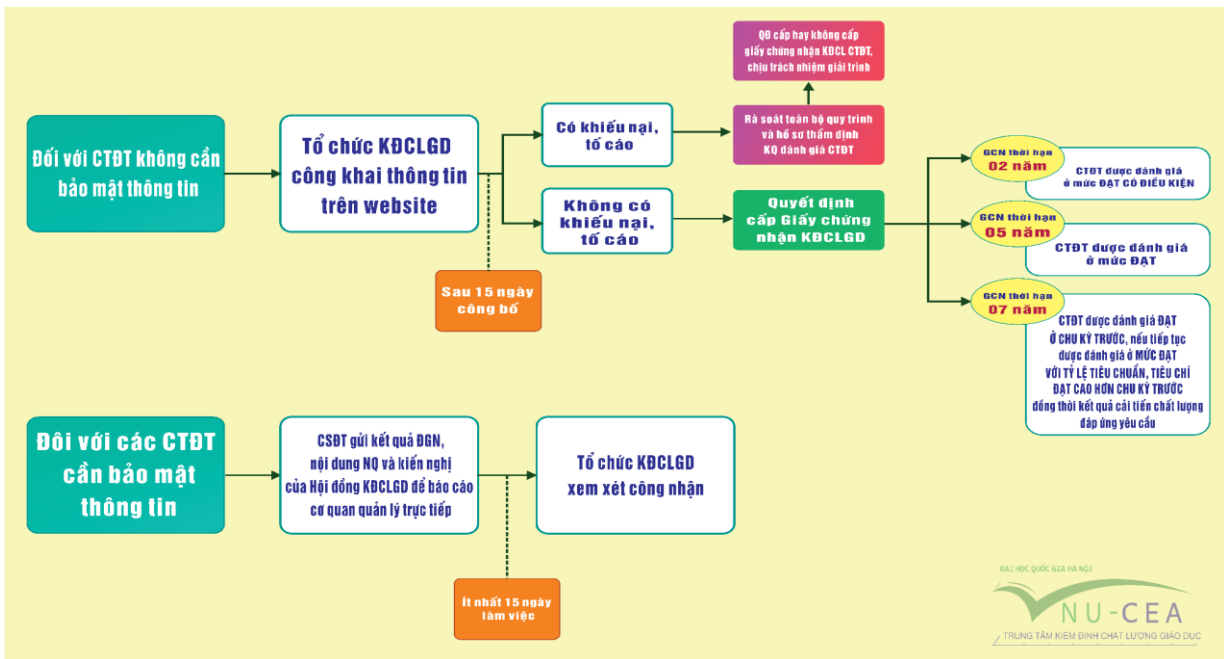
Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT được quy định tại Mục 4, Chương III (từ Điều 30 đến Điều 32) trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Hình 9 dưới đây là sơ đồ tóm tắt quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT.



Hình 9. Sơ đồ quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT

2.3.4. Quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo

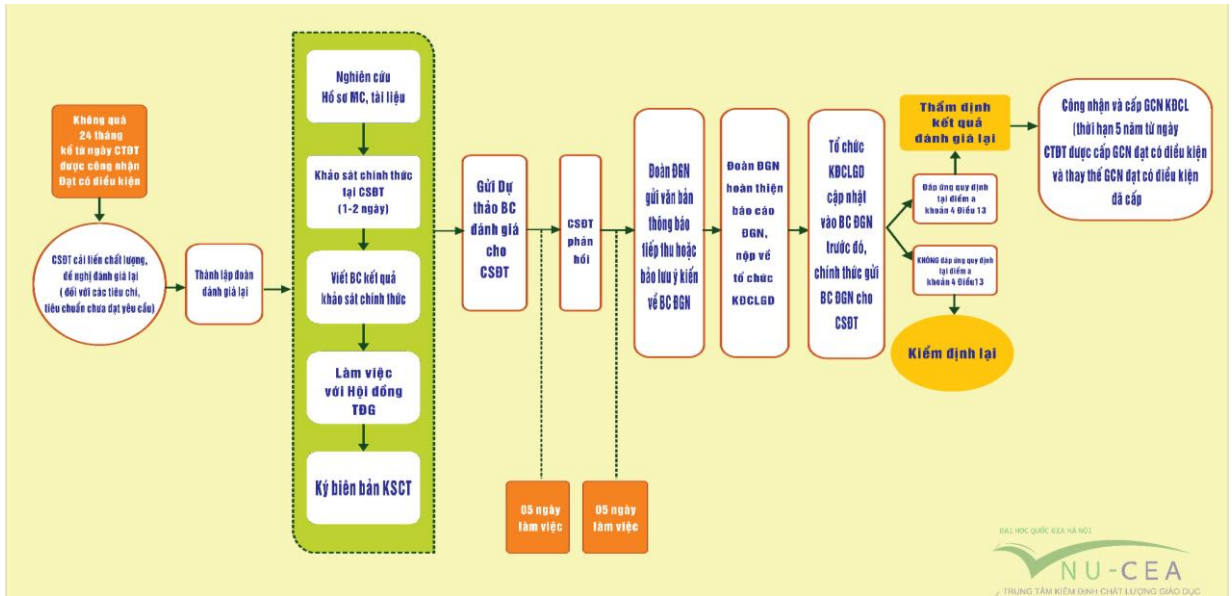
Quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT được quy định tại Mục 5, Chương III (từ Điều 33 đến Điều 37) trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Hình 10 dưới đây là sơ đồ tóm tắt quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT.



Hình 10. Sơ đồ quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT

2.3.5. Quy trình đánh giá lại chương trình đào tạo

Quy trình đánh giá lại CTĐT được quy định tại Mục 6, Chương III (Điều 38, 39) trong [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#). Hình 11 dưới đây là sơ đồ tóm tắt quy trình đánh giá lại CTĐT.



Hình 11. Sơ đồ quy trình đánh giá lại CTĐT

### PHẦN 3: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ

#### 3.1. TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.*

##### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 1.1

*a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.1.1<sup>1</sup>: Mục tiêu của CTĐT được phát biểu rõ ràng, nêu rõ kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực người học sẽ đạt được một vài năm sau khi tốt nghiệp (CTĐT trình độ đại học thời gian từ 1-3 năm sau tốt nghiệp; CTĐT ngành đặc thù có thể điều chỉnh thời gian theo quy định riêng của ngành), phù hợp với định hướng đào tạo của CTĐT.*

- Mục tiêu của CTĐT được phát biểu rõ ràng: Mục tiêu của CTĐT phải được tuyên bố bằng văn bản trong đó nêu rõ kỳ vọng về năng lực người học. Nội dung các phát biểu về mục tiêu của CTĐT thể hiện kỳ vọng về năng lực của người học phù hợp với từng CTĐT và các yêu cầu quy định trong chuẩn CTĐT (nếu có) sau khi tốt nghiệp từ 1-3 năm, hoặc khoảng thời gian sau tốt nghiệp theo quy định riêng của từng ngành đặc thù; năng lực người học có thể bao gồm các năng lực về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hoặc phẩm chất và năng lực mà người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp; nội dung mục tiêu của CTĐT phải mô tả rõ ràng những gì người học sẽ đạt được theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Mục tiêu của CTĐT phù hợp với định hướng đào tạo của CTĐT: Nội dung phát biểu về mục tiêu đào tạo của CTĐT cần đảm bảo phù hợp với định hướng đào tạo của CTĐT. Với các CTĐT trình độ ThS, cần thể hiện được định hướng đào tạo theo định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp. Với các CTĐT các trình độ khác, cần đảm bảo phù hợp với những định hướng khác do CTĐT hay CSĐT xác định.

*b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.1.2: Mục tiêu của CTĐT được xây dựng, rà soát và điều chỉnh có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan, trên cơ sở phân tích sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của CSĐT, mục tiêu đào tạo của Luật Giáo dục đại học.*

- Mục tiêu của CTĐT được xây dựng, rà soát, điều chỉnh có sự tham gia của các bên liên quan (bên liên quan): CSĐT định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT, bao gồm lập kế hoạch, triển khai lấy ý kiến, tổng hợp, phân tích và đánh giá để xây dựng và điều chỉnh mục tiêu của CTĐT.

- Mục tiêu của CTĐT đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của CSĐT: Nội dung các phát biểu về mục tiêu CTĐT cần thể hiện rõ tương thích và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của CSĐT.

---

<sup>1</sup> Yêu cầu 1.1.1 là nội hàm thứ nhất của Tiêu chí 1.1 theo nội dung ở cột 2, Phụ lục II - Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT kèm theo [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#).

- Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo của Luật Giáo dục ĐH: CTĐT cần tham chiếu mục tiêu đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH được quy định trong Điều 8 Luật Giáo dục ĐH và đảm bảo phù hợp với quy định này như sau:

a) Đào tạo trình độ ĐH nhằm trang bị cho người học nền tảng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực cơ bản trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, thực hành nghề nghiệp.

b) Đào tạo trình độ ThS nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thực hành nghề nghiệp của người học.

c) Đào tạo trình độ TS phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới, giải quyết vấn đề thực tiễn của người học.

Ngoài ra, CSĐT có thể tham chiếu các bộ tiêu chuẩn và yêu cầu về năng lực nghề nghiệp hoặc các tiêu chuẩn phù hợp khi xây dựng, rà soát và điều chỉnh mục tiêu của CTĐT.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 1.1**

- CSĐT đã ban hành những quy định, quy trình, hướng dẫn và công cụ nào để xây dựng và phát triển CTĐT? Việc xác định, rà soát và điều chỉnh mục tiêu CTĐT được quy định như thế nào?

- CSĐT đã thực hiện xây dựng mục tiêu CTĐT như thế nào? Đơn vị/cá nhân nào tham gia xây dựng mục tiêu của CTĐT? Mục tiêu của CTĐT được tuyên bố trong những văn bản nào? Các văn bản có thống nhất nội dung phát biểu về mục tiêu CTĐT không? Các văn bản này có được người có thẩm quyền ban hành chính thức không?

- Nội dung của mục tiêu của CTĐT có rõ ràng và cụ thể không? Với CTĐT trình độ ThS, mục tiêu này có thể hiện rõ định hướng đào tạo (nghiên cứu/ứng dụng/ Nghề nghiệp) không? Với các CTĐT các trình độ khác thì phù hợp như thế nào với định hướng đào tạo của CSĐT (ví dụ định hướng nghiên cứu, ứng dụng, chuẩn quốc tế, v.v.)?

- Trong giai đoạn đánh giá, CSĐT đã điều chỉnh mục tiêu của CTĐT bao nhiêu lần? Quy trình thực hiện như thế nào? Những bên liên quan nào chủ trì/tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT? Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan? Có phân tích sự phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của CSĐT cũng như với yêu cầu từ Luật Giáo dục ĐH không? Những đóng góp này đã được sử dụng để xác định hay điều chỉnh mục tiêu CTĐT như thế nào?

- CSĐT đã tham chiếu các bộ tiêu chuẩn và yêu cầu về năng lực nghề nghiệp hoặc các tiêu chuẩn phù hợp khi xây dựng, rà soát và điều chỉnh mục tiêu của CTĐT như thế nào?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 1.1**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- Các chủ trương, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS;

[Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024](#) sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.1**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về xây dựng, phát triển mục tiêu của CTĐT.

- Văn bản tuyên bố mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT; thể hiện rõ định hướng đào tạo (nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp).

- Minh chứng thể hiện tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn của CSĐT.

- Văn bản chính thức về chiến lược phát triển của CSĐT.

- Bảng đối sánh, phân tích mức độ phù hợp, gắn kết giữa mục tiêu của CTĐT với sứ mạng/sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của CSĐT, với mục tiêu của giáo dục ĐH tại Luật Giáo dục ĐH.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Bộ hồ sơ xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT (bao gồm báo cáo đối sánh mục tiêu CTĐT với các CTĐT trong nước/quốc tế hoặc với các yêu cầu/tiêu chuẩn của tổ chức nghề nghiệp hoặc các tiêu chuẩn phù hợp khác).

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.1**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả nội dung mục tiêu CTĐT - Trích dẫn mục tiêu của CTĐT phiên bản mới nhất. Nếu CTĐT có nhiều phiên bản được xây dựng/điều chỉnh trong chu kỳ đánh giá, mô tả ngắn gọn sự thay đổi và phát triển của mục tiêu CTĐT trong chu kỳ đánh giá. Mô tả sự rõ ràng của nội dung phát biểu về mục tiêu CTĐT, sự kỳ vọng năng lực mà người học sẽ đạt được sau tốt nghiệp từ 1-3 năm.

- Mô tả sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của CSĐT thông qua việc phân tích sự tương thích và phù hợp, phản ánh đặc trưng và thế mạnh của CSĐT; phù hợp với định hướng đào tạo đã xác định (nghiên cứu, ứng dụng, hoặc nghề nghiệp) với các CTĐT trình độ ThS hay các định hướng khác của CSĐT; đáp ứng nhu cầu nguồn nhân

lực của xã hội và thị trường lao động; tuân thủ các yêu cầu trong Luật Giáo dục ĐH và tương thích với xu thế phát triển ngành nghề trong nước và quốc tế.

- Mô tả quy trình cụ thể với các bước rõ ràng mà CTĐT thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng và rà soát mục tiêu của CTĐT. Mô tả ngắn gọn cách CTĐT tiếp thu ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng và rà soát mục tiêu của CTĐT.

- Đánh giá việc thực hiện mục tiêu CTĐT: CSĐT thu thập dữ liệu từ các bên liên quan về năng lực đạt được của NH sau từ 1-3 năm để đánh giá mức độ đạt được mục tiêu CTĐT so với kỳ vọng. Diễn giải cách CSĐT sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh mục tiêu hay cải tiến CTĐT (nếu CSĐT có triển khai).

***Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 1.2**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.2.1: CĐR của CTĐT được xây dựng, rà soát và điều chỉnh theo quy trình định trước, trong đó có sự tham gia của các bên liên quan.***

- CSĐT cần ban hành quy định/quy trình/hướng dẫn xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR: CSĐT cần có quy định về việc xây dựng CĐR của CTĐT, bao gồm các bước thực hiện rõ ràng, trách nhiệm của các bên tham gia, thời gian thực hiện, cơ chế phối hợp và hướng dẫn thực hiện. Quy định này thể hiện chu kỳ về việc rà soát và điều chỉnh CĐR. Quy định/quy trình/hướng dẫn này cần được ban hành chính thức và áp dụng thống nhất trong toàn CSĐT.

- CĐR của CTĐT được xây dựng, rà soát và điều chỉnh theo quy định/quy trình/hướng dẫn đã ban hành và có sự tham gia của các bên liên quan. Trong chu kỳ đánh giá, CSĐT định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT theo quy định; với mỗi lần rà soát CĐR, CSĐT cần lấy ý kiến và sử dụng ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh CĐR của CTĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.2.2: CĐR của CTĐT được phát biểu rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược của CSĐT.***

- CĐR được phát biểu rõ ràng: CĐR được xây dựng theo các nguyên tắc SMART (Specific - cụ thể, Measurable - có thể đo lường, Achievable - có thể đạt được, Relevant - phù hợp, Time-bound - có thời hạn) hoặc WISER (W - Work of the future - Gắn với công việc tương lai; I - Integrated constructive alignment - Tích hợp và liên kết kiến tạo; S - Significance và SMART - Có ý nghĩa và theo nguyên tắc SMART; E - Ecosystem perspective - Góc nhìn hệ sinh thái/các bên liên quan; R - Real-world learning - Gắn học tập với bối cảnh/thực tiễn) hay các nguyên tắc khác phù hợp.

- CĐR phù hợp với mục tiêu của CTĐT: CĐR thể hiện rõ ràng và nhất quán việc đạt được các mục tiêu của CTĐT. Cần có sự liên kết logic và nhất quán giữa từng CĐR với các mục tiêu tương ứng của CTĐT.

- CĐR phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược của CSĐT: Các phát biểu CĐR của CTĐT thể hiện rõ ràng sự đóng góp đạt được sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược đào tạo; thể hiện định hướng đào tạo (nghiên cứu, ứng dụng, nghề nghiệp) với các CTĐT trình độ ThS và các định hướng khác (nếu có).

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.2.3: CDR của CTĐT được phổ biến đến các bên liên quan; GV và người học hiểu rõ về CDR của CTĐT.**

- CDR được phổ biến đến các bên liên quan: CSĐT có kế hoạch, thực hiện phổ biến CDR đến các bên liên quan thông qua nhiều kênh khác nhau và phù hợp với từng bên liên quan; có đánh giá hiệu quả của công tác phổ biến và cải tiến hình thức phổ biến CDR.

- GV hiểu rõ về CDR: GV giải thích được CDR của CTĐT; GV có thể tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT; được tập huấn, hướng dẫn để hiểu rõ về CDR, từ đó thiết kế hoạt động giáo dục và đánh giá phù hợp để đảm bảo NH đạt được CDR.

- NH hiểu rõ về CDR: NH giải thích được CDR của CTĐT. NH có thể tham gia vào quá trình rà soát CDR, được thông tin đầy đủ về CDR thông qua nhiều kênh khác nhau, từ đó có thể chủ động học tập nhằm đạt được CDR sau khi tốt nghiệp.

**2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 1.2**

- CSĐT đã ban hành quy định, quy trình, hướng dẫn nào để xây dựng CDR của CTĐT? Quy trình này có các bước thực hiện cụ thể gì? Những bên liên quan nào đã tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát CDR? Hình thức và mức độ tham gia của từng bên như thế nào? CSĐT có tham chiếu đến các chuẩn quốc gia/quốc tế khi xây dựng CDR CTĐT không?

- Trong giai đoạn đánh giá, CSĐT đã rà soát và điều chỉnh CDR bao nhiêu lần? Lý do thực hiện mỗi lần điều chỉnh là gì? Có phân tích, so sánh giữa CDR mới và cũ không?

- CDR của CTĐT được phát biểu như thế nào? Các CDR có đáp ứng các nguyên tắc SMART hoặc WISER không? Nếu không thì theo nguyên tắc nào?

- CDR có phù hợp với mục tiêu CTĐT? Có phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của CSĐT không? Mức độ phù hợp như thế nào?

- CDR đã được phổ biến đến các bên liên quan bằng những hình thức nào? Hiệu quả của việc phổ biến như thế nào?

- GV có hiểu rõ về CDR không? CSĐT đã thực hiện những hoạt động nào để đảm bảo GV hiểu và vận dụng CDR trong giảng dạy? CSĐT làm thế nào để biết GV hiểu rõ về CDR?

- Người học có hiểu rõ về CDR không? CSĐT đã thực hiện những hoạt động nào để đảm bảo NH hiểu và tham chiếu CDR trong quá trình học tập?

**3. Gợi ý các văn bản tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 1.2**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.2**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về xây dựng, phát triển CĐR của CTĐT; xác định nguyên tắc xây dựng CĐR (SMART, WISER, v.v.).

- Văn bản công bố CĐR của CTĐT.
- Bản mô tả CTĐT.

- Bản đối sánh CĐR của CTĐT với mục tiêu của CTĐT, sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của CSĐT, với mục tiêu của giáo dục ĐH tại Luật Giáo dục ĐH.

- Website, các kênh truyền thông, tài liệu hội nghị, hội thảo, seminar có nội dung giới thiệu về CTĐT và CĐR của CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Bộ hồ sơ xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT, bao gồm minh chứng về sự tham gia của các bên liên quan.

- Tài liệu CSĐT tập huấn, hướng dẫn cho GV về xây dựng CĐR.
- Minh chứng khảo sát mức độ hiểu biết về CĐR của GV và NH.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.2**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả tóm tắt quy định/quy trình xây dựng và rà soát CĐR của CSĐT; mô tả quy trình với các bước thực hiện chính, trách nhiệm của từng bên liên quan tham gia, thời gian thực hiện và cơ chế phối hợp.

- Mô tả nội dung CĐR của CTĐT: nên trích dẫn đầy đủ các CĐR của CTĐT phiên bản mới nhất nếu CTĐT có nhiều phiên bản được xây dựng/điều chỉnh.

- Mô tả các CĐR của CTĐT được phát biểu rõ ràng theo nguyên tắc SMART hoặc WISER hay các nguyên tắc khác và CĐR được phân loại theo kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ hoặc phẩm chất và năng lực. Chỉ ra sự phù hợp giữa CĐR với các mục tiêu của CTĐT.

- Mô tả sự phù hợp của CĐR với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược của CSĐT: chỉ ra nội dung CĐR phản ánh sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của CSĐT, thể hiện định hướng đào tạo và đặc trưng của CSĐT.

- Mô tả các hình thức và kênh phổ biến CĐR đến các bên liên quan; đánh giá hiệu quả của các hoạt động phổ biến CĐR (nếu thực hiện).

- Mô tả và nhận định kết quả khảo sát (nếu có), đánh giá mức độ hiểu biết của GV và NH về CĐR.

**Tiêu chí 1.3 (Tiêu chí điều kiện): Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.**

### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 1.3

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.3.1: Trong quá trình xây dựng, rà soát CĐR, CTĐT có thực hiện việc phân tích sự phù hợp của CĐR với yêu cầu về năng lực của người học tốt nghiệp quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT nhóm ngành đào tạo và quy định hiện hành.**

- CSĐT ban hành quy định/quy trình/hướng dẫn xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR.

- Trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT, CSĐT cần:

+ Phân tích sự phù hợp của CĐR CTĐT với yêu cầu về năng lực của NH tốt nghiệp được quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở trình độ đào tạo tương ứng (ĐH, ThS, TS).

+ Phân tích sự phù hợp của CĐR CTĐT với quy định chuẩn CTĐT nhóm ngành đào tạo; CĐR của CTĐT cần không thấp hơn các yêu cầu của chuẩn CTĐT nhóm ngành.

+ Phân tích sự phù hợp của CĐR CTĐT với các yêu cầu theo quy định về đặc thù CTĐT và các quy định hiện hành khác hoặc các yêu cầu khác theo định hướng đào tạo của CSĐT; phân tích, đối sánh CĐR với các CTĐT trong nước/quốc tế hoặc với các yêu cầu của tiêu chuẩn của tổ chức KĐCLGD, tổ chức nghề nghiệp, xếp hạng (nếu có).

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.3.2: CĐR của CTĐT bao gồm các CĐR chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và CĐR chuyên biệt liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành.**

- CSĐT cần có các quy định, hướng dẫn cụ thể về cách thức xác định và phân loại CĐR, bao gồm CĐR chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và CĐR chuyên biệt của CTĐT liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành (nếu có).

- CĐR của CTĐT sau khi xây dựng phải thể hiện được các yêu cầu chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và các yêu cầu chuyên biệt liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành.

- CSĐT đối chiếu CĐR CTĐT để hướng đến đạt CĐR chung, tối thiểu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; tham chiếu yêu cầu về CĐR CTĐT theo quy định của [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) và của chuẩn CTĐT (nếu có) để hướng đến việc đáp ứng yêu cầu chuyên biệt của ngành, chuyên ngành.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 1.3

- CSĐT có ban hành các quy định/hướng dẫn về xây dựng, rà soát CĐR CTĐT không? Có quy định cụ thể về cách thức xác định và phân loại CĐR không? Cách phân loại có bao gồm CĐR chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và CĐR chuyên biệt liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành hay không?

- CSĐT có phân tích sự phù hợp của từng CĐR với yêu cầu về năng lực của NH tốt nghiệp được quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở trình độ đào tạo tương ứng không?

- Nội dung của từng CĐR của CTĐT có phù hợp và có đảm bảo không thấp hơn yêu cầu quy định tại chuẩn CTĐT khối ngành và các yêu cầu tại quy định theo đặc thù CTĐT hiện hành khác (nếu có) hay không? Có phù hợp với các định hướng đào tạo khác của CSĐT hay không? (ví dụ: vị trí trong các bảng xếp hạng, chuẩn nghề nghiệp, v.v.).

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 1.3

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

## 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.3

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Các quy định, hướng dẫn liên quan được tham chiếu khi xây dựng, vận hành và phát triển CĐR của CTĐT.

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về xây dựng, phát triển CĐR của CTĐT.

- Văn bản công bố CĐR của CTĐT.

- Bảng phân loại các CĐR và CĐR chuyên biệt của CTĐT.

- Quy trình xây dựng, phát triển CĐR của CTĐT có thể hiện các bước đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn CTĐT nhóm ngành.

- Phân tích, đối sánh mức độ phù hợp, gắn kết giữa CĐR của CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở trình độ đào tạo cụ thể của CTĐT.

- Báo cáo phân tích từng CĐR chung và chuyên biệt đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan bên trong, các bên liên quan bên ngoài<sup>2</sup>.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Bộ hồ sơ xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT các phiên bản trong giai đoạn đánh giá.
- Báo cáo đối sánh CĐR với các CTĐT trong nước/quốc tế hoặc với các yêu cầu của tiêu chuẩn của tổ chức KĐCLGD, tổ chức nghề nghiệp, xếp hạng.

**5. Hướng dẫn nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.3**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về việc ban hành quy định/quy trình/hướng dẫn xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR. Trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT, CSĐT đã thực hiện:

+ Phân tích sự phù hợp của CĐR CTĐT với yêu cầu về năng lực của NH tốt nghiệp được quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở trình độ đào tạo tương ứng (ĐH, ThS, TS).

+ Phân tích sự phù hợp của CĐR CTĐT với quy định chuẩn CTĐT nhóm ngành đào tạo; CĐR của CTĐT cần không thấp hơn các yêu cầu của chuẩn CTĐT nhóm ngành.

+ Phân tích sự phù hợp của CĐR CTĐT với các yêu cầu theo quy định về đặc thù CTĐT và các quy định hiện hành khác hoặc các yêu cầu khác theo định hướng đào tạo của CSĐT; phân tích, đối sánh CĐR với các CTĐT trong nước/quốc tế hoặc với các yêu cầu của tiêu chuẩn của tổ chức KĐCLGD, tổ chức nghề nghiệp, xếp hạng (nếu có).

- Mô tả CSĐT có các quy định, hướng dẫn cụ thể về cách thức xác định và phân loại CĐR, bao gồm CĐR chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và CĐR chuyên biệt của CTĐT liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành (nếu có). CĐR của CTĐT sau khi xây dựng thể hiện được các yêu cầu chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và các yêu cầu chuyên biệt liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành.

- Mô tả CSĐT đối chiếu CĐR CTĐT để hướng đến đạt CĐR chung, tối thiểu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; tham chiếu yêu cầu về CĐR CTĐT theo quy định của [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) và của chuẩn CTĐT (nếu có) để hướng đến việc đáp ứng yêu cầu chuyên biệt của ngành, chuyên ngành (nếu có).

***Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.***

**1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 1.4**

---

<sup>2</sup> Bên liên quan bên trong: “Các bên liên quan của cơ sở đào tạo gồm có bên liên quan bên trong: người học, giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có), kỹ thuật viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý và các tổ chức, cá nhân liên quan khác của cơ sở đào tạo; bên liên quan bên ngoài: cựu người học, người học tiềm năng, gia đình người học, nhà sử dụng lao động, các hội nghề nghiệp, chuyên gia, doanh nghiệp, đối tác, nhà tài trợ, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác” (khoản 15, Điều 2, [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)).

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.4.1: CSĐT có văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR của học phần; bảo đảm việc GV có năng lực và tham gia xây dựng CĐR của học phần.**

- CSĐT cần ban hành các quy định/quy trình/hướng dẫn cụ thể để xây dựng CĐR của từng HP, bảo đảm CĐR của HP đáp ứng nguyên tắc SMART hoặc nguyên tắc khác. Quy trình xây dựng CĐR của HP cần đảm bảo CĐR đo lường được, đồng thời đảm bảo mức độ CĐR của HP đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT là rõ ràng.

- CSĐT cần đảm bảo GV có năng lực xây dựng CĐR của HP thông qua: tuyển chọn, phân công GV tham gia xây dựng CĐR; tăng cường nhiều hình thức khác nhau để bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV về xây dựng CĐR CTĐT và CĐR HP (các khóa tập huấn và/hoặc cung cấp tài liệu tài liệu hướng dẫn chi tiết, mẫu biểu, công cụ hỗ trợ GV; cố vấn chuyên môn hay chia sẻ kinh nghiệm, v.v.).

- CSĐT đảm bảo GV tham gia giảng dạy cho CTĐT tham gia xây dựng CĐR của các HP.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.4.2: GV của CTĐT tham gia vào quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, CĐR của học phần.**

- CSĐT cần ban hành các quy định/quy trình/hướng dẫn cụ thể để xây dựng và điều chỉnh CTĐT, CĐR của HP; xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của GV CTĐT tham gia vào quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, CĐR của HP.

- CSĐT cần đảm bảo GV của CTĐT tham gia vào quá trình xây dựng và rà soát CTĐT, CĐR của HP. Ngoài ra, CSĐT có thể đánh giá năng lực GV thông qua việc tham gia xây dựng, điều chỉnh CTĐT, CĐR của HP.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.4.3: CĐR của từng học phần được phát biểu rõ ràng và đo lường được; thể hiện sự tương thích với CĐR của CTĐT.**

- CĐR của từng HP được phát biểu rõ ràng, thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ, trách nhiệm hay phẩm chất và năng lực theo tiếp cận nhất quán của CTĐT.

- CĐR của từng HP được phát biểu rõ ràng, cụ thể, đảm bảo đo lường được theo nguyên tắc SMART hoặc các nguyên tắc khác phù hợp với quy định/hướng dẫn của CSĐT.

- CĐR của từng HP thể hiện mức độ đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT, bao gồm đảm bảo từng CĐR của HP góp phần vào việc đạt được một hoặc một vài CĐR của CTĐT. Sự tương thích của CĐR HP với CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận liên kết giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT.

**2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 1.4**

- CSĐT đã ban hành những văn bản quy định/hướng dẫn nào về xây dựng và điều chỉnh CTĐT, CĐR của HP? Nhiệm vụ và trách nhiệm GV của CTĐT tham gia vào quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, CĐR của HP được quy định như thế nào?

- Quy trình xây dựng CĐR của HP được triển khai thực hiện như thế nào?

- CSĐT đã làm gì để đảm bảo GV có năng lực xây dựng và rà soát CĐR của HP?

- GV có được bồi dưỡng, tập huấn về xây dựng và điều chỉnh CTĐT và CĐR của HP hay không? Nội dung tập huấn là gì? Số lượng GV được tập huấn?

- GV của CTĐT tham gia vào quá trình xây dựng và rà soát CTĐT, CĐR của HP như thế nào?

- CĐR của mỗi HP được phát biểu như thế nào; có rõ ràng và có thể đo lường được không? Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT và CĐR của HP, CSĐT đã áp dụng những phương thức gì để đảm bảo các HP đóng góp vào CĐR của CTĐT?

- CSĐT theo dõi, đánh giá năng lực, trách nhiệm của GV trong việc tham gia xây dựng và điều chỉnh CTĐT và CĐR của HP như thế nào?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 1.4

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.4

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về xây dựng, phát triển CĐR của HP.
- Bản mô tả CTĐT có ma trận liên kết giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT có thể hiện mức độ đóng góp của từng CĐR của HP đến các CĐR của CTĐT.
- Đề cương chi tiết học phần có ma trận liên kết giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT.
- Văn bản trình bày sự tương thích/mối liên hệ giữa CĐR của bài học và CĐR của HP.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Tài liệu tập huấn, hướng dẫn cho GV về xây dựng và rà soát CĐR; danh sách GV được tập huấn hay các minh chứng khác về năng lực của GV khi xây dựng CĐR của HP.

- Minh chứng về sự tham gia của GV vào quá trình xây dựng CTĐT: biên bản họp, danh sách phân công GV, ý kiến đóng góp của GV/sản phẩm của cá nhân GV khi tham gia.

- Minh chứng thể hiện CSĐT có đánh giá năng lực, trách nhiệm của GV trong việc tham gia xây dựng và điều chỉnh CTĐT và CĐR của HP.

- Hồ sơ xây dựng, điều chỉnh CTĐT.

### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.4**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả chi tiết các quy định/quy trình/hướng dẫn đã được ban hành liên quan đến xây dựng, điều chỉnh CTĐT và CĐR của HP, các bước thực hiện và trách nhiệm của GV.

- Mô tả các hoạt động CSĐT đã thực hiện để đảm bảo GV có năng lực trong việc xây dựng CĐR của HP, bao gồm lựa chọn GV tham gia, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ, v.v. Thống kê số lượng và tỷ lệ GV được tập huấn và đánh giá hiệu quả của các hoạt động này thông qua việc rà soát, cập nhật CTĐT và ĐCCTHP.

- Mô tả cách thức và mức độ tham gia của GV vào quá trình xây dựng, rà soát CTĐT và CĐR của HP. Đánh giá chất lượng đóng góp của GV và những cải tiến đã được thực hiện trong quá trình thiết kế, rà soát CTĐT và ĐCCTHP.

- Mô tả khái quát cấu trúc và nội dung CĐR của một số HP trong CTĐT (thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, v.v.). Phân tích tính rõ ràng, cụ thể và khả năng đo lường của các CĐR này. Sử dụng các ví dụ cụ thể để minh họa cách thức xây dựng CĐR theo các nguyên tắc khoa học (ví dụ nguyên tắc SMART).

- Mô tả ma trận liên kết giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT, thể hiện mức độ từng HP đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Mô tả mức độ đóng góp của CĐR một số HP vào CĐR CTĐT thuộc các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành để minh họa.

- Mô tả sự tương thích giữa CĐR của HP với CĐR CTĐT, xác định những điểm mạnh và các biện pháp đã thực hiện để khắc phục sự chông chéo hoặc thiếu sót của CĐR HP trong việc đạt được CĐR của CTĐT.

***Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài.***

#### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 1.5**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.5.1: Quá trình xây dựng CĐR của CTĐT có thu thập và sử dụng ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên liên quan bên ngoài.***

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ thu thập ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên liên quan bên ngoài trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT; có phân công trách nhiệm của bộ phận/cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thu thập ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT.

- CSĐT thực hiện thu thập và sử dụng ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên ngoài trong quá trình xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT; nội dung và hình thức thu thập ý kiến các bên liên quan phù hợp với từng đối tượng.

- Ý kiến đóng góp của các bên liên quan (đặc biệt cả các bên liên quan bên ngoài) đã được CSĐT phân tích, tổng hợp và sử dụng để xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.5.2: Việc xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR được thực hiện có hệ thống.**

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ để xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT.

- CSĐT có phân công trách nhiệm của bộ phận/cá nhân liên quan chịu trách nhiệm xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT.

- CSĐT phân tích và sử dụng ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR CTĐT.

### **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 1.5**

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ dẫn việc thu thập, xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT không?

- CSĐT có phân công trách nhiệm của bộ phận/cá nhân liên quan chịu trách nhiệm việc thu thập, xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT không?

- CSĐT đã thu thập ý kiến của các bên liên quan nào để xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT?

- CSĐT sử dụng những phương pháp nào để thu thập ý kiến của các bên liên quan? Có các bên liên quan bên ngoài nào tham gia vào quá trình xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT?

- Chất lượng thông tin thu thập được từ các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài như thế nào? Các ý kiến tập trung vào những vấn đề gì?

- Quy trình phân tích và xử lý ý kiến của các bên liên quan như thế nào? Các ý kiến đóng góp của các bên liên quan giúp CSĐT cải tiến CĐR nói riêng và cải tiến CTĐT như thế nào?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 1.5**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Các tiêu chuẩn nghề nghiệp quốc gia hoặc quốc tế liên quan đến ngành đào tạo.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.5**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về xây dựng, phát triển CĐR của CTĐT và CĐR của HP.
- Cơ sở dữ liệu (CSDL) về VTVL của ngành đào tạo và của NH tốt nghiệp từ CTĐT.
- Cách thức tiếp thu, tổng hợp nhu cầu các bên liên quan, đặc biệt từ các bên liên quan bên ngoài: nhà sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Hồ sơ lấy ý kiến các bên liên quan (kế hoạch thu thập ý kiến từ các bên liên quan bên trong và bên ngoài; phiếu khảo sát, bảng hỏi, mẫu phỏng vấn được sử dụng để thu thập ý kiến các bên liên quan; biên bản các cuộc họp, hội thảo, workshop với sự tham gia của các bên liên quan; danh sách và thông tin liên hệ của các nhà sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp đã tham gia đóng góp ý kiến; báo cáo khảo sát về tình hình việc làm của cựu người học; Báo cáo tổng hợp và phân tích ý kiến từ các bên liên quan; các biên bản họp có liên quan thể hiện phân tích, tiếp thu/không tiếp thu ý kiến các bên liên quan để xây dựng, cải tiến CĐR của CTĐT, v.v.).

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.5**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.5, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ thu thập ý kiến, xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên liên quan bên ngoài trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT (việc điều chỉnh các văn bản quy định nếu có).

- Mô tả việc phân công trách nhiệm của bộ phận/cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thu thập ý kiến, xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT.

- Mô tả CSĐT triển khai thực hiện thu thập, xác định, phân tích và sử dụng ý kiến của các bên liên quan bên trong và bên ngoài trong quá trình xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT; nhấn mạnh sự phù hợp về nội dung và hình thức thu thập ý kiến các bên liên quan cho từng đối tượng.

- Mô tả ý kiến đóng góp của các bên liên quan (đặc biệt cả các bên liên quan bên ngoài) đã được CSĐT phân tích, tổng hợp và sử dụng để xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT. Mô tả tóm tắt nội dung CĐR đã được xây dựng và điều chỉnh dựa dựa trên kết quả lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là từ nhà sử dụng lao động và tổ chức nghề nghiệp. Đưa ra các ví dụ cụ

thể về việc điều chỉnh CĐR để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động và xã hội, kèm theo kế hoạch cải tiến.

***Tiêu chí 1.6 (Tiêu chí điều kiện): Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 1.6**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.6.1: CSĐT/CTĐT xác lập và triển khai một cách nhất quán quy trình/phương pháp đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Phương pháp và dữ liệu thu thập phản ánh mức độ đạt CĐR của người học tại thời điểm tốt nghiệp.***

- CSĐT/CTĐT cần có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đo lường mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT. Văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ cần thể hiện cách tiếp cận đo lường đánh giá CĐR; thời điểm và chu kỳ đo lường đánh giá (mỗi học kỳ/năm học/khóa học); phương pháp và hình thức đo lường đánh giá; cách thức thu thập, phân tích kết quả, v.v. đảm bảo tính hệ thống, nhất quán trong toàn bộ quá trình đào tạo.

- CSĐT xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các đơn vị/cá nhân liên quan; triển khai đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT.

- CSĐT/CTĐT bảo đảm phương pháp và dữ liệu thu thập có độ tin cậy, tính giá trị, kết quả đo lường đánh giá phản ánh mức độ đạt CĐR của NH tại thời điểm tốt nghiệp; phương pháp và dữ liệu thu thập phù hợp với cách tiếp cận đo lường đánh giá CĐR của CSĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.6.2: Phương pháp thu thập dữ liệu đo lường mức độ đạt được CĐR đa dạng; GV dạy CTĐT tham gia vào hoạt động đo lường mức độ đạt CĐR.***

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu đa dạng để đo lường mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT thông qua việc thu thập từ hoạt động đánh giá trực tiếp (kết quả học tập, thực hành, bài tập, đề án, khóa luận, luận văn/luận án, v.v.) và đánh giá gián tiếp (khảo sát người học, phản hồi từ nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên, chuyên gia, v.v.).

- CSĐT có kế hoạch, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ và hướng dẫn cho GV của CTĐT thực hiện đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT.

- GV của CTĐT thực hiện đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT theo quy định/hướng dẫn và có báo cáo về mức độ đạt CĐR của NH theo phân công.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 1.6.3: CSĐT thiết lập kế hoạch hành động, các hoạt động để cải tiến mức độ đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT, giám sát kế hoạch cải tiến.***

- CSĐT có dữ liệu và kết quả đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT. Từ các thông tin, kết quả đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT, CSĐT thiết lập kế hoạch hành động để cải tiến mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT.

- CSĐT thiết lập hệ thống giám sát các kế hoạch cải tiến: CSĐT phân công trách nhiệm cho đơn vị/cá nhân theo dõi định kỳ việc thực hiện kế hoạch; xem xét sự thay đổi của tỷ lệ NH đạt CĐR của HP và CĐR của CTĐT sau khi triển khai các hoạt động cải tiến; đề xuất biện pháp cải tiến tiếp theo để nâng cao chất lượng CTĐT.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 1.6**

- CSĐT có văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT không? Văn bản có được cập nhật không?

- Đơn vị/cá nhân/GV nào chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng hệ thống và thực hiện đo lường mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT? Quy định có thể hiện rõ cách tiếp cận, thời điểm và chu kỳ đo lường, phương pháp đo lường mức độ đạt CĐR cho từng CĐR của CTĐT không? Quy định thể hiện cách thức thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu như thế nào?

- CSĐT có xây dựng kế hoạch triển khai đo lường mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT không? Kế hoạch được triển khai thực hiện như thế nào?

- Đơn vị/cá nhân/GV thực hiện đo lường mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT như thế nào?

- CSĐT sử dụng những phương pháp nào để đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT, việc thu thập dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR thông qua đánh giá trực tiếp và/hoặc đánh giá gián tiếp được triển khai như thế nào?

- CSĐT có quy định, hướng dẫn GV/các bên tham gia đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT không? mức độ tham gia của GV như thế nào?

- CSĐT có dữ liệu và kết quả đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT tại thời điểm tốt nghiệp đáng tin cậy không? CSĐT sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng như thế nào?

- CSĐT có thiết lập kế hoạch và thực hiện để cải thiện mức độ NH đạt được CĐR của HP và CTĐT? CSĐT thiết lập hệ thống giám sát các kế hoạch cải tiến như thế nào?

## **3. Các văn bản pháp lý cần tham chiếu Tiêu chí 1.6**

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực do Bộ GDĐT ban hành (nếu có).

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.6**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 1.6 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về hoạt động NH đánh giá mức độ đạt CĐR của HP và CTĐT.

- Kế hoạch triển khai đo lường mức độ đạt CĐR của NH; có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia; phương thức triển khai.

- Cách thức giám sát, đo lường mức độ NH đạt được các CĐR ở cấp học phần và cấp CTĐT cho đến thời điểm tốt nghiệp.

- Kết quả đo lường, đánh giá CĐR học phần, CĐR CTĐT.

- Minh chứng cho thấy hoạt động đánh giá đạt CĐR được thực hiện định kỳ (theo quy định/theo khóa NH tốt nghiệp), được đối sánh và sử dụng làm cơ sở cho giải pháp/hoạt động cải tiến chất lượng đối với CĐR của CTĐT/CSĐT.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

Minh chứng về điều chỉnh quy trình, phương pháp đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT; đánh giá tính hiệu quả, tác động của việc đo lường đánh giá CĐR.

#### **5. Hướng dẫn các nội dung mô tả Tiêu chí 1.6 trong báo cáo tự đánh giá**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 1.6, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả CSĐT/CTĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT trong đó: cách tiếp cận đo lường đánh giá CĐR; thời điểm và chu kỳ đo lường đánh giá (mỗi học kỳ/năm học/khoá học); phương pháp và hình thức đo lường đánh giá; cách thức thu thập, phân tích kết quả đảm bảo tính hệ thống, nhất quán trong toàn bộ quá trình đào tạo.

- Mô tả sự đa dạng của các phương pháp đo lường và đánh giá CĐR, việc triển khai thu thập dữ liệu trực tiếp và/hoặc gián tiếp để đo lường đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của HP và mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT. Mô tả cách thức CSĐT giám sát việc đo lường mức độ NH đạt được các CĐR ở cấp HP và cấp CTĐT cho đến thời điểm tốt nghiệp.

- Mô tả việc CSĐT thiết lập hệ thống giám sát các kế hoạch cải tiến gồm: phân công trách nhiệm cho đơn vị/cá nhân theo dõi định kỳ việc thực hiện kế hoạch; xem xét sự thay đổi của tỷ lệ/mức độ NH đạt CĐR của HP và CĐR của CTĐT sau khi triển khai các hoạt động cải tiến; đề xuất biện pháp cải tiến làm cơ sở cho việc phát triển CTĐT.

### 3.2. TIÊU CHUẨN 2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.**

#### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 2.1

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.1.1: Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần có đủ thông tin; thể hiện các phương thức đào tạo của CTĐT; đáp ứng các quy định có liên quan tới các phương thức đào tạo của CTĐT.**

- CSĐT có văn bản quy định/hướng dẫn thiết kế bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP kèm theo biểu mẫu cụ thể.

- Bản mô tả CTĐT có đủ thông tin tối thiểu mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc CTĐT, ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT, tóm tắt nội dung chính của các HP, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT, điều kiện tốt nghiệp, ngày tháng ban hành/điều chỉnh bản mô tả CTĐT ([Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)). Ngoài ra, CSĐT có thể bổ sung thông tin về chuẩn đầu vào/điều kiện tuyển sinh; hình thức, phương thức và thời gian đào tạo; tình trạng KĐCL của CTĐT; lộ trình thực hiện CTĐT; các thông tin khác theo các yêu cầu của chuẩn CTĐT (nếu có), v.v. CSĐT có thể ban hành bản mô tả CTĐT gồm phiên bản đầy đủ hoặc phiên bản tóm tắt phù hợp cho các bên liên quan khác nhau.

- ĐCCTHP có đủ thông tin: Thông tin chung (tên HP, mã HP, số tín chỉ, số giờ (lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, thảo luận, v.v.), loại HP, các yêu cầu khác (HP tiên quyết, học trước, song hành, các yêu cầu đối với người học); thông tin GV giảng dạy HP; mô tả tóm tắt HP; CĐR của HP; ma trận liên kết giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần; nội dung chi tiết HP có liên kết với CĐR HP, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, phân bổ thời lượng dạy - học; học liệu (bắt buộc và tham khảo). Ngoài ra, có thể có các thông tin khác về HP theo quy định của CSĐT.

- Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP cần thể hiện rõ về phương thức đào tạo như: (i) niên chế hay tín chỉ, (ii) trực tiếp, từ xa, trực tuyến/hoặc kết hợp, tập trung, liên thông hoặc các phương thức đào tạo khác (nếu có); và thể hiện sự tuân thủ các quy định liên quan tới phương thức đào tạo (bao gồm thời gian đào tạo, yêu cầu về CSVC, đội ngũ GV, phương pháp đánh giá phù hợp, v.v.).

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.1.2: Bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP được cập nhật.**

- CSĐT có quy định/hướng dẫn về việc rà soát, đánh giá, cập nhật thường xuyên/định kỳ bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP.

- Bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP được cập nhật theo quy định, kế hoạch của CSĐT.

- Các vấn đề được cập nhật trong bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP dựa trên kết quả rà soát, đánh giá CTĐT và những vấn đề mới có liên quan.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.1.3: Bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP được phê duyệt, được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.**

- Trong giai đoạn đánh giá, các phiên bản bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của CTĐT được phê duyệt bởi lãnh đạo CSĐT hoặc người được ủy quyền phù hợp.

- Bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan nhất là NH dễ dàng tiếp cận. CSĐT cần đánh giá mức độ tiếp cận Bản mô tả CTĐT để có các điều chỉnh phù hợp.

- Các kênh thông tin công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP có thể bao gồm website của CSĐT hoặc đơn vị đào tạo; tài liệu in; hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. CSĐT có thể ban hành các phiên bản bản mô tả CTĐT (tiếng Việt/tiếng nước ngoài) cho các đối tượng khác nhau như: phiên bản đầy đủ cho cán bộ quản lý, GV và NH; phiên bản tóm tắt cho nhà sử dụng lao động, phụ huynh và học sinh trung học muốn tìm hiểu thông tin chung về CTĐT. ĐCCTHP được cung cấp và giới thiệu đến NH để sử dụng là tài liệu cho quá trình học tập.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 2.1**

- CSĐT đã quy định/hướng dẫn/quy trình xây dựng, biểu mẫu bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP (bao gồm quy định về chu kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật) như thế nào?

- Trong giai đoạn đánh giá, bản mô tả CTĐT có bao nhiêu phiên bản? Nội dung bản mô tả thể hiện như thế nào? Cấp có thẩm quyền nào phê duyệt, ban hành?

- Trong giai đoạn đánh giá, CTĐT có bao nhiêu phiên bản CTĐT kèm theo ĐCCTHP? Nội dung ĐCCTHP được thể hiện như thế nào? Cấp có thẩm quyền nào phê duyệt, ban hành?

- CSĐT công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP theo các hình thức nào để bảo đảm tính công khai và khả năng tiếp cận phù hợp cho các bên liên quan?

- CSĐT thực hiện kiểm tra, giám sát việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP như thế nào để đảm bảo tính đầy đủ, cập nhật.

- Người học và các bên liên quan tiếp cận thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP bằng những hình thức nào, vào thời điểm nào trong quá trình đào tạo? CSĐT đánh giá như thế nào về mức độ thuận tiện, rõ ràng và hữu ích của thông tin về CTĐT trong bản mô tả CTĐT? Phản hồi của NH và các bên liên quan được thu thập và sử dụng như thế nào để cải tiến chất lượng thông tin bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP đã được công bố?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 2.1**

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.

- Quy chế tuyển sinh các trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.
- Các quy chế, quy định liên quan đến các phương thức đào tạo (từ xa, liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.).
- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.1**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Các bản mô tả CTĐT (gồm phiên bản đầy đủ, phiên bản tóm tắt phù hợp cho các bên liên quan khác nhau) trong giai đoạn đánh giá.
- Văn bản hướng dẫn thiết kế/phát triển CTĐT/ĐCCTHP kèm theo biểu mẫu cụ thể.
- Kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT.
- Các quyết định ban hành/phê duyệt bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP.
- Đường dẫn website và các hình thức công bố khác mà CSĐT/đơn vị đào tạo đã sử dụng để công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP đến các bên liên quan phù hợp theo quy định pháp luật.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- ĐCCTHP của tất cả HP trong CTĐT (các phiên bản trong giai đoạn đánh giá).
- Biên bản các cuộc họp có nội dung rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.1**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định cần kèm theo các mã minh chứng):

- Mô tả CSĐT có văn bản trong đó quy định/hướng dẫn thiết kế bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP kèm theo biểu mẫu cụ thể. Việc cập nhật các văn bản quy định/hướng dẫn thiết kế bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP.

- Mô tả việc triển khai xây dựng, cập nhật bản mô tả CTĐT theo quy định/hướng dẫn/quy trình của CSĐT. Số lượng các phiên bản bản mô tả CTĐT được ban hành. Mô tả các thông tin chính trong các bản mô tả CTĐT phiên bản mới nhất (liệt kê các đề mục thông tin có trong bản mô tả CTĐT). Tóm lược những nội dung, thông tin cập nhật, điều chỉnh của phiên bản sau so với phiên bản trước. Mô tả các hình thức công bố công khai bản mô tả CTĐT. Đánh giá sự phù hợp, tính hiệu quả của các hình thức công khai bản mô tả CTĐT cho các bên liên quan khác nhau.

- Mô tả việc triển khai xây dựng, cập nhật ĐCCTHP theo quy định/hướng dẫn/quy trình của CSĐT. Số lượng các phiên bản CTĐT kèm theo ĐCCTHP được ban hành. Mô tả các thông tin chính trong ĐCCTHP phiên bản mới nhất (liệt kê các đề mục thông tin có trong ĐCCTHP). Tóm lược những nội dung, thông tin cập nhật, điều chỉnh của phiên bản sau so với phiên bản trước. Mô tả các hình thức công bố công khai ĐCCTHP. Đánh giá sự phù hợp, tính hiệu quả của các hình thức công khai ĐCCTHP cho các bên liên quan khác nhau.

**Tiêu chí 2.2 (Tiêu chí điều kiện): Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.**

### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 2.2

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.2.1: CTĐT được thiết kế và phát triển bảo đảm có lộ trình giúp người học đạt được CĐR.**

- CSĐT có quy định/hướng dẫn/quy trình thiết kế và phát triển CTĐT dựa trên CĐR (bao gồm việc phân tích yêu cầu CĐR của CTĐT; lựa chọn/phân nhiệm các HP theo yêu cầu CĐR của CTĐT; xác định CĐR của HP phù hợp với CĐR của CTĐT; xác định nội dung dạy học, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu của CĐR của HP và CĐR của CTĐT).

- Các thành phần, HP của CTĐT được phân bổ, sắp xếp theo tiến trình hợp lý về thời gian, phù hợp với khả năng học tập của người học; các thành phần của CTĐT thể hiện sự liên kết và bổ trợ lẫn nhau bảo đảm giúp người học hình thành và đạt được CĐR.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.2.2: CTĐT có khối lượng học tập phù hợp với quy định.**

- CSĐT có quy định/hướng dẫn thiết kế khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi thành phần hoặc của mỗi HP trong CTĐT.

- Khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT (tổng số tín chỉ) phải phù hợp với yêu cầu trong [Khung trình độ quốc gia Việt Nam](#), quy định tại [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#), quy định về chuẩn CTĐT và các quy định khác liên quan theo yêu cầu đặc thù của ngành đào tạo (nếu có).

- Khối lượng học tập của CTĐT theo quy định tại [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) (giới định mức mỗi tín chỉ) đảm bảo yêu cầu của Bộ GDĐT, trong đó một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.2.3: GV tham gia giảng dạy học phần hiểu và áp dụng được ma trận các môn học hoặc học phần với CĐR của CTĐT.**

- CSĐT cần có quy định/quy trình/hướng dẫn thiết kế ma trận liên kết giữa HP/môn học với CĐR của CTĐT (sau đây gọi là học phần - HP).

- GV hiểu rõ quy trình và tham gia vào quá trình thiết kế ma trận HP với CĐR của CTĐT theo quy định của CSĐT. GV hiểu rõ vai trò và vị trí của HP trong lộ trình giúp người học đạt được các CĐR của CTĐT.

- GV tham gia giảng dạy HP có khả năng xác định CĐR của HP phù hợp với CĐR của CTĐT; áp dụng được ma trận liên kết HP với CĐR của CTĐT để thiết kế nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, giúp NH đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT.

### 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 2.2

- CSĐT quy định/hướng dẫn/quy trình về thiết kế CTĐT theo CĐR như thế nào?

- Cấu trúc CTĐT thể hiện tiến trình thực hiện các HP, tính logic và khả năng hỗ trợ giữa các thành phần, HP nhằm đảm bảo người học hình thành và đạt được CĐR như thế nào?

- Khối lượng học tập của CTĐT, của từng thành phần kiến thức và của từng HP trong CTĐT được quy định như thế nào? Khối lượng học tập của CTĐT đáp ứng khối lượng học tập theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT và các quy định hiện hành như thế nào?

- Khối lượng học tập của mỗi thành phần trong CTĐT và HP đảm bảo các quy định của Bộ GDĐT, của CSĐT và các quy định liên quan như thế nào? (Ví dụ: quy định về định mức giờ học tập theo tín chỉ trong CTĐT).

- CSĐT có hướng dẫn, tổ chức các hoạt động tập huấn để GV biết cách thiết kế CTĐT/ĐCCTHP theo yêu cầu CĐR của CTĐT không? Mức độ hiểu và áp dụng của GV như thế nào?

- CSĐT đã làm gì để đảm bảo GV giảng dạy các HP hiểu rõ vai trò và vị trí của HP giảng dạy trong lộ trình giúp người học đạt được các CĐR của CTĐT?

- GV tham gia giảng dạy HP xác định và bảo đảm sự phù hợp giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT như thế nào?

- GV đã áp dụng ma trận liên kết HP với CĐR CTĐT trong thiết kế nội dung HP, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá như thế nào để hỗ trợ người học đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 2.2**

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).

- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.

- Các quy chế, quy định liên quan đến các phương thức đào tạo (từ xa, liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.).

- Các quy định khác của các Bộ Ngành liên quan (Bộ Y tế, v.v.).

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.2**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP được phê duyệt.

- Ma trận phân nhiệm các CĐR của CTĐT cho tất cả các HP thuộc CTĐT thể hiện sự thiết kế, phát triển bảo đảm NH đạt được các CĐR.

- Bảng trình bày mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT với phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá.

- Kế hoạch giảng dạy toàn khóa học.
- Bản đối sánh khối lượng học tập của CTĐT với quy định tại quy chế đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Phương pháp xác định khối lượng học tập các HP và của CTĐT bảo đảm NH hình thành, tích lũy năng lực theo CĐR của CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Biên bản các cuộc họp chuyên môn, hội đồng khoa học đào tạo ... về việc xây dựng, rà soát cấu trúc CTĐT.
- Tài liệu tập huấn GV, thảo luận chuyên môn về thiết kế và triển khai HP gắn với yêu cầu CĐR của CTĐT.
- Hướng dẫn của CSĐT về cách thức GV tham gia giảng dạy CTĐT sử dụng ma trận liên kết các HP với CĐR của CTĐT để thiết kế ĐCCTHP, nêu rõ cách thức GV chuyển tải CĐR của CTĐT vào CĐR của HP, xác định nội dung dạy học, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu CĐR của HP và CĐR của CTĐT.

**5. Hướng dẫn mô tả nội dung Tiêu chí 2.2 trong báo cáo tự đánh giá**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các văn bản của CSĐT quy định về thiết kế CTĐT dựa trên CĐR.
- Mô tả tổng thể về cấu trúc CTĐT (khối lượng học tập, các khối kiến thức, v.v.), khung CTĐT bao gồm số lượng các HP, số tín chỉ của HP, vai trò hoặc mức đóng góp của HP với CĐR của CTĐT, học kỳ dự kiến tổ chức HP.
- Mô tả cách thức sắp xếp các thành phần, HP trong CTĐT theo tiến trình tăng dần độ chuyên sâu, sự liên kết logic, tích hợp và bổ trợ giữa các thành phần, HP nhằm đảm bảo người học hình thành và đạt được CĐR.
- Mô tả các hoạt động tập huấn/bồi dưỡng CSĐT đã thực hiện nhằm giúp GV biết cách thiết kế ma trận HP với CĐR của CTĐT, thiết kế ĐCCTHP phù hợp với CĐR của CTĐT.
- Mô tả mức độ GV tham gia vào quá trình thiết kế ma trận HP với CĐR của CTĐT, cách thức GV tham gia giảng dạy thiết kế ĐCCTHP, chuyển tải CĐR của CTĐT vào các nội dung của ĐCCTHP. Có thể lấy ví dụ một phần nội dung của một HP để chứng minh GV am hiểu và áp dụng được ma trận các HP với CĐR của CTĐT.

***Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.***

**1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 2.3**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.3.1: Cấu trúc và nội dung của CTĐT được thiết kế và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài.***

- CSĐT cần có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài): quy định và quy trình về việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu

của các bên liên quan trong việc thiết kế và phát triển CTĐT; phân công tổ chức/cá nhân thực hiện; công cụ, nguồn lực triển khai thực hiện; thời gian, thời điểm thực hiện; kế hoạch triển khai; cơ sở dữ liệu, phân tích kết quả, báo cáo và sử dụng kết quả, lưu trữ; cơ chế giám sát đánh giá, cải tiến hiệu quả hệ thống thu thập thông tin.

- CSĐT cần có dữ liệu, báo cáo phân tích kết quả thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, các kết quả được phân tích sử dụng cho việc điều chỉnh cấu trúc và nội dung CTĐT.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.3.2: Thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài, kết quả đối sánh với các CTĐT khác được sử dụng để thiết kế và phát triển cấu trúc và nội dung của CTĐT.**

- CSĐT có thực hiện tham chiếu/đối sánh quy định về cấu trúc CTĐT quy định tại [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#), quy định về chuẩn CTĐT (nếu có) và các quy định khác có liên quan.

- CSĐT có phân tích các thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài theo mức độ quan trọng, khả thi và phù hợp với định hướng đào tạo; sử dụng các thông tin về yêu cầu và nhu cầu phù hợp của các bên liên quan để thiết kế và phát triển cấu trúc và nội dung của CTĐT.

- CSĐT có thực hiện đối sánh<sup>3</sup> và phân tích kết quả đối sánh với các CTĐT tương tự ở các trường uy tín trong nước và/hoặc quốc tế; xem xét, lựa chọn các kết quả đối sánh để thiết kế và phát triển cấu trúc và nội dung của CTĐT.

- Cấu trúc và nội dung của CTĐT (giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, NCKH và các thành phần khác) được thiết kế và phát triển dựa trên yêu cầu của bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài và kết quả đối sánh với các CTĐT tương tự ở các trường uy tín trong nước và quốc tế.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.3.3: Cấu trúc và nội dung của CTĐT phản ánh mục tiêu và định hướng đào tạo của CTĐT.**

- Cấu trúc và nội dung của CTĐT phải đảm bảo tính toàn diện trong phát triển năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người học được xác định trong mục tiêu của CTĐT, đồng thời mỗi khối kiến thức và nhóm HP có đóng góp rõ ràng vào việc đạt được các mục tiêu cụ thể, tạo nên sự liên kết logic giữa cấu trúc, nội dung với mục tiêu CTĐT đã tuyên bố.

- Cấu trúc và nội dung của CTĐT phải được thiết kế phù hợp với định hướng đào tạo của CSĐT, tham chiếu mục tiêu CTĐT theo quy định hiện hành trong chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực, mục tiêu đào tạo đối với các CTĐT trình độ đại học, CTĐT chuyên sâu đặc thù, CTĐT song ngành, ngành chính - ngành phụ, CTĐT ThS (định hướng nghiên cứu, ứng dụng), CTĐT TS, v.v.

---

<sup>3</sup> “Đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh các yếu tố/hoạt động của một cơ sở đào tạo/một chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo/chương trình đào tạo khác được lựa chọn nhằm cải tiến chất lượng” (khoản 12, Điều 2 [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)).

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 2.3

- CSĐT có quy trình cụ thể và hệ thống thu thập thông tin phản hồi để thu thập và sử dụng phản hồi của các bên liên quan trong việc thiết kế CTĐT không? Quy trình và hệ thống này được thực hiện như thế nào?

- Những phản hồi chính từ các bên liên quan bên ngoài (như nhà sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp) về cấu trúc và nội dung CTĐT là gì? Các phản hồi này đã được phân tích, sử dụng như thế nào trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT?

- CSĐT có thực hiện đối sánh CTĐT với các chương trình tương tự trong nước và quốc tế không? Kết quả đối sánh được áp dụng như thế nào trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT?

- Cấu trúc và nội dung hiện tại của CTĐT (bao gồm các HP và nội dung chi tiết HP) có phản ánh các phản hồi từ bên liên quan không? Có những điều chỉnh nào đã được thực hiện?

- Có sự nhất quán giữa mục tiêu CTĐT với cấu trúc và nội dung thực tế của chương trình không?

- Cấu trúc và nội dung CTĐT có thể hiện rõ định hướng đào tạo (nghiên cứu/ứng dụng/ngành nghề nghiệp) không?

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 2.3

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).

- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.

- Các quy chế, quy định liên quan đến các phương thức đào tạo (từ xa, liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.).

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

## 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.3

**Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):**

- Văn bản của CSĐT hướng dẫn, quy định, quy trình và kế hoạch thiết kế và phát triển CTĐT.

- Quy định và quy trình của CSĐT về việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

- Bản tổng hợp và tiếp thu các ý kiến đánh giá nhận xét, nhu cầu của các bên liên quan về CDR, cấu trúc và nội dung của CTĐT.

- Phiếu/dữ liệu/báo cáo khảo sát; kế hoạch triển khai, biên bản họp/báo cáo phân tích kết quả thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan.

- Bản tổng hợp và tiếp thu các ý kiến chuyên môn về đào tạo trực tuyến đối với cấu trúc và nội dung đào tạo trực tuyến trong CTĐT; biên bản kiểm tra, thí điểm về cấu trúc và nội dung đào tạo trực tuyến trong CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Báo cáo/bảng đối sánh với các CTĐT tương tự trong nước và quốc tế.
- Ma trận thể hiện mối liên hệ giữa cấu trúc CTĐT với mục tiêu và định hướng đào tạo.
- Biên bản các cuộc họp thiết kế và phát triển CTĐT có sự tham gia của các bên liên quan.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.3**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả quy định/quy trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của bên liên quan (đặc biệt bên liên quan bên ngoài) để thiết kế/điều chỉnh CTĐT; mô tả tần suất/số lần thực hiện trong chu kỳ đánh giá; phương thức thu thập thông tin phản hồi (khảo sát, phỏng vấn, hội thảo), kết quả phân tích thông tin phản hồi và chuyển đổi thành các yêu cầu thiết kế, phát triển CTĐT và thống kê tỷ lệ/số lượng ý kiến được tiếp thu và tác động cụ thể đến CTĐT (bổ sung/loại bỏ HP, điều chỉnh nội dung, thay đổi phương pháp giảng dạy).

- Mô tả quy định/quy trình đối sánh với các CTĐT khác; mô tả tần suất/số lần thực hiện trong chu kỳ đánh giá; kết quả đối sánh và những cải tiến về cấu trúc và nội dung CTĐT dựa trên kết quả đối sánh (học tập kinh nghiệm tốt, bổ sung nội dung, điều chỉnh cấu trúc).

- Mô tả cấu trúc và nội dung CTĐT hiện tại: phân bổ tín chỉ/tỷ lệ % cho các thành phần của CTĐT: giáo dục đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, NCKH, tự chọn; giải thích cơ sở xác định tỷ lệ và nội dung (dựa trên phản hồi bên liên quan, quy định của pháp luật, kết quả đối sánh). So sánh cấu trúc và nội dung hiện tại với các phiên bản trước đó để thể hiện sự phát triển.

- Mô tả sự phù hợp mỗi khối kiến thức/nhóm HP đóng góp cụ thể vào mục tiêu cụ thể và chứng minh tất cả mục tiêu đều được hỗ trợ đầy đủ; mô tả tiến trình phát triển năng lực logic từ kiến thức nền tảng đến chuyên sâu và ứng dụng, giải thích cách các thành phần (lý thuyết, thực hành, thực tập, nghiên cứu) bổ trợ lẫn nhau để đạt mục tiêu tổng thể.

- Mô tả cấu trúc, nội dung của CTĐT trên cơ sở tham chiếu với yêu cầu định hướng đào tạo quy định tại chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT đối với CTĐT (ĐH, CTĐT chuyên sâu đặc thù, CTĐT song ngành, ngành chính - ngành phụ, CTĐT ThS, CTĐT TS).

***Tiêu chí 2.4 (Tiêu chí điều kiện): Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.***

**1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 2.4**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.4.1: Đóng góp của từng học phần để đạt được CĐR của CTĐT là phù hợp và rõ ràng.***

- CSĐT cần có văn bản hướng dẫn rõ ràng về cách thức xác định mức đóng góp của HP để đạt CĐR của CTĐT. Mức đóng góp của từng HP để đạt CĐR của CTĐT do CSĐT quy định đảm bảo sự phù hợp và rõ ràng.

- Mỗi HP của CTĐT đều được xác định mức đóng góp cụ thể và phù hợp để NH đạt được một hoặc một số CĐR của CTĐT theo quy định của CSĐT. Trên cơ sở mức độ đóng góp của HP vào CĐR của CTĐT, thời lượng, nội dung và các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá của HP được phân bổ đảm bảo tương thích, phù hợp.

- CSĐT cần có ma trận liên kết HP với CĐR của CTĐT; CĐR của CTĐT được phân bổ và truyền tải phù hợp vào trong CĐR các HP.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.4.2: CTĐT có sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng học phần để đạt được CĐR của CTĐT trong quá trình xây dựng/rà soát/cập nhật.***

- CSĐT cần có văn bản quy định/hướng dẫn/công cụ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng HP để đạt được CĐR.

- Trong quá trình xây dựng/rà soát/cập nhật CTĐT, CSĐT có kế hoạch và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng HP để đạt được CĐR của CTĐT; có xây dựng báo cáo và phân tích kết quả lấy ý kiến phản hồi.

- CSĐT có sử dụng kết quả lấy ý kiến phản hồi để điều chỉnh mức đóng góp của HP với CĐR của CTĐT, hoặc bổ sung/thay thế các HP khác để đạt CĐR của CTĐT.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 2.4**

- CSĐT có ban hành văn bản quy định và hướng dẫn xác định mức đóng góp của HP để đạt CĐR của CTĐT không? Mức độ đóng góp của HP để đạt CĐR của CTĐT được xác định như thế nào?

- Mỗi HP của CTĐT có hỗ trợ thực hiện ít nhất một CĐR của CTĐT không? Có HP nào không hỗ trợ các CĐR của CTĐT không? Các HP có hỗ trợ đầy đủ cho việc phát triển các CĐR của CTĐT không?

- Trình tự giảng dạy các HP có phù hợp và hiệu quả nhất để hỗ trợ sự phát triển của NH để đạt các CĐR không?

- ĐCCTHP của từng HP có nêu rõ CĐR của HP và mối liên hệ với CĐR của CTĐT không? Cách thức thể hiện sự đóng góp của HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện như thế nào trong ĐCCTHP của từng HP?

- CSĐT có văn bản quy định/hướng dẫn và kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng HP để đạt CĐR không?

- Trong quá trình xây dựng/rà soát/cập nhật CTĐT, CSĐT có triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng HP không? CSĐT có xây dựng báo cáo và phân tích kết quả lấy ý kiến phản hồi không?

- CSĐT có sử dụng kết quả lấy ý kiến phản hồi để điều chỉnh mức đóng góp của HP hoặc bổ sung/thay thế các HP khác để đạt CĐR của CTĐT?

### 3. Các văn bản pháp lý cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 2.4

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.
- Quy chế đào tạo từ xa và các quy chế khác liên quan đến đào tạo theo liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.
- Các quy định khác của các Bộ Ngành liên quan (Bộ Y tế, v.v.).
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.4

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Bản mô tả CTĐT được phê duyệt.
- Ma trận các môn học/HP với CĐR, bảo đảm CĐR của của CTĐT được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành CĐR của các môn học/HP.
- ĐCCTHP của tất cả các HP thuộc CTĐT.
- Lộ trình đạt được CĐR của CTĐT.
- Bản tổng hợp ý kiến đánh giá nhận xét của các bên liên quan về sự phù hợp và rõ ràng trong đóng góp của từng HP để đạt được CĐR CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Văn bản quy định/hướng dẫn về mức đóng góp của HP để đạt CĐR của CTĐT; quy định và hướng dẫn GV xác định mức đóng góp của HP để đạt được CĐR của CTĐT.
- Quy định/hướng dẫn, kế hoạch, phiếu, báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng HP để đạt được CĐR.
- Biên bản các cuộc họp chuyên môn/hội đồng khoa học và đào tạo, v.v. có ý kiến về sự phù hợp và đóng góp của từng HP để đạt được CĐR.

### 5. Hướng dẫn mô tả nội dung Tiêu chí 2.4 trong báo cáo tự đánh giá

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 2 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả CSĐT có văn bản quy định về mức đóng góp của HP để đạt CĐR của CTĐT (nêu rõ CSĐT quy định như thế nào về mức đóng góp của HP - nếu có); quy định và hướng dẫn GV xác định mức đóng góp của HP để đạt được CĐR của CTĐT.

- Mô tả quy trình/cách thức GV thực hiện xác định mức đóng góp của HP để đạt CĐR của CTĐT, đảm bảo mức đóng góp của HP hợp lý. Có thể lấy ví dụ một vài HP trong CTĐT để minh họa.

- Mô tả về ma trận liên kết các HP với CĐR của CTĐT, trong đó làm rõ mỗi thành phần, HP của CTĐT đều có mức đóng góp cụ thể để NH đạt được một hoặc một số CĐR của CTĐT. Đồng thời, mỗi CĐR của CTĐT cần có một hoặc một số HP đóng góp.

- Mô tả về việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng HP để đạt được CĐR. Kết quả điều chỉnh mức đóng góp của HP và ma trận liên kết các HP với CĐR của CTĐT hoặc điều chỉnh/thay thế các HP từ sử dụng kết quả lấy ý kiến phản hồi (nếu có).

***Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 2.5**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.5.1: Cấu trúc và nội dung của CTĐT phải thể hiện sự liên kết logic và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần và có trình tự hợp lý (các học phần có sự tiến triển từ đại cương đến chuyên sâu).***

- Các thành phần của CTĐT (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, NCKH và các thành phần khác) phải được thiết kế theo nguyên tắc liên kết logic và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành phần; các HP với trình tự sắp xếp hợp lý, đảm bảo sự tiến triển từ kiến thức đại cương đến chuyên sâu. Sự liên kết logic thể hiện qua việc các HP được tổ chức theo một hệ thống có tính kế thừa, trong đó các HP nền tảng đóng vai trò tiên quyết cho các HP ở cấp độ cao hơn, tạo nên chuỗi phát triển năng lực từ cơ bản đến nâng cao, từ kiến thức đại cương đến kiến thức cốt lõi ngành phát triển năng lực chuyên môn chuyên sâu, và cuối cùng là các hoạt động thực tập, nghiên cứu giúp người học ứng dụng tổng hợp kiến thức vào thực tiễn. Tính hỗ trợ lẫn nhau được đảm bảo khi mỗi HP không chỉ đóng góp độc lập mà còn tạo ra sự tương tác, củng cố và mở rộng kiến thức từ các HP khác, hình thành một hệ thống kiến thức, kỹ năng toàn diện.

- CSĐT cần xác định rõ mối quan hệ tiên quyết, song hành giữa các HP. Tiến trình giảng dạy các HP được bố trí hợp lý dựa trên nguyên tắc phát triển năng lực từ thấp đến cao, phù hợp với quá trình nhận thức và phát triển của người học.

- CSĐT cần bố trí các HP theo trình tự hợp lý về thời gian, tiến độ triển khai.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.5.2: Cấu trúc và nội dung của CTĐT phải có tính linh hoạt và tích hợp.***

- CTĐT được thiết kế linh hoạt, cung cấp nhiều lựa chọn cho người học thông qua các HP tự chọn, chuyên ngành hoặc định hướng đào tạo khác nhau, phương thức học tập đa dạng (tập trung, từ xa, trực tuyến, thực hành tại doanh nghiệp, v.v.), cơ hội học song ngành, đăng ký học một số HP tại CSĐT khác, cũng như công nhận và chuyển đổi tín chỉ từ các CTĐT khác, cho phép người học tự thiết kế lộ trình học tập phù hợp với năng lực và mục tiêu cá nhân.

- Cấu trúc và nội dung của CTĐT có sự kết hợp hài hòa nhiều yếu tố trong thiết kế các HP, bao gồm tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng, giữa học tập trong trường và trải nghiệm thực tế bên ngoài, giữa giảng dạy truyền thống và ứng dụng công nghệ số; thiết kế các HP liên ngành và các dự án tích hợp cho phép người học vận dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực để giải quyết các vấn đề phức tạp; các HP học sau sử dụng và củng cố kiến thức, kỹ năng của những HP đã học trước giúp người học đạt được CDR theo lộ trình.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.5.3: Cấu trúc và nội dung của CTĐT được rà soát, đối sánh, phân tích qua các lần cập nhật của CTĐT.**

- CSĐT có quy định/hướng dẫn/quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT theo định kỳ hoặc theo kế hoạch của CSĐT.

- Trong các lần cập nhật CTĐT, tính logic, hợp lý, linh hoạt và tích hợp trong cấu trúc và nội dung của CTĐT được rà soát, đối sánh, phân tích dựa trên nhiều nguồn thông tin như phản hồi từ người học, GV, cựu người học, nhà sử dụng lao động, kết quả học tập và việc làm của người học.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 2.5**

- Cấu trúc CTĐT có thể hiện rõ sự liên kết logic giữa các khối kiến thức và các HP không? Mọi liên kết này được thiết lập như thế nào? Cấu trúc này thể rõ đối với CTĐT trình độ ĐH/ThS/TS hoặc theo đặc thù như thế nào?

- Trình tự các HP trong CTĐT có hợp lý không? Có đảm bảo sự tiến triển từ đại cương đến chuyên sâu không? Thời gian thực hiện có hợp lý không?

- CSĐT đã thiết lập hệ thống HP tiên quyết/bắt buộc/tự chọn như thế nào? Có phù hợp với logic phát triển năng lực của NH không?

- CTĐT có tính linh hoạt giúp cho NH lựa chọn không? Thể hiện qua những yếu tố nào?

- Tính tích hợp của CTĐT được thể hiện như thế nào? Có sự kết hợp hợp lý giữa lý thuyết và thực hành không? Có bám sát lộ trình phát triển năng lực của NH không? CTĐT có cho phép người học linh hoạt trong việc lựa chọn chuyên ngành hoặc định hướng học tập không?

- CSĐT có thực hiện rà soát định kỳ cấu trúc và nội dung của CTĐT không? Tần suất và phương pháp rà soát như thế nào? Mức độ tham gia của các bên liên quan trong việc rà soát cấu trúc và nội dung của CTĐT như thế nào?

- Qua các lần cập nhật CTĐT, có những thay đổi nào về cấu trúc và nội dung? Xu hướng phát triển như thế nào?

- Kế hoạch học tập toàn khóa có được thiết kế hợp lý không? Có đảm bảo sự cân bằng giữa các học kỳ không? Ý kiến phản hồi của người học như thế nào?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 2.5**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.
- Quy chế đào tạo từ xa và các quy chế khác liên quan đến đào tạo theo liên thông, văn bằng 2, VL VH, v.v.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.5**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản hướng dẫn, quy định việc thiết kế và phát triển CTĐT trong đó có yêu cầu về bố cục, cấu trúc, tính linh hoạt và tích hợp của chương trình dạy học.
- Kế hoạch học tập toàn khóa.
- Các phiên bản của Bản mô tả CTĐT có phê duyệt trong giai đoạn đánh giá.
- Báo cáo phân tích, đối sánh về cấu trúc và tính linh hoạt của CTĐT qua các lần rà soát, cập nhật.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Sơ đồ logic cấu trúc CTĐT thể hiện mối liên kết giữa các khối kiến thức và HP, trong đó thể hiện quan hệ tiên quyết, bắt buộc, tự chọn giữa các HP/thành phần trong CTĐT.
- Danh mục các HP tự chọn và hướng dẫn lựa chọn cho người học.
- Quy định về linh hoạt thời gian học tập và chuyển đổi chương trình (nếu có).
- Biên bản/trao đổi/thảo luận trong đó có rà soát, đánh giá về cấu trúc CTĐT.
- Kết quả khảo sát ý kiến NH và GV về tính linh hoạt và tích hợp của CTĐT.
- Báo cáo so sánh CTĐT với các chương trình tương tự về tính logic và linh hoạt.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.5**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.5, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các phiên bản của CTĐT với cấu trúc tổng thể của CTĐT, làm rõ cách thức các thành phần (giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở ngành, cốt lõi ngành, thực tập, NCKH) liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau.

- Mô tả sơ đồ hoặc ma trận mối quan hệ tiên quyết và song hành giữa các HP, chứng minh sự tiến triển từ kiến thức cơ bản đến chuyên sâu: khối đại cương cung cấp nền tảng phương pháp luận và kỹ năng mềm, khối cơ bản xây dựng công cụ phân tích, khối cốt lõi phát triển năng lực chuyên môn, và hoạt động thực tập/nghiên cứu giúp ứng dụng tổng hợp kiến thức vào thực tiễn.

- Mô tả tính hỗ trợ qua các ví dụ cụ thể về cách các HP tương tác, củng cố và mở rộng kiến thức lẫn nhau; giải thích nguyên tắc và lý do sắp xếp HP theo từng năm học, học kỳ, đảm bảo phù hợp với quá trình phát triển năng lực và nhận thức của người học.

- Mô tả số lượng và tỷ lệ HP tự chọn, các chuyên ngành/định hướng có thể lựa chọn, cơ chế tích lũy tín chỉ theo tiến độ cá nhân trong khung thời gian quy định, các phương thức học tập đa dạng (tập trung, từ xa, trực tuyến, thực hành tại doanh nghiệp, v.v.).

- Mô tả quy định, điều kiện, quy trình nếu CTĐT cho phép học song ngành, ngành chính - ngành phụ, HP tại cơ sở khác, hoặc cơ chế chuyển đổi tín chỉ (nếu có); mô tả số liệu thống kê người học đã tham gia.

- Mô tả cách thức kết hợp hài hòa giữa lý thuyết - thực hành (nêu tỷ lệ cụ thể), kiến thức chuyên môn - kỹ năng mềm, học tập trong trường - trải nghiệm thực tế, giảng dạy truyền thống - công nghệ số. Nêu ví dụ cụ thể về các HP liên ngành hoặc dự án tích hợp, minh họa cách các HP ở học kỳ sau sử dụng và củng cố kiến thức từ các HP trước, tạo lộ trình mạch lạc hướng đến CĐR.

- Mô tả quy trình cập nhật CTĐT (theo quy định, quy trình của CSĐT), chứng minh đã đánh giá toàn diện dựa trên nhiều nguồn thông tin phản hồi, kết quả học tập, tỷ lệ có việc làm và xu hướng phát triển của ngành/khoa học công nghệ. Mô tả về việc tạo điều kiện tốt nghiệp sớm cho NH (nếu có).

- Mô tả và nhận định về kết quả đối sánh với các CTĐT uy tín trong nước và quốc tế và sử dụng kết quả đối sánh để điều chỉnh nội dung CTĐT. Nhận định về kết quả đối sánh các phiên bản CTĐT (trước và sau cập nhật) thể hiện những thay đổi về cấu trúc, nội dung, tỷ lệ khối kiến thức, phương pháp giảng dạy, kèm giải thích căn cứ cho mỗi thay đổi.

***Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và hỗ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 2.6**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.6.1: Cấu trúc và nội dung của CTĐT thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trực tuyến, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và hỗ trợ.***

- Mỗi thành phần của CTĐT có thiết kế theo các HP/mô đun phân loại theo bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trực tuyến, trải nghiệm, thực tế, NCKH hoặc các nội dung lý thuyết, thực hành, trực tuyến, trải nghiệm, thực tế, NCKH. CSĐT cần tham chiếu cấu trúc CTĐT quy định tại [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#), quy định về Chuẩn CTĐT (nếu có) và các quy định khác có liên quan.

- Việc phân loại HP bắt buộc và tự chọn phải đảm bảo cân bằng giữa việc trang bị kiến thức cốt lõi cần thiết cho tất cả người học và tạo không gian cho người học phát triển theo định hướng cá nhân, trong đó HP bắt buộc bao gồm các kiến thức, kỹ năng thiết yếu để đạt CĐR tối thiểu, còn HP tự chọn cho phép người học chuyên sâu vào các lĩnh vực quan tâm hoặc mở rộng kiến thức liên ngành.

- Các thành phần như HP trực tuyến, HP trải nghiệm (thực tập tại doanh nghiệp, thực tế, tham quan, dự án), hoạt động NCKH cùng với các thành phần chính yếu (các HP cốt lõi trực tiếp phát triển năng lực chuyên môn góp phần đạt được CĐR của CTĐT) và bổ trợ (các hoạt động ngoại khóa, mở rộng kiến thức, phát triển kỹ năng mềm) cần được tích hợp phù hợp để phát huy công nghệ, phát triển toàn diện năng lực người học theo yêu cầu của phương thức đào tạo hiện đại.

- Lưu ý đối với CTĐT trình độ ThS và TS có tính đến các yếu tố liên quan đến chuẩn đầu vào để thiết kế các HP của CTĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.6.2: Cấu trúc và nội dung của CTĐT cho phép người học có các lựa chọn ngành chính và/hoặc ngành phụ theo định hướng nghề nghiệp của bản thân (nếu có).***

- Cấu trúc CTĐT tạo điều kiện cho người học có các lựa chọn linh hoạt về lộ trình học tập, bao gồm khả năng lựa chọn ngành chính, ngành phụ hoặc các định hướng chuyên môn khác nhau phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp cá nhân.

- Đối với các CTĐT cho phép đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, cấu trúc CTĐT đảm bảo người học có thể tích lũy đủ kiến thức cốt lõi của cả hai ngành trong khuôn khổ thời gian đào tạo hợp lý, đồng thời quy định rõ điều kiện, quy trình và thời điểm NH có thể đăng ký ngành phụ hoặc chuyển đổi định hướng.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 2.6**

- CTĐT có được thiết kế đảm bảo để người học có thể lựa chọn theo sở thích và năng lực không? Quy trình lựa chọn như thế nào?

- Người học có thể lựa chọn ngành chính - ngành phụ, song ngành, HP tiên quyết, tự chọn không? Điều kiện và quy trình thực hiện như thế nào? Thực tế triển khai như thế nào?

- Số lượng HP tự chọn có đủ để tạo sự linh hoạt cho người học không? Chất lượng của các HP này như thế nào?

- CSĐT có hướng dẫn và tư vấn cho người học trong việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp không?

- Hiệu quả của việc phân loại và tổ chức các thành phần của CTĐT được đánh giá như thế nào?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 2.6**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.
- Quy chế đào tạo từ xa và các quy chế khác liên quan đến đào tạo theo liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.6**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.6 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản hướng dẫn, quy định việc thiết kế và phát triển CTĐT trong đó có yêu cầu về việc xác định rõ các HP bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trực tuyến, trải nghiệm, NCKH, các thành phần chính yếu và bổ trợ.

- Các phiên bản của bản mô tả CTĐT có phê duyệt trong đó thể hiện rõ định hướng nghề nghiệp.

- Phân tích cho thấy CTĐT có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, số lượng các HP của mỗi định hướng nghề nghiệp có tính chuyên ngành.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Bảng phân loại HP theo các tiêu chí: bắt buộc/tự chọn, lý thuyết/thực hành, chính yếu/bổ trợ.
- Quy định về điều kiện và quy trình lựa chọn ngành chính, ngành phụ.
- Tài liệu hướng dẫn người học về các định hướng nghề nghiệp và cơ hội việc làm.
- Kết quả khảo sát ý kiến người học về sự phù hợp của cấu trúc CTĐT với nhu cầu học tập.
- Danh sách người học đã lựa chọn các định hướng nghề nghiệp khác nhau.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.6**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.6, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các phiên bản của CTĐT cấu trúc phân loại HP bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trực tuyến, trải nghiệm, NCKH, chính yếu, bổ trợ. Sử dụng bảng thống kê và biểu đồ để thể hiện tỷ lệ phân bố của từng loại HP.

- Mô tả cơ sở xác định tỷ lệ HP bắt buộc, tự chọn nhằm đảm bảo cân bằng giữa việc trang bị kiến thức cốt lõi thiết yếu (qua các HP bắt buộc giúp đạt CĐR tối thiểu) và tạo không gian cho người học phát triển theo định hướng cá nhân (qua các HP tự chọn cho phép chuyên sâu hoặc mở rộng kiến thức liên ngành).

- Mô tả cách thức tổ chức nội dung lý thuyết, thực hành trong CTĐT, bao gồm cả các HP lý thuyết, HP thực hành và các HP tích hợp cả lý thuyết - thực hành để chứng minh sự phù hợp với đặc thù ngành nghề và định hướng đào tạo.

- Mô tả cụ thể các HP hoặc nội dung được tổ chức theo hình thức trực tuyến (nêu rõ danh sách, khối lượng, tỷ lệ so với tổng khối lượng học tập của CTĐT), các HP trải nghiệm và thực tế (thực tập tại doanh nghiệp, dự án thực tế, tham quan thực địa, hoạt động cộng đồng, v.v.) với thông tin về thời lượng, hình thức tổ chức, đối tác hợp tác và phương thức đánh giá.

- Mô tả các hoạt động NCKH được tích hợp trong CTĐT (luận văn, khóa luận, tiểu luận nghiên cứu, tham gia đề tài, hội thảo khoa học) kèm theo yêu cầu cụ thể và cách thức đánh giá. Phân biệt rõ các thành phần chính yếu (các HP cốt lõi trực tiếp phát triển năng lực chuyên môn, đóng góp chính vào việc đạt CDR) và thành phần bổ trợ (các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ chuyên môn, kỹ năng mềm, ngoại ngữ bổ trợ, văn hóa - thể thao), giải thích vai trò của từng thành phần trong việc phát triển toàn diện năng lực người học.

- Trường hợp CTĐT thiết kế cho phép đào tạo song ngành, ngành chính - ngành phụ hoặc các định hướng chuyên môn khác nhau, cần mô tả chi tiết: (1) Cấu trúc CTĐT song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, mô tả cách thức thiết kế đảm bảo người học có thể tích lũy đủ kiến thức cốt lõi của cả hai ngành trong thời gian đào tạo hợp lý, nêu rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành, khối lượng tín chỉ tối thiểu cho ngành chính và ngành phụ theo quy định của CSĐT; (2) Các điều kiện để sinh viên đăng ký ngành phụ hoặc chuyển đổi định hướng, quy trình đăng ký; (3) Thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên tham gia các chương trình song ngành, ngành phụ hoặc các định hướng khác nhau qua các khóa học, đánh giá mức độ hài lòng và hiệu quả của các lựa chọn này đối với việc làm sau tốt nghiệp.

***Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 2.7**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.7.1: CSĐT có quy định, quy trình về rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT phù hợp, đáp ứng các quy định về đào tạo.***

- CSĐT có các quy định, quy trình chính thức về rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT một cách hệ thống, khoa học và phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

- Quy định về rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT xác định rõ mục đích, yêu cầu, chu kỳ rà soát (thường xuyên, tổng thể), phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu (khảo sát, phỏng vấn, phân tích kết quả học tập và việc làm), quy trình rà soát thường xuyên, rà soát tổng thể CTĐT, trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình thực hiện.

- Quy trình về rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT thể hiện rõ có sự tham gia của các bên liên quan (đại diện GV tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn) nhằm thu thập được những phản hồi toàn diện và chính xác về chất lượng CTĐT.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 2.7.2: CTĐT được định kỳ rà soát, bảo đảm tính cập nhật, phân tích sự đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và có sử dụng kết quả đánh giá trong các lần rà soát, cập nhật CTĐT.**

- CTĐT được rà soát định kỳ theo quy định của CSĐT và Bộ GDĐT để đảm bảo tính cập nhật, phản ánh những tiến bộ mới nhất của khoa học, công nghệ, những thay đổi của thị trường lao động và xã hội.

- Quá trình rà soát dựa trên nhiều nguồn thông tin, bao gồm phản hồi từ người học về chất lượng giảng dạy và sự phù hợp của nội dung học tập, ý kiến của cựu người học về mức độ chuẩn bị cho công việc thực tế, đánh giá từ nhà sử dụng lao động về năng lực của người tốt nghiệp CTĐT, xu hướng phát triển của ngành nghề, yêu cầu của các tổ chức nghề nghiệp.

- Việc rà soát được thực hiện một cách toàn diện, bao gồm các thành phần: mục tiêu, CDR, cấu trúc chương trình, nội dung HP, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, v.v.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 2.7**

- CSĐT đã ban hành những quy định, quy trình nào về rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT? Các quy định này có được cập nhật phù hợp với các văn bản pháp lý mới không?

- Chu kỳ rà soát, đánh giá CTĐT được quy định như thế nào? CSĐT đã thực hiện bao nhiêu lần rà soát CTĐT trong giai đoạn đánh giá?

- Quy trình rà soát, đánh giá CTĐT có những bước thực hiện cụ thể nào? Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình rà soát CTĐT như thế nào?

- CSĐT đã xây dựng những cơ chế nào để thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan? Tần suất thu thập thông tin như thế nào?

- CSĐT đã thực hiện những hoạt động khảo sát, nghiên cứu nào về nhu cầu thị trường lao động? Kết quả khảo sát được sử dụng như thế nào trong việc cập nhật CTĐT?

- Trong giai đoạn đánh giá, những nội dung nào của CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật? Lý do và căn cứ của mỗi lần điều chỉnh là gì?

- CSĐT có cơ chế nào để đánh giá hiệu quả của việc cải tiến chất lượng CTĐT? Kết quả đánh giá như thế nào?

- Việc rà soát, cập nhật CTĐT có đảm bảo tính cập nhật về kiến thức, công nghệ mới trong ngành không? Căn cứ xác định tính cập nhật là gì?

- CSĐT đã sử dụng những nguồn thông tin nào để cập nhật nội dung CTĐT (NCKH, xu hướng công nghệ, yêu cầu nghề nghiệp, v.v.)?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 2.7**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS,

TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).

- Quy chế đào tạo từ xa và các quy chế khác liên quan đến đào tạo theo liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.

- Các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của các tổ chức kiểm định trong nước/quốc tế.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.7**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 2.7 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản hướng dẫn, quy định, quy trình và kế hoạch của CSĐT về rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT.

- Hồ sơ rà soát các văn bản hướng dẫn, quy định và quy trình và kế hoạch của CSĐT về rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT.

- Văn bản quy định và quy trình về việc thu thập thông tin phản hồi từ bên liên quan trong việc rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT.

- Báo cáo phân tích, đối sánh các quy định, quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT theo định kỳ.

- Báo cáo phân tích, đối sánh nhu cầu của thị trường lao động và báo cáo đánh giá sự đáp ứng của CTĐT đối với yêu cầu của thị trường lao động.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Biên bản các cuộc họp của hội đồng khoa học, bộ môn, khoa về rà soát, đánh giá CTĐT.

- Kết quả khảo sát ý kiến của NH, GV, nhà sử dụng lao động, cựu NH về chất lượng CTĐT.

- Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá CTĐT từng chu kỳ.

- Văn bản phê duyệt các phiên bản CTĐT được cập nhật, điều chỉnh trong giai đoạn đánh giá.

- Báo cáo nghiên cứu xu hướng phát triển ngành nghề, công nghệ mới.

- Minh chứng về việc tham khảo CTĐT của các CSĐT có uy tín trong nước và quốc tế.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT.

### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.7**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 2.7, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các văn bản quy định, quy trình cụ thể mà CSĐT đã ban hành, nêu rõ nội dung chính của từng quy định, chu kỳ thực hiện, phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc thực hiện rà soát, đánh giá CTĐT.

- Mô tả tóm tắt quy trình cho từng loại hoạt động: quy trình xây dựng mới CTĐT, quy trình rà soát thường xuyên (thu thập phản hồi, đánh giá, đề xuất điều chỉnh, phê duyệt, triển khai), quy trình rà soát tổng thể (thành lập hội đồng, thu thập dữ liệu toàn diện, đối sánh với chương trình tham chiếu, đánh giá chất lượng, đề xuất cải tiến, thẩm định, phê duyệt).

- Mô tả các lần rà soát CTĐT đã thực hiện trong giai đoạn đánh giá; quy trình đã triển khai trong thực tế, trong đó mô tả rõ các hình thức thu thập thông tin, sự tham gia của các bên liên quan bên ngoài bao gồm đại diện đơn vị sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, cựu người học đang làm việc đúng chuyên môn và vai trò của các bên nội bộ như GV các đơn vị chuyên môn trong quy trình thực hiện.

- Mô tả việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chương trình qua bảng tóm tắt vấn đề phát hiện và hành động cải tiến cụ thể như bổ sung/loại bỏ/điều chỉnh HP, thay đổi tỷ lệ lý thuyết/thực hành, cập nhật nội dung HP theo công nghệ mới, thay đổi phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, tăng cường liên kết với doanh nghiệp, nâng cấp CSVC.

- So sánh phiên bản CTĐT (trước và sau cải tiến) thông qua bảng tổng hợp những thay đổi về mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung HP, phương pháp dạy học, đánh giá kèm giải thích rõ căn cứ và lý do cho mỗi thay đổi dựa trên kết quả rà soát.

- Nhận định về điểm mạnh, hạn chế và kế hoạch cải tiến: đánh giá tổng thể về việc thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, xác định những điểm cần cải thiện và đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng.

### 3.3. TIÊU CHUẨN 3. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

***Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.***

#### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 3.1**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.1.1: Triết lý giáo dục của CSĐT được tuyên bố rõ ràng.***

- Triết lý giáo dục<sup>4</sup> của CSĐT được thể hiện trong các văn bản chính thức như kế hoạch chiến lược phát triển, hoặc các văn bản riêng biệt về triết lý giáo dục đã được ban hành theo đúng thẩm quyền.

- Nội dung triết lý giáo dục nêu rõ quan điểm, nguyên tắc cơ bản của CSĐT về giáo dục, đào tạo, bao gồm: quan điểm về mục đích, ý nghĩa của giáo dục; quan điểm về người học và vai trò người học trong quá trình học tập; quan điểm về GV và vai trò của GV trong quá trình dạy học; quan điểm về môi trường học tập; thể hiện được bản sắc, đặc trưng, thế mạnh riêng của CSĐT, phù hợp với văn hóa tổ chức và định hướng phát triển của CSĐT; triết lý giáo dục thể hiện sự gắn kết chặt chẽ với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của CSĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.1.2: Triết lý giáo dục của CSĐT được phổ biến đến các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên trong.***

- CSĐT cần có kế hoạch cụ thể, rõ ràng về việc phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan, xác định rõ đối tượng, phương thức, thời gian và trách nhiệm thực hiện.

- CSĐT cần phổ biến triết lý giáo dục đến tất cả các bên liên quan bên trong bao gồm: lãnh đạo và cán bộ quản lý, GV, kỹ thuật viên, nhân viên, người học.

- CSĐT cần phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan bên ngoài như cựu người học, gia đình, người giám hộ của người học, nhà sử dụng lao động, đối tác, cộng đồng địa phương thông qua các kênh thông tin phù hợp.

- CSĐT sử dụng nhiều hình thức phổ biến khác nhau như: trên website chính thức, ấn phẩm, poster, băng rôn, qua các buổi tập huấn, hội thảo, các hoạt động định hướng cho người học mới, các sự kiện của trường, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.1.3: Triết lý giáo dục của CSĐT được chuyển tải vào hoạt động dạy và học.***

- Có quy định, hướng dẫn việc triển khai triết lý giáo dục: CSĐT ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về cách thức chuyển tải triết lý giáo dục vào hoạt động dạy và học, quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đối tượng (GV, người học) trong việc thực hiện triết lý giáo dục.

- Triết lý giáo dục được thể hiện trong hoạt động dạy và học: GV chuyển tải triết lý giáo dục trong việc thiết kế hoạt động dạy và học phù hợp, lựa chọn phương pháp giảng dạy, cách thức tương tác với người học. Điều này được thể hiện qua ĐCCTHP, bài giảng, hoạt động giảng dạy.

---

<sup>4</sup> Triết lý giáo dục: là quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục (khoản 18, Điều 2 [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)).

- Triết lý giáo dục được thể hiện trong hoạt động học tập và ngoại khóa của người học: Người học thực hiện theo đúng tinh thần của triết lý giáo dục trong các hoạt động học tập (tham gia học trên lớp, trải nghiệm thực tế, tự học, học nhóm, NCKH, thực hành) và hoạt động ngoại khóa.

- Có cơ chế theo dõi, đánh giá việc thực hiện triết lý giáo dục: CSĐT xây dựng các tiêu chí, chỉ số để theo dõi, đánh giá mức độ thực hiện triết lý giáo dục trong các hoạt động dạy và học.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 3.1**

- CSĐT đã tuyên bố triết lý giáo dục trong những văn bản nào? Nội dung triết lý giáo dục được phát biểu như thế nào, có rõ ràng, cụ thể không?

- Triết lý giáo dục của CSĐT có thể hiện được đặc trưng, bản sắc riêng của CSĐT không? Có gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn của CSĐT không?

- CSĐT đã xây dựng kế hoạch phổ biến triết lý giáo dục như thế nào? Kế hoạch này có xác định rõ đối tượng, phương thức, thời gian thực hiện không?

- Triết lý giáo dục đã được phổ biến đến những đối tượng nào, qua những hình thức cụ thể nào?

- CSĐT sử dụng những kênh thông tin, phương tiện nào để phổ biến triết lý giáo dục? Hiệu quả của việc phổ biến được đánh giá như thế nào?

- Mức độ nhận biết, hiểu biết về triết lý giáo dục của các bên liên quan bên trong (lãnh đạo và cán bộ quản lý, GV, kỹ thuật viên, nhân viên, người học) như thế nào? CSĐT có khảo sát, đánh giá điều này không?

- CSĐT đã ban hành những quy định nào để hướng dẫn việc chuyên tải triết lý giáo dục vào hoạt động dạy và học?

- Triết lý giáo dục được thể hiện trong hoạt động giảng dạy của GV như thế nào? ĐCCTHP, bài giảng có thể hiện được tinh thần triết lý giáo dục không? Thể hiện ở những nội dung nào?

- Triết lý giáo dục được thể hiện trong hoạt động học tập và ngoại khóa của người học như thế nào? Có những minh chứng cụ thể nào?

- CSĐT có cơ chế nào để theo dõi, đánh giá việc thực hiện triết lý giáo dục trong hoạt động dạy và học?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 3.1**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- Các văn bản quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của người học.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.1**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Minh chứng cho thấy CSĐT và CTĐT có tuyên bố rõ về triết lý giáo dục<sup>5</sup>.
- Văn bản, hình ảnh thể hiện việc triết lý giáo dục của CSĐT được phổ biến đến các bên liên quan<sup>6</sup>.
  - Chính sách/quy định/hướng dẫn/hoạt động nhằm thúc đẩy việc triển khai triết lý giáo dục vào hoạt động dạy và học, trong đó chỉ rõ vai trò của CSĐT, các đơn vị quản lý, GV, NH.
  - Văn bản hướng dẫn, ĐCCTHP, bài giảng có thể hiện được việc triết lý giáo dục được chuyển tải vào hoạt động dạy và học.
  - Báo cáo thể hiện việc triết lý giáo dục được chuyển tải vào hoạt động ngoại khoá.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

Minh chứng cho thấy CSĐT có cơ chế theo dõi, đánh giá việc thực hiện triết lý giáo dục: CSĐT phân công đơn vị/bộ phận và triển khai việc theo dõi, đánh giá mức độ thực hiện triết lý giáo dục trong các hoạt động của CSĐT; các cải thiện hoạt động dạy học sau đánh giá.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.1**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả triết lý giáo dục được ban hành theo văn bản nào, thời gian và thẩm quyền ban hành.
- Mô tả nội dung triết lý giáo dục của CSĐT: trích dẫn đầy đủ nội dung triết lý giáo dục được tuyên bố chính thức; phân tích các thành phần cơ bản của triết lý giáo dục bao gồm quan điểm về mục đích, ý nghĩa của giáo dục; quan điểm về người học và vai trò người học trong quá trình học tập; quan điểm về GV và vai trò của GV trong quá trình dạy học; quan điểm về môi trường học tập; thể hiện được bản sắc, đặc trưng, thế mạnh riêng của CSĐT, phù hợp với văn hóa tổ chức và định hướng phát triển của CSĐT; gắn kết chặt chẽ với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của CSĐT.
- Mô tả kế hoạch phổ biến triết lý giáo dục với các yếu tố: mục tiêu, đối tượng, nội dung, phương thức, thời gian, trách nhiệm thực hiện; mô tả các hình thức phổ biến cụ thể như trên website, ấn phẩm, poster, băng rôn, qua các buổi tập huấn, hội thảo, các hoạt động định hướng cho người học mới, các sự kiện của trường, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác.

<sup>5</sup> Văn bản tuyên bố triết lý giáo dục (kế hoạch chiến lược, văn bản riêng về triết lý giáo dục); tài liệu mô tả CTĐT có thể hiện triết lý giáo dục; các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu về CSĐT có nêu triết lý giáo dục, v.v.

<sup>6</sup> Kế hoạch phổ biến triết lý giáo dục; trang web chính thức của CSĐT/đơn vị chủ trì, quản lý CTĐT có đăng tải triết lý giáo dục; ấn phẩm, poster, băng rôn, brochure giới thiệu triết lý giáo dục; tài liệu tập huấn, hội thảo về triết lý giáo dục; báo cáo đánh giá mức độ nhận biết triết lý giáo dục của các BLQ (nếu có khảo sát, đánh giá).

- Mô tả các quy định, hướng dẫn cụ thể về việc chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động giảng dạy và học tập. Mô tả rõ vai trò, trách nhiệm của từng đối tượng và cơ chế phối hợp thực hiện chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động.

- Mô tả triết lý giáo dục được chuyển tải vào các hoạt động của CTĐT như thế nào: thể hiện trong ĐCCTHP, hoạt động dạy và học, phương pháp giảng dạy, cách thức tương tác với người học. Cung cấp một số ví dụ cụ thể và minh chứng thuyết phục. Mô tả các hoạt động này góp phần hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất mong muốn ở người học theo triết lý giáo dục như thế nào.

- Nhận định điểm mạnh, hạn chế trong việc tuyên bố, phổ biến và chuyển tải triết lý giáo dục; tác động tích cực của triết lý giáo dục đến chất lượng giáo dục, văn hóa tổ chức và đời sống của người học, đồng thời mô tả các biện pháp cải tiến để nâng cao hiệu quả phổ biến và thực hiện triết lý giáo dục. Mô tả về các cơ chế đánh giá mức độ hiểu biết về triết lý giáo dục của các bên liên quan bên trong và bên ngoài mà CSĐT thực hiện (nếu có).

***Tiêu chí 3.2 (Tiêu chí điều kiện): Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.***

### **1. Giải thích các yêu cầu Tiêu chí 3.2**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.2.1: Có hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT, CĐR của các học phần. GV tham gia CTĐT có khả năng lựa chọn và triển khai hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT.***

- CSĐT có quy định/hướng dẫn về thiết kế hoạt động dạy học tương thích với CĐR của CTĐT và CĐR của HP.

- CSĐT triển khai hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng cho GV về thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT, CĐR của các HP.

- GV tham gia CTĐT có khả năng lựa chọn và triển khai hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.2.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt CĐR của CTĐT.***

- Các hoạt động dạy và học được thiết kế để giúp NH đạt được CĐR của CTĐT phù hợp với phương thức đào tạo (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, từ xa/trực tuyến, v.v.) và trình độ đào tạo (ĐH, ThS, TS). Khi thiết kế các hoạt động dạy và học GV cần quan tâm đến cả đối tượng, cá nhân hóa người học, môi trường học tập, v.v.

- Các hoạt động dạy và học được thiết kế đảm bảo NH tích lũy dần các năng lực qua từng HP/qua các kỳ học/năm học để đạt CĐR CTĐT tại thời điểm hoàn thành CTĐT.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.2.3: Hoạt động dạy và học của các học phần được thiết kế và triển khai tương thích với CĐR của học phần.***

- Hoạt động dạy và học của các HP được thiết kế đảm bảo sự tương thích với CĐR của HP. Trong mỗi ĐCCTHP thể hiện rõ ràng mối liên hệ/ma trận giữa CĐR của HP - nội dung dạy học - phương pháp dạy học (tự học, thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, thuyết trình, thảo luận nhóm, v.v.). Hoạt động dạy và học được thiết kế trong ĐCCTHP phù hợp, tương thích với nội

dung dạy học và CĐR của HP. Mỗi hoạt động dạy học thể hiện mối liên hệ rõ ràng với CĐR của HP.

- Hoạt động dạy và học được triển khai thực hiện theo ĐCCTHP và theo kế hoạch đào tạo nhằm đạt được CĐR của HP.

***d) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.2.4: Hoạt động dạy và học trực tuyến trong CTĐT được thiết kế và triển khai phù hợp, bảo đảm tương thích với CĐR như trường hợp tổ chức dạy và học trực tiếp. CTĐT bảo đảm GV có đầy đủ năng lực cần thiết để triển khai hoạt động dạy và học trực tuyến.***

- CSĐT có quy chế/quy định tổ chức dạy học/đào tạo trực tuyến; quy định về dạy học kết hợp.

- CSĐT tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ GV nhằm nâng cao năng lực thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến giúp NH đạt được CĐR của HP và CTĐT.

- Các hoạt động dạy và học trực tuyến được thiết kế và triển khai phù hợp, bảo đảm tương thích với CĐR của HP và CĐR CTĐT như khi triển khai dạy học trực tiếp.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 3.2**

- CSĐT có quy định/hướng dẫn thiết kế các hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT không?

- Các phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn như thế nào để phù hợp với từng thành phần CĐR (kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm)? CSĐT có xác định mối liên kết giữa phương pháp dạy và học với CĐR không?

- Hoạt động dạy và học được thiết kế trong ĐCCTHP (HP đơn lẻ và HP tích hợp) có nhằm giúp NH đạt được CĐR của HP và CTĐT không?

- Hoạt động dạy và học được triển khai như thế nào? (dạy và học lý thuyết, thực hành, thực tập, học tập trải nghiệm, NCKH, câu lạc bộ, v.v.).

- CSĐT có ban hành quy chế tổ chức hoạt động dạy học/đào tạo trực tuyến; dạy học kết hợp không?

- CSĐT đã tổ chức những hoạt động bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nào cho đội ngũ GV để nâng cao năng lực thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học trực tiếp và trực tuyến đảm bảo tương thích với CĐR? Các hoạt động này được tổ chức với tần suất như thế nào và hiệu quả như thế nào?

- CSĐT đã cải tiến hoạt động dạy và học như thế nào để tăng cường sự tương thích với CĐR của CTĐT?

## **3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 3.2**

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ

ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ. Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục ĐH.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực.
- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của của Bộ trưởng Bộ GDĐT.
- Quy chế đào tạo từ xa và các quy chế khác liên quan đến đào tạo theo liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.2**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR.
- Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR.
- Tài liệu hội thảo, hội nghị, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm về việc thiết kế và triển khai hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT, CĐR học phần.
- Bảng ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR CTĐT.
- Bản thiết kế/phân tích hoạt động dạy và học với CĐR CTĐT.
- ĐCCTHP.
- Báo cáo, biên bản cho thấy các bên liên quan đánh giá, góp ý về việc hoạt động dạy và học tương thích với CĐR.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Hồ sơ giảng dạy của GV.
- Ma trận liên kết CĐR, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.
- Quy định/hướng dẫn đào tạo trực tuyến; hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Kế hoạch đào tạo toàn khóa; thời khóa biểu cho từng HP.
- Kế hoạch và các báo cáo thực tập, thực tế doanh nghiệp, học tập trải nghiệm, v.v.
- Nhật ký sử dụng phòng thực hành, thí nghiệm (đối với các HP có tổ chức dạy học thực hành, thí nghiệm).
- Một số khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/báo cáo tốt nghiệp/luận văn/luận án trong giai đoạn đánh giá.
- Đánh giá của NH, GV về hoạt động dạy và học.

## 5. Hướng dẫn nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.2

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 04 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả quy định/hướng dẫn về thiết kế hoạt động dạy học tương thích với CĐR của CTĐT và CĐR của HP.

- Mô tả việc thiết kế hoạt động dạy-học, bao gồm dạy học trực tuyến đảm bảo tương thích với CĐR của HP. Cung cấp một số ví dụ điển hình một số HP thể hiện sự tương thích giữa hoạt động dạy học với một CĐR HP.

- Mô tả các cải tiến hoạt động dạy và học gần đây để tăng cường sự tương thích với CĐR.

- Mô tả việc tổ chức đào tạo trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT/CSĐT; mô tả kế hoạch, nội dung tập huấn cho GV nhằm trang bị năng lực cần thiết để triển khai hoạt động dạy học trực tiếp và trực tuyến.

- Mô tả hoạt động dạy và học trực tuyến trong CTĐT đã triển khai trong thực tế và phân tích mức độ phù hợp, tính tương thích với CĐR như tổ chức dạy và học trực tiếp.

- Mô tả về các cơ chế giám sát, đánh giá, cải tiến chất lượng mà CSĐT triển khai để đảm bảo mức độ tương thích CĐR của các hoạt động dạy học đã được thiết kế và triển khai (nếu có).

**Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.**

### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 3.3

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.3.1: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động.**

- Hoạt động dạy học thể hiện việc học tập chủ động (active learning), theo đó người học đóng vai trò trung tâm, chủ động tiếp cận, khám phá, phân tích và phản biện kiến thức, thay vì chỉ tiếp nhận một chiều từ GV hoặc tài liệu được cung cấp. Học tập chủ động nhấn mạnh vào yếu tố NH tự giác, có chiến lược và kiểm soát tiến trình học tập của chính mình.

- GV của CTĐT áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại, tổ chức các hoạt động học tập giải quyết vấn đề, học tập dựa trên dự án, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thuyết trình, tranh biện, học tập hợp tác, v.v. nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia vào quá trình học tập thay vì chỉ tiếp nhận thông tin một cách thụ động. Hoạt động dạy và học được thiết kế để phát triển khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo của người học thông qua việc đặt ra các câu hỏi mở, bài tập phức hợp, dự án nghiên cứu, và các tình huống thực tế đòi hỏi người học phải phân tích, tổng hợp, đánh giá và đưa ra giải pháp.

- Các hoạt động dạy và học trong CTĐT được thiết kế để tạo ra sự tương tác tích cực giữa GV và NH, giữa NH với người học, bao gồm việc tổ chức thảo luận, hỏi đáp, làm việc nhóm, thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm thực tế và các hoạt động học tập tương tác khác.

- Với người học bậc ĐH, CSĐT cung cấp cho NH các cơ hội để tự lựa chọn phương pháp học tập, lịch trình học tập phù hợp với khả năng và sở thích cá nhân, đồng thời khuyến khích tự học, tự nghiên cứu và tự đánh giá kết quả học tập của mình. Với người học bậc SDH, CSĐT

cung cấp cho người học các cơ hội để tự lựa chọn chủ đề nghiên cứu, định hướng quá trình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu trong luận văn, luận án.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.3.2: Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.***

- Hoạt động dạy và học trong CTĐT thúc đẩy sự chủ động học tập của NH, hình thành và phát triển phương pháp học tập cho NH, đồng thời giúp NH có khả năng học tập suốt đời. Khả năng học tập suốt đời (lifelong learning) thể hiện ở sự chủ động trong học tập, tự khám phá tri thức mới, việc học không chỉ giới hạn trong việc học ở trường mà còn bao gồm việc học từ kinh nghiệm thực tế, công việc, sở thích cá nhân và các hoạt động xã hội khác, giúp NH thích ứng với sự thay đổi của môi trường sống và công việc.

- CSĐT và GV cung cấp hướng dẫn cụ thể về các phương pháp học tập hiệu quả như cách ghi chép, cách tìm kiếm và đánh giá thông tin, cách khai thác, đọc hiểu tài liệu, cách quản lý thời gian, làm việc nhóm, cách chuẩn bị và thuyết trình, cách lưu trữ và trích dẫn tài liệu, cách sử dụng các công cụ AI hỗ trợ NH học tập, nghiên cứu.

- CSĐT tích hợp các hoạt động NCKH, báo cáo nghiên cứu vào chương trình học nhằm phát triển kỹ năng tìm tòi kiến thức, kỹ năng nghiên cứu độc lập và khả năng tự học của người học. Đối với bậc SDH, khuyến khích người học chủ động tìm kiếm các cơ hội tham gia dự án NCKH và công bố kết quả nghiên cứu từ luận văn, luận án.

- CSĐT xây dựng môi trường học tập khuyến khích người học không ngừng cập nhật kiến thức, theo dõi xu hướng phát triển mới trong ngành nghề. Đối với bậc SDH, khuyến khích người học tham gia các khóa học ngắn hạn, hội thảo, khóa đào tạo bổ sung để duy trì và nâng cao trình độ chuyên môn.

- CSĐT có các giải pháp hỗ trợ phát triển khả năng thích ứng với các thay đổi của công nghệ, thị trường lao động và xã hội thông qua việc học cách học và cách tiếp cận vấn đề mới và cách áp dụng kiến thức vào các tình huống khác nhau.

- CSĐT có cơ chế, hoạt động khuyến khích người học duy trì thói quen học tập, nghiên cứu và phát triển bản thân sau khi tốt nghiệp, bao gồm việc kết nối với cựu người học, tổ chức các khóa học bổ trợ, nâng cao, cung cấp tài nguyên học tập trực tuyến.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.3.3: Hoạt động dạy và học trực tuyến được triển khai trên nền tảng ứng dụng CNTT bảo đảm sự tương tác hiệu quả giữa người học với người học, giữa người học và giảng viên.***

- CSĐT có hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) hoặc các nền tảng công nghệ phù hợp để hỗ trợ việc giảng dạy và học tập trực tuyến, đảm bảo tính ổn định, bảo mật và dễ sử dụng.

- Các hoạt động học tập trực tuyến được CSĐT thiết kế để tạo ra sự tương tác tích cực giữa GV và NH, giữa NH với nhau thông qua diễn đàn thảo luận, phòng chat, video conference, làm việc nhóm trực tuyến, chia sẻ tài liệu và phản hồi kịp thời.

- CSĐT cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho cả GV và NH về cách sử dụng hiệu quả các công cụ, nền tảng học tập trực tuyến.

- CSĐT có cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả của hoạt động học tập trực tuyến, thu thập phản hồi từ GV và NH để cải tiến chất lượng.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 3.3

- CSĐT đã xây dựng những hướng dẫn, tài liệu nào để khuyến khích người học học tập chủ động? Nội dung chính của các tài liệu này như thế nào?
- GV đã áp dụng những phương pháp giảng dạy nào để thúc đẩy học tập chủ động của người học? Tỷ lệ GV áp dụng các phương pháp này như thế nào?
- Các hoạt động dạy và học có tạo ra sự tương tác tích cực giữa GV và NH, giữa NH với nhau không? Thể hiện qua những hoạt động cụ thể nào?
- CSĐT có hướng dẫn, bồi dưỡng phương pháp học tập, kỹ năng nghiên cứu, tự học, quản lý thời gian cho người học không? Nội dung và hình thức tổ chức như thế nào?
- Các hoạt động NCKH của người học được tổ chức như thế nào? CSĐT có khuyến khích và hỗ trợ người học tham gia không? Mức độ tham gia của người học như thế nào?
- CSĐT có các cơ chế nào để khuyến khích người học học tập suốt đời? Hiệu quả của các cơ chế này như thế nào?
- Nền tảng học tập trực tuyến mà CSĐT sử dụng có những tính năng gì? Có đảm bảo tính ổn định và dễ sử dụng không? Có tạo ra sự tương tác hiệu quả giữa các bên không?
- CSĐT có cung cấp đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho GV và NH về học tập trực tuyến không?
- Chất lượng của các bài giảng trực tuyến được đánh giá như thế nào? Có sử dụng đa phương tiện hiệu quả không?
- Các bên liên quan đánh giá như thế nào về hiệu quả của hoạt động dạy và học trong việc thúc đẩy học tập chủ động và học tập suốt đời của CTĐT?
- CSĐT có thu thập phản hồi và cải tiến hoạt động dạy và học dựa trên ý kiến của các bên liên quan không?

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 3.3

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.
- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.
- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.
- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.
- [Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 28/12/2023 ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học.
- [Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục ĐH.

- Các văn bản hướng dẫn về ứng dụng CNTT trong GDĐT.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.3**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản/kế hoạch/tài liệu/tư liệu liên quan đến việc hướng dẫn NH cách học tập chủ động, tích cực nhằm đáp ứng CDR<sup>7</sup>.
- Văn bản/kế hoạch/tài liệu/tư liệu liên quan đến việc hướng dẫn NH tương tác, học tập trực tuyến<sup>8</sup>.
- Minh chứng cho thấy có các hoạt động thể hiện việc học tập chủ động<sup>9</sup>.
- Minh chứng cho thấy có các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của NH<sup>10</sup>.
- Báo cáo, biên bản cho thấy các bên liên quan đánh giá, góp ý về việc hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của NH<sup>11</sup>.
- Báo cáo cải tiến các hoạt động dạy và học nhằm giúp NH học tập chủ động và giúp NH hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời<sup>12</sup>.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

Hướng dẫn/quy định sử dụng các ứng dụng AI trong dạy học và nghiên cứu; các vấn đề liên chính học thuật.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.3**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các phương pháp giảng dạy tích cực mà CSĐT đã triển khai; tỷ lệ GV áp dụng các phương pháp này và mức độ hài lòng của người học về các phương pháp.

<sup>7</sup> Tài liệu hướng dẫn phương pháp học tập cho người học; Sổ tay NH có hướng dẫn học tập chủ động; Kế hoạch đào tạo kỹ năng học tập cho người học; Tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho người học, v.v.

<sup>8</sup> Quy định về đào tạo/tổ chức hoạt động dạy và học trực tuyến/kết hợp; Hướng dẫn sử dụng nền tảng học tập trực tuyến; Kế hoạch triển khai dạy học trực tuyến, v.v.

<sup>9</sup> ĐCCTHP thể hiện phương pháp dạy học tích cực; Bài giảng sử dụng các phương pháp tương tác, hình ảnh, video các hoạt động thảo luận nhóm, thuyết trình; Báo cáo các dự án, nghiên cứu của người học; Danh sách các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ học thuật, v.v.

<sup>10</sup> CTĐT kỹ năng mềm, kỹ năng học tập; Các khóa học ngắn hạn, workshop về phương pháp học tập; Hoạt động nghiên cứu khoa học của NH; Chương trình mentoring, tutoring; Thư viện tài nguyên học tập trực tuyến.

<sup>11</sup> Kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động dạy và học; Báo cáo đánh giá từ nhà sử dụng lao động về năng lực NH; Biên bản họp các bên liên quan về cải tiến phương pháp dạy học; Phản hồi của NH về hiệu quả đào tạo, v.v.

<sup>12</sup> Kế hoạch cải tiến phương pháp dạy học; Báo cáo triển khai các biện pháp cải tiến; Báo cáo đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải tiến; Kế hoạch phát triển năng lực giảng dạy cho GV.

- Mô tả các hoạt động tương tác giữa GV và NH, giữa NH và NH và tần suất/tỷ lệ/số lượng của các hoạt động tương tác này trong các HP khác nhau.

- Mô tả các chương trình, tài liệu hướng dẫn về phương pháp học tập hiệu quả mà CSĐT cung cấp cho người học, bao gồm kỹ năng nghiên cứu, tự học, quản lý thời gian, làm việc nhóm; cách thức triển khai và hiệu quả của các chương trình này.

- Mô tả các hoạt động cụ thể nhằm hình thành và phát triển thói quen học tập suốt đời cho người học như NCKH, các câu lạc bộ học thuật, chương trình mentoring và tác động của các hoạt động này đến việc phát triển năng lực tự học của người học.

- Mô tả hệ thống học tập trực tuyến: nền tảng CNTT mà CSĐT sử dụng cho học tập trực tuyến, các tính năng hỗ trợ tương tác; mức độ ổn định, bảo mật và tính thân thiện với người dùng của hệ thống.

- Mô tả các hoạt động tương tác trực tuyến cụ thể như diễn đàn thảo luận, phòng chat, video conference, làm việc nhóm trực tuyến; mức độ tham gia và hiệu quả của các hoạt động này trong việc tạo ra môi trường học tập tương tác.

- Mô tả việc thu thập phản hồi và cải tiến: cơ chế thu thập ý kiến phản hồi từ người học, GV và các bên liên quan khác về hoạt động dạy và học. Mô tả, nhận định kết quả khảo sát và cách thức CSĐT sử dụng thông tin này để cải tiến phương pháp dạy học; mô tả một số cải tiến được thực hiện.

***Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.***

#### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 3.4**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.4.1: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến và đổi mới sáng tạo.***

Ý tưởng mới là những suy nghĩ, đề xuất ban đầu của NH trước các vấn đề trong học tập hoặc các vấn đề thực tiễn; NH thể hiện tư duy độc lập, khác biệt và sáng tạo để đề xuất ý tưởng mới. Sáng kiến là các ý tưởng của NH được cụ thể hóa thành giải pháp, cách làm hoặc đề xuất cải tiến có thể được áp dụng trong phạm vi nhỏ. Đổi mới sáng tạo là việc phát triển các sáng kiến thành sản phẩm, mô hình, quy trình hoặc phương pháp mới có khả năng thử nghiệm, triển khai và tạo ra giá trị gia tăng so với cách làm hiện có. CSĐT cần triển khai các hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến và đổi mới sáng tạo thông qua:

- Áp dụng các phương pháp dạy học như động não, sơ đồ tư duy, tư duy thiết kế, tư duy đa chiều, v.v. nhằm kích thích khả năng tư duy sáng tạo, giúp người học phát triển khả năng đưa ra các ý tưởng mới, góc nhìn khác biệt và giải pháp sáng tạo cho các vấn đề thực tế.

- Tạo môi trường học tập khuyến khích đổi mới, sáng tạo thông qua xây dựng môi trường học tập mở, khuyến khích người học dám thử nghiệm, chấp nhận thất bại như một phần của quá trình học hỏi, tôn trọng các ý tưởng mới và các cách tiếp cận khác biệt. Điều này bao gồm việc tạo ra diễn đàn trao đổi, không gian sáng tạo, phòng thí nghiệm, workshop cho người học thực hiện các ý tưởng.

- Thiết kế các HP với các các hoạt động dạy học thông qua bài tập mở, dự án học tập cùng cộng đồng, dự án nghiên cứu, thử thách sáng tạo đòi hỏi người học phải tự đề xuất giải pháp, phương án mới, phù hợp với trình độ đào tạo.

- Tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, startup, triển lãm sáng tạo, hội thảo, diễn đàn khoa học, v.v. cho người học để tạo cơ hội cho người học thể hiện và phát triển các ý tưởng sáng tạo của mình.

- Hỗ trợ người học tham gia các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tư vấn chính sách, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, tham gia các cuộc thi NCKH cấp trường, quốc gia, quốc tế.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.4.2: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy người học có tinh thần khởi nghiệp.***

Tinh thần khởi nghiệp của NH được hiểu là tư duy chủ động nhận diện cơ hội, giải quyết vấn đề, chấp nhận thử nghiệm và hướng tới tạo giá trị (không đồng nhất tinh thần khởi nghiệp với việc thành lập doanh nghiệp/tổ chức mới). CSĐT cần rèn luyện tinh thần khởi nghiệp thông qua các học phần, hoạt động học tập hoặc dự án gắn với nhu cầu thực tiễn, tạo điều kiện để người học phân tích bối cảnh, nhu cầu của các bên liên quan và đánh giá tính khả thi của các giải pháp. GV cần định hướng người học nhìn nhận vấn đề dưới góc độ tạo giá trị; khuyến khích người học luôn đổi mới, dám chấp nhận rủi ro; đánh giá được rủi ro, tính khả thi và tác động của các giải pháp; hỗ trợ người học phát triển tư duy chủ động và trách nhiệm trong học tập. Để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của NH, trong các hoạt động dạy và học, CSĐT cần:

- Xem xét đưa các HP có nội dung về khởi nghiệp, học tập cùng cộng đồng (service learning) vào CTĐT hoặc tổ chức các khóa học bổ trợ để trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc khởi nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động dạy học giúp người học phát triển khả năng nhận diện cơ hội khởi nghiệp, phân tích nhu cầu xã hội, đánh giá tính khả thi của ý tưởng, xây dựng mô hình triển khai ý tưởng và kế hoạch khởi nghiệp.

- Thiết lập các không gian hỗ trợ khởi nghiệp như trung tâm khởi nghiệp, incubator, accelerator, coworking space nơi người học có thể thử nghiệm các ý tưởng khởi nghiệp, được hướng dẫn từ các chuyên gia và doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

- Xây dựng mạng lưới kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, nhà đầu tư, mentor, cựu người học thành công trong lĩnh vực khởi nghiệp để hỗ trợ người học tiếp cận nguồn lực, kiến thức thực tế và cơ hội phát triển ý tưởng kinh doanh.

- Định kỳ tổ chức các sự kiện, cuộc thi khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo với các doanh nhân thành công, tổ chức xã hội, workshop về các chủ đề liên quan đến khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- Cung cấp các chương trình hỗ trợ cụ thể như quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, chương trình pre-incubation, mentoring, tư vấn pháp lý, hỗ trợ tìm kiếm đối tác và nhà đầu tư cho những người học có ý tưởng khởi nghiệp khả thi.

**2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 3.4**

- CSĐT đã tích hợp những phương pháp giảng dạy nào để thúc đẩy tư duy sáng tạo của người học? Tỷ lệ GV áp dụng các phương pháp này như thế nào?

- Môi trường học tập tại CSĐT có khuyến khích người học dám thử nghiệm và chấp nhận thất bại không? Thể hiện qua những hoạt động cụ thể nào?

- CSĐT có những không gian sáng tạo, phòng thí nghiệm, diễn đàn nào để hỗ trợ người học thực hiện các ý tưởng sáng tạo?

- Các HP trong CTĐT có bài tập, dự án nào đòi hỏi người học phải sáng tạo, đổi mới? Tỷ lệ các HP này như thế nào?

- CSĐT có tổ chức những cuộc thi, sự kiện nào để khuyến khích sáng tạo và đổi mới? Tần suất và quy mô tổ chức như thế nào?

- Số lượng ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến, đề tài NCKH của người học trong các năm gần đây như thế nào?

- CSĐT có đưa giáo dục khởi nghiệp vào CTĐT không? Dưới hình thức HP bắt buộc, tự chọn hay hoạt động ngoại khóa?

- Cơ sở vật chất hỗ trợ khởi nghiệp của CSĐT như thế nào? Có trung tâm khởi nghiệp, incubator, không gian đổi mới sáng tạo không?

- CSĐT có mạng lưới kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp như doanh nghiệp, nhà đầu tư, mentor, các tổ chức xã hội không?

- Số lượng và chất lượng người học tham gia các hoạt động/cuộc thi khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đóng góp ý tưởng đổi mới phục vụ cộng đồng (PVCĐ) như thế nào?

- CSĐT có chương trình hỗ trợ cụ thể nào cho người học mong muốn khởi nghiệp? Hiệu quả của các chương trình này như thế nào?

- Các bên liên quan đánh giá như thế nào về hiệu quả của hoạt động dạy học trong việc thúc đẩy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp?

- CSĐT có thu thập và thống kê số liệu và đánh giá về các hoạt động sáng tạo và khởi nghiệp của người học như thế nào?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 3.4**

- [Nghị quyết 57-NQ/TW](#) ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ. [Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ.](#)

- [Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013](#) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Nghị định về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.

- Các chiến lược, chương trình quốc gia về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.4**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Báo cáo thống kê về ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của NH<sup>13</sup>.

- Báo cáo, biên bản cho thấy các bên liên quan đánh giá, góp ý về việc hoạt động dạy và học thúc đẩy NH đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp<sup>14</sup>.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Minh chứng về hoạt động dạy học thúc đẩy sáng tạo: ĐCCTHP thể hiện phương pháp dạy học sáng tạo; bài giảng, slide, hình ảnh, video; GV sử dụng hoạt động dạy học áp dụng phương pháp kích thích tư duy sáng tạo; đề thi, hướng dẫn thực hiện bài tập, dự án có yêu cầu sáng tạo, tư duy phản biện; danh sách các dự án, bài tập sáng tạo của người học, các khóa luận là dự án khởi nghiệp, các luận văn, luận án hướng tới giải quyết các vấn đề thực tế, tư vấn chính sách, xây dựng các công cụ và quy trình mới, các mô hình can thiệp xã hội, v.v.

- Minh chứng về CSVC và môi trường sáng tạo: hồ sơ thiết kế và vận hành không gian sáng tạo, makespace; danh sách trang thiết bị, nền tảng, công cụ hỗ trợ sáng tạo; quy định sử dụng phòng thí nghiệm, diễn đàn, workshop sáng tạo; không gian đổi mới sáng tạo, v.v.

- Minh chứng về các hoạt động và sự kiện sáng tạo: kế hoạch tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo; báo cáo tổng kết các sự kiện về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; danh sách và kết quả triển lãm sáng tạo, hội thảo khoa học; hình ảnh, video các hoạt động sáng tạo; giải thưởng, chứng nhận từ các cuộc thi sáng tạo, v.v.

- Minh chứng về giáo dục khởi nghiệp: CTĐT có tích hợp HP khởi nghiệp; tài liệu giảng dạy về khởi nghiệp và quản trị kinh doanh; danh sách các khóa học, workshop về khởi nghiệp; hồ sơ hoạt động của trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp; chương trình mentoring, coaching cho người học khởi nghiệp, v.v.

- Minh chứng về hỗ trợ khởi nghiệp: quy định về quỹ hỗ trợ khởi nghiệp người học; danh sách các dự án được hỗ trợ khởi nghiệp; hợp đồng hợp tác với các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp; chương trình kết nối với doanh nghiệp, tổ chức, nhà đầu tư; báo cáo hiệu quả của các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, v.v.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.4**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

<sup>13</sup> Báo cáo thống kê số lượng ý tưởng sáng tạo theo năm; Danh sách các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tư vấn chính sách, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; Báo cáo về các đề tài nghiên cứu khoa học gắn với giải quyết các vấn đề thực tế của người học; Thống kê số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp của người học/cựu người học; Báo cáo tham gia các cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia, quốc tế, v.v.

<sup>14</sup> Kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động học tập sáng tạo; Phản hồi từ doanh nghiệp, tổ chức về năng lực sáng tạo của người học; Biên bản họp với các chuyên gia về giáo dục khởi nghiệp; Báo cáo đánh giá từ các tổ chức, cộng đồng hỗ trợ khởi nghiệp; Ý kiến của cựu người học về hiệu quả giáo dục sáng tạo và khởi nghiệp, v.v.

- Mô tả các phương pháp giảng dạy thúc đẩy tư duy sáng tạo mà CSĐT đã triển khai như động não (brainstorming), tư duy thiết kế (design thinking), dạy học theo dự án (project-based learning), v.v.; tỷ lệ GV áp dụng và mức độ hài lòng của NH về các phương pháp này trong việc kích thích khả năng sáng tạo của người học.

- Mô tả môi trường học tập mở, các không gian sáng tạo, phòng thí nghiệm mà CSĐT đã xây dựng và cách thức môi trường này hỗ trợ người học trong việc thử nghiệm ý tưởng và chấp nhận thất bại như một phần của quá trình học hỏi.

- Mô tả cách thức các HP được thiết kế với bài tập mở, dự án nghiên cứu đòi hỏi sáng tạo; số lượng và chất lượng của các đề tài luận án, luận văn, khóa luận hướng về giải quyết vấn đề thực tế, PVCĐ với phương pháp sáng tạo, liên ngành.

- Thống kê các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, triển lãm sáng tạo mà CSĐT đã tổ chức; tần suất tổ chức, quy mô tham gia giúp thúc đẩy tinh thần sáng tạo của người học.

- Mô tả, nhận định các số liệu cụ thể về các giải thưởng trong các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến; phân tích xu hướng phát triển qua các năm.

- Mô tả cách thức CSĐT tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào CTĐT, các HP liên quan đến khởi nghiệp, quản trị kinh doanh, kỹ năng lãnh đạo, học tập cùng cộng đồng; nội dung và phương pháp giảng dạy của các HP này.

- Mô tả các không gian hỗ trợ khởi nghiệp, diễn đàn trao đổi, trung tâm tư vấn. Nhận định chất lượng dịch vụ hỗ trợ và hiệu quả hoạt động của các cơ sở này.

- Mô tả mạng lưới kết nối với doanh nghiệp, nhà đầu tư, mentor, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp. Phân tích hiệu quả của việc kết nối này trong việc hỗ trợ người học phát triển ý tưởng kinh doanh.

- Mô tả số lượng người học tham gia các hoạt động khởi nghiệp, có ý tưởng kinh doanh khả thi, thành lập doanh nghiệp.

- Mô tả kết quả khảo sát ý kiến từ người học, doanh nghiệp, chuyên gia về hiệu quả của hoạt động dạy học trong việc thúc đẩy sáng tạo và khởi nghiệp, nhận định về hiệu quả của việc thúc đẩy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp.

***Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 3.5**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.5.1: Có quy định/kế hoạch rà soát, đánh giá, cải tiến quá trình dạy và học, trong đó có đánh giá các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời cho người học, thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp; phân tích, đối sánh sự tương thích giữa các hoạt động dạy và học với chuẩn đầu ra của học phần và của CTĐT.***

- CSĐT có quy định/kế hoạch về việc rà soát, đánh giá, cải tiến quá trình dạy và học, trong đó xác định rõ mục đích, phạm vi, chu kỳ đánh giá, tiêu chí đánh giá, phương pháp thu thập dữ liệu và cơ chế xử lý, báo cáo kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng. Quy định về việc rà soát, đánh giá, cải tiến quá trình dạy và học cần bao gồm các tiêu chí đánh giá về các hoạt động dạy

và học thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời cho người học, thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. Kế hoạch rà soát, đánh giá, cải tiến quá trình dạy và học cần cụ thể về thời gian, trách nhiệm của từng đơn vị/cá nhân và nguồn lực thực hiện.

- CSĐT có quy định và thực hiện phân tích, đối sánh sự tương thích giữa các hoạt động dạy và học với CDR của HP và của CTĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.5.2: CTĐT triển khai rà soát, đánh giá định kỳ hoạt động dạy và học.***

- CSĐT thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hoạt động dạy và học theo quy định đã ban hành; thời gian rà soát, đánh giá tham khảo quy định tại Điều 19, [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) hoặc theo quy định riêng của CSĐT.

- Thu thập dữ liệu đánh giá CTĐT từ nhiều nguồn và bằng nhiều hình thức khác nhau: kết quả học tập của người học, phản hồi của người học về hoạt động dạy và học, đánh giá của đồng nghiệp qua dự giờ, đánh giá từ nhà sử dụng lao động và cựu NH qua bảng hỏi, phỏng vấn, hội thảo, v.v.

- Kết quả rà soát, đánh giá được lưu trữ, tổng hợp và phân tích một cách có hệ thống để làm cơ sở cho việc đưa ra các quyết định cải tiến.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 3.5.3: CTĐT thể hiện việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá định kỳ để cải tiến hoạt động dạy và học, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong đào tạo trực tuyến và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng CDR của CTĐT.***

- CSĐT phân tích kết quả rà soát, đánh giá hoạt động dạy và học, sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy và học.

- Dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu nhà sử dụng lao động và phân tích xu hướng thị trường, CSĐT điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy và học để đảm bảo người học có được những kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và xu hướng của thị trường lao động hiện tại và tương lai.

- CSĐT cập nhật và áp dụng các công nghệ mới, phần mềm tiên tiến, nền tảng học tập hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến.

- CSĐT thực hiện các biện pháp cải tiến hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc học tập, đáp ứng CDR của CTĐT.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 3.5**

- CSĐT đã ban hành những quy định nào về rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học? Nội dung của các quy định này có đầy đủ và chi tiết không?

- Chu kỳ rà soát, đánh giá quá trình dạy và học được quy định như thế nào? Có phù hợp với đặc điểm của CTĐT không?

- Các tiêu chí đánh giá hoạt động dạy và học đã bao gồm những yếu tố nào? Có đề cập đến việc thúc đẩy học tập suốt đời, sáng tạo và khởi nghiệp không?

- CSĐT có quy định cụ thể về việc phân tích tương thích giữa hoạt động dạy học với CDR không?

- Các bên liên quan bên trong có hiểu rõ về quy định và kế hoạch rà soát đánh giá không? Mức độ hiểu biết như thế nào?

- CSĐT đã thực hiện bao nhiêu lần rà soát đánh giá quá trình dạy và học trong giai đoạn đánh giá? Có đúng kế hoạch không?

- Phương pháp và công cụ nào được sử dụng để thu thập thông tin trong quá trình rà soát đánh giá?

- Kết quả rà soát đánh giá được lưu trữ và xử lý như thế nào?

- CSĐT sử dụng kết quả rà soát đánh giá để cải tiến những gì trong quá trình dạy và học như thế nào?

- Việc cải tiến có dựa trên phân tích yêu cầu của thị trường lao động không? Cơ sở nào để xác định yêu cầu này?

- Các tiến bộ khoa học kỹ thuật nào đã được ứng dụng vào đào tạo trực tuyến? Hiệu quả như thế nào?

- Ứng dụng công nghệ được sử dụng trong đào tạo trực tuyến có phù hợp với quy định pháp luật hiện hành không?

- Việc cải tiến quá trình dạy và học có giúp NH đạt CDR của HP và CTĐT không?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 3.5**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- [Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT](#), ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến.

- Các tiêu chuẩn và quy định về chất lượng phần mềm giáo dục.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.5

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 3.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định/kế hoạch rà soát, đánh giá, cải tiến quá trình dạy và học<sup>15</sup>.
- Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan bên trong hiểu rõ các nội dung trong văn bản quy định/kế hoạch rà soát, đánh giá, cải tiến quá trình dạy và học.
- Văn bản cho thấy quá trình dạy và học được rà soát, cải tiến theo kế hoạch.
- Văn bản/hướng dẫn/báo cáo về phần mềm sử dụng trong đào tạo trực tuyến, đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành<sup>16</sup>.
- Văn bản/báo cáo/tài liệu phân tích về việc quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng CĐR của CTĐT<sup>17</sup>.

#### 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.5

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 3.5, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các văn bản quy định về rà soát, đánh giá, cải tiến quá trình dạy và học mà CSĐT đã ban hành, nêu rõ nội dung chính bao gồm mục đích, nguyên tắc, chu kỳ, tiêu chí đánh giá và cơ chế xử lý kết quả. Mô tả kế hoạch cụ thể về thời gian, trách nhiệm và nguồn lực thực hiện.
- Mô tả các quy trình và tiêu chí đánh giá hoạt động thúc đẩy học tập suốt đời, hoạt động thúc đẩy sáng tạo và khởi nghiệp; phân tích cách thức các tiêu chí này được xây dựng, phổ biến và áp dụng.
- Mô tả quy định về việc phân tích và đối sánh sự tương thích giữa các hoạt động dạy và học (phương pháp dạy học, nội dung giảng dạy, hoạt động học tập) với CĐR.
- Mô tả các hoạt động rà soát đánh giá đã thực hiện trong giai đoạn đánh giá, bao gồm thời gian, phạm vi, nội dung, phương pháp thu thập dữ liệu (khảo sát, phỏng vấn, quan sát giờ dạy, phân tích dữ liệu học tập) và đối tượng tham gia.
- Mô tả cơ chế phân tích, lưu trữ, tổng hợp và sử dụng kết quả rà soát đánh giá để đưa ra các biện pháp cải tiến hoạt động dạy và học cụ thể. Mô tả rõ những thay đổi, điều chỉnh đã thực hiện trong các hoạt động dạy và học.

<sup>15</sup> Quy định của CSĐT về rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kế hoạch định kỳ rà soát đánh giá hoạt động dạy và học; quy trình cụ thể thực hiện rà soát đánh giá; tiêu chí và thang đo đánh giá chất lượng dạy và học; hướng dẫn thực hiện rà soát đánh giá cho các đơn vị; minh chứng thể hiện quá trình dạy và học được rà soát, cải tiến theo kế hoạch; báo cáo thực hiện rà soát đánh giá theo từng học kỳ/năm học; biên bản các cuộc họp đánh giá hoạt động dạy học; kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động dạy học; báo cáo quan sát giờ giảng và đánh giá chất lượng; tổng hợp phản hồi từ nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo.

<sup>16</sup> Danh sách và mô tả các phần mềm đào tạo trực tuyến đang sử dụng; báo cáo đánh giá an toàn bảo mật của hệ thống LMS; chứng nhận tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; hướng dẫn sử dụng an toàn các công cụ học tập trực tuyến; báo cáo kiểm tra định kỳ về an ninh mạng.

<sup>17</sup> Báo cáo phân tích yêu cầu của thị trường lao động đối với ngành đào tạo; kế hoạch cải tiến phương pháp dạy học dựa trên kết quả rà soát; báo cáo triển khai các biện pháp cải tiến hoạt động dạy học; phân tích mức độ đạt CĐR sau các đợt cải tiến; báo cáo đánh giá hiệu quả của việc cải tiến quá trình dạy học; tài liệu so sánh kết quả đào tạo trước và sau cải tiến.

- Mô tả cách thức CSĐT khảo sát và phân tích yêu cầu của thị trường lao động, sau đó sử dụng thông tin này để điều chỉnh quá trình dạy và học. Đánh giá mức độ phù hợp giữa kết quả đào tạo với nhu cầu thực tế của nhà sử dụng lao động.

- Mô tả các công nghệ mới, phần mềm tiên tiến, nền tảng học tập hiện đại đã được ứng dụng vào đào tạo trực tuyến. Mô tả việc ứng dụng các phần mềm và hệ thống công nghệ được sử dụng trong đào tạo trực tuyến và diễn giải mức độ các hệ thống công nghệ này đáp ứng các quy định pháp luật về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư của người học. Phân tích hiệu quả của việc ứng dụng này trong việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Mô tả những cải tiến trong hoạt động dạy và học của CSĐT giúp nâng cao khả năng đạt được CĐR của CTĐT; việc sử dụng số liệu cụ thể về kết quả học tập, tỷ lệ đạt CĐR trước và sau khi thực hiện cải tiến để diễn giải hiệu quả.

- Nhận định về điểm mạnh, hạn chế trong việc rà soát đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học. Mô tả CSĐT đã cải tiến hệ thống rà soát đánh giá và nâng cao chất lượng hoạt động dạy học để đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo.

### 3.4. TIÊU CHUẨN 4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

**Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.**

#### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 4.1

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.1.1: Có quy định/quy trình hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp đánh giá KQHT của người học tương thích với CĐR của CTĐT. GV có năng lực lựa chọn, triển khai các phương pháp đánh giá KQHT tương thích với CĐR.**

- CSĐT ban hành quy định/quy trình và hướng dẫn triển khai/lựa chọn các phương pháp đánh giá KQHT của NH tương thích với CĐR của CTĐT, bao gồm các loại hình, phương pháp đánh giá phù hợp với đánh giá đầu vào (phân loại/xếp lớp, nếu có), đánh giá quá trình (trong quá trình học tập), đánh giá tổng kết và đánh giá mức độ đạt CĐR của HP và CTĐT. Đánh giá KQHT của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy sự nỗ lực của người học và hỗ trợ người học tiến bộ, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

- CSĐT cần đảm bảo GV có năng lực lựa chọn, triển khai các phương pháp đánh giá KQHT tương thích với CĐR thông qua việc tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV về kiểm tra đánh giá theo CĐR, bao gồm cả tập huấn đo lường đánh giá CĐR của HP và CĐR của CTĐT; gắn vai trò, trách nhiệm của GV trong xây dựng, triển khai các phương pháp đánh giá KQHT của người học; đánh giá năng lực GV thông qua việc thực hiện hoạt động đánh giá KQHT của người học.

- GV tham gia vào các hoạt động xây dựng, thiết kế các phương pháp đánh giá KQHT; GV hiểu rõ các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với CĐR của HP và CTĐT (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án, thuyết trình, portfolio, rubric, quan sát, phỏng vấn, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, v.v.) và biết cách kết hợp nhiều phương pháp để đánh giá toàn diện các CĐR.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.1.2: Các phương pháp đánh giá KQHT của người học thể hiện sự đa dạng, phù hợp với phương thức đào tạo trong CTĐT.**

- CTĐT sử dụng nhiều phương thức đánh giá khác nhau như: thi viết (trắc nghiệm khách quan, tự luận, tiểu luận/chuyên đề, v.v.), vấn đáp, thực hành hoặc đánh giá trình diễn (thuyết trình, báo cáo sản phẩm, dự án, portfolio), đánh giá đồng cấp hoặc tự đánh giá, đánh giá trực tuyến hoặc trực tiếp, đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ, v.v.

- Các phương pháp đánh giá KQHT của NH phù hợp với phương thức đào tạo (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, từ xa/trực tuyến, v.v.), với trình độ đào tạo (ĐH, ThS, TS), với đặc thù của HP (lý thuyết, thực hành, kỹ năng mềm, chuyên đề, khóa luận/luận văn/luận án, v.v.).

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.1.3: Các phương pháp đánh giá KQHT của người học được phổ biến đến các bên liên quan, đặc biệt là người học.**

- CSĐT có các hình thức phổ biến về các phương pháp đánh giá KQHT đến các bên liên quan. NH phải được thông tin đầy đủ, rõ ràng về cách thức đánh giá sẽ được áp dụng cho CTĐT ngay từ đầu khóa học. NH được thông tin về phương pháp đánh giá KQHT đối với các HP ngay khi bắt đầu HP, thông tin này bao gồm: tiêu chí đánh giá, thang điểm, thời gian đánh giá, hình thức đánh giá, trọng số của từng thành phần đánh giá, v.v.

- CSĐT cần có các kênh thông tin chính thức, đa dạng và hiệu quả như: bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP, website/phần mềm quản lý đào tạo, thông báo chính thức, hướng dẫn NH, Sổ tay NH v.v.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 4.1

- CSĐT đã ban hành những quy định, hướng dẫn và quy trình nào về việc thiết kế và áp dụng các phương pháp đánh giá KQHT của NH? Những quy định này có được cập nhật thường xuyên không, mức độ thường xuyên như thế nào? Nội dung các quy định/hướng dẫn này thể hiện/yêu cầu như thế nào về sự tương thích của các phương pháp đánh giá KQHT với CĐR?

- CSĐT đã tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nào cho GV về các phương pháp đánh giá KQHT dựa trên CĐR? GV thể hiện được năng lực thiết kế các phương pháp đánh giá KQHT của NH đáp ứng yêu cầu của CĐR như thế nào?

- Các phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện trong từng HP ĐCCTHP như thế nào? Mức độ phù hợp của các phương pháp này với CĐR của HP thế nào?

- Để đạt được CĐR của HP và CTĐT, GV đã kết hợp sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT như thế nào?

- CSĐT tiến hành khảo sát lấy ý kiến của NH đánh giá mức độ hài lòng đối với các phương pháp đánh giá KQHT đã áp dụng như thế nào? Kết quả khảo sát lấy ý kiến như thế nào?

- CSĐT giám sát, đánh giá năng lực của GV trong việc lựa chọn, triển khai các phương pháp đánh giá KQHT tương thích với CĐR như thế nào?

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 4.1

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

## 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.1

**Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):**

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ/kế hoạch về các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH, gồm đánh giá đầu vào (tuyển sinh), đánh giá quá trình (thời điểm NH hoàn thành các HP), đánh giá đầu ra (thời điểm NH tốt nghiệp).

- Quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp đánh giá, xây dựng đề thi phù hợp với phương thức đào tạo và tương thích với CĐR.

- ĐCCTHP có thông tin thể hiện sự đa dạng, phù hợp, và tương thích của các phương pháp đánh giá với CĐR của HP.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Ma trận liên kết các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH với CĐR của CTĐT, CĐR của HP.

- Minh chứng các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH với CĐR của CTĐT, CĐR của HP.

- Minh chứng về kế hoạch tổ chức thi và một số đề thi, bài thi, ma trận đề thi, v.v.

- Báo cáo khảo sát ý kiến NH về các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT.

- Báo cáo đánh giá năng lực của GV trong việc lựa chọn, triển khai các phương pháp đánh giá KQHT tương thích với CĐR.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.1**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các quy định, quy trình, hướng dẫn của CSĐT về việc thiết kế và áp dụng phương pháp đánh giá KQHT. Nhận định về sự đầy đủ, tính cập nhật và sự phù hợp của các quy định này giúp CSĐT triển khai thống nhất/hệ thống đánh giá CĐR của CTĐT. Mô tả các nguyên tắc cơ bản và loại hình được áp dụng trong đánh giá và quy trình thực hiện từ thiết kế đến triển khai.

- Mô tả các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT (thi viết (trắc nghiệm khách quan, tự luận, tiểu luận), vấn đáp, thi thực hành; đánh giá trình diễn (báo cáo, dự án, thuyết trình); đánh giá đồng cấp hoặc tự đánh giá, v.v.). Nhận định sự tương thích/phù hợp của từng phương pháp đánh giá với CĐR của CTĐT và với đặc thù của từng loại HP và phương thức đào tạo.

- Mô tả các CTĐT, bồi dưỡng và các biện pháp đã được CSĐT thực hiện để nâng cao năng lực cho GV về thiết kế và triển khai các phương pháp đánh giá KQHT phù hợp với CĐR. Nhận định về năng lực hiện tại của GV trong việc thiết kế, lựa chọn và triển khai các phương pháp đánh giá phù hợp với CĐR.

- Mô tả và nhận định về kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của NH về phương pháp đánh giá KQHT đã được áp dụng; các cải tiến phương pháp đánh giá KQHT dựa trên kết quả phản hồi của NH (nếu có).

- Mô tả CSĐT có các hình thức phổ biến về các phương pháp đánh giá KQHT đến các bên liên quan. NH được thông tin đầy đủ, rõ ràng về cách thức đánh giá sẽ được áp dụng cho CTĐT ngay từ đầu khóa học. NH được thông tin về phương pháp đánh giá KQHT đối với các HP ngay khi bắt đầu HP.

- Mô tả CSĐT có các kênh thông tin chính thức, đa dạng và hiệu quả phổ biến về các phương pháp đánh giá KQHT như: bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP, website/phần mềm quản lý đào tạo, thông báo chính thức, hướng dẫn NH, Sổ tay NH, v.v.

- Mô tả CSĐT đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của GV trong việc lựa chọn, triển khai các phương pháp đánh giá KQHT tương thích với CDR (nếu có).

***Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 4.2**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.2.1: Có các chính sách/quy định về đánh giá KQHT, liên chính học thuật và phúc khảo được xây dựng rõ ràng cho tất cả các phương thức đào tạo.***

- CSĐT có chính sách/quy định rõ ràng về việc đánh giá KQHT của NH (bao gồm: nguyên tắc đánh giá, các hình thức đánh giá, trọng số đánh giá, ma trận đề thi, tiêu chí chấm điểm, cách tính điểm, điều kiện tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, xử lý các trường hợp vi phạm về đánh giá KQHT, v.v.).

- CSĐT có quy định rõ ràng về liên chính học thuật (trong đó bao gồm: định nghĩa các hành vi vi phạm như gian lận thi cử, đạo văn, sao chép bài làm, v.v.; các biện pháp phòng chống và xử lý vi phạm, quy trình giải quyết các vụ việc vi phạm liên chính học thuật).

- CSĐT có quy trình phúc khảo rõ ràng, minh bạch (bao gồm: quyền và điều kiện được phúc khảo, thời hạn và cách thức nộp đơn phúc khảo, quy trình xử lý đơn phúc khảo, thành phần hội đồng phúc khảo, thời gian công bố kết quả phúc khảo) và có ứng dụng CNTT để tạo điều kiện cho NH dễ tiếp cận.

- Các quy định, chính sách/quy định về đánh giá KQHT, liên chính học thuật và phúc khảo được xây dựng và áp dụng đồng bộ, phù hợp đối với các phương thức đào tạo mà CSĐT triển khai cho CTĐT (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, từ xa/trực tuyến, v.v.).

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.2.2: Các chính sách/quy định về đánh giá KQHT và phúc khảo được phổ biến đến NH.***

- CSĐT cần phổ biến các chính sách/quy định về đánh giá KQHT và phúc khảo đến NH bằng nhiều hình thức khác nhau, đồng thời có các kênh phản hồi về khả năng nắm bắt thông tin của NH đối với các chính sách và quy định này. Các hình thức phổ biến có thể như: trang thông tin điện tử của CSĐT/phần mềm quản lý đào tạo, bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP, Sổ tay NH, thông báo chính thức, họp sinh viên, định hướng đầu khóa, v.v.

- Thông tin về các quy định đánh giá KQHT và phúc khảo phải được phổ biến ngay từ đầu khóa học hoặc đầu học kỳ, trước khi tiến hành các hoạt động đánh giá. Các thông tin phổ biến phải được thể hiện bằng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu (có thể sử dụng infographic, video hướng dẫn, v.v.).

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.2.3: Các chính sách/quy định về đánh giá KQHT và phúc khảo được triển khai thực hiện một cách nhất quán cho tất cả các phương thức đào tạo.***

- Các quy định về đánh giá KQHT và phúc khảo được áp dụng một cách thống nhất giữa các phương thức đào tạo, khóa học hay ngành học. Tính nhất quán thể hiện ở việc thực hiện đồng bộ và tuân thủ đúng quy trình, tiêu chí, thời gian quy định.

- CSĐT hướng dẫn đầy đủ cho các GV, cán bộ hỗ trợ và NH tham gia quá trình đánh giá và phúc khảo để đảm bảo triển khai đúng quy định.

- Các chính sách/quy định về đánh giá kết quả học tập và phúc khảo được CSĐT triển khai nhất quán đối với các phương thức đào tạo của CTĐT (từ xa, liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.).

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 4.2**

- Chính sách, quy định của CSĐT như thế nào về đánh giá KQHT và phúc khảo (về nguyên tắc đánh giá, các hình thức đánh giá, ma trận đề thi, tiêu chí đánh giá, cách tính điểm, điều kiện tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, xử lý các trường hợp vi phạm trong thi cử và đánh giá)? Sự đầy đủ, chi tiết, rõ ràng của các quy định này được thể hiện như thế nào? Tính thống nhất trong đánh giá KQHT của NH ở các phương thức đào tạo mà CSĐT triển khai (từ xa, liên thông, văn bằng 2, v.v.) được thể hiện như thế nào? Tính đặc thù của từng phương thức thể hiện như thế nào?

- CSĐT đã xây dựng và ban hành các quy định nào liên quan đến liên chính học thuật và phúc khảo KQHT? Các quy định này được triển khai, giám sát và rà soát như thế nào trong thực tế để bảo đảm tính nhất quán trong đánh giá KQHT?

- Các chính sách/quy định về đánh giá KQHT, liên chính học thuật và phúc khảo được xây dựng rõ ràng cho tất cả các phương thức đào tạo như thế nào?

- CSĐT đã tổ chức phổ biến các chính sách/quy định về đánh giá kết quả học tập và phúc khảo cho người học như thế nào trong quá trình đào tạo, và các kênh thông tin nào được sử dụng? Kết quả phản hồi cụ thể thế nào, có cho thấy NH, cựu NH được tiếp cận dễ dàng với quy trình quy định và phúc khảo không?

- Trong giai đoạn đánh giá, số lượng NH của CTĐT xin phúc khảo như thế nào, kết quả được xử lý thế nào? Có trường hợp vi phạm liên chính học thuật nào được phát hiện, kết quả xử lý như thế nào?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 4.2**

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Các quy định về chuẩn CTĐT thuộc lĩnh vực và các quy định khác có liên quan.

- Các quy chế tuyển sinh.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.2**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Chính sách/quy định/quy trình/hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập và phúc khảo kết quả học tập của NH cho tất cả các phương thức đào tạo.

- Các hình thức công khai chính sách/quy định/quy trình/hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập và phúc khảo đến NH (trang thông tin điện tử; bản mô tả CTĐT/ĐCCTHP, Sổ tay NH, v.v.).

- Sổ tay NH/Sổ tay GV.

- Ý kiến phản hồi của GV, NH, NH đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý CTĐT về việc triển khai các chính sách/quy định/quy trình đánh giá kết quả học tập và phúc khảo kết quả học tập của NH.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Báo cáo thống kê số lượng đơn phúc khảo, các trường hợp vi phạm liên chính học thuật của NH CTĐT hằng năm; hồ sơ, kết quả, biên bản xử lý các đơn phúc khảo, các trường hợp vi phạm liên chính học thuật.

- Minh chứng về việc tổ chức hướng dẫn GV, NH về thực hiện quy định đánh giá và phúc khảo.

- Báo cáo giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định đánh giá và phúc khảo.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.2**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về các chính sách, quy định của CSĐT về đánh giá KQHT, liên chính học thuật và phúc khảo. Nhận định mức độ chi tiết, rõ ràng và đầy đủ của các quy định này bao gồm nguyên tắc đánh giá, các hình thức đánh giá, ma trận đề thi, tiêu chí chấm điểm, cách tính điểm, điều kiện tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, xử lý các trường hợp vi phạm trong thi cử và đánh giá; các điều kiện nộp đơn phúc khảo, thời hạn, thủ tục, thành phần hội đồng phúc khảo, quy trình xử lý, thời gian công bố kết quả và các hành vi vi phạm liên chính học thuật. Mô tả việc ứng dụng công nghệ trong quy trình phúc khảo. Làm rõ sự khác biệt (nếu có) trong áp dụng các quy định đối với từng phương thức đào tạo và lý do của những khác biệt đó.

- Mô tả và nhận định về hiệu quả của các kênh thông tin được sử dụng để phổ biến các quy định đánh giá và phúc khảo đến NH (website/phần mềm quản lý NH, Sổ tay NH, thông báo, họp sinh viên, v.v.). Nhận định về mức độ tiếp cận và hiểu biết của NH về các quy định thông qua các khảo sát, phản hồi.

- Mô tả việc áp dụng nhất quán các chính sách/quy định về đánh giá KQHT và phúc khảo cho tất cả các phương thức đào tạo. Mô tả cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định

về đánh giá KQHT và các biện pháp cải thiện để đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong việc áp dụng quy định.

- Mô tả việc NH của CTĐT phúc khảo và kết quả được xử lý; các trường hợp vi phạm liên chính học thuật nào được phát hiện và kết quả xử lý, nếu có.

***Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 4.3**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.3.1: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá KQHT, xét công nhận KQHT, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học.***

- Các tiêu chí đánh giá, quy trình đánh giá KQHT, xét công nhận KQHT, xét tốt nghiệp cần được CSĐT phổ biến đầy đủ đến NH thông qua các kênh thông tin chính thức và hiệu quả (trang thông tin điện tử/phần mềm quản lý NH; bản mô tả CTĐT/ĐCCTHP, Sổ tay NH, v.v.).

- CSĐT cần tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học, người học đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình về việc triển khai các tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp làm căn cứ rà soát, điều chỉnh và cải tiến nhằm bảo đảm tính phù hợp, nhất quán và hiệu quả của các hoạt động đánh giá.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.3.2: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá KQHT, xét công nhận KQHT, xét tốt nghiệp được triển khai thực hiện một cách nhất quán.***

- Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được áp dụng thống nhất về nguyên tắc và yêu cầu đối với tất cả người học, không phân biệt khóa học, ngành học hoặc phương thức đào tạo; trong trường hợp có sự khác biệt do đặc thù đào tạo, sự khác biệt này cần được quy định rõ ràng, có căn cứ và được triển khai nhất quán.

- Các quy trình đánh giá, xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được ban hành đầy đủ, rõ ràng và được triển khai đồng bộ giữa các đơn vị; việc thực hiện các quy trình này bảo đảm tuân thủ các bước đã quy định, đồng thời cho phép xử lý các tình huống phát sinh theo cơ chế được kiểm soát.

- CSĐT có cơ chế giám sát, kiểm tra và rà soát định kỳ việc triển khai các tiêu chí và quy trình đánh giá KQHT, xét công nhận KQHT, xét tốt nghiệp; kết quả giám sát được tổng hợp, báo cáo và sử dụng làm căn cứ cho việc điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao tính nhất quán và hiệu quả của hoạt động đánh giá.

### **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 4.3**

- Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được CSĐT xây dựng và áp dụng như thế nào để bảo đảm thống nhất về nguyên tắc và yêu cầu đối với tất cả người học, không phân biệt khóa học, ngành học hoặc phương thức đào tạo? Trong trường hợp có sự khác biệt do đặc thù đào tạo, các quy định liên quan được xác định và triển khai như thế nào?

- CSĐT đã ban hành và triển khai các quy trình đánh giá, xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp như thế nào để bảo đảm sự đầy đủ, rõ ràng và thống nhất giữa các đơn vị; việc tuân thủ các bước của quy trình và xử lý các tình huống phát sinh được thực hiện như thế nào?

- CSĐT đã thiết lập và vận hành các cơ chế giám sát, kiểm tra và rà soát định kỳ việc triển khai các tiêu chí và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp như thế nào; kết quả giám sát được tổng hợp, báo cáo và sử dụng cho hoạt động điều chỉnh, cải tiến như thế nào?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 4.3**

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo ThS.

- [Thông tư 19/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo TS.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2026 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.3**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp.

- Kế hoạch triển khai các tiêu chuẩn và thủ tục về đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp; có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia; phương thức triển khai.

- Các hình thức công khai các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp (trang thông tin điện tử; bản mô tả CTĐT/ĐCCTHP, sổ tay NH, ...).

- Báo cáo đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp.

- Ý kiến phản hồi của GV, NH, NH đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình về việc triển khai các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Hồ sơ, biên bản các cuộc họp hội đồng xét tốt nghiệp.

- Minh chứng về việc thực hiện quy trình đánh giá: lịch thi, danh sách coi thi, biên bản thi, báo cáo kết quả thi.

- Báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn và quy trình.

### 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.3

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả hệ thống các tiêu chí đánh giá kết quả học tập đang áp dụng, bao gồm: các nguyên tắc đánh giá, yêu cầu đánh giá và phạm vi áp dụng đối với các khóa học, ngành học và phương thức đào tạo khác nhau. Làm rõ cách thức các tiêu chí này được xây dựng, ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn CSĐT. Mô tả rõ các trường hợp đặc thù, căn cứ pháp lý của sự khác biệt, cũng như cách thức triển khai các tiêu chí này để bảo đảm tính nhất quán và công bằng trong đánh giá kết quả học tập. Cần nêu rõ những điểm mạnh, những nội dung còn hạn chế (nếu có) và các biện pháp đã hoặc đang được triển khai nhằm cải tiến hoạt động đánh giá kết quả học tập.

- Mô tả đầy đủ và có hệ thống quy trình đánh KQHT, bao gồm các khâu: lập kế hoạch đánh giá; tổ chức thi/kiểm tra; chấm bài; nhập điểm; công bố kết quả; tiếp nhận, xử lý khiếu nại và phúc khảo. Trong quá trình mô tả, cần phân tích rõ các bước của quy trình, vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân tham gia, cũng như mối liên hệ giữa các khâu trong toàn bộ quy trình.

- Mô tả quy trình xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp, bao gồm việc thành lập hội đồng xét công nhận kết quả học tập/xét tốt nghiệp; tổ chức xét; ra quyết định công nhận kết quả học tập, công nhận tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp. Mô tả rõ cách thức các quy trình này được triển khai đồng bộ giữa các đơn vị. Nhận định về mức độ tuân thủ các quy định hiện hành, mức độ bảo đảm tính khách quan, công bằng và minh bạch trong quá trình thực hiện các quy trình đánh giá, xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp.

- Mô tả các hình thức và kênh thông tin được sử dụng để phổ biến các chính sách, quy định về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo và xét tốt nghiệp đến người học, giảng viên và các bên liên quan. Mô tả các cơ chế giám sát, kiểm tra và rà soát định kỳ đối với việc triển khai các tiêu chí và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp, bao gồm: đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm, hình thức giám sát, tần suất thực hiện và phạm vi giám sát.

***Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

#### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 4.4

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.4.1: Các phương pháp và tiêu chí đánh giá KQHT được thể hiện qua kế hoạch đánh giá học phần, bảo đảm độ giá trị<sup>18</sup>, độ tin cậy<sup>19</sup> và sự công bằng<sup>20</sup>.**

- CSĐT và GV cần lập kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học cho mỗi HP. Mỗi kế hoạch đánh giá HP phải thể hiện phương pháp và tiêu chí đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, đánh giá thực hành như bài tập, dự án, thuyết trình, v.v.), thời gian thực hiện, trọng số điểm theo từng phương pháp đánh giá, đảm bảo phù hợp với trình độ đào tạo cũng như định hướng của CTĐT.

- Phương pháp và tiêu chí đánh giá KQHT cần bảo đảm đúng mục đích đánh giá, đánh giá đúng năng lực của người học về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm và đảm bảo công bằng giữa NH ở các phương thức đào tạo khác nhau.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.4.2: Các tiêu chí đánh giá KQHT được thể hiện qua bảng tiêu chí đánh giá (rubrics), thang điểm chi tiết, để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy. Bảng tiêu chí đánh giá (rubrics), thang điểm chi tiết được công bố đến người học.**

<sup>18</sup> Độ giá trị (Validity) trong kiểm tra, đánh giá là mức độ mà phương pháp đánh giá đo lường đúng và đầy đủ các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, cũng như phẩm chất và năng lực đã được xác định. Độ giá trị được bảo đảm khi nội dung và hình thức đánh giá phản ánh đầy đủ, đại diện và phù hợp với chuẩn đầu ra (độ giá trị nội dung); khi quá trình người học thực hiện nhiệm vụ đánh giá thể hiện đúng các thao tác tư duy, kỹ năng và chiến lược cốt lõi của năng lực cần đo, không bị chi phối bởi các yếu tố ngoài phạm vi đánh giá (độ giá trị quá trình); khi cấu trúc điểm số và cách tổ chức công cụ đánh giá phản ánh đúng mô hình lý thuyết của năng lực hoặc cấu trúc tiềm ẩn cần đo lường (độ giá trị cấu trúc); khi kết quả đánh giá có khả năng khái quát hóa và duy trì tính nhất quán trong các bối cảnh, nhóm người học và hình thức đánh giá tương đương (độ giá trị khái quát hóa); khi kết quả đánh giá có mối tương quan chặt chẽ với các tiêu chí bên ngoài có giá trị đại diện cho cùng năng lực cần đo, phù hợp với mục tiêu và giả thuyết lý thuyết của chương trình đào tạo (độ giá trị tiêu chuẩn); và khi kết quả đánh giá có ý nghĩa, giá trị sử dụng trong việc ra quyết định học thuật, cải tiến hoạt động dạy học, bảo đảm công bằng và công nhận kết quả học tập của người học, đồng thời không tạo ra các hệ quả tiêu cực ngoài mong đợi (độ giá trị hệ quả).

<sup>19</sup> Độ tin cậy (Reliability) trong kiểm tra, đánh giá là mức độ ổn định và nhất quán của kết quả đánh giá khi việc đánh giá được thực hiện trong các điều kiện tương đương. Độ tin cậy được thể hiện thông qua ba phương pháp cơ bản thường được sử dụng, bao gồm: (i) độ tin cậy theo thời gian (test-retest reliability), thể hiện ở việc kết quả đánh giá không thay đổi đáng kể khi hoạt động đánh giá được lặp lại với cùng đối tượng trong những thời điểm khác nhau; (ii) độ tin cậy giữa các dạng tương đương (alternative - reliability), thể hiện ở mức độ nhất quán của kết quả khi người học thực hiện các phiên bản đề kiểm tra khác nhau nhưng tương đương về nội dung và độ khó; và (iii) độ tin cậy về tính nhất quán nội tại (internal consistency reliability), thể hiện ở mức độ tương đồng giữa các câu hỏi hoặc tiêu chí trong cùng một công cụ đánh giá khi cùng đo lường một năng lực hoặc cấu trúc tiềm ẩn. Độ tin cậy là điều kiện cần để bảo đảm chất lượng đánh giá, nhưng không thay thế cho độ giá trị của phương pháp đánh giá.

<sup>20</sup> Sự công bằng (Fairness) [1] trong kiểm tra, đánh giá là việc bảo đảm mọi người học được đánh giá trên cơ sở độ giá trị có thể so sánh được giữa cá nhân, nhóm đối tượng và bối cảnh đánh giá khác nhau, sao cho kết quả phản ánh đúng và tương đương ý nghĩa về năng lực cần đo (công bằng theo độ giá trị so sánh – *comparable validity*); được bảo đảm khi công cụ và phương pháp đánh giá không có thiên lệch (bias) về nội dung, ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá hay hình thức thể hiện, tránh tạo lợi thế hoặc bất lợi không liên quan đến năng lực đối với bất kỳ nhóm người học nào (công bằng theo nguyên tắc không thiên lệch – *absence of bias*); khi quy trình đánh giá bảo đảm đối xử công bằng và tương đương cho mọi người học, bao gồm điều kiện thi phù hợp, cơ hội làm quen với hình thức đánh giá, tiếp cận tài liệu ôn tập và quy trình chấm minh bạch, nhất quán, có khả năng giải trình (công bằng theo đối xử công bằng – *equitable treatment*); và khi người học được bảo đảm cơ hội học tập đầy đủ đối với các nội dung và năng lực được đánh giá, tránh sử dụng kết quả đánh giá cho các quyết định hệ trọng trong trường hợp người học chưa được tạo điều kiện học tập tương ứng (công bằng theo cơ hội học tập – *opportunity to learn*). Trên cơ sở phân biệt giữa bình đẳng và công bằng, việc áp dụng các điều chỉnh hợp lý đối với người học có nhu cầu đặc thù được xem là cần thiết nhằm bảo đảm cơ hội đánh giá công bằng, nhưng không làm thay đổi bản chất của chuẩn đầu ra và năng lực cần đánh giá.

[1] Hauser, R. M., & Heubert, J. P. (Eds.). (1999). *High stakes: Testing for tracking, promotion, and graduation*. National Academies Press.

- CSĐT cần xây dựng bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết đối với từng hình thức đánh giá trong học phần. Bảng tiêu chí đánh giá cần thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá kết quả học tập (nội dung và mức độ yêu cầu đối với từng tiêu chí đánh giá; mức độ đạt được của người học tương ứng với từng mức điểm; mối liên hệ giữa tiêu chí đánh giá và CDR của học phần).

- Bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết cần được công bố đến người học trước hoặc khi bắt đầu học HP. Việc công bố được thực hiện trực tiếp bởi GV và thông qua ĐCCTHP, giúp người học hiểu rõ yêu cầu và cách thức đánh giá, chủ động trong học tập và chuẩn bị cho các hoạt động đánh giá, và tăng tính minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.4.3: Giảng viên có năng lực tham gia thiết kế bảng tiêu chí đánh giá (rubrics), thang điểm chi tiết.***

- GV cần có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm để tham gia xây dựng các bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết phục vụ cho hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học. GV cần: hiểu rõ CDR của HP và CTĐT; xác định các tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu và nội dung HP; xây dựng các mức độ đánh giá và thang điểm rõ ràng, phản ánh đúng mức độ đạt được của NH; sử dụng các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm này một cách nhất quán trong quá trình đánh giá và phản hồi kết quả.

***d) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.4.4: Các phương pháp đánh giá KQHT trực tuyến bảo đảm yêu cầu về bảo mật đề thi trực tuyến và chống gian lận trong thi cử.***

- CSĐT cần đảm bảo việc tổ chức đánh giá kết quả học tập theo hình thức trực tuyến được triển khai trong điều kiện an toàn, nghiêm túc và có kiểm soát, hạn chế tối đa các rủi ro liên quan đến lộ đề thi và gian lận trong thi cử.

- Các phương pháp đánh giá trực tuyến cần được lựa chọn và thực hiện kèm theo các biện pháp bảo mật và kiểm soát phù hợp, tương ứng với đặc thù của từng hình thức đánh giá (thi trực tuyến, kiểm tra trực tuyến, bài tập trực tuyến, v.v.).

- CSĐT cần áp dụng các biện pháp quản lý, kỹ thuật đánh giá và tổ chức giám sát quá trình làm bài của người học, phát hiện các hành vi vi phạm quy chế thi và xử lý theo quy định. Việc chống gian lận không chỉ dựa vào công cụ kỹ thuật, mà còn gắn với các quy định, hướng dẫn và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập trực tuyến.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 4.4**

- Các phương pháp và tiêu chí đánh giá KQHT của các HP được CSĐT xây dựng và thể hiện như thế nào trong kế hoạch đánh giá HP để bảo đảm đánh giá đúng mục tiêu, nhất quán và công bằng đối với NH?

- Các tiêu chí đánh giá KQHT của HP được thể hiện thông qua bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết như thế nào? Việc công bố các nội dung này đến người học được CSĐT thực hiện như thế nào?

- Đội ngũ GV tham gia CTĐT được bảo đảm và phát triển năng lực tham gia thiết kế bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết cho các HP như thế nào?

- Các phương pháp đánh giá KQHT trực tuyến được CSĐT tổ chức và triển khai như thế nào để bảo đảm yêu cầu về bảo mật đề thi và phòng ngừa, phát hiện gian lận trong thi cử?

- CSĐT có thu thập phản hồi từ NH, cựu NH về chất lượng và tính công bằng của các phương pháp đánh giá không? Ý kiến phản hồi cụ thể như thế nào? CSĐT đã có những biện pháp cải tiến gì dựa trên kết quả phản hồi?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 4.4

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS.

- [Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế đào tạo từ xa.

- Các quy định của CSĐT về tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá KQHT.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.4

**Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):**

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH cho tất cả các hình thức đào tạo.

- Mẫu phiếu/bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) đánh giá bài thi cuối kỳ/cuối khóa của học phần/đề tài/đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn/luận án.

- Kế hoạch đánh giá học phần trực tuyến.

- Kế hoạch đánh giá học phần, đồ án tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án; có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia; phương thức triển khai, v.v.

- Dữ liệu về kết quả chấm thi, phúc khảo, phúc tra bài thi/kiểm tra.

**Minh chứng gợi ý khác (nếu có):**

- Tài liệu đào tạo, tập huấn cho GV về thiết kế và sử dụng tiêu chí đánh giá và các rubrics, về kiểm tra đánh giá hoặc về xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng đề thi.

- Quy định về bảo mật đề thi và chống gian lận trong thi cử (đối với các hình thức thi trực tiếp và trực tuyến).

- Phản hồi của người học về chất lượng đánh giá.

## 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.4

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 04 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả cách thức xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá của từng HP, trong đó làm rõ: mỗi HP phải thể hiện phương pháp và tiêu chí đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, đánh giá thực hành như bài tập, dự án, thuyết trình, v.v.), thời gian thực hiện, trọng số của từng phương pháp đánh giá, phù hợp với trình độ đào tạo cũng như định hướng của CTĐT. Nhận định cách kế hoạch đánh giá giúp đánh giá đúng năng lực của NH và bảo đảm tính nhất quán, công bằng giữa các lớp học, khóa học và phương thức đào tạo.

- Mô tả việc xây dựng và sử dụng rubrics và thang điểm chi tiết cho từng hình thức đánh giá trong HP, thể hiện rõ: các tiêu chí đánh giá KQHT; nội dung và mức độ yêu cầu của từng tiêu chí; mức độ đạt được của người học tương ứng với từng mức điểm; mối liên hệ giữa tiêu chí đánh giá và CDR của HP. Mô tả việc công bố rubrics và thang điểm chi tiết đến người học, bao gồm: thời điểm công bố (trước hoặc khi bắt đầu HP); hình thức công bố (ĐCCTHP, LMS, giới thiệu trực tiếp bởi GV, v.v.).

- Mô tả năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của GV để tham gia xây dựng các bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết phục vụ cho hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học (hiểu rõ CDR của học phần và CTĐT; xác định các tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu và nội dung học phần; xây dựng các mức độ đánh giá và thang điểm phản ánh đúng mức độ đạt được của người học; sử dụng rubrics và thang điểm nhất quán trong chấm điểm và phản hồi kết quả). Mô tả các biện pháp bảo đảm và phát triển năng lực của giảng viên (ban hành hướng dẫn; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; rà soát, góp ý và cải tiến rubrics trong quá trình giảng dạy học phần).

- Mô tả các phương pháp đánh giá trực tuyến được áp dụng cho CTĐT, đồng thời làm rõ các quy định, quy trình và biện pháp bảo mật đề thi trực tuyến; các biện pháp quản lý, tổ chức và kỹ thuật nhằm giám sát quá trình làm bài; cách thức phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm quy chế thi. Nhận định về hiệu quả của các biện pháp này và nêu các điều chỉnh, cải tiến đã thực hiện nhằm nâng cao tính nghiêm túc, công bằng và độ tin cậy của đánh giá trực tuyến.

- Mô tả việc thu thập ý kiến phản hồi của người học và cựu người học, phân tích kết quả phản hồi và mô tả các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả và tính công bằng của hoạt động đánh giá.

***Tiêu chí 4.5 (Tiêu chí điều kiện): Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.***

### 1. Giải thích các yêu cầu Tiêu chí 4.5

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.5.1: Các phương pháp đánh giá KQHT bảo đảm đo lường được mức độ đạt CDR của từng học phần cho tất cả các phương thức đào tạo.***

- Việc đánh giá KQHT của người học phải gắn trực tiếp với CDR của từng HP và các phương pháp đánh giá được sử dụng cần đo lường được mức độ đạt CDR đó một cách phù hợp và nhất quán, không phụ thuộc vào phương thức đào tạo.

- Mỗi HP cần xác định rõ các phương pháp đánh giá (thi, kiểm tra, bài tập, thực hành, dự án, thuyết trình, đánh giá quá trình, v.v.) và làm rõ mối liên hệ giữa từng phương pháp đánh giá với các CDR của HP. Các phương pháp đánh giá phải được lựa chọn sao cho đánh giá đúng và đủ các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm đã được xác định trong CDR HP.

- Đối với các phương thức đào tạo khác nhau (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp, vừa làm vừa học, v.v.), CSĐT cần bảo đảm: CDR của HP không thay đổi theo phương thức đào tạo; các phương pháp đánh giá có thể được điều chỉnh về hình thức tổ chức, nhưng vẫn đo lường cùng một mức độ đạt CDR; việc đánh giá được triển khai theo cùng nguyên tắc, tiêu chí và mức độ yêu cầu, tránh tình trạng đánh giá dễ hơn hoặc khó hơn giữa các phương thức đào tạo.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.5.2: Các phương pháp đánh giá KQHT bảo đảm đo lường được mức độ đạt CDR của CTĐT cho tất cả các phương thức đào tạo.**

- CSĐT cần bảo đảm rằng các phương pháp đánh giá được thiết kế và triển khai trong các HP có khả năng cung cấp dữ liệu cần thiết để đánh giá mức độ đạt được của từng CDR CTĐT, đồng thời tổng hợp và phân tích kết quả đánh giá ở cấp chương trình.

- Việc đo lường CDR CTĐT được thực hiện thông qua mối liên hệ giữa CDR HP và CDR CTĐT, trong đó: mỗi CDR CTĐT được hỗ trợ và đo lường bởi một hoặc nhiều CDR HP; các phương pháp đánh giá của HP đóng vai trò là nguồn dữ liệu đầu vào để đánh giá mức độ đạt CDR CTĐT.

- Đối với các phương thức đào tạo khác nhau (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp, vừa làm vừa học, từ xa, liên thông, v.v.), CSĐT cần áp dụng CDR thống nhất; các phương pháp đánh giá có thể khác nhau về hình thức tổ chức nhưng phải bảo đảm đo lường cùng CDR CTĐT với mức độ yêu cầu tương đương; việc tổng hợp và phân tích kết quả đánh giá để đo lường CDR CTĐT được thực hiện theo cùng nguyên tắc, tiêu chí và cách thức, tránh sự chênh lệch về mức độ đạt giữa các phương thức đào tạo do khác biệt trong cách đánh giá.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 4.5**

- Các loại dữ liệu đánh giá nào được thu thập từ các HP và được sử dụng cho việc đánh giá CDR CTĐT?

- Mối liên hệ giữa CDR học phần và CDR CTĐT được xác định và thể hiện như thế nào trong CTĐT? Việc đo lường CDR CTĐT thông qua các CDR học phần được thực hiện như thế nào?

- CSĐT thực hiện việc tổng hợp, phân tích và sử dụng kết quả đánh giá từ các học phần như thế nào để đánh giá mức độ đạt CDR CTĐT?

- Đối với các phương thức đào tạo khác nhau (từ xa, liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.), CSĐT áp dụng CDR CTĐT và tổ chức đo lường mức độ đạt CDR CTĐT như thế nào để bảo đảm tính thống nhất về nguyên tắc và mức độ yêu cầu?

- Trong trường hợp các phương pháp đánh giá được tổ chức khác nhau về hình thức giữa các phương thức đào tạo, CSĐT bảo đảm việc đo lường cùng CDR CTĐT với mức độ yêu cầu tương đương như thế nào?

### 3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 4.5

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ. Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực.

- Quy chế đào tạo trình độ ĐH/ThS/TS của Bộ GDĐT.

- Quy chế đào tạo từ xa và các quy chế khác liên quan đến đào tạo theo hình thức liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.5

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT và CĐR học phần.

- Kế hoạch triển khai đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT và CĐR học phần của NH; có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia; phương thức triển khai, ...

- Báo cáo phân tích các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện sự tương thích với CĐR của CTĐT.

- Báo cáo phân tích đánh giá mức độ tương thích của đề thi với CĐR của CTĐT.

- Báo cáo phân tích phổ điểm, mức độ phân hóa của đề thi các HP.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Một số đề thi, bài kiểm tra, phiếu đánh giá thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp.

- Kết quả đánh giá/đo lường CĐR của CTĐT và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau đánh giá.

### 5. Hướng dẫn các nội dung mô tả Tiêu chí 4.5 trong báo cáo tự đánh giá

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.5, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả quy định/quy trình/hướng dẫn GV thiết kế phương pháp đánh giá KQHT bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của từng HP cho tất cả các phương thức đào tạo, trình độ đào

tạo. Mô tả về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho GV về lựa chọn, thiết kế và sử dụng các phương pháp đánh giá, nội dung hiệu quả, phù hợp với CĐR.

- Mô tả quy trình/cách thức GV lựa chọn phương pháp đánh giá KQHT và thiết kế nội dung đánh giá; nêu các hình thức đánh giá được thiết kế để đánh giá các CĐR của HP về kiến thức, về kỹ năng và về mức tự chủ, trách nhiệm. Lấy ví dụ một số HP cụ thể để minh họa nhằm chứng minh GV có sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với CĐR của HP.

- Mô tả việc CSĐT/đơn vị thực hiện CTĐT triển khai rà soát, đánh giá hiệu quả, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các phương pháp đánh giá CĐR CTĐT được sử dụng. Nêu quy trình và các công cụ khoa học được sử dụng để thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi; nêu cụ thể kết quả thẩm định, phân tích và việc cải tiến từ các kết quả này.

- Nêu các quy định, quy trình, công cụ và hướng dẫn về đo lường mức độ đạt CĐR của CTĐT đối với NH. Làm rõ sự khác biệt trong các quy định, quy trình, hướng dẫn này khi áp dụng đối với các phương thức đào tạo, trình độ đào tạo, nếu có.

- Mô tả việc triển khai thực hiện đánh giá mức độ NH đạt được CĐR của CTĐT; nêu rõ các bước thực hiện, công cụ thực hiện và kết quả đánh giá cụ thể đối với CTĐT; việc phân tích, lập báo cáo và việc sử dụng kết quả để cải tiến CTĐT.

- Báo cáo về kết quả thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (NH, cựu NH, GV, CBQL) về các hình thức đánh giá, độ tin cậy và công bằng trong đánh giá qua các khảo sát của Trường/Khoa hằng năm và việc sử dụng các kết quả đó để cải tiến.

***Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 4.6**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.6.1: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học.***

- CSĐT cần xác định và quy định rõ khung thời gian cụ thể để phản hồi kết quả đánh giá đến NH sau mỗi lần kiểm tra, đánh giá. Thời gian phản hồi phải phù hợp với đặc thù của từng hình thức đánh giá (kiểm tra, bài tập, đồ án, thực hành, v.v.) để đảm bảo hỗ trợ NH cải tiến KQHT. Việc phản hồi kết quả đánh giá không chỉ dừng ở thông báo điểm số mà cần gắn với thông tin giải thích hoặc nhận xét cần thiết, giúp người học: hiểu được mức độ đạt CĐR của học phần; nhận diện những nội dung đã đạt và những nội dung cần cải thiện; chuẩn bị cho các hoạt động học tập hoặc đánh giá tiếp theo.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.6.2: Người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và KQHT nhờ các phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá.***

- Phản hồi giúp NH nhận ra những hạn chế trong kiến thức, kỹ năng từ đó điều chỉnh kế hoạch học tập, phân bổ thời gian học tập hợp lý hơn, thay đổi phương pháp học tập để cải thiện KQHT. Người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập được thể hiện thông qua: sự điều chỉnh trong cách học, cách chuẩn bị bài, cách tham gia các hoạt động học tập; sự tiến bộ trong kết quả của các lần đánh giá tiếp theo; phản hồi tích cực của người học về tính hữu ích của các nhận xét, góp ý từ giảng viên.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 4.6

- CSĐT đã quy định và triển khai việc phản hồi kết quả đánh giá cho người học như thế nào để bảo đảm kịp thời và phù hợp với từng hình thức đánh giá? CSĐT theo dõi và kiểm soát việc thực hiện phản hồi kết quả đánh giá của GV như thế nào để bảo đảm tính nhất quán?

- Các phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá đã hỗ trợ người học điều chỉnh việc học tập, phương pháp học tập và cải thiện kết quả học tập như thế nào? CSĐT đã sử dụng các phản hồi này để điều chỉnh cách thức phản hồi, phương pháp giảng dạy hoặc hỗ trợ học tập như thế nào?

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 4.6

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế đào tạo từ xa.

- Các quy chế, quy định nội bộ của CSĐT về thi, kiểm tra, đánh giá và công bố kết quả học tập.

- Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục có liên quan đến phản hồi và cải thiện học tập.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

## 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.6

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.6 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định/quy trình/hướng dẫn về thi, kiểm tra và đánh giá, trong đó có quy định về thời điểm phản hồi kết quả đánh giá kết quả học tập của NH.

- Ý kiến phản hồi của NH, NH đã tốt nghiệp thông qua nhiều hình thức khác nhau về phản hồi về kết quả đánh giá, tính kịp thời của phản hồi này.

- Phản hồi của GV về kết quả học tập của NH.

- Hình thức thông báo kết quả đánh giá tới NH (thông báo, bảng điểm, tài khoản).

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Screenshots/hình ảnh giao diện hệ thống thông báo kết quả đánh giá.

- Báo cáo khảo sát ý kiến NH về thời gian và cách thức phản hồi về kết quả đánh giá.

- Quy trình xử lý khiếu nại, thắc mắc của NH về kết quả đánh giá.

- Biên bản họp khoa/bộ môn về cải thiện chất lượng phản hồi kết quả đánh giá.

## 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.6

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.6, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả rõ các quy định và cách thức triển khai việc phản hồi kết quả đánh giá cho người học, bảo đảm tính kịp thời và phù hợp với từng hình thức đánh giá, gồm: khung thời gian phản hồi kết quả đánh giá được quy định cụ thể đối với từng hình thức đánh giá (kiểm tra thường xuyên, bài tập, thực hành, đồ án, thi kết thúc học phần, v.v.); các hình thức phản hồi được áp dụng (công bố điểm, nhận xét trực tiếp, phản hồi trên hệ thống quản lý học tập, góp ý bằng văn bản...); mức độ phản hồi không chỉ dừng ở thông báo điểm số, mà có kèm theo giải thích, nhận xét và định hướng cải thiện để hỗ trợ người học trong quá trình học tập tiếp theo.

- Mô tả cơ chế theo dõi và kiểm soát việc thực hiện phản hồi kết quả đánh giá của giảng viên, bao gồm: đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi; cách thức kiểm tra, giám sát và nhắc nhở; các biện pháp bảo đảm việc phản hồi được thực hiện nhất quán giữa các học phần và giảng viên.

- Mô tả và nhận định về tác động của các phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá đối với việc học tập của người học, liên quan đến: cách các phản hồi giúp người học nhận diện những hạn chế về kiến thức và kỹ năng; việc người học điều chỉnh kế hoạch học tập, phân bổ thời gian và thay đổi phương pháp học tập dựa trên các phản hồi nhận được; sự cải thiện của người học được thể hiện thông qua tiến bộ trong kết quả của các lần đánh giá tiếp theo, thay đổi tích cực trong cách học, cách chuẩn bị bài và mức độ tham gia các hoạt động học tập, phản hồi tích cực của người học về tính hữu ích của các nhận xét, góp ý từ giảng viên.

- Ngoài ra, mô tả việc sử dụng các phản hồi từ người học và kết quả đánh giá để điều chỉnh cách thức phản hồi kết quả đánh giá, cải tiến phương pháp giảng dạy, tăng cường các hoạt động hỗ trợ học tập (tư vấn học tập, hướng dẫn học tập, hỗ trợ bổ sung, v.v.).

**Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.**

### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 4.7

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.7.1: Có quy định/quy trình định kỳ rà soát hoạt động đánh giá KQHT. Hoạt động đánh giá gồm: sự tương thích của phương pháp đánh giá với CDR; độ giá trị, độ tin cậy của phương pháp đánh giá; bảng tiêu chí đánh giá (rubrics); khả năng đo lường được mức độ đạt CDR... Hoạt động rà soát, đánh giá có sự tham gia của các bên liên quan.**

- CSĐT cần ban hành và triển khai quy định/quy trình định kỳ rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập, trong đó quy định rõ: thời điểm và tần suất rà soát, đối tượng và phạm vi rà soát, bao gồm toàn bộ hoặc một phần các học phần, CTĐT.

- Nội dung rà soát hoạt động đánh giá cần tập trung vào sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và CDR của học phần và CTĐT; độ giá trị và độ tin cậy của phương pháp đánh giá, thể hiện ở việc đánh giá đúng mục tiêu, nhất quán và công bằng; việc xây dựng và sử dụng bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết; khả năng đo lường mức độ đạt CDR, bao gồm việc thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu đánh giá.

- Hoạt động rà soát, đánh giá cần có sự tham gia của các bên liên quan.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 4.7.2: Việc đánh giá KQHT và các quy định về đánh giá KQHT được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.**

- CSĐT cần bảo đảm đã thiết lập và triển khai cơ chế rà soát định kỳ đối với các phương pháp đánh giá kết quả học tập, các quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập (quy chế, hướng dẫn, biểu mẫu, v.v.).

- Hoạt động rà soát và cải tiến cần được thực hiện có kế hoạch, trong đó: nhu cầu, ý kiến và phản hồi của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, cán bộ quản lý, nhà sử dụng lao động, chuyên gia, v.v.) được thu thập và xem xét phù hợp với phạm vi rà soát; nội dung rà soát bao gồm mức độ phù hợp của phương pháp đánh giá, tính minh bạch và công bằng trong đánh giá, khả năng đo lường CĐR và mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 4.7**

- CSĐT đã thiết lập và triển khai quy định/quy trình định kỳ rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập như thế nào? Quy trình này bảo đảm việc xem xét toàn diện các phương pháp đánh giá, bảng tiêu chí đánh giá (rubrics), cũng như khả năng đo lường mức độ đạt CĐR của học phần và CTĐT như thế nào?

- Hoạt động rà soát, đánh giá hoạt động đánh giá kết quả học tập có sự tham gia của các bên liên quan nào, và vai trò của các bên liên quan được thể hiện như thế nào trong quá trình rà soát và đề xuất điều chỉnh?

- Kết quả của các hoạt động rà soát định kỳ được CSĐT sử dụng như thế nào để điều chỉnh, bổ sung và cải tiến các phương pháp đánh giá và các quy định về đánh giá kết quả học tập nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 4.7**

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế đào tạo từ xa.

- Các thông tư quy định về quy chế đào tạo ĐH, ThS và TS của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).

- Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế có liên quan (ABET, AUN-QA, v.v.).

- Các quy chế, quy định nội bộ của CSĐT về BDCL giáo dục.

- Các quy định khác có liên quan.

## **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.7**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 4.7 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Các quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về đánh giá kết quả học tập của NH đã được ban hành.

- Quy định và kết quả việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan về việc đánh giá kết quả học tập và các quy định của CSĐT về đánh giá kết quả học tập.

- Kế hoạch triển khai rà soát và cải tiến các quy định về đánh giá kết quả học tập; có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia; phương thức triển khai, v.v.

- Báo cáo phân tích việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện sự đo lường được CĐR của CTĐT, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Trang thông tin điện tử của CSĐT có thông tin về cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Ma trận liên kết giữa phương pháp đánh giá và CĐR của HP/của CTĐT.

- Báo cáo phân tích chất lượng đề thi/câu hỏi thi.

- Biên bản các cuộc họp, hội thảo có sự tham gia của các bên liên quan để rà soát hệ thống đánh giá. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng hệ thống đánh giá.

- Báo cáo so sánh hiệu quả đánh giá trước và sau khi cải tiến.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.7**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 4.7, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả việc ban hành và triển khai các quy định hoặc quy trình định kỳ rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập (thời điểm và tần suất rà soát; đối tượng và phạm vi rà soát; đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tổ chức và điều phối hoạt động rà soát).

- Mô tả nội dung rà soát hoạt động đánh giá, tập trung vào các vấn đề: sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và CĐR của học phần và CTĐT; độ giá trị và độ tin cậy của phương pháp đánh giá, thể hiện ở việc đánh giá đúng mục tiêu, nhất quán và công bằng; việc xây dựng và sử dụng bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) và thang điểm chi tiết; khả năng đo lường mức độ đạt CĐR, bao gồm việc thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu đánh giá ở cấp học phần và cấp chương trình.

- Mô tả sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động rà soát.

- Mô tả cơ chế rà soát định kỳ đối với hoạt động đánh giá kết quả học tập và các quy định liên quan (các phương pháp đánh giá kết quả học tập; các quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập).

- Mô tả việc rà soát cải tiến và nhận định về các nội dung đã được điều chỉnh, bổ sung hoặc cải tiến trên cơ sở kết quả rà soát.

### 3.5. TIÊU CHUẨN 5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

**Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.**

#### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.1

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.1.1: Có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên cho CTĐT cụ thể, khả thi theo lộ trình với chính sách và các biện pháp phù hợp để đạt được chỉ tiêu theo kế hoạch.**

- CSĐT xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV) (nếu có) tham gia CTĐT<sup>21</sup>, trong đó có các nội dung chính gồm mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV, NCV theo từng giai đoạn; giải pháp thực hiện bảo đảm số lượng và chất lượng, cơ cấu, trình độ theo quy định; định hướng bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT cần tính đến các yêu cầu của các phương thức đào tạo, yêu cầu về đào tạo, NCKH và kết nối PVCĐ. CSĐT cần phân tích, xác định nhu cầu phát triển đội ngũ GV, NCV của CTĐT dựa trên các căn cứ: mục tiêu, quy mô và định hướng phát triển của CTĐT; yêu cầu về tổ chức dạy và học theo các phương thức đào tạo (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp); yêu cầu về NCKH và PVCĐ gắn với lĩnh vực đào tạo, v.v.

- Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV xác định chỉ tiêu rõ ràng về số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ GV, NCV cho CTĐT; xác định cụ thể nhu cầu tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn cho CTĐT; đề ra các chỉ tiêu định lượng và định tính (như: tỷ lệ GV/NCV có học vị TS; tỷ lệ có học hàm GS, PGS; số lượng và chất lượng GV cơ hữu của CTĐT; tỷ lệ GV tham gia nghiên cứu và kết quả công bố khoa học; dự kiến tỷ lệ NH/GV (nếu có)).

- CSĐT cần có các chính sách ưu đãi, thu hút GV, NCV; có chế độ đãi ngộ phù hợp; cơ chế đánh giá, xét thăng hạng, bổ nhiệm đảm bảo minh bạch; có chính sách và các biện pháp hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ (đào tạo, NCKH, PVCĐ, tham gia hội thảo, đào tạo nâng cao trình độ, v.v.) hướng tới đạt được mục tiêu, chỉ tiêu theo kế hoạch.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.1.2: Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên cho CTĐT được thực hiện bảo đảm về số lượng và chất lượng, đáp ứng các yêu cầu của các phương thức đào tạo, yêu cầu về NCKH và kết nối PVCĐ.**

- CSĐT triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT thông qua các giải pháp phù hợp, bao gồm: tuyển dụng, sử dụng và bố trí GV, NCV đáp ứng yêu cầu giảng dạy/hướng dẫn trong các học phần/thành phần trong CTĐT; bồi dưỡng, phát triển năng lực (sự phạm, dạy học, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu, v.v.); hỗ trợ và khuyến khích GV, NCV tham gia NCKH, công bố khoa học, thực hiện đề tài các cấp; tạo điều kiện để GV, NCV tham gia các hoạt động PVCĐ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn; v.v.

<sup>21</sup> Giảng viên đại học bao gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên đồng cơ hữu, giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu, giảng viên thỉnh giảng (Điều 29, Chương V, [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#)).

- CSĐT theo dõi, đánh giá hiệu quả triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng đội ngũ GV<sup>22</sup>, NCV về đào tạo, NCKH và PVCĐ; kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra; các điều chỉnh, cải tiến kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả phát triển đội ngũ trong các giai đoạn tiếp theo.

Lưu ý: CSĐT bảo đảm đội ngũ GV, NCV của CTĐT đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ và cơ cấu theo quy định hiện hành về điều kiện thực hiện và duy trì ngành đào tạo; đồng thời, việc bảo đảm tỷ lệ NH/GV và bố trí GV, NCV giảng dạy các học phần/thành phần cơ bản, chuyên ngành được thực hiện trên cơ sở kế hoạch phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT và nâng cao chất lượng đào tạo.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 5.1

- CSĐT đã phân tích và xác định nhu cầu phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT như thế nào, trên cơ sở mục tiêu, quy mô và định hướng phát triển CTĐT; yêu cầu tổ chức dạy và học theo các phương thức đào tạo; yêu cầu về NCKH và PVCĐ gắn với lĩnh vực đào tạo, nhằm bảo đảm tính kế thừa, ổn định và bền vững của đội ngũ?

- Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT được CSĐT xây dựng và ban hành như thế nào, trong đó thể hiện mục tiêu, chỉ tiêu theo từng giai đoạn; các giải pháp bảo đảm số lượng, cơ cấu, trình độ đội ngũ theo quy định hiện hành; và định hướng nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH, PVCĐ?

- Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT đã được triển khai như thế nào trong thực tiễn, thông qua các giải pháp về tuyển dụng, sử dụng, bố trí đội ngũ; bồi dưỡng năng lực giảng dạy theo các phương thức đào tạo; hỗ trợ, khuyến khích tham gia NCKH và PVCĐ gắn với CTĐT?

- CSĐT đã ban hành những chính sách nào để thu hút, phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT? Các chính sách này có được triển khai hiệu quả không? CSĐT đã thực hiện những biện pháp nào để thu hút, tuyển dụng GV, NCV có trình độ cao? Hiệu quả của các biện pháp này như thế nào?

- CSĐT theo dõi, đánh giá hiệu quả triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT như thế nào, xét trên mức độ đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCĐ; kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra; và các điều chỉnh, cải tiến được thực hiện trong các giai đoạn tiếp theo?

---

<sup>22</sup> Chất lượng đội ngũ GV:

- Chất lượng hoạt động dạy học của đội ngũ GV, NCV (đánh giá chất lượng giảng dạy của NCV nếu NCV có giảng dạy) của CTĐT thể hiện qua năng lực sư phạm; kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học, triển khai KTĐG; khả năng cập nhật kiến thức, tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn nghề nghiệp; khả năng ứng dụng công nghệ; khả năng tổ chức thực hiện phương thức đào tạo như trực tiếp, trực tuyến, kết hợp, v.v.

- Chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ GV, NCV của CTĐT thể hiện qua kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH, tham gia các đề tài nghiên cứu các cấp (cơ sở/cấp bộ/cấp nhà nước/đề tài các quỹ); các công bố, xuất bản sách; hướng dẫn NH NCKH; kết hợp nghiên cứu với giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo, v.v.

- Chất lượng hoạt động PVCĐ của đội ngũ GV, NCV của CTĐT thể hiện qua các hoạt động như nghiên cứu chuyên gia KHCN, chuyển giao tri thức, tư vấn chuyên môn; kết nối với doanh nghiệp, tổ chức xã hội; tham gia các dự án phục vụ cộng đồng; đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, v.v.

- Việc đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ, cơ cấu đội ngũ; tỷ lệ NH/GV; bố trí GV giảng dạy các học phần (cơ sở ngành và chuyên ngành) theo quy định hiện hành được CSĐT thực hiện và quản lý như thế nào nhằm BĐCL CTĐT?

- Cơ cấu đội ngũ GV, NCV của CTĐT hiện tại như thế nào về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi? Có đạt được các chỉ tiêu kế hoạch không? Có phù hợp với yêu cầu theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT về chuẩn CSĐT và điều kiện duy trì ngành/CTĐT không?

- Tỷ lệ NH/GV của CTĐT qua các năm thay đổi như thế nào? Có đáp ứng yêu cầu và BĐCL đào tạo không?

- CSĐT đã đầu tư bao nhiêu kinh phí cho việc thu hút, phát triển, tập huấn/bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV? Việc sử dụng kinh phí có hiệu quả không?

- Các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho GV, NCV được tổ chức như thế nào? Tần suất và chất lượng các hoạt động này như thế nào?

- GV, NCV của CTĐT có tham gia tích cực vào hoạt động NCKH không? Số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu như thế nào?

- Đội ngũ GV, NCV có tham gia vào kết nối và PVCĐ không? Các hoạt động PVCĐ cụ thể nào đã được thực hiện?

- CSĐT có cơ chế đánh giá, theo dõi hiệu quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ không? Kết quả đánh giá như thế nào?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 5.1**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về Chuẩn cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 05/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập và trường cao đẳng sư phạm.

- Các thông tư quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh và đào tạo theo ngành, lĩnh vực đào tạo cần thực hiện trong giai đoạn đánh giá.

- Các quy định cập nhật có liên quan về chế độ, chính sách đối với GV, NCV của các Bộ ngành liên quan, Bộ Nội vụ, Bộ GDĐT.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.1**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Hướng dẫn xây dựng và các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT (kế hoạch bao gồm: số lượng GV, NCV cần có; học hàm/học vị; nội dung, thời gian, nguồn lực) đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- CSDL về GV, NCV của CTĐT từng năm trong chu kỳ KĐCLGD (danh sách bao gồm các thông tin về: cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, vị trí công tác của GV, NCV).

- Thống kê số NH/GV quy đổi hằng năm theo đề án tuyển sinh.

- Thống kê kinh phí được đầu tư cho việc phát triển đội ngũ GV, NCV.

- Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV cho CTĐT.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Chiến lược phát triển của CSĐT trong đó có chiến lược thành phần về phát triển nguồn nhân lực thể hiện mục tiêu, chỉ tiêu chiến lược hoặc Kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực/GV.

- Nghị quyết của tổ chức Đảng của CSĐT về phát triển đội ngũ GV, NCV của CSĐT/CTĐT.

- Đề án VTVL kèm theo mô tả công việc và khung năng lực GV, NCV.

- Văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với GV, NCV của CSĐT.

- Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm GV, NCV trong chu kỳ đánh giá phục vụ CTĐT.

- Danh sách GV, NCV được quy hoạch và được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của CTĐT.

- Báo cáo về hoạt động giảng dạy của GV, NCV có kết quả giảng dạy của GV của CTĐT;

- Báo cáo về hoạt động NCKH của GV, NCV có kết quả nghiên cứu và công bố khoa học của CTĐT.

- Báo cáo về kết quả hoạt động PVCĐ của GV, NCV của ngành, CTĐT.

### 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.1

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả cách thức CSĐT phân tích nhu cầu phát triển đội ngũ GV, NCV (nếu có) dựa trên mục tiêu, quy mô, định hướng phát triển CTĐT; yêu cầu tổ chức dạy học theo các phương thức đáp ứng của CTĐT (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp); yêu cầu về NCKH và PVCĐ gắn với ngành đào tạo. Mô tả nhu cầu phát triển đội ngũ GV, NCV tham gia CTĐT; những yêu cầu mới đặt ra đối với đội ngũ GV, NCV và cách CSĐT xem xét tính kế thừa, ổn định và bền vững của đội ngũ.

- Mô tả kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV được xây dựng và ban hành theo thời điểm/giai đoạn (thời điểm ban hành; phạm vi áp dụng cho CTĐT); mối liên hệ với chiến lược phát triển của CSĐT; nội dung chính của kế hoạch (mục tiêu, chỉ tiêu theo từng giai đoạn; giải pháp bảo đảm số lượng, cơ cấu, trình độ đội ngũ; định hướng nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ cho đội ngũ GV, NCV, v.v.).

- Mô tả kế hoạch phát triển đội ngũ được triển khai kèm theo số liệu như: tuyển dụng, sử dụng, bố trí GV, NCV; bồi dưỡng năng lực giảng dạy theo các phương thức đào tạo; hỗ trợ, khuyến khích tham gia NCKH; tham gia các hoạt động PVCĐ gắn với CTĐT. Bảng thống kê chi tiết về cơ cấu đội ngũ theo độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, nhận định về mức độ phù hợp với yêu cầu của CTĐT.

- Mô tả cơ chế theo dõi, đánh giá; bộ phận đầu mối theo dõi; tiêu chí/chỉ số đánh giá; yêu cầu giảng dạy, NCKH, PVCĐ.

- Mô tả mức độ đáp ứng của đội ngũ GV, NCV đối với CTĐT, gồm: số lượng, trình độ, cơ cấu đội ngũ; tỷ lệ NH/GV; bố trí GV giảng dạy HP/thành phần của CTĐT.

- Mô tả, nhận định về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ so sánh với mục tiêu đã đề ra thông qua: các báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch qua các năm trong chu kỳ đánh giá; phân tích những thành tựu đạt được và những hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Mô tả các chính sách thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ GV, NCV cho CTĐT; mô tả các biện pháp chính trong hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm và năng lực thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ của CTĐT.

- Thống kê, nhận định về kinh phí đã đầu tư cho việc phát triển đội ngũ qua các năm; mức độ đầu tư so với yêu cầu về quy mô phát triển đội ngũ GV, NCV của CTĐT.

- Đánh giá năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo: phân tích khả năng đội ngũ GV, NCV đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy các phương thức khác nhau, sử dụng CNTT trong giảng dạy, BĐCL đào tạo.

- Mô tả, nhận định về kết quả các hoạt động NCKH của GV, NCV (số lượng công trình nghiên cứu, bài báo khoa học, đề tài NCKH, sáng chế, v.v.); đánh giá mức độ tham gia và chất lượng hoạt động NCKH.

- Mô tả, nhận định về kết quả kết nối và PVCĐ của đội ngũ GV, NCV (bao gồm tư vấn chuyên môn, chuyên giao tri thức/công nghệ, hợp tác với doanh nghiệp, tham gia các dự án phát triển địa phương/cộng đồng, v.v.).

**Tiêu chí 5.2 (Tiêu chí điều kiện): Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.**

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.2**

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.2.1: Số lượng đội ngũ GV, nghiên cứu viên tham gia CTĐT đáp ứng yêu cầu theo các phương thức tổ chức CTĐT theo quy định.**

- Số lượng GV tham gia CTĐT<sup>23</sup> phải đáp ứng yêu cầu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và chủ trì giảng dạy CTĐT theo quy định ([Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#), Thông tư quy định về Chuẩn CTĐT (nếu có)) và quy định đặc thù khác đối với ngành đào tạo/CTĐT.

- Số lượng GV phải đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ GDĐT về đào tạo theo các phương thức tổ chức đào tạo khác nhau của CTĐT.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.2.2: Chất lượng đội ngũ GV, NCV đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT theo quy định.**

- GV, NCV thực hiện CTĐT (bao gồm GV chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và chủ trì giảng dạy CTĐT theo quy định) được BĐCL, thể hiện qua năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm và năng lực triển khai các hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, NCKH và PVCĐ; GV tham gia CTĐT phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật giáo dục ĐH, Luật Nhà giáo và yêu cầu duy trì ngành đào tạo theo quy định ([Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT](#), [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#), Thông tư quy định về Chuẩn CTĐT (nếu có)) và quy định đặc thù khác đối với ngành đào tạo/CTĐT.

- GV, NCV tham gia CTĐT được phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của GV. GV cần có năng lực, kinh nghiệm giảng dạy NCKH trong lĩnh vực chuyên môn đối với các HP được phân công, đáp ứng yêu cầu quy định.

- GV, NCV phải am hiểu về CTĐT và có khả năng triển khai thực hiện CTĐT.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.2.3: Thực hiện việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV để cải thiện chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ.**

- CSĐT có quy định chế độ làm việc, định mức công việc của GV, NCV.

- CSĐT có hệ thống các quy định/quy chế/hướng dẫn đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV; có kế hoạch phân công đơn vị/cá nhân thực hiện đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV của CTĐT.

- CSĐT triển khai thực hiện đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua tự đánh giá, đánh giá của đồng nghiệp, của trường đơn vị và các phương thức khác (như: thông qua qua dự giờ, phản hồi của NH, v.v.).

- CSĐT có dữ liệu đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV của CTĐT.

<sup>23</sup> Giảng viên đại học bao gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên đồng cơ hữu, giảng viên hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu, giảng viên thỉnh giảng (Điều 29, Chương V, [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#)).

**d) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.2.4: Sử dụng kết quả đo lường, giám sát khối lượng, số lượng và chất lượng công việc của GV, NCV để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ.**

- CSĐT sử dụng kết quả đo lường và giám sát việc thực hiện khối lượng công việc để điều chỉnh, phân bổ hợp lý các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ, đồng thời cải tiến chính sách, cơ chế đối với GV, NCV.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 5.2**

- CSĐT có đảm bảo số lượng GV, NCV đáp ứng quy định hiện hành để thực hiện và duy trì CTĐT? tỷ lệ NH/GV có đáp ứng yêu cầu quy định về tuyển sinh và đào tạo không?

- CSĐT có cơ chế và có đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm trong thực hiện quy hoạch/kế hoạch phát triển đội ngũ đảm bảo đủ số lượng, chất lượng đội ngũ GV, nghiên cứu viên và giám sát đánh giá khối lượng, kết quả thực hiện NV của GV cho CTĐT?

- Cơ cấu đội ngũ GV, NCV theo trình độ (TS, ThS), chức danh (giáo sư, phó giáo sư) và độ tuổi hiện nay như thế nào? Có đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành về: tiêu chuẩn tối thiểu của CSĐT, tiêu chuẩn đối với GV chủ trì và thực hiện CTĐT theo quy định về mở ngành và duy trì ngành/CTĐT.

- Trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy và nghiên cứu của đội ngũ GV, NCV có phù hợp với các HP được phân công giảng dạy theo quy định không?

- CSĐT có quy định, cơ chế, quy trình và được thực hiện trong thực tế để theo dõi, đánh giá việc phân công và giám sát khối lượng, kết quả thực hiện NV của GV không?

- Quy trình phản hồi và kết quả đánh giá được thực hiện như thế nào? Kết quả đánh giá được sử dụng như thế nào để nâng cao chất lượng?

- CSĐT đã có những giải pháp/hoạt động cải tiến cụ thể nào để tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ GV này trong những năm gần đây?

- Hiệu quả của những giải pháp cải tiến chất lượng đã thực hiện như thế nào?

## **3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 5.2**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- Luật Nhà giáo - Luật số [73/2025/QH15](#).

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh ĐH, ThS, TS và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Các Thông tư bổ sung, quy định về xác định chỉ tiêu hằng năm (nếu có).

- [Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục ĐH.

- [Nghị định 111/2017/NĐ-CP](#) ngày 05/10/2017 quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe và các văn bản quy định về đào tạo trong các lĩnh vực chuyên ngành.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.2**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định về chế độ làm việc, định mức công việc của GV, NCV.

- Bảng trích ngang thông tin về GV, NCV của CTĐT (danh sách bao gồm các thông tin về: thâm niên công tác, cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, học vị, học hàm, các chứng chỉ, vị trí công tác của GV, NCV).

- Bảng thống kê số lượng thừa giờ/thiếu giờ giảng dạy, NCKH, PVCD của GV, NCV (bao gồm cả giờ quy đổi, nếu có).

- Bản mô tả VTVL của GV, NCV.

- Hồ sơ cán bộ của GV, NCV.

- Báo cáo cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD dựa trên kết quả đo lường, giám sát khối lượng, số lượng và chất lượng công việc của GV, NCV

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Danh sách tổng hợp GV, NCV thực hiện CTĐT trong giai đoạn đánh giá có trích ngang thông tin về GV, NCV (bao gồm thông tin về: thâm niên công tác, tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, học vị, học hàm và chuyên môn được đào tạo bậc sau ĐH); có phân loại GV, NCV (Cơ hữu, toàn thời gian, thỉnh giảng).

- Quyết định phân công GV chủ trì và GV thực hiện CTĐT.

- Kế hoạch giảng dạy/và phân công GV cơ hữu chủ trì ngành/CTĐT và GV giảng dạy các HP cơ sở ngành và chuyên ngành trong 05 năm chu kỳ đánh giá.

#### **5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.2**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 04 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về số lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện CTĐT: Tổng số GV, NCV theo trình độ; số lượng/tỷ lệ GV cơ hữu, thỉnh giảng và so sánh với quy định thực hiện CTĐT; tỷ lệ NH/GV theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh và so sánh mức độ đáp

ứng với nhu cầu thực tế và quy mô đào tạo của CTĐT. Nhận xét khi so chiếu với các quy định của Bộ GDĐT và các quy định khác của pháp luật về số lượng và yêu cầu về cơ cấu trình độ GV thực hiện CTĐT. Nhận xét về việc phân công GV giảng dạy theo các thành phần/HP của CTĐT.

- Mô tả về chất lượng đội ngũ GV, NCV đáp ứng yêu cầu CTĐT:

+ Trình độ chuyên môn (TS, ThS) theo cơ cấu đơn vị phụ trách CTĐT và từng HP theo khối kiến thức ngành, chuyên ngành của CTĐT và nhận định mức độ đáp ứng theo quy định; Sự phù hợp về chuyên môn đối với HP đảm nhiệm (chuyên ngành được đào tạo bậc SDH của các GV phụ trách các HP chuyên ngành, cơ sở ngành).

+ Số lượng và tỷ lệ GV có chức danh GS, PGS tham gia giảng dạy CTĐT (cơ hữu và thỉnh giảng).

+ Năng lực chuyên môn và khả năng sử dụng ngoại ngữ, CNTT, kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu và thành tích đạt được trong giảng dạy, NCKH, kết nối, PVCĐ của GV, NCV tham gia CTĐT.

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, NCKH và các yêu cầu trong thiết kế, phát triển và thực hiện CTĐT của GV đơn vị phụ trách CTĐT và GV thực hiện CTĐT.

- Mô tả về hệ thống đo lường, giám sát khối lượng, số lượng và chất lượng công việc của GV, NCV để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ:

+ Mô tả CSĐT có quy định chế độ làm việc, định mức công việc của GV, NCV.

+ Mô tả CSĐT có hệ thống các quy định/quy chế/hướng dẫn đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV; có kế hoạch phân công đơn vị/cá nhân thực hiện đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV của CTĐT.

+ Mô tả CSĐT triển khai thực hiện đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.

+ Mô tả CSĐT có dữ liệu đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV của CTĐT.

***Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.3**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.3.1: Có văn bản xác định rõ năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên phù hợp với các quy định hiện hành.***

- CSĐT có văn bản quy chế/quy định/hướng dẫn xác định rõ ràng năng lực của đội ngũ GV, NCV tham gia CTĐT. Văn bản này phải được ban hành theo thẩm quyền và được phổ biến rộng rãi đến các bên có liên quan trực tiếp; được rà soát, cập nhật.

- Năng lực của GV, NCV cần được mô tả chi tiết bao gồm: năng lực chuyên môn (kiến thức chuyên môn, khả năng NCKH, v.v.), năng lực sư phạm (kỹ năng giảng dạy, thiết kế và áp dụng phương pháp KTĐG, áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, v.v.), năng lực xây dựng và phát triển CTĐT, năng lực đổi mới sáng tạo, ứng dụng CNTT, năng lực ngoại ngữ, năng lực quản lý và lãnh đạo (nếu có), năng lực hợp tác, kết nối và PVCĐ, v.v.

- CSĐT cần xây dựng các KPIs gắn với các năng lực của GV, NCV; xây dựng bản mô tả công việc chi tiết cho từng vị trí GV, NCV, trong đó nêu rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu về năng lực.

- Việc xác định năng lực tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn GV giáo dục ĐH, chuẩn CTĐT, các quy định khác và phù hợp với định hướng phát triển của CSĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.3.2: Thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên.***

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV. Văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ cần thể hiện mục đích đánh giá; các cách tiếp cận đánh giá năng lực của GV, NCV; thời điểm đánh giá (mỗi tháng/quý/năm học/khóa học); phương pháp và hình thức đo lường đánh giá năng lực của GV, NCV; cách thức thu thập, phân tích kết quả, lưu trữ dữ liệu, báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá năng lực của GV, NCV. CSĐT có thể sử dụng nhiều phương pháp đánh giá (tự đánh giá, đánh giá từ các cấp quản lý, đánh giá từ đồng nghiệp, đánh giá từ NH, quan sát trực tiếp giờ giảng, đánh giá hồ sơ và thành tích, v.v.).

- CSĐT xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các đơn vị/cá nhân liên quan triển khai đánh giá năng lực của GV, NCV.

- CSĐT cần tổ chức đánh giá năng lực của mỗi GV, NCV trên cơ sở các năng lực đã được xác định phù hợp với quy định và yêu cầu thực hiện CTĐT. Việc đánh giá năng lực được triển khai thực hiện thông qua các tiêu chí, công cụ và quy trình phù hợp; được thực hiện định kỳ; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.3.3: Thông tin kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV tới các bên liên quan trực tiếp.***

- CSĐT cần thông tin kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV tới các bên liên quan trực tiếp theo phạm vi và hình thức phù hợp (lãnh đạo CSĐT, lãnh đạo đơn vị (khoa/bộ môn/CTĐT), GV, NCV được đánh giá).

- Thông tin kết quả đánh giá cần bao gồm mức độ năng lực đạt được (có thể chi tiết theo từng loại năng lực), điểm mạnh và điểm cần cải thiện để nâng cao năng lực.

- Thông tin về kết quả đánh giá cần tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin cá nhân, đảm bảo đúng đối tượng và đúng thẩm quyền.

- Kết quả đánh giá và các thông tin phản hồi về năng lực của đội ngũ GV, NCV cần được sử dụng để cải tiến quản trị nhân lực, nâng cao chất lượng CTĐT; làm căn cứ để bồi dưỡng, phát triển đội ngũ.

**2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 5.3**

- CSĐT đã ban hành những văn bản nào xác định năng lực của đội ngũ GV, NCV? Nội dung các văn bản này như thế nào? Văn bản này có được ban hành đúng thẩm quyền, có tính chất bắt buộc và được phổ biến rộng rãi các bên có liên quan trực tiếp không? Có được rà soát, điều chỉnh không?

- Năng lực của GV, NCV được CSĐT xác định bao gồm những năng lực nào? CSĐT có xây dựng các KPIs gắn với các năng lực của GV, NCV không?

- Việc xác định năng lực tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn GV giáo dục ĐH, chuẩn CTĐT, các quy định khác không? Có phù hợp với định hướng phát triển của CSĐT không?

- Bản mô tả VTVL của GV, NCV được xây dựng như thế nào? Có thể hiện rõ yêu cầu năng lực cho GV, NCV không?

- CSĐT có ban hành quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV không? CSĐT đã xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV như thế nào? Các bên liên quan nào tham gia vào xây dựng? GV, NCV có được tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực không? Các tiêu chí có phù hợp và có thể đo lường được không? Những phương pháp nào được sử dụng để đánh giá năng lực GV, NCV?

- Quy trình đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV bao gồm những bước nào? Quy trình này có được thực hiện một cách nhất quán và định kỳ không? Kết quả đánh giá có đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch không?

- CSĐT đã thông tin kết quả đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV đến những bên liên quan nào? Hình thức và nội dung thông tin như thế nào? GV, NCV phản hồi về kết quả đánh giá năng lực như thế nào?

- CSĐT có cơ sở dữ liệu lưu trữ kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV không? Việc quản lý và sử dụng dữ liệu này như thế nào?

- Từ kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV, CSĐT đã triển khai những hoạt động nào để cải tiến chất lượng và hiệu quả của các hoạt động này như thế nào?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 5.3**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Nghị định 106/2020/NĐ-CP](#) ban hành Nghị định về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- [Thông tư 04/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành GDĐT trong các cơ sở giáo dục ĐH và các trường cao đẳng sư phạm công lập.

- [Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Các quy định khác có liên quan về yêu cầu năng lực của GV, NCV và đánh giá năng lực và quản lý nguồn nhân lực trong các CSĐT ĐH.

- Văn bản quy định về hoạt động/nhiệm vụ PVCD của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.3

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Bản mô tả VTVL của GV, NCV.
- Văn bản quy định và hướng dẫn, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV (bao gồm bộ chỉ số đánh giá năng lực GV, NCV).
- CSDL, kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV của CTĐT được đánh giá.
- Báo cáo/công văn/thông báo kết quả đánh giá năng lực của GV, NCV.
- Hoạt động cải tiến chất lượng (đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ GV, NCV; đầu tư nguồn lực,...) từ kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Bộ chỉ số KPIs gắn với các năng lực của GV, NCV.
- Đề án VTVL.

#### 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.3

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về văn bản quy chế/quy định/hướng dẫn xác định các năng lực của đội ngũ GV, NCV tham gia CTĐT; chủ thể ban hành văn bản; việc phổ biến, thông báo văn bản đến các bên có liên quan trực tiếp; việc rà soát, cập nhật văn bản.

- Mô tả các năng lực của GV, NCV được xác định dựa trên căn cứ các quy định của pháp luật (về tiêu chuẩn GV giáo dục ĐH, chuẩn CTĐT và các quy định hiện hành khác) và phù hợp với định hướng phát triển của CTĐT/CSĐT.

- Mô tả cụ thể các năng lực của GV, NCV tham gia CTĐT đã được CSĐT xác định.

- Mô tả CSĐT xây dựng các KPIs (nếu có) gắn với các năng lực của GV, NCV; xây dựng bản mô tả công việc chi tiết cho từng vị trí GV, NCV, trong đó nêu rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu về năng lực.

- Mô tả CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV, thể hiện cách tiếp cận đánh giá năng lực của GV, NCV; thời điểm đánh giá (mỗi tháng/quý/năm học/khóa học); phương pháp và hình thức đo lường đánh giá năng lực của GV, NCV; cách thức thu thập, phân tích kết quả, lưu trữ dữ liệu, báo cáo và sử dụng kết quả.

- Mô tả các phương pháp đánh giá (tự đánh giá, đánh giá từ các cấp quản lý, đánh giá từ đồng nghiệp, đánh giá từ NH, quan sát trực tiếp giờ giảng, đánh giá hồ sơ và thành tích, v.v.) CSĐT sử dụng để đánh giá năng lực của GV, NCV.

- Mô tả CSĐT xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các đơn vị/cá nhân liên quan triển khai đánh giá năng lực của GV, NCV.

- Mô tả CSĐT tổ chức đánh giá năng lực của mỗi GV, NCV trên cơ sở các năng lực đã được xác định phù hợp với quy định và yêu cầu thực hiện CTĐT; việc đánh giá năng lực được

triển khai thực hiện thông qua các tiêu chí, công cụ và quy trình phù hợp; được thực hiện định kỳ; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

- Mô tả CSĐT thông tin kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV tới các bên liên quan trực tiếp theo phạm vi và hình thức phù hợp (lãnh đạo CSĐT, lãnh đạo đơn vị (khoa/bộ môn/CTĐT), GV, NCV được đánh giá). Phản hồi của GV, NCV về kết quả đánh giá năng lực.

- Mô tả thông tin về kết quả đánh giá tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin cá nhân, đảm bảo đúng đối tượng và đúng thẩm quyền.

- Mô tả kết quả đánh giá và các thông tin phản hồi về năng lực của đội ngũ GV, NCV được sử dụng để cải tiến quản trị nhân lực, nâng cao chất lượng CTĐT; làm căn cứ để bồi dưỡng, phát triển đội ngũ; làm căn cứ để đãi ngộ, thi đua khen thưởng, v.v.

***Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.***

#### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.4**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.4.1: GV, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.***

- CSĐT phân công nhiệm vụ giảng dạy cho GV, NCV tham gia CTĐT căn cứ vào trình độ, chuyên môn được đào tạo và kinh nghiệm giảng dạy, NCKH phù hợp yêu cầu thực hiện CTĐT. CSĐT cần có hệ thống CSDL về trình độ, năng lực và kinh nghiệm của GV, NCV để phân công nhiệm vụ phù hợp để đảm nhận giảng dạy theo các HP, tham gia các hoạt động NCKH và các hoạt động PVCĐ theo thể mạnh và năng lực của từng cá nhân.

- Phân công nhiệm vụ cần đảm bảo sự cân bằng về khối lượng công việc giữa các GV, NCV tham gia CTĐT, tránh tình trạng quá tải hoặc không đủ khối lượng công việc theo quy định.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.4.2: GV, NCV được tham khảo ý kiến khi phân công nhiệm vụ.***

- CSĐT triển khai lấy ý kiến của GV, NCV tham gia CTĐT về nhiệm vụ được phân công, đảm bảo sự khách quan, dân chủ, công bằng.

- CSĐT có cơ chế xử lý, tiếp thu ý kiến phản hồi phù hợp trong việc phân công nhiệm vụ đối với GV, NCV của CTĐT.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.4.3: Nhiệm vụ của GV, NCV được thông báo đến các bên liên quan.***

- CSĐT cần thông báo đến các bên liên quan (bao gồm lãnh đạo CSĐT, lãnh đạo đơn vị (khoa/bộ môn); cá nhân GV, NCV, NH; phòng ban liên quan (bộ phận quản lý đào tạo, bộ phận quản lý KHCN), đối tác hợp tác nếu có) về nhiệm vụ được phân công của GV, NCV tham gia CTĐT.

- Thông báo cần bao gồm danh sách GV, NCV của CTĐT được phân công, các HP được giảng dạy, nhiệm vụ NCKH, PVCĐ cụ thể được giao, yêu cầu kết quả cụ thể đối với từng nhiệm vụ, thời gian thực hiện, địa điểm, v.v. (nếu có).

- CSĐT sử dụng các hình thức thông báo phù hợp (như văn bản chính thức, email, thông báo trên website, bảng tin, hộp giao ban, v.v.); đảm bảo thông tin được cung cấp kịp thời và đúng đối tượng.

- Khi có sự thay đổi trong việc phân công nhiệm vụ, CSĐT/GV, NCV cần thông báo kịp thời đến các bên liên quan đảm bảo sự phối hợp trong hoạt động diễn ra thuận lợi.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 5.4**

- CSĐT tổ chức phân công nhiệm vụ cho đội ngũ GV, NCV tham gia CTĐT như thế nào trên cơ sở các quy định, quy trình, tiêu chí được ban hành? Việc phân công có bảo đảm sự phù hợp giữa nhiệm vụ được giao với trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của từng cá nhân GV, NCV trong thực hiện CTĐT?

- Ý kiến của GV, NCV được CSĐT thu thập, xem xét và sử dụng như thế nào trong quá trình phân công nhiệm vụ, nhằm bảo đảm tính phù hợp, đồng thuận và hiệu quả trong triển khai CTĐT?

- CSĐT theo dõi và điều chỉnh việc phân bổ khối lượng công việc của GV, NCV như thế nào nhằm bảo đảm sự cân đối, tránh quá tải hoặc phân công chưa phù hợp trong giảng dạy, NCKH và PVCĐ?

- Việc phân công nhiệm vụ của GV, NCV được thông tin tới các bên liên quan qua các kênh thông tin nào? Có bảo đảm được sự phối hợp hiệu quả trong tổ chức và thực hiện CTĐT không?

- CSĐT đã đánh giá và thực hiện những cải tiến nào trong công tác quản lý và phân công nhiệm vụ đối với GV, NCV nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ và chất lượng thực hiện CTĐT?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 5.4**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục ĐH.

- [Nghị định 106/2020/NĐ-CP](#) ban hành Nghị định về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- [Thông tư 04/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành GDĐT trong các cơ sở giáo dục ĐH và các trường cao đẳng sư phạm công lập.

- Các quy định khác có liên quan về phân công nhiệm vụ và quản lý GV của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của GV ĐH.
- Văn bản quy định về hoạt động/nhiệm vụ PVCD của CSĐT.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.4**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Bảng mô tả công việc của GV, NCV tham gia thực hiện CTĐT.
- Bảng lý lịch trích ngang đội ngũ GV, NCV tham gia thực hiện CTĐT.
- Ý kiến phản hồi của GV, NCV về việc phân công nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCD.
- Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV, NCV về mức độ hài lòng với việc phân công nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCD.
- Kết quả đánh giá của NH/bộ môn về kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCD của GV, NCV.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Quy chế, quy định về nhiệm vụ GV, NCV, quy đổi khối lượng công việc và quy trình bổ nhiệm, phân công GV, NCV thực hiện CTĐT.
- Tiêu chí phân công nhiệm vụ cho GV, NCV do CSĐT ban hành và việc thực hiện ở Khoa/đơn vị phụ trách CTĐT.
- Kế hoạch đào tạo của CTĐT hằng năm.
- Kế hoạch, nhiệm vụ cá nhân GV, NVC được duyệt.
- Danh sách GV hướng dẫn luận văn, luận án, đồ án tốt nghiệp.
- Báo cáo thường kỳ (tháng, năm, quý) về đánh giá kết quả công tác của GV, NCV.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.4**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả CSĐT phân công nhiệm vụ giảng dạy cho GV, NCV tham gia CTĐT căn cứ vào trình độ, chuyên môn được đào tạo và kinh nghiệm giảng dạy, NCKH phù hợp yêu cầu thực hiện CTĐT.

- Mô tả CSĐT có hệ thống CSDL về trình độ, năng lực và kinh nghiệm của GV, NCV làm căn cứ phân công nhiệm vụ phù hợp (đảm nhận giảng dạy theo các HP, tham gia các hoạt động NCKH và các hoạt động PVCD theo thể mạnh và năng lực của từng cá nhân).

- Thống kê và phân tích khối lượng công việc được phân công cho từng GV, NCV, bao gồm số giờ giảng dạy, số đề tài nghiên cứu, các hoạt động PVCĐ; đánh giá mức độ cân bằng và hợp lý trong phân công nhiệm vụ đối với GV, NCV.

- Mô tả các hình thức thu thập ý kiến của GV, NCV, trao đổi về việc phân công nhiệm vụ; cơ chế xử lý, tiếp thu ý kiến phản hồi phù hợp trong việc phân công nhiệm vụ đối với GV, NCV của CTĐT.

- Mô tả các hình thức CSĐT thông báo nhiệm vụ được phân công của GV, NCV tham gia CTĐT tới các bên liên quan (bao gồm lãnh đạo CSĐT, lãnh đạo đơn vị (khoa/bộ môn); cá nhân GV, NCV, NH; phòng ban liên quan (bộ phận quản lý đào tạo, bộ phận quản lý KHCN), đối tác hợp tác nếu có). Nội dung thông báo cần bao gồm danh sách GV, NCV của CTĐT được phân công, các HP được giảng dạy, nhiệm vụ NCKH, PVCĐ cụ thể được giao, yêu cầu kết quả cụ thể đối với từng nhiệm vụ, thời gian thực hiện, địa điểm, v.v. (nếu có).

- Mô tả các hình thức thông báo về nhiệm vụ được phân công của GV, NCV tham gia CTĐT, bao gồm cả thông báo về thay đổi trong việc phân công nhiệm vụ. Mô tả việc thông tin được cung cấp kịp thời và đúng đối tượng.

- Mô tả kết quả đánh giá về việc phân công nhiệm vụ cho GV, NCV; nhận định về tính hiệu quả, sự phù hợp của việc phân công nhiệm vụ. CSĐT dựa trên kết quả đánh giá và phân tích, đề xuất các biện pháp cải tiến quy trình phân công nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực và tăng mức độ hài lòng của đội ngũ GV, NCV.

***Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.5**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.5.1: Có hệ thống đánh giá năng lực để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, nghiên cứu viên bao gồm các quy định, điều kiện và trình tự thực hiện.***

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, NCV. Văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ cần thể hiện mục đích đánh giá; các cách tiếp cận đánh giá năng lực của GV, NCV; thời điểm đánh giá; phương pháp và hình thức đo lường đánh giá năng lực của GV, NCV; cách thức thu thập, phân tích kết quả, lưu trữ dữ liệu, báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá năng lực của GV, NCV để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, NCV.

- CSĐT có kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các đơn vị/cá nhân liên quan triển khai đánh giá năng lực của GV, NCV để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, NCV.

- CSĐT sử dụng kết quả đánh giá năng lực của GV, NCV tham gia CTĐT để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, NCV.

- Các quy định, quy trình về bổ nhiệm/thăng tiến đối với GV, NCV phải được văn bản hóa, công khai, minh bạch để thực hiện bao gồm các điều kiện cụ thể về năng lực, trình độ học vấn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích nghiên cứu và các hoạt động PVCĐ.

- Quy trình đánh giá năng lực để bổ nhiệm/thăng tiến cho GV, NCV được triển khai có kết quả; có các bước thực hiện rõ ràng, minh bạch, dân chủ đảm bảo tính nhất quán và công bằng; các dữ liệu, hồ sơ và kết quả đánh giá được lưu trữ đầy đủ để khai thác.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.5.2: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, nghiên cứu viên dựa trên kết quả đánh giá về năng lực, kết quả trong thực hiện các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ.**

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá và triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV, NCV ở cả 03 hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCĐ. CSĐT có dữ liệu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV, NCV ở cả 03 hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCĐ.

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá và triển khai đánh giá năng lực GV, NCV. CSĐT có dữ liệu đánh giá năng lực của GV, NCV để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, NCV.

- CSĐT thực hiện bổ nhiệm GV, NCV dựa trên kết quả đánh giá về năng lực, kết quả trong thực hiện các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Việc đánh giá không chỉ thực hiện tại thời điểm xét bổ nhiệm/thăng tiến mà cần có hệ thống đánh giá định kỳ để theo dõi và hỗ trợ phát triển năng lực GV, NCV.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 5.5**

- CSĐT đã ban hành những quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ nào về việc bổ nhiệm/thăng tiến GV, NCV? Các quy định này có được cập nhật và phù hợp với quy định của Nhà nước và của CSĐT không?

- Hệ thống đánh giá năng lực của GV, NCV của CSĐT bao gồm những tiêu chí nào? Các tiêu chí này có được định lượng cụ thể và có thể đo lường được không? Có tiêu chí đánh giá riêng đối với GV, NCV của CTĐT không?

- CSĐT thực hiện quy trình bổ nhiệm/thăng tiến cho GV, NCV của CTĐT như thế nào? Quy trình này có dựa trên kết quả đánh giá năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV, NCV của CTĐT? Có đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng không?

- Các điều kiện về trình độ học vấn, kinh nghiệm, thành tích nghiên cứu cho từng vị trí được quy định như thế nào? Mức độ phù hợp với yêu cầu thực tế của vị trí như thế nào?

- Trong giai đoạn đánh giá, CSĐT đã thực hiện bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm/thăng tiến cho GV của CTĐT? Tỷ lệ đáp ứng/không đáp ứng và các lý do không đáp ứng là gì?

- CSĐT có thực hiện việc đánh giá phản hồi từ GV, NCV của CTĐT về quy trình và kết quả bổ nhiệm/thăng tiến không? Mức độ hài lòng như thế nào?

- Việc đánh giá kết quả giảng dạy được thực hiện bằng những phương pháp nào? Các chỉ số đánh giá bao gồm những gì?

- Đối với hoạt động NCKH, CSĐT sử dụng những tiêu chí nào để đánh giá? Có sự phân biệt rõ ràng giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng không?

- Hoạt động PVCĐ được định nghĩa và đánh giá như thế nào? Có sự cân bằng hợp lý giữa ba lĩnh vực hoạt động chính không?

- CSĐT có cơ chế hỗ trợ GV, NCV phát triển năng lực để đáp ứng yêu cầu bổ nhiệm/thăng tiến không?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 5.5

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Nhà giáo - Luật số 73/2025/QH15](#).

- [Luật Viên chức - Luật số 129/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành.

- [Nghị định 115/2020/NĐ-CP](#) của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) sửa đổi một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP.

- [Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT](#) của Bộ GDĐT: Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập.

- [Nghị định 106/2020/NĐ-CP](#) ban hành Nghị định về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- [Thông tư 04/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành GDĐT trong các cơ sở giáo dục ĐH và các trường cao đẳng sư phạm công lập.

- [Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022](#), Hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- [Nghị định 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Các quy định khác có liên quan về nhiệm vụ, yêu cầu đối với viên chức, GV, NCV của các Bộ: GDĐT, Nội vụ và Bộ quản lý chuyên ngành ở lĩnh vực đào tạo (nếu có).

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.5

**Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):**

- Văn bản quy định về việc bổ nhiệm/thăng tiến của GV, NCV.

- Các hồ sơ bổ nhiệm/thăng hạng GV, NCV.

- Văn bản quy hoạch đội ngũ GV, NCV.

- Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV, NCV về mức độ hài lòng với việc bổ nhiệm/thăng tiến.

**Minh chứng gợi ý khác (nếu có):**

- Đề án VTVL/khung năng lực, quy định về năng lực theo vị trí GV, NCV.

- Quy định, quy trình về đánh giá năng lực GV, NCV và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV, NCV ở cả 3 hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCĐ.

- Tiêu chí, thang điểm đánh giá năng lực GV, NCV cho từng vị trí/chức danh.
- Thống kê số lượng GV, NCV được bổ nhiệm GS, PGS; bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp GV, NCV; bổ nhiệm chức vụ quản lý - nếu có.
- CSDL về kết quả, thành tích, hiệu quả giảng dạy, NCKH, PVCD của GV, NCV.
- Minh chứng về việc cải tiến chất lượng hoạt động đánh giá năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV, NCV.

### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.5**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.5, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến; văn bản thể hiện mục đích đánh giá; các cách tiếp cận đánh giá năng lực của GV, NCV; thời điểm đánh giá; phương pháp và hình thức đo lường đánh giá năng lực của GV, NCV; cách thức thu thập, phân tích kết quả, lưu trữ dữ liệu, báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá năng lực của GV, NCV để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến cho GV, NCV.

- Mô tả CSĐT có kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các đơn vị/cá nhân liên quan triển khai đánh giá năng lực của GV, NCV để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến.

- Mô tả CSĐT sử dụng kết quả đánh giá năng lực của GV, NCV tham gia CTĐT để thực hiện việc bổ nhiệm/thăng tiến.

- Mô tả CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá và triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV, NCV ở cả 03 hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD; có dữ liệu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV, NCV ở cả 03 hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD.

- Mô tả các tiêu chí đánh giá năng lực, cách thức tính điểm, trọng số của từng tiêu chí. Mô tả về tính khách quan, công bằng và khả năng đo lường của hệ thống đánh giá năng lực của GV, NCV.

- Mô tả các bước trong quy trình từ việc thông báo, nộp hồ sơ, thẩm định, đánh giá đến ra quyết định; mô tả về tính công khai, minh bạch trong quy trình đảm bảo quyền lợi của GV, NCV.

- Mô tả phương pháp đánh giá hiệu quả giảng dạy của GV, bao gồm đánh giá từ người học, đồng nghiệp và cấp quản lý. Nhận định kết quả đánh giá và hiệu quả sử dụng cho việc bổ nhiệm/thăng tiến.

- Mô tả các tiêu chí đánh giá NCKH của GV, NCV như số lượng và chất lượng công trình khoa học, sự tham gia vào các dự án nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn, v.v.

- Mô tả cách thức đánh giá và ghi nhận các hoạt động PVCD của GV, NCV; tư vấn, chuyển giao công nghệ, tham gia các tổ chức xã hội, hoạt động thiện nguyện, v.v.

- Mô tả việc thực hiện quy trình bổ nhiệm và hỗ trợ GV, NCV trong thăng tiến nghề nghiệp căn cứ vào kết quả đánh giá năng lực, thành tích và kết quả đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ở cả 03 hoạt động giảng dạy, NVKH, PVCD.

- Mô tả, nhận định về việc bổ nhiệm/thăng tiến trong chu kỳ đánh giá, phân tích xu hướng và tỷ lệ thành công. Mô tả kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV, NCV đối với quy trình và kết quả bổ nhiệm/thăng tiến.

- Nhận định những thành công và hạn chế trong việc thực hiện bổ nhiệm/thăng tiến cho GV, NCV của CTĐT, nguyên nhân của các vấn đề còn tồn tại và đề xuất các giải pháp cải tiến. Mô tả các cải tiến chất lượng để hoàn thiện hệ thống bổ nhiệm/thăng tiến, nâng cao chất lượng đánh giá và tạo động lực phát triển nghề nghiệp cho GV, NCV của CTĐT.

***Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.6**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.6.1: Quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của GV, nghiên cứu viên phù hợp với các quy định của cơ quan quản lý cấp trên và quy định hiện hành.***

- CSĐT xây dựng, ban hành các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV phù hợp với Luật Giáo dục ĐH, Luật Viên chức, các nghị định, Thông tư hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; phù hợp với các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV phải bao gồm đầy đủ nội dung, điều kiện, trình tự thực hiện ở các khía cạnh về trách nhiệm (những việc GV, NCV phải thực hiện), quyền hạn (những quyền được phép thực hiện) và nghĩa vụ (những cam kết và ràng buộc pháp lý) một cách rõ ràng, cụ thể và có thể thực hiện được.

- CSĐT cần thường xuyên rà soát và cập nhật các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV để đảm bảo tính phù hợp với các văn bản pháp luật mới được ban hành và yêu cầu của CSĐT, của CTĐT.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.6.2: Thực hiện phổ biến, tuyên truyền hiệu quả về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của GV, nghiên cứu viên để GV, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.***

- CSĐT cần thực hiện phổ biến, tuyên truyền về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của GV, NCV qua các hình thức truyền thông như văn bản/sổ tay/thông báo/hội nghị quán triệt phổ biến; hình ảnh/pano/áp phích tuyên truyền, v.v. để đảm bảo thông tin đến được tất cả GV, NCV.

- Việc phổ biến, tuyên truyền về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của GV, NCV đảm bảo GV, NCV thực sự hiểu rõ và áp dụng trong hoạt động nghề nghiệp. Việc phổ biến cần được thực hiện đảm bảo hệ thống, định kỳ, cần đặc biệt chú trọng đối với GV, NCV mới tuyển dụng hoặc khi có sự thay đổi trong quy định.

- CSĐT cần có cơ chế thu thập phản hồi và đánh giá mức độ hiểu biết của GV, NCV và việc thực hiện đầy đủ về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 5.6

- CSĐT đã ban hành những văn bản quy định nào về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV? Nội dung các quy định có phù hợp với quy định và được rà soát, cập nhật theo quy định không?

- CSĐT có phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ theo từng chức danh, VTVL cụ thể cho GV, NCV của CTĐT không?

- Các phương thức nào được CSĐT sử dụng để phổ biến, tuyên truyền về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV? Mức độ đa dạng và phù hợp như thế nào đối với GV, NCV của CTĐT?

- CSĐT có thực hiện định kỳ các tập huấn, hội nghị quán triệt về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ không? Tần suất và chất lượng như thế nào? Mức độ tham gia của GV, NCV của CTĐT?

- Đối với GV, NCV mới tuyển dụng, CSĐT có chương trình định hướng, tập huấn riêng về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ không?

- CSĐT có thu thập ý kiến phản hồi từ GV, NCV của CTĐT về mức độ hiểu biết và thực hiện trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ không? Kết quả như thế nào?

- Việc đánh giá thường kỳ của GV, NCV của CTĐT có bao gồm việc đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ không?

- CSĐT có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của GV, NCV không? Cách thức thực hiện như thế nào?

- Khi phát hiện GV, NCV vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ, CSĐT có các biện pháp xử lý như thế nào?

- CSĐT có tạo điều kiện để GV, NCV thực hiện đầy đủ quyền hạn được quy định không? Những hỗ trợ cụ thể nào?

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 5.6

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Nhà giáo - Luật số 73/2025/QH15](#).

- [Luật Viên chức - Luật số 129/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành.

- [Nghị định 115/2020/NĐ-CP](#) của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) sửa đổi một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP.

- [Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT](#) của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập.

- Quy định và hướng dẫn của Bộ Nội Vụ về xác định VTVL và xây dựng Đề án VTVL trong CSĐT.

- Thông tư quy định về đánh giá viên chức trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập và Quy chế đào tạo ĐH.

- Bộ quy tắc ứng xử của giảng viên các cơ sở giáo dục ĐH ban hành kèm theo Thông tư 69/2020/TT-BGDĐT.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.6**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.6 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV.
- Các phương thức truyền thông: Văn bản/sổ tay/thông báo/hội nghị quán triệt phổ biến; hình ảnh/pano/áp phích tuyên truyền về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV.
- Báo cáo đánh giá viên chức/người lao động trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ hằng năm của GV, NCV.
- Ý kiến phản hồi của GV, NCV về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ bản thân.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Bản mô tả VTVL của GV, NCV.
- Kế hoạch rà soát, xây dựng và ban hành văn bản quản lý nội bộ và tuyên truyền, phổ biến về quy định liên quan đến GV, NCV.
- Website, phần mềm quản lý điều hành nội bộ có đăng tải các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ.
- Quy trình, cơ chế đánh giá, phản hồi về thực hiện trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV.
- Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến thường niên của CSĐT về quy định liên quan đến GV, NCV.
- Biên bản xử lý vi phạm (nếu có) đối với trường hợp không thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của GV, NCV của CTĐT.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.6**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.6, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả hệ thống các quy định hiện hành của CSĐT về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV. Nhận định về sự phù hợp và tuân thủ của các quy định này với quy định khung pháp luật hiện hành lý hiện hành (bao gồm [Luật Giáo dục đại học](#), [Luật Nhà giáo](#), [Luật Viên chức](#) và các văn bản quy định của cơ quan quản lý, các hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền).
- Mô tả cụ thể các trách nhiệm chính của GV, NCV trong hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD và các hoạt động quản lý (nếu có). Nhận định về tính rõ ràng, cụ thể và phù hợp, khả thi của các quy định hiện hành.
- Mô tả về việc đảm bảo các quyền cho GV, NCV bao gồm quyền về học thuật, nghiên cứu, giảng dạy, tham gia quản trị và các quyền lợi khác.

- Mô tả rõ các nghĩa vụ pháp lý và đạo đức nghề nghiệp mà GV, NCV cần tuân thủ, bao gồm nghĩa vụ đối với người học, đồng nghiệp, CSĐT và xã hội.

- Mô tả các phương thức và hình thức mà CSĐT đã sử dụng để phổ biến, tuyên truyền về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV (văn bản/sổ tay/thông báo/hội nghị quán triệt phổ biến; hình ảnh/pano/áp phích tuyên truyền về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của GV, NCV).

- Mô tả kết quả các hoạt động thu thập phản hồi và đánh giá mức độ hiểu biết của GV, NCV của CTĐT về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ thông qua: kết quả khảo sát ý kiến GV, NCV về mức độ hiểu biết và thực hiện quy định; nhận định kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV, NCV trong việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ; thống kê các trường hợp vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ để đánh giá hiệu quả của việc phổ biến).

- Mô tả về việc GV, NCV của CTĐT thực hiện về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ trong các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ (mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ của GV, NCV; mức độ tham gia của GV, NCV tham gia vào các hoạt động quản trị, ra quyết định và thực hiện quyền học thuật; mức độ tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động và các nghĩa vụ pháp lý, v.v.).

***Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.7**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.7.1: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của GV, nghiên cứu viên được xác định.***

- CSĐT có quy định, quy trình, phương pháp, công cụ, thời gian khảo sát để xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển về chuyên môn cho GV, NCV của CTĐT; có kế hoạch thực hiện và phân công trách nhiệm.

- Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cần phù hợp nhu cầu phát triển cá nhân của GV, NCV với yêu cầu về năng lực, VTVL đáp ứng mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của CSĐT và CTĐT. Nhu cầu đào tạo cần được xác định dựa trên việc phân tích khoảng cách giữa năng lực hiện tại và năng lực yêu cầu của GV, NCV, từ đó đưa ra các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp.

- Nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn của từng GV, NCV tham gia CTĐT được xác định; CSĐT có dữ liệu đánh giá của từng GV, NCV tham gia CTĐT để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn phù hợp.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.7.2: Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, nghiên cứu viên dựa trên nhu cầu của đội ngũ GV, nghiên cứu viên và của đơn vị đào tạo; bảo đảm GV, nghiên cứu viên đều được tham gia đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn.***

- CSĐT xây dựng kế hoạch dài hạn và/hoặc hằng năm về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phải được xây dựng dựa trên nhu cầu của đội ngũ GV, NCV; căn cứ kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ của đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT và của CSĐT.

- CSĐT triển khai thực hiện kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV của CTĐT.

- CSĐT triển khai nhiều hình thức đào tạo khác nhau như đào tạo dài hạn, bồi dưỡng ngắn hạn, tự học, đào tạo thông qua công việc, trao đổi học thuật, ... để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; có sự phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, thời gian) hợp lý và hiệu quả.

- GV, NCV của CTĐT đều được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu về năng lực theo VTVL.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.7.3: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, nghiên cứu viên định kỳ hằng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng để cải tiến chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn.**

- CSĐT đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, NCV của CTĐT định kỳ hằng năm. Việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, NCV cần đảm bảo tính hệ thống, đánh giá được hiệu quả của từng hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, NCV của CTĐT.

- Kết quả đánh giá việc thực hiện kế hoạch được sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, NCV.

- Việc đánh giá cần thực hiện ở nhiều khía cạnh như mức độ hài lòng của người tham gia, hiệu quả ứng dụng kiến thức vào công việc, tác động đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 5.7**

- CSĐT xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV như thế nào? Việc xác định có dựa trên cơ sở yêu cầu năng lực của GV, NCV, kết quả đánh giá năng lực và định hướng phát triển của CSĐT không?

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV được CSĐT xây dựng và triển khai như thế nào, bảo đảm bám sát nhu cầu đã xác định, có tính kế hoạch theo giai đoạn và liên kết giữa kế hoạch dài hạn với kế hoạch hằng năm?

- Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được CSĐT triển khai như thế nào (về nội dung, hình thức, đối tượng) và mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực của GV, NCV trong thực hiện CTĐT như thế nào?

- Trong 05 năm CSĐT triển khai bao nhiêu tập huấn/đào tạo, bồi dưỡng cho GV, NCV của CTĐT? Có bao nhiêu lượt GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng? Số lượng và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho GV, NCV?

- CSĐT bảo đảm các nguồn lực cần thiết cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV như thế nào để triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã xây dựng?

- CSĐT theo dõi và đánh giá kết quả, hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV như thế nào xét trên mức độ cải thiện năng lực và khả năng thực hiện CTĐT?

- Kết quả đánh giá nhu cầu và kết quả đào tạo, bồi dưỡng được CSĐT sử dụng như thế nào để điều chỉnh kế hoạch, phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng thực hiện CTĐT?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 5.7

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.
- [Luật Nhà giáo - Luật số 73/2025/QH15](#).
- [Luật Viên chức - Luật số 129/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành.
- [Nghị định 115/2020/NĐ-CP](#) của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) sửa đổi một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP.
- [Thông tư 03/2023/TT-BNV](#) ngày 30/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
- [Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập.
- [Nghị định 106/2020/NĐ-CP](#) ngày 10/9/2020 ban hành Nghị định về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- [Thông tư 04/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành GDĐT trong các cơ sở giáo dục ĐH và các trường cao đẳng sư phạm công lập.
- [Thông tư 12/2022/TT-BNV](#) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- [Nghị định 48/2023/NĐ-CP](#) ngày 17/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.
- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.7

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.7 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định về quy trình và các bên liên quan tham gia xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV của CSĐT.

- Kế hoạch dài hạn và/hoặc kế hoạch hằng năm về khảo sát/lấy ý kiến xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV của CSĐT /đơn vị đào tạo có CTĐT được đánh giá.

- CSDL, kết quả khảo sát CSĐT/đơn vị đào tạo có CTĐT được đánh giá; báo cáo phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV.

- Quyết định cử GV, NCV đi đào tạo, bồi dưỡng; các văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận của GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng.

- Bảng thống kê danh sách đội ngũ GV, NCV tham gia thực hiện CTĐT được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm.

- Bảng thống kê kinh phí hằng năm cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV tham gia thực hiện CTĐT.

- Báo cáo tổng kết, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm cho đội ngũ GV, NCV/đội ngũ GV, NCV tham gia thực hiện CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Hệ thống dashboard cơ sở dữ liệu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV, NCV tham gia thực hiện CTĐT.

- Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV, NCV về các đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.7**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.7, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả quy trình xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NCV; đơn vị chủ trì và tham gia thực hiện xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NCV tham gia CTĐT.

- Mô tả về nhu cầu đào tạo được xác định trong giai đoạn đánh giá và lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (Ví dụ: nhu cầu về kiến thức chuyên môn; nhu cầu về kỹ năng nghiệp vụ; nhu cầu về phát triển cá nhân, v.v.).

- Mô tả hệ thống thu thập và xử lý phản hồi từ GV, NCV về công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV.

- Mô tả việc tổng kết, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bao gồm kết quả và tác động của các hoạt động tới nâng cao năng lực và mức độ hài lòng của GV, NCV.

- Mô tả việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng công tác đào tạo, phát triển đội ngũ GV, NCV. Nhận định những điểm mạnh, hạn chế và các biện pháp đã thực hiện và kế hoạch cải tiến để nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV.

***Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.***

**1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 5.8**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.8.1: Có quy định, quy trình, tiêu chí đánh giá chất lượng công việc của GV, nghiên cứu viên dựa trên kết quả giảng dạy, NCKH và PVCD.***

- CSĐT cần ban hành các quy định, quy trình và tiêu chí để đánh giá chất lượng thực hiện công việc của GV, NCV. Các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc của GV, NCV dựa trên kết quả thực hiện hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Văn bản quy định, quy trình và tiêu chí cần thể hiện mục đích đánh giá; cách tiếp cận đánh giá chất lượng thực hiện công việc của GV, NCV; thời điểm đánh giá; phương pháp và hình thức đo lường đánh giá chất lượng thực hiện công việc của GV, NCV; cách thức thu thập, phân tích kết quả, lưu trữ dữ liệu; báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá chất lượng thực hiện công việc của GV, NCV. Các quy định cần được xây dựng phù hợp với các quy định, với đặc thù của CSĐT và CTĐT; được ban hành và phổ biến tới các bên liên quan để thực hiện.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.8.2: Thực hiện việc đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, nghiên cứu viên.***

- CSĐT thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV của CTĐT theo quy định, quy trình và tiêu chí đã ban hành. Việc đánh giá cần đảm bảo tính thường xuyên, định kỳ và hệ thống. CSĐT cần áp dụng các phương pháp đánh giá khác nhau, đảm bảo tính toàn diện, khách quan và công bằng.

- CSĐT thu thập dữ liệu, phân tích và có báo cáo đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV tham gia CTĐT.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.8.3: Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, nghiên cứu viên được sử dụng để khen thưởng và công nhận.***

- CSĐT đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của mỗi GV, NCV của CTĐT.

- CSĐT sử dụng kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV cho việc khen thưởng, công nhận thành tích của GV, NCV.

***d) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 5.8.4: GV, nghiên cứu viên được thông tin về kết quả đánh giá công việc; được tham gia vào quá trình xây dựng và soát quy trình quy định và các chính sách nhân sự liên quan của CSĐT.***

- GV, NCV của CTĐT được thông báo đầy đủ, rõ ràng về quy trình và kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- GV, NCV của CTĐT cần được tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát các chính sách, quy định, quy trình đánh giá chất lượng công việc dựa trên kết quả giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- GV, NCV của CTĐT được đóng góp ý kiến phản hồi về quy trình quy định và các chính sách nhân sự.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 5.8**

- CSĐT thiết lập hệ thống đánh giá chất lượng công việc của GV, NCV của CTĐT như thế nào? Quy trình, quy định đánh giá chất lượng công việc của GV, NCV của CTĐT được xây dựng và triển khai như thế nào? Có đúng quy định không?

- Các tiêu chí, phương pháp và công cụ nào được xây dựng để đánh giá chất lượng công việc thông qua hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV? Các tiêu chí đánh giá được xây dựng và áp dụng như thế nào, có phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực hoạt động và mục tiêu phát triển đội ngũ của CTĐT?

- Kết quả đánh giá chất lượng về giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV như thế nào? Có đảm bảo chính xác, khách quan và công bằng không?

- Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV được CSĐT sử dụng như thế nào trong công tác khen thưởng, ghi nhận, hỗ trợ phát triển nghề nghiệp, bổ nhiệm và thăng tiến, công nhận thành tích của GV, NCV?

- CSĐT thông tin về kết quả đánh giá chất lượng về giảng dạy, NCKH và PVCĐ tới GV, NCV bằng các hình thức nào? Thông tin có được cung cấp đầy đủ đến GV, NCV của CTĐT?

- GV, NCV của CTĐT tham gia trong quá trình xây dựng, rà soát hệ thống đánh giá chất lượng về giảng dạy, NCKH và PVCĐ như thế nào?

- CSĐT tiếp nhận, xử lý phản hồi và khiếu nại liên quan đến kết quả đánh giá giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV như thế nào; các thông tin này được sử dụng như thế nào để cải tiến hệ thống đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý GV, NCV?

- Hệ thống đánh giá và khen thưởng có tác động như thế nào đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của đội ngũ GV, NCV; CSĐT sử dụng các kết quả này để tiếp tục cải tiến như thế nào?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 5.8

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Viên chức - Luật số 129/2025/QH15](#) và các quy định, hướng dẫn chi tiết thi hành.

- [Luật Nhà giáo - Luật số 73/2025/QH15](#).

- [Nghị định 115/2020/NĐ-CP](#) của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) sửa đổi một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP.

- [Nghị định 106/2020/NĐ-CP](#) ban hành Nghị định về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- [Thông tư 04/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành GDĐT trong các cơ sở giáo dục ĐH và các trường cao đẳng sư phạm công lập.

- Các quy định, hướng dẫn về xét thi đua khen thưởng của Chính phủ, Bộ, Ngành liên quan.

- Văn bản quy định về hoạt động/nhiệm vụ PVCĐ của CSĐT.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.8

**Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 5.8 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):**

- Văn bản quy định về đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV.

- Kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV.

- Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV (đánh giá chất lượng giảng dạy của NCV nếu NCV có giảng dạy).

- Quy định về thi đua khen thưởng của CSĐT.

- Các quyết định thi đua, khen thưởng, kỷ luật của GV, NCV tham gia thực hiện CTĐT trong chu kỳ KĐCLGD.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Quy định, quy trình về bổ nhiệm, công nhận chức danh và thăng tiến nghề nghiệp đối với GV, NCV.

- Biên bản cuộc họp lấy ý kiến GV, NCV về quy định đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV và các chính sách nhân sự.

- Minh chứng thông báo cho GV, NCV kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV.

- Bảng thống kê kết quả đánh giá và khen thưởng GV, NCV theo từng năm học.

- Minh chứng đánh giá mức độ hài lòng của GV, NCV về quy trình, kết quả đánh giá và thi đua, khen thưởng.

- Minh chứng về việc cải tiến quy trình đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV dựa trên phản hồi của GV, NCV.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.8**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 5.8, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 04 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả CSĐT đã thiết lập hệ thống đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV của CTĐT. Nhận định về tính đầy đủ, logic và khoa học của các tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ của GV, NCV.

- Mô tả việc thực hiện đánh giá bao gồm: chu kỳ đánh giá, phương pháp và công cụ thu thập thông tin, đơn vị và cá nhân thực hiện.

- Mô tả các kết quả đánh giá GV, NCV của CTĐT trong chu kỳ KĐCLGD bao gồm phân loại kết quả đánh giá, tỷ lệ GV, NCV đạt các mức độ khác nhau; nhận định xu hướng thay đổi chất lượng hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, PVCĐ của GV, NCV qua các năm và nguyên nhân của những thay đổi này.

- Mô tả hệ thống thực hiện khen thưởng và công nhận đối với GV, NCV bao gồm tổ chức thực hiện, quy trình, các hình thức khen thưởng đã áp dụng; mô tả kết quả khen thưởng và công nhận gồm số lượng, mức độ khen thưởng.

- Mô tả cách thức thông báo kết quả đánh giá cho GV, NCV, mức độ chi tiết và rõ ràng của thông tin; các hình thức lấy ý kiến GV, NCV về quy trình đánh giá. Mô tả về mức độ hài lòng của GV, NCV đối với quy trình, kết quả đánh giá và công tác thi đua khen thưởng.

- Nhận định về tác động của việc đánh giá và khen thưởng đến chất lượng hoạt động của GV, NCV, sự phát triển chuyên môn và động lực làm việc.

### 3.6. TIÊU CHUẨN 6. CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

**Tiêu chí 6.1 (Tiêu chí điều kiện): Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật.**

#### 1. Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu của Tiêu chí 6.1

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.1.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh rõ ràng, đáp ứng các quy định hiện hành và theo yêu cầu của CTĐT, bao gồm yêu cầu về các kỹ năng cần thiết để người học được tiếp nhận vào khóa học trực tuyến (nếu có).**

- CSĐT xây dựng và công bố rõ ràng chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh cho CTĐT; chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh phù hợp với các quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu riêng của CTĐT. Các chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh cần được thể hiện nhất quán trong đề án (hoặc thông tin tuyển sinh) hằng năm và được công khai để người học tiếp cận.

- Chính sách và tiêu chí tuyển sinh của CTĐT cần theo các quy định, quy chế tuyển sinh đối với CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS; phản ánh đúng yêu cầu đầu vào để NH có thể theo học và hoàn thành CTĐT, bao gồm các yêu cầu đối với CTĐT tổ chức theo phương thức trực tuyến hoặc từ xa, các kỹ năng cần thiết để NH học tập hiệu quả trong môi trường học tập trực tuyến (nếu có).

- Quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng, minh bạch theo các bước từ đăng ký, xét tuyển/thi tuyển (nếu có) đến công bố kết quả và nhập học, có giám sát và xử lý khiếu nại minh bạch bảo đảm tuân thủ các quy định và phù hợp với đặc thù tổ chức đào tạo của CTĐT.

- CSĐT công khai thông tin tuyển sinh bằng các hình thức phù hợp nhằm bảo đảm người học và các bên liên quan hiểu rõ điều kiện, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của CTĐT.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.1.2: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của CTĐT được đánh giá và cập nhật và có sự tham gia của các bên liên quan.**

- CSĐT đánh giá và cập nhật chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của CTĐT định kỳ trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả tuyển sinh; việc đánh giá có sự tham gia của các bên liên quan trực tiếp (GV, NH, cựu NH, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, v.v.) nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh và bảo đảm phù hợp với yêu cầu của CTĐT và các quy định hiện hành.

- Hằng năm, CSĐT đánh giá trước và sau các kỳ tuyển sinh, trong đó phân tích mức độ phù hợp và hiệu quả của chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh đã áp dụng, làm căn cứ để đề xuất các điều chỉnh, cải tiến cần thiết.

- CSĐT lấy ý kiến các bên liên quan trực tiếp để rà soát, điều chỉnh chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh, bảo đảm tính khả thi, minh bạch và phù hợp với CTĐT.

- CSĐT cập nhật đề án/thông tin tuyển sinh hằng năm trên cơ sở kết quả đánh giá và ý kiến góp ý, đồng thời bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành và theo yêu cầu của CTĐT.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.1.3: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được công bố công khai theo quy định để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.**

- CSĐT cần bảo đảm chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của CTĐT được công bố công khai, rõ ràng và dễ tiếp cận đối với các bên liên quan.

- Đề án/thông báo/thông tin tuyển sinh được CSĐT công bố công khai trên cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin phù hợp, bảo đảm người học và các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận, tra cứu và hiểu thông tin tuyển sinh của CTĐT.

- CSĐT có các hình thức hỗ trợ và giải đáp thông tin tuyển sinh phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh và các bên liên quan trong quá trình tìm hiểu và tham gia tuyển sinh.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 6.1**

- CSĐT có đề án/thông báo/thông tin tuyển sinh hằng năm với đầy đủ nội dung chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh tuân thủ quy định của Bộ GDĐT và các quy định khác có liên quan không?

- Việc xác định chính sách, tiêu chí tuyển sinh dựa trên những căn cứ nào để đảm bảo phù hợp với yêu cầu của CTĐT?

- CSĐT công bố công khai chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh trên những kênh thông tin nào? Thời điểm công bố? Đơn vị/cá nhân nào chịu trách nhiệm trong việc công bố thông tin?

- Nội dung công bố về chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh có đầy đủ, rõ ràng không? Thông tin về phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện xét tuyển, v.v. có đầy đủ, rõ ràng không? Theo các hình thức nào?

- Có quy định về các ngành phù hợp và việc tổ chức học bổ sung kiến thức đối với thí sinh tốt nghiệp ĐH ngành gần (đối với tuyển sinh SDH) không?

- Có thông tin rõ ràng về các loại hình/phương thức đào tạo CTĐT (tuyển sinh hệ liên thông, văn bằng hai, VLVH, song ngành, ngành chính - ngành phụ, liên kết quốc tế, v.v.). Việc tổ chức thực hiện trong tuyển sinh đối với từng loại hình như thế nào?

- Có quy định về công nhận, chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã được tích lũy của người học khi học CTĐT liên thông, văn bằng hai ĐH không?

- CSĐT có cập nhật chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh vào mỗi kỳ tuyển sinh không? Việc cập nhật được thực hiện dựa trên những căn cứ nào?

- CSĐT có đánh giá hiệu quả của chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh không? Việc đánh giá được thực hiện như thế nào và những thông tin/dữ liệu nào được sử dụng làm căn cứ cho đánh giá? Kết quả đánh giá được sử dụng như thế nào?

- CSĐT có cải tiến nào trong chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh dựa trên các kết quả khảo sát, đánh giá? Những cải tiến này đã tác động như thế nào đến chất lượng đầu vào của CTĐT và đến việc đạt được CDR của người học?

- CSĐT có các giải pháp hỗ trợ hiệu quả giúp thí sinh, phụ huynh và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu thông tin tuyển sinh không?

## **3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 6.1**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Quyết định 18/2017/QĐ-TTg](#) ngày 31/5/2017 quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ ĐH.

- [Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục ĐH.

- Quy chế tuyển sinh ĐH, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non hiện hành của Bộ GDĐT.

- Đề án/thông báo/thông tin tuyển sinh hằng năm của CSĐT.

- Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS, TS của Bộ GDĐT.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.1**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Đề án/chính sách tuyển sinh hằng năm (bao gồm chính sách ưu tiên, tổ chức tuyển sinh, nhiệm vụ quyền hạn của CSĐT trong tuyển sinh và các quy định liên quan).

- Thông tin về các yêu cầu về các kỹ năng cần thiết để NH được tiếp nhận vào khóa học có đào tạo trực tuyến.

- Quy chế/kế hoạch/phương thức tuyển sinh hằng năm của CSĐT liên quan CTĐT.

- Quyết định mở ngành/CTĐT được đánh giá đã ban hành.

- CSDL, thống kê kết quả tuyển sinh liên quan đến CTĐT.

- Báo cáo phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm liên quan đến CTĐT (do cơ CSĐT/CTĐT, đối tác hay một đơn vị độc lập thực hiện).

- Các thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của CSĐT/đơn vị đào tạo có CTĐT được đánh giá.

- Báo cáo tổng kết kết quả tuyển sinh hằng năm liên quan đến CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Hồ sơ tuyển sinh đối với các CTĐT ThS, TS.

- Thông tin, dữ liệu và đánh giá của các bên liên quan về chính sách, tiêu chí, phương thức tuyển sinh; các hình thức quảng bá tuyển sinh.

- Quy định về tuyển sinh theo các loại hình/phương thức đào tạo của CTĐT (tuyển sinh hệ liên thông, văn bằng hai, VLVH, song ngành, ngành chính - ngành phụ, liên kết quốc tế, v.v.) (nếu có) và việc tổ chức thực hiện trong tuyển sinh theo các loại hình này.

- Quy định về công nhận, chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã được tích lũy của người học khi học theo các loại hình/phương thức khác nhau của CTĐT.

- Các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh.

## 5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.1

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả quá trình CSĐT xây dựng đề án tuyển sinh hằng năm theo quy định của Bộ GDĐT và các quy định khác liên quan. Mô tả các phương thức tuyển sinh áp dụng đối với CTĐT; chính sách ưu tiên, khuyến khích và hỗ trợ NH trong quá trình tuyển sinh; các tiêu chí tuyển sinh chung và các tiêu chí tuyển sinh đặc thù của CTĐT (nếu có), bao gồm cả các yêu cầu về kỹ năng cần thiết đối với người học tham gia đào tạo trực tuyến (nếu áp dụng). Mô tả quy trình xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh và các chính sách tuyển sinh của CSĐT.

- Mô tả quy trình tuyển sinh từ đăng ký, xét tuyển/thi tuyển (nếu có), công bố kết quả, nhập học đến việc theo dõi và giám sát quá trình tuyển sinh; việc xử lý khiếu nại, phúc khảo (nếu có), bảo đảm tính minh bạch và đúng quy định.

- Mô tả các phương thức và các kênh thông tin được CSĐT sử dụng để công bố đề án/thông báo/thông tin tuyển sinh, bao gồm chính sách, tiêu chí, quy trình tuyển sinh, quy chế thi tuyển sinh (nếu có), giải pháp hỗ trợ và giải đáp thắc mắc cho thí sinh và các bên liên quan trong quá trình tìm hiểu thông tin tuyển sinh của CTĐT.

- Mô tả việc đánh giá, tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó làm rõ việc nhận diện những điểm phù hợp và những nội dung cần điều chỉnh trong chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh làm cơ sở cải tiến cho các kỳ tuyển sinh tiếp theo.

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV. Văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ cần thể hiện mục đích đánh giá; các cách tiếp cận đánh giá năng lực của GV, NCV; thời điểm đánh giá (mỗi tháng/quý/năm học/khóa học); phương pháp và hình thức đo lường đánh giá năng lực của GV, NCV; cách thức thu thập, phân tích kết quả, lưu trữ dữ liệu, báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá năng lực của GV, NCV. CSĐT có thể sử dụng nhiều phương pháp đánh giá (tự đánh giá, đánh giá từ các cấp quản lý, đánh giá từ đồng nghiệp, đánh giá từ NH, quan sát trực tiếp giờ giảng, đánh giá hồ sơ và thành tích, v.v.).

- CSĐT xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các đơn vị/cá nhân liên quan triển khai đánh giá năng lực của GV, NCV.

- CSĐT cần tổ chức đánh giá năng lực của mỗi GV, NCV trên cơ sở các năng lực đã được xác định phù hợp với quy định và yêu cầu thực hiện CTĐT. Việc đánh giá năng lực được triển khai thực hiện thông qua các tiêu chí, công cụ và quy trình phù hợp; được thực hiện định kỳ; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

***Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chuẩn của vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.***

### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 6.2

a) ***Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.2.1: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ, trong đó có đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ đào tạo trực tuyến, bao gồm nhân viên,***

***chuyên viên, kỹ thuật viên được xác định rõ ràng trong các tiêu chí tuyển dụng. Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ hiểu rõ năng lực cần có của vị trí việc làm.***

- Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho CTĐT bao gồm tất cả các vị trí nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên hỗ trợ (nhân viên thư viện; nhân viên y tế; nhân viên/kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, thực hành; nhân viên hỗ trợ CNTT; nhân viên/kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo trực tuyến (quản trị LMS, thiết kế nội dung số, hỗ trợ kỹ thuật, v.v.)).

- CSĐT xây dựng và ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể cho từng VTVL của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho CTĐT. Tiêu chí thể hiện rõ yêu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kinh nghiệm làm việc, kỹ năng công nghệ, kỹ năng mềm và các năng lực cần thiết khác cho từng VTVL, lưu ý đến tính đặc thù của CTĐT. Năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo trực tuyến thể hiện tính đặc thù đối với việc hỗ trợ đào tạo trực tuyến: các yêu cầu năng lực về công nghệ giáo dục, quản lý hệ thống học tập, số hóa và hỗ trợ thiết kế học liệu số, hỗ trợ kỹ thuật cho người học.

- CSĐT cung cấp đầy đủ, rõ ràng thông tin tiêu chí tuyển dụng, trong đó thể hiện rõ yêu cầu năng lực cần có của VTVL. Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ hiểu rõ năng lực cần có của VTVL.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.2.2: Việc phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ bảo đảm theo năng lực.***

- CSĐT phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ của CTĐT dựa trên năng lực của từng cá nhân, đảm bảo phù hợp giữa yêu cầu công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ. Phân công nhiệm vụ thể hiện sự linh hoạt để tối ưu hóa năng lực của đội ngũ, cho phép điều chỉnh khi có thay đổi về yêu cầu hoặc năng lực cá nhân.

- CSĐT cần ban hành mô tả VTVL cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ. VTVL được mô tả, phân định rõ ràng, bao gồm: trách nhiệm và quyền hạn cụ thể; yêu cầu năng lực để thực hiện nhiệm vụ; mối quan hệ công việc với các bộ phận khác; chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc, v.v.

- CSĐT cần phân công công việc dựa trên chức năng, nhiệm vụ, mô tả VTVL và năng lực thực tế của nhân sự, kết hợp theo dõi, đánh giá bằng các chỉ số phù hợp nhằm bảo đảm công bằng và tránh quá tải trong thực hiện nhiệm vụ.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.2.3: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được đánh giá để bảo đảm phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của các bên liên quan.***

- CSĐT có quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ cần thể hiện mục đích đánh giá; các cách tiếp cận đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ; thời điểm đánh giá (tháng/quý/năm học); phương pháp và hình thức đo lường đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ; cách thức thu thập, phân tích kết quả, lưu trữ dữ liệu, báo cáo và sử dụng kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Phương pháp đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; tự đánh giá của cá nhân; đánh giá của cấp quản lý trực tiếp; đánh giá của đồng nghiệp; và/hoặc phản hồi của các bên liên quan (người học, giảng viên sử dụng dịch vụ, các đơn vị trong CSĐT, đối tác bên ngoài nếu có).

- CSĐT xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các đơn vị/cá nhân triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Việc đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ CTĐT thông qua các tiêu chí, công cụ và quy trình phù hợp; được thực hiện định kỳ; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch; bảo đảm phù hợp với yêu cầu của VTVL và nhu cầu của các bên liên quan.

- Kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được CSĐT cung cấp cho người được đánh giá và các bên liên quan có thẩm quyền; được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh phân công nhiệm vụ, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, xem xét các quyết định liên quan đến nhân sự và cải tiến chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ, v.v.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 6.2**

- CSĐT có tiêu chí tuyển dụng và yêu cầu năng lực đối với các VTVL của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ, bao gồm cả đội ngũ hỗ trợ đào tạo trực tuyến, các yêu cầu này được xác định và thể hiện như thế nào trong tiêu chí tuyển dụng và mô tả VTVL?

- Cách thức phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ như thế nào? Việc phân công có dựa trên mô tả VTVL và năng lực thực tế của từng cá nhân nhằm bảo đảm hiệu quả và công bằng trong thực hiện nhiệm vụ không?

- CSĐT đã triển khai những biện pháp nào để bảo đảm và nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ (ví dụ: hướng dẫn công việc, đào tạo - bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn, điều chỉnh phân công, v.v.)?

- Cơ chế, quy trình và phương thức đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ, bao gồm chu kỳ đánh giá và các chủ thể tham gia đánh giá như thế nào?

- Kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được CSĐT sử dụng như thế nào trong việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ, xác định nhu cầu đào tạo - bồi dưỡng và cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ?

- CSĐT có kế hoạch và các hoạt động phát triển năng lực cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng yêu cầu của VTVL và nhu cầu của các bên liên quan.

- CSĐT thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan về năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ về chất lượng dịch vụ hỗ trợ như thế nào?

- Đối với dịch vụ hỗ trợ đào tạo trực tuyến, CSĐT đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của đội ngũ hỗ trợ đối với việc triển khai dạy - học trực tuyến và chất lượng hỗ trợ NH như thế nào?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 6.2**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Viên chức - Luật số 129/2025/QH15](#).

- [Bộ Luật Lao động](#).

- [Nghị định 106/2020/NĐ-CP](#) ban hành Nghị định về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- [Thông tư 04/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành GDĐT trong các cơ sở giáo dục ĐH và các trường cao đẳng sư phạm công lập.

- [Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục ĐH.

- [Thông tư 12/2022/TT-BNV](#) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.2

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định/hướng dẫn/tiêu chí tuyển dụng đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên cung cấp dịch vụ hỗ trợ đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến.

- Bản mô tả công việc của đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Trang thông tin điện tử, văn bản công khai tiêu chí tuyển dụng, phân công nhiệm vụ đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Kết quả đánh giá hàng năm về thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên trong về đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Hồ sơ tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng VTVL của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Kế hoạch và báo cáo đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Biên bản họp, kết quả tổng hợp đánh giá định kỳ hiệu quả công việc định kỳ đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Minh chứng về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ dựa trên kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Các minh chứng về việc thực hiện chế độ chính sách về đãi ngộ, thi đua khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ dựa trên kết quả đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.

## 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.2

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả hệ thống tiêu chí tuyển dụng đối với đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ, bao gồm cả đội ngũ hỗ trợ đào tạo trực tuyến; nhận định mức độ đầy đủ, cụ thể và phù hợp của các yêu cầu năng lực trong tiêu chí tuyển dụng với đặc thù của từng VTVL; làm rõ các yêu cầu đặc thù đối với đội ngũ hỗ trợ đào tạo trực tuyến (năng lực công nghệ giáo dục, quản lý LMS, thiết kế học liệu số, v.v.).

- Mô tả các biện pháp CSĐT triển khai để đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ hiểu rõ yêu cầu năng lực của VTVL; nhận định kết quả khảo sát hoặc đánh giá về mức độ nhận thức của đội ngũ đối với yêu cầu công việc.

- Mô tả quy trình phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ, các nguyên tắc và tiêu chí được áp dụng trong phân công; nhận định mức độ phù hợp giữa năng lực thực tế với nhiệm vụ được giao và tính hợp lý trong phân công công việc và khối lượng công việc được giao.

- Mô tả quy trình, chu kỳ và phương pháp đánh giá năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ; các công cụ đánh giá được sử dụng và cách thức triển khai; nhận định kết quả đánh giá năng lực, làm rõ những điểm mạnh, hạn chế và các biện pháp cải tiến chất lượng sau đánh giá.

- Mô tả các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ hỗ trợ; cách thức tổng hợp, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi để cải tiến chất lượng dịch vụ và nâng cao năng lực đội ngũ; nhận định tác động của việc đánh giá năng lực đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ và hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

***Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.***

### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 6.3

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.3.1: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với các dịch vụ hỗ trợ NH về học thuật và phi học thuật xác định rõ từng loại dịch vụ hỗ trợ; quy định cụ thể đơn vị/bộ phận, cá nhân phụ trách các nội dung liên quan; tiến độ thực hiện và các chỉ tiêu cần đạt.***

- CSĐT có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với các dịch vụ hỗ trợ NH trong học tập, NCKH và kết nối PVCĐ (hỗ trợ học thuật và phi học thuật) xác định rõ từng loại dịch vụ hỗ trợ, trong đó làm rõ mục tiêu, nội dung triển khai, đối tượng và phạm vi hỗ trợ, nguồn lực, giải pháp thực hiện. CSĐT cần xác định các loại dịch vụ hỗ trợ NH (dịch vụ hỗ trợ học thuật như hỗ trợ học tập, hỗ trợ nghiên cứu, v.v.; dịch vụ hỗ trợ phi học thuật như hỗ trợ CSVC và điều kiện học tập; hỗ trợ tài chính; chăm sóc sức khỏe; tư vấn tâm lý; hoạt động văn hóa, thể thao; hỗ trợ việc làm và kết nối doanh nghiệp, v.v.). Kế hoạch đối với dịch vụ hỗ trợ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của CSĐT và nhu cầu của NH.

- Kế hoạch đối với các dịch vụ hỗ trợ cần xác định rõ thời gian triển khai các hoạt động; các mốc thời gian rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch; các chỉ tiêu hoặc kết quả dự kiến làm căn cứ đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch và hiệu quả hỗ trợ NH.

- CSĐT quy định cụ thể đơn vị/bộ phận/cá nhân chủ trì và phối hợp triển khai; đồng thời xác định trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp trong quá trình triển khai các dịch vụ hỗ trợ NH.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.3.2: Các dịch vụ hỗ trợ NH về học thuật và phi học thuật được triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.***

- CSĐT thực hiện đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ trong kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, đảm bảo tính liên tục và kịp thời của các dịch vụ; khả năng tiếp cận của người học; thời gian phục vụ phù hợp với nhu cầu NH; quy trình cung cấp dịch vụ rõ ràng, minh bạch.

- CSĐT cần giám sát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ theo kế hoạch đã đặt ra và thực hiện cải tiến liên tục.

- CSĐT cần có dữ liệu đánh giá các kết quả hoặc chỉ số thể hiện được chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.3.3: Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ NH được đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm chất lượng dịch vụ này.***

- CSĐT có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ NH dựa trên yêu cầu của VTVL; nhu cầu thực tiễn; kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ.

- CSĐT triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ NH.

- CSĐT triển khai các hình thức đào tạo khác nhau như đào tạo dài hạn, bồi dưỡng ngắn hạn, tự học, đào tạo thông qua công việc. Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng có thể bao gồm bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp - tư vấn - hỗ trợ NH, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công việc, v.v. để BĐCL dịch vụ hỗ trợ NH; có sự phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, thời gian) hợp lý và hiệu quả.

- Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ NH được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu BĐCL dịch vụ hỗ trợ NH.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 6.3**

- CSĐT đã xây dựng kế hoạch cho các dịch vụ hỗ trợ người học về học thuật, phi học thuật như thế nào? Kế hoạch này có phù hợp với định hướng phát triển của CSĐT và CTĐT không? Kế hoạch được xác định rõ ràng về các dịch vụ hỗ trợ, đơn vị/bộ phận, cá nhân phụ trách các nội dung liên quan; tiến độ thực hiện và các chỉ tiêu cần đạt như thế nào? Kế hoạch có phù hợp với điều kiện thực tế của CSĐT và nhu cầu của NH không?

- CSĐT có khảo sát nhu cầu của người học để làm căn cứ xây dựng/hoặc điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với các dịch vụ hỗ trợ NH không?

- Việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người học được thực hiện như thế nào? Khả năng tiếp cận của người học đối với các dịch vụ này như thế nào?

- Việc phân công trách nhiệm quản lý, thực hiện các dịch vụ hỗ trợ người học và sự phối hợp giữa các đơn vị như thế nào? Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dịch vụ hỗ trợ người học được CSĐT xác định như thế nào? Kết quả đạt được trong chu kỳ đánh giá như thế nào?

- Cơ chế kiểm soát việc thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ theo kế hoạch được triển khai như thế nào? CSĐT có thực hiện cải tiến liên tục không?

- CSĐT đánh giá hiệu quả hoạt động và mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đối với các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ như thế nào? Kết quả đánh giá góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động này như thế nào?

- CSĐT có dữ liệu các kết quả hoặc chỉ số thể hiện được chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH không? Các dữ liệu đó được quản lý như thế nào?

- Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ người học hiện có đáp ứng yêu cầu năng lực của các dịch vụ hỗ trợ hay không? CSĐT triển khai những hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nào để duy trì và nâng cao năng lực đó?

- CSĐT đã đầu tư nguồn lực (kinh phí, CSVC, trang thiết bị) cho các dịch vụ hỗ trợ NH như thế nào? Mức độ đầu tư có phù hợp với nhu cầu không?

- CSĐT có kế hoạch và triển khai cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ NH không? Hiệu quả các hoạt động cải tiến như thế nào?

- Các chính sách đãi ngộ, động viên, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được thực hiện như thế nào? Mức độ hài lòng của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ đối với các chính sách của CSĐT?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 6.3**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH 2025.

- [Nghị định 238/2025/NĐ-CP](#) ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- [Nghị định 106/2020/NĐ-CP](#) ban hành Nghị định về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- [Thông tư 04/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 29/3/2024 ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành GDĐT trong các cơ sở giáo dục ĐH và các trường cao đẳng sư phạm công lập.

- [Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT](#) ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với CTĐT ĐH hệ chính quy.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS.

- [Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Thông tư quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 12/2022/TT-BNV](#) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.3**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về các dịch vụ hỗ trợ NH.

- Văn bản thành lập/phân công đơn vị/tổ chức phụ trách các hoạt động dịch vụ hỗ trợ NH (học thuật và phi học thuật).

- CSDL về các hoạt động dịch vụ hỗ trợ NH trong chu kỳ KĐCLGD.

- Thống kê kinh phí chi cho các hoạt động dịch vụ hỗ trợ NH trong chu kỳ KĐCLGD.

- Báo cáo tổng kết hằng năm về các hoạt động dịch vụ hỗ trợ NH (học thuật và phi học thuật).

- Ý kiến phản hồi của NH về các hoạt động dịch vụ hỗ trợ NH (học thuật và phi học thuật).

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Minh chứng về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ người học (quyết định cử đi đào tạo/bồi dưỡng; bằng cấp/chứng chỉ/chứng nhận được cấp, v.v.).

- Minh chứng về CSVC, trang thiết bị phục vụ các dịch vụ hỗ trợ người học.

- Cơ sở dữ liệu về ý kiến, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các chính sách của CSĐT.

- Báo cáo kết quả lấy ý kiến về nhu cầu của người học về các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.3**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả khái quát về các loại dịch vụ hỗ trợ mà CSĐT cung cấp để phục vụ đào tạo, NCKH và kết nối PVCĐ; phân loại rõ ràng giữa dịch vụ học thuật và phi học thuật, nêu rõ mục tiêu và định hướng phát triển dịch vụ hỗ trợ người học.

- Mô tả các kế hoạch đã được xây dựng, những căn cứ CSĐT sử dụng để xây dựng kế hoạch; kế hoạch nêu rõ từng loại dịch vụ hỗ trợ cụ thể, đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm, tiến độ thực hiện và các chỉ tiêu cần đạt.

- Mô tả cách thức triển khai từng loại dịch vụ hỗ trợ, quy trình cung cấp dịch vụ, thời gian và địa điểm phục vụ, số lượng người học được hỗ trợ. Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của người học và chất lượng dịch vụ cung cấp.

- Mô tả cơ cấu, số lượng và chất lượng đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ người học; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã thực hiện, kết quả đạt được và tác động đến chất lượng dịch vụ.

- Mô tả nguồn kinh phí, CSVC, trang thiết bị được đầu tư cho các dịch vụ hỗ trợ người học. Nhận định mức độ phù hợp của việc đầu tư với nhu cầu thực tế và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Mô tả hoạt động lấy kiến phản hồi của người học về nhu cầu, chất lượng dịch vụ hỗ trợ, phân tích kết quả khảo sát, xác định điểm mạnh và hạn chế. Nhận định mức độ hài lòng của người học và những cải tiến cần thiết.

- Mô tả về tác động của các dịch vụ hỗ trợ đến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ kèm theo các số liệu cụ thể về đào tạo (kết quả học tập, tỷ lệ NH tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm, v.v.), kết quả NCKH và PVCĐ của NH.

- Mô tả về kế hoạch và triển khai cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ NH và hiệu quả các hoạt động cải tiến (chính sách đãi ngộ, động viên, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ; mức độ hài lòng của đội ngũ này đối với các chính sách của CSĐT, v.v.).

***Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập.***

#### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 6.4**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.4.1: CTĐT có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH trong tiến trình học tập.***

- CSĐT có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp (có quy định, đơn vị/bộ phận phụ trách/phối hợp giám sát, theo dõi tiến độ học tập của NH; có công cụ quản lý/phần mềm, v.v.) để giám sát và ghi nhận tiến độ học tập, KQHT và khối lượng học tập của NH trong suốt tiến trình học tập.

- CSĐT triển khai và vận hành hệ thống quản lý đào tạo bảo đảm giám sát và ghi nhận các thông tin liên quan đến hoạt động học tập của NH.

- Hệ thống quản lý đào tạo cho phép theo dõi và lưu trữ các dữ liệu học tập của NH như tình hình đăng ký học phần; tiến độ học tập; kết quả đánh giá học tập; khối lượng học tập tích lũy theo từng giai đoạn và các thông tin cần thiết khác phục vụ công tác quản lý, theo dõi và hỗ trợ NH trong quá trình học tập.

- CSĐT cần có cơ sở dữ liệu về tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.4.2: Các đơn vị/bộ phận phụ trách giám sát, theo dõi tiến độ học tập của NH phối hợp hiệu quả.***

- CSĐT xác định và phân công cụ thể các đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm trong việc giám sát, theo dõi tiến độ học tập và kết quả học tập của người học, bao gồm các hoạt động như

theo dõi tình hình đăng ký học phần, tiến độ học tập, kết quả học tập và rèn luyện, hỗ trợ, tư vấn người học khi cần thiết.

- CSĐT thiết lập cơ chế, quy trình giám sát, theo dõi tiến độ học tập của NH; các đơn vị liên quan phối hợp chia sẻ thông tin về tiến độ học tập của NH nhằm hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời và hiệu quả.

- CSĐT đánh giá sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ giám sát, theo dõi tiến độ học tập của người học làm cơ sở để điều chỉnh và cải tiến cách thức phối hợp giữa các đơn vị, nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ NH.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.4.3: Các phản hồi và thông tin được thực hiện kịp thời dựa trên CSDL về tiến độ học tập của NH, giúp NH cải thiện việc học tập và kết quả học tập.***

- CSĐT định kỳ phân tích, đánh giá cơ sở dữ liệu về tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH để nhận diện các nhóm NH cần hỗ trợ; xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình học tập, thi đua khen thưởng, hỗ trợ học bổng cho NH; dự báo khả năng hoàn thành CTĐT của NH.

- CSĐT triển khai các biện pháp cụ thể để cải thiện việc học tập của NH (tư vấn học tập cá nhân cho NH có nhu cầu; tổ chức học bổ sung, ôn tập cho những HP có tỷ lệ không đạt cao; hỗ trợ kỹ năng học tập, phương pháp học tập hiệu quả, thiết lập cơ chế phối hợp với gia đình trong quản lý NH).

- CSĐT phản hồi kịp thời về tiến độ và kết quả học tập của NH (thông báo kết quả học tập, khối lượng học tập cho NH trong thời gian quy định; cảnh báo học tập theo quy định; phản hồi về các vấn đề NH gặp phải trong quá trình học tập; hướng dẫn, tư vấn các điều kiện tốt nghiệp cho NH, v.v.) giúp NH cải thiện việc học tập và kết quả học tập.

- CSĐT lấy ý kiến của NH về việc phản hồi thông tin cho NH về tiến độ và kết quả học tập, giúp NH cải thiện việc học tập.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 6.4**

- Mức độ đáp ứng của hệ thống quản lý đào tạo/quản lý học tập đối với yêu cầu giám sát, ghi nhận tiến độ, kết quả và khối lượng học tập của NH trong suốt tiến trình học tập như thế nào?

- CSĐT theo dõi và ghi nhận tiến độ, kết quả và khối lượng học tập của NH bằng những dữ liệu nào? CSĐT sử dụng dữ liệu đó như thế nào để giám sát, hỗ trợ NH và cải tiến quản lý đào tạo?

- CSĐT phân công các đơn vị/bộ phận/cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ học tập của NH và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị được tổ chức như thế nào để bảo đảm việc giám sát và hỗ trợ NH kịp thời?

- CSĐT cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả học tập cho NH bằng các hình thức nào; thời gian phản hồi, công bố kết quả hay xử lý thắc mắc liên quan đến kết quả học tập như thế nào?

- CSĐT triển khai những hoạt động hỗ trợ nào nhằm giúp NH hoàn thành CTĐT? Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ này được thực hiện như thế nào?

- CSĐT nhận diện sớm NH có nguy cơ chậm tiến độ hoặc kết quả học tập chưa đạt bằng những cách thức nào; các biện pháp can thiệp, hỗ trợ và việc theo dõi kết quả được thực hiện như thế nào?

- CSĐT lấy ý kiến phản hồi của NH về hệ thống giám sát, ghi nhận tiến độ, kết quả học tập, khối lượng học tập và việc phản hồi như thế nào?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 6.4**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT](#) ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với CTĐT ĐH hệ chính quy;

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS;

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS;

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Luật An ninh mạng 2018](#), [Luật An ninh mạng 2025](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- [Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân](#).

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.4**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quyết định thành lập/phân công đơn vị/bộ phận phụ trách giám sát, theo dõi tiến độ học tập của NH.

- Quy chế/quy định về hoạt động đào tạo, kiểm tra đánh giá của CSĐT.

- Quy chế/quy định về công tác cố vấn học tập của CSĐT.

- CSDL về tiến độ học tập của NH (học lại, ngừng học, thôi học, v.v.) trong chu kỳ KĐCLGD.

- Ý kiến phản hồi của NH về hệ thống giám sát, ghi nhận tiến độ, kết quả học tập, khối lượng học tập và việc phản hồi.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Tài liệu mô tả hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (LMS hoặc hệ thống tương đương) và các chức năng của hệ thống.

- Quy trình và biểu mẫu theo dõi tiến độ học tập của người học.

- Minh chứng về hoạt động cố vấn học tập: kế hoạch nhiệm vụ (kỳ, năm học); báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (kỳ, năm).
- Minh chứng về việc cảnh báo sớm và hỗ trợ người học (những trường hợp cần hỗ trợ).
- Quy định về bảo mật và an toàn thông tin trong việc quản lý dữ liệu người học.
- Kết quả so sánh tiến độ và kết quả học tập của người học.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.4**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả hệ thống quản lý đào tạo của CSĐT, các chức năng của hệ thống trong việc giám sát, ghi nhận tiến độ học tập, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH. Nhận định tính phù hợp của hệ thống với yêu cầu của CTĐT, đặc biệt đối với các hình thức đào tạo trực tuyến và kết hợp.

- Mô tả cấu trúc tổ chức các đơn vị/bộ phận phụ trách giám sát, theo dõi tiến độ học tập của người học, bao gồm vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị/cá nhân. Mô tả quy trình phối hợp giữa các đơn vị/cá nhân, tần suất họp bàn, trao đổi thông tin và cơ chế giải quyết các vấn đề phát sinh. Nhận định về hiệu quả của sự phối hợp thông qua các chỉ số cụ thể như thời gian phản hồi, tỷ lệ xử lý thành công các vấn đề học tập.

- Mô tả quy trình giám sát tiến độ học tập từ lúc người học nhập học đến khi tốt nghiệp, các mốc thời gian quan trọng và các hoạt động theo dõi cụ thể. Mô tả các công cụ và phương pháp thu thập dữ liệu về tiến độ học tập, bao gồm cả việc tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Nhận định về độ tin cậy của dữ liệu được thu thập, các biện pháp kiểm soát chất lượng dữ liệu.

- Mô tả các hình thức và kênh phản hồi thông tin học tập cho người học (email, SMS, thông báo trên hệ thống, gặp mặt trực tiếp, v.v.), tần suất và thời gian phản hồi. Mô tả hệ thống cảnh báo sớm và các tiêu chí được sử dụng để xác định người học cần hỗ trợ. Mô tả các hoạt động hỗ trợ cụ thể như tư vấn học tập, lớp học bổ sung, hỗ trợ kỹ năng học tập và hiệu quả của từng hoạt động.

- Mô tả tổ chức và hoạt động của đội ngũ cố vấn học tập, bao gồm số lượng cố vấn, tỷ lệ cố vấn/người học, tiêu chí tuyển chọn và đào tạo cố vấn. Mô tả các hoạt động cố vấn cụ thể, tần suất gặp gỡ với người học và các phương pháp hỗ trợ được áp dụng. Nhận định về hiệu quả của hoạt động cố vấn học tập thông qua các chỉ số như tỷ lệ người học cải thiện kết quả học tập sau khi được tư vấn, mức độ hài lòng của người học.

- Mô tả về kết quả tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học và các hoạt động hỗ trợ người học, bao gồm các chỉ số về tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ bỏ học, cải thiện kết quả học tập. Nhận định về kết quả học tập hằng năm theo từng CTĐT. Thu thập và phân tích ý kiến phản hồi của người học về chất lượng hệ thống và các dịch vụ hỗ trợ.

**Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học.**

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 6.5**

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.5.1: CTĐT triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan giúp cải thiện việc học tập của NH và khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp.**

- CSĐT triển khai các hoạt động tư vấn học tập đa dạng và phù hợp (tư vấn chọn định hướng chuyên sâu của CTĐT; tổ hợp các HP tự chọn phù hợp với năng lực NH; hướng dẫn lập kế hoạch học tập cá nhân; tư vấn phương pháp học tập hiệu quả; hỗ trợ NH có kết quả học tập chưa đạt; hướng dẫn NH tham gia các đề tài NCKH, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tư vấn thực hiện luận văn, khóa luận tốt nghiệp; hỗ trợ tham gia hội thảo, hội nghị khoa học, công bố bài báo khoa học, v.v.).

- CSĐT triển khai các hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển năng lực toàn diện cho người học (kỹ năng mềm, văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao; trao đổi và giao lưu văn hóa; tình nguyện và PVCD, các cuộc thi chuyên môn và sáng tạo, v.v.). Các hoạt động của công đoàn, đoàn thanh niên, hội SV, các câu lạc bộ chuyên đề tạo điều kiện để NH tham gia sinh hoạt, giúp nâng cao kỹ năng mềm, cải thiện việc học tập và nâng cao khả năng có việc làm.

- CSĐT triển khai các loại hình kết nối và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho NH (định hướng nghề nghiệp; ngày hội việc làm - tuyển dụng, talkshow, Ceo Talk từ doanh nghiệp; kỹ năng khởi nghiệp và lập nghiệp; tìm kiếm nguồn học bổng tài trợ học tập, v.v.).

- CSĐT triển khai các dịch vụ hỗ trợ khác: CSĐT cần có các quy định về chăm sóc sức khỏe, y tế cho NH, chương trình bảo hiểm y tế, dịch vụ y tế cơ bản, các biện pháp phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tinh thần, tâm lý, v.v. Ngoài ra, cần có các dịch vụ hỗ trợ khác như hỗ trợ tài chính (vay vốn sinh viên), trợ cấp, ký túc xá, v.v.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.5.2: Kế hoạch thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ xác định rõ từng loại hoạt động cần thực hiện, và quy định cụ thể đơn vị, bộ phận, cá nhân phụ trách các nội dung, xác định tiến độ thực hiện, và các chỉ tiêu cần đạt.**

- Kế hoạch thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ được CSĐT xác định và phân loại rõ ràng, bao gồm: danh mục các hoạt động tư vấn học tập theo từng lĩnh vực; lịch trình các hoạt động ngoại khóa trong năm học; kế hoạch tổ chức các cuộc thi theo từng cấp độ (khoa, trường, quốc gia, v.v.), kết nối và hỗ trợ tìm kiếm việc làm, v.v.

- CSĐT quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ người học.

- Kế hoạch các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ cần xác định tiến độ và dự kiến kết quả đạt được (thời gian chuẩn bị, tổ chức và kết thúc từng hoạt động; các mốc kiểm tra, đánh giá định kỳ; lịch trình cụ thể cho từng giai đoạn thực hiện; kế hoạch dự phòng khi có tình huống bất khả kháng; số lượng hoạt động được tổ chức; số lượng và tỷ lệ người học tham gia/hưởng lợi, mức độ hài lòng đối với từng hoạt động v.v.).

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.5.3: CTĐT sử dụng các nền tảng kỹ thuật số hỗ trợ tư vấn học tập và trải nghiệm của NH trong phương thức và hoạt động đào tạo trực tuyến.***

- CSĐT cần đầu tư cơ sở hạ tầng nền tảng số, phát triển và triển khai các công cụ CNTT trong hỗ trợ tư vấn học tập và trải nghiệm cho người học: Portal sinh viên tích hợp các tính năng tư vấn; Chatbot tư vấn tự động; hệ thống đặt lịch tư vấn trực tuyến với cán bộ; hệ thống giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; ứng dụng các nền tảng xã hội trực tuyến hỗ trợ người học; LMS; thư viện số, v.v.

- CSĐT ứng dụng công nghệ trong hoạt động đào tạo (lớp học ảo, hội thảo trực tuyến; công cụ làm việc nhóm trực tuyến, hệ thống theo dõi tiến độ học tập, phần mềm mô phỏng, thực hành ảo, v.v.).

- CSĐT định kỳ phân tích dữ liệu quá trình học tập của người học để phục vụ cho các hoạt động phản hồi thông tin nhằm giúp người học cải thiện kết quả học tập và phục vụ báo cáo, thống kê theo quy định.

***d) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.5.4: Thông tin đầy đủ, cập nhật về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác, tạo điều kiện để người học dễ dàng tiếp cận để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của bản thân.***

- CSĐT có hệ thống thông tin toàn diện để tư vấn học tập (trực tiếp và trực tuyến) về tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi cùng các dịch vụ hỗ trợ giúp người học dễ dàng tiếp cận nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm (website chính thức của CSĐT với chuyên mục riêng cho sinh viên; hệ thống các nền tảng xã hội, thông tin trực tiếp qua CVHT, ban cán sự các lớp; từ đơn vị hỗ trợ người học, v.v.).

- CSĐT có các thông tin đầy đủ về các hoạt động của công đoàn, đoàn thanh niên, hội SV, các câu lạc bộ chuyên đề để NH tham gia sinh hoạt, giúp người học nâng cao kỹ năng mềm, cải thiện việc học tập và nâng cao khả năng có việc làm.

- CSĐT đảm bảo thông tin đầy đủ, chính thống và được cập nhật thường xuyên: lịch trình các hoạt động sắp diễn ra; các thông báo về kế hoạch, kết quả các hoạt động; thông tin về việc làm, tuyển dụng; thông tin về các loại học bổng, v.v.

- Người học tiếp cận dễ dàng với các thông tin: website có giao diện thân thiện, dễ sử dụng; tìm kiếm thông tin nhanh chóng; đa dạng và dễ tiếp cận các kênh thông tin (web, app, email, SMS); lịch trình tư vấn trực tiếp của đội ngũ CVHT; xác định cụ thể nhân viên hỗ trợ và công bố thông tin cho người học; hỗ trợ thông tin bằng tiếng nước ngoài nếu có yếu tố người học quốc tế, v.v.

- CSĐT lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để làm căn cứ đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng các hoạt động.

**2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 6.5**

- CSĐT đã triển khai những loại hình hoạt động tư vấn học tập nào? Mức độ đa dạng và phù hợp với nhu cầu của người học như thế nào?

- CSĐT triển khai các hoạt động ngoại khóa nào, có được tổ chức thường xuyên và đa dạng không? Các hoạt động ngoại khóa giúp phát triển năng lực toàn diện cho người học như thế nào? Tỷ lệ NH tham gia các hoạt động này như thế nào?

- CSĐT đã tổ chức những cuộc thi nào để khuyến khích sáng tạo và nâng cao năng lực của NH? Kết quả và tác động của các cuộc thi như thế nào?

- Các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ việc làm được cung cấp có hiệu quả không? Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp đạt mức độ như thế nào?

- Kế hoạch thực hiện các hoạt động có được xây dựng chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng không? Việc thực hiện có đúng tiến độ và đạt được các chỉ tiêu đề ra không?

- CSĐT đã triển khai những nền tảng kỹ thuật số nào để hỗ trợ tư vấn học tập và đào tạo trực tuyến? Hiệu quả sử dụng các công cụ này như thế nào?

- Thông tin về các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ có được cung cấp đầy đủ và cập nhật thường xuyên không? NH có dễ dàng tiếp cận thông tin này không?

- Ý kiến phản hồi của NH về chất lượng các hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ như thế nào? Mức độ hài lòng như thế nào?

- CSĐT có đánh giá hiệu quả hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác không? Mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động này như thế nào? Kết quả đánh giá và/hoặc mức độ hài lòng của người học thể hiện các hoạt động tư vấn, ngoại khóa, v.v. có đóng góp như thế nào trong việc giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của NH.

- Các hoạt động được triển khai có thực sự góp phần cải thiện kết quả học tập của NH không, bằng chứng cụ thể là gì?

- CSĐT có theo dõi và đánh giá hiệu quả của các hoạt động để điều chỉnh, cải tiến không? Kế hoạch phát triển như thế nào?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 6.5**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT](#) ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với CTĐT ĐH hệ chính quy;

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS;

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS;

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 18/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Hướng dẫn về công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học.

- [Luật An ninh mạng 2018](#), [Luật An ninh mạng 2025](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Các quy định có liên quan về công tác sinh viên, hoạt động ngoại khóa, đào tạo trực tuyến của CSĐT.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.5**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Quy định về việc triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ của CSĐT.
- Các kế hoạch về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ.
- Các nền tảng kỹ thuật số hỗ trợ tư vấn học tập và trải nghiệm của NH trong đào tạo trực tuyến.
- CSDL về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ, tình trạng việc làm của NH tốt nghiệp.
- Ý kiến phản hồi của NH về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Danh sách và hồ sơ các cuộc thi đã tổ chức (kết quả, hình ảnh hoạt động).
- Báo cáo thống kê về tỷ lệ NH tham gia các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi.
- Minh chứng về các kênh thông tin (website, fanpage, ứng dụng di động, bảng tin).
- Hợp đồng, thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp trong việc hỗ trợ việc làm cho NH.
- Minh chứng về hoạt động tư vấn việc làm khác.
- Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp.
- Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư vấn, hỗ trợ NH.
- Minh chứng về CSVC, trang thiết bị phục vụ các hoạt động hỗ trợ NH.

#### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.5**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.5, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 04 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về các loại hình hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, cuộc thi và dịch vụ hỗ trợ khác do CSĐT triển khai. Mô tả về mục tiêu, định hướng và chiến lược phát triển các hoạt động hỗ trợ NH.
- Mô tả cụ thể từng loại hình tư vấn học tập được triển khai, đối tượng hưởng lợi, phương thức tổ chức, tần suất thực hiện và kết quả đạt được. Nhận định về hiệu quả của các hoạt động tư vấn đối với việc cải thiện kết quả học tập của NH.
- Mô tả khái quát các hoạt động ngoại khóa được tổ chức thường xuyên, các cuộc thi khuyến khích sáng tạo, số lượng NH tham gia, kết quả và giải thưởng đạt được. Nhận định tác động của các hoạt động này đến sự phát triển toàn diện của NH.

- Mô tả các dịch vụ hỗ trợ việc làm được cung cấp cho người học (bao gồm tư vấn nghề nghiệp, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, ngày hội việc làm - tuyển dụng, talkshow, CEO Talk từ doanh nghiệp; kỹ năng khởi nghiệp và lập nghiệp; tìm kiếm nguồn học bổng tài trợ học tập, v.v.).

- Mô tả quy trình xây dựng kế hoạch các hoạt động, sự phân công trách nhiệm giữa các đơn vị, cá nhân, tiến độ thực hiện và các chỉ tiêu đề ra. Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch và hiệu quả quản lý các hoạt động.

- Mô tả các nền tảng số được sử dụng để hỗ trợ tư vấn học tập và đào tạo trực tuyến, bao gồm các tính năng, khả năng tiếp cận và hiệu quả sử dụng. Nhận định tác động của việc số hóa đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ NH.

- Mô tả CSĐT ứng dụng công nghệ trong hoạt động đào tạo (lớp học ảo, hội thảo trực tuyến; công cụ làm việc nhóm trực tuyến, hệ thống theo dõi tiến độ học tập, phần mềm mô phỏng, thực hành ảo, v.v.).

- Mô tả CSĐT có hệ thống thông tin toàn diện để tư vấn học tập (trực tiếp và trực tuyến) về các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi cùng các dịch vụ hỗ trợ giúp người học dễ dàng tiếp cận nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm.

- Mô tả các kênh thông tin được sử dụng để cung cấp thông tin về các hoạt động, tần suất cập nhật, khả năng tiếp cận của NH. Nhận định hiệu quả của việc truyền thông và khả năng tiếp cận thông tin của NH.

- Mô tả hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của NH về chất lượng các hoạt động hỗ trợ; sử dụng kết quả phản hồi để cải tiến chất lượng.

- Nhận định về hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ đến kết quả học tập, khả năng việc làm và sự phát triển toàn diện của NH. Đưa ra các số liệu cụ thể minh chứng cho hiệu quả của các hoạt động.

***Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 6.6**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.6.1: Có các quy định, tiêu chí định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học.***

- CSĐT cần ban hành các văn bản quy định, tiêu chí và quy trình để định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học. Các quy định này cần xác định các dịch vụ hỗ trợ được đánh giá (Ví dụ: tư vấn học tập và nghề nghiệp; hỗ trợ tài chính; chăm sóc sức khỏe ban đầu và tâm lý học đường; ký túc xá; thư viện; hỗ trợ các nhóm người học yếu thế, v.v.); tiêu chí và phương pháp đánh giá chất lượng từng loại hình dịch vụ; thời gian và tần suất đánh giá; phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân liên quan và cơ chế phối hợp thực hiện; phương thức đối sánh với các chuẩn mực, thông lệ hoặc các CSĐT phù hợp.

- Kết quả đánh giá và đối sánh cần được phân tích và sử dụng làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.6.2: Thực hiện kế hoạch đánh giá, đối sánh định kỳ các dịch vụ hỗ trợ người học.***

- Hằng năm, CSĐT cần xây dựng kế hoạch và đánh giá, đối sánh các dịch vụ hỗ trợ NH. Kế hoạch đánh giá, đối sánh phải thể hiện rõ mục tiêu, lịch trình, nguồn lực và phương pháp thực hiện.

- CSĐT triển khai đánh giá, đối sánh các dịch vụ hỗ trợ NH; quá trình thực hiện có các báo cáo đánh giá kết quả và kết quả đối sánh.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 6.6.3: Kết quả đánh giá được thông tin đến các bên liên quan và sử dụng trong việc định kỳ cải tiến chất lượng và giám sát việc thực hiện kế hoạch.***

- Các kết quả đánh giá các dịch vụ hỗ trợ NH được CSĐT thông tin đến các bên liên quan, đặc biệt là NH, thông qua các hội nghị, hội thảo và các kênh thông tin chính thống của CSĐT.

- Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch định kỳ cải tiến chất lượng hoạt động hỗ trợ NH trong những giai đoạn tiếp theo.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 6.6**

- CSĐT có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học như thế nào?

- Các tiêu chí đánh giá dịch vụ hỗ trợ người học được xác định như thế nào? Có phù hợp với từng loại dịch vụ không?

- Chu kỳ đánh giá các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện như thế nào? Có phù hợp với tính chất của từng dịch vụ không?

- CSĐT có thực hiện đầy đủ các đợt đánh giá theo kế hoạch đã đề ra không? Chất lượng thực hiện như thế nào?

- Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu đánh giá có đa dạng và khoa học không? Độ tin cậy của dữ liệu như thế nào?

- CSĐT có đối sánh chất lượng dịch vụ với các CSĐT khác hoặc tiêu chuẩn tham chiếu không? CSĐT có tiêu chí lựa chọn CSĐT khác hoặc tiêu chuẩn tham chiếu để đối sánh không?

- CSĐT có xây dựng kế hoạch và đánh giá, đối sánh các dịch vụ hỗ trợ NH, mục tiêu, lịch trình, nguồn lực và phương pháp thực hiện không? Quá trình thực hiện có các báo cáo đánh giá kết quả và kết quả đối sánh không?

- Kết quả đánh giá có được thông tin đầy đủ và kịp thời đến các bên liên quan không? Thông tin qua những kênh nào?

- Kết quả đánh giá được sử dụng như thế nào trong việc cải tiến chất lượng dịch vụ?

- CSĐT có cơ sở dữ liệu để lưu trữ và quản lý thông tin đánh giá dịch vụ hỗ trợ người học không?

- Việc giám sát thực hiện kế hoạch cải tiến được thực hiện như thế nào?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 6.6

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.
- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.
- [Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT](#) ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với CTĐT ĐH hệ chính quy;
- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS;
- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS;
- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.
- Các quy định về an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường trong các cơ sở giáo dục.
- [Luật Người khuyết tật](#) và các văn bản hướng dẫn về hỗ trợ người khuyết tật trong giáo dục.
- Các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về dịch vụ hỗ trợ NH.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.6

#### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 6.6 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH.
- CSDL về đánh giá/phân tích/đối sánh các dịch vụ hỗ trợ NH.
- Báo cáo có nội dung, thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH.
- Ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên trong về các hoạt động dịch vụ hỗ trợ NH.

#### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Kế hoạch khảo sát các dịch vụ hỗ trợ người học.
- Phiếu khảo sát, bảng hỏi đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ.
- CSDL và báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học về các dịch vụ hỗ trợ.
- Minh chứng về công bố báo cáo kết quả đánh giá, đối sánh đến các bên liên quan.
- Minh chứng về cải tiến chất lượng dịch vụ.
- So sánh chất lượng dịch vụ với các CSĐT tương tự hoặc tiêu chuẩn tham chiếu.
- Thống kê về tình hình sử dụng các dịch vụ hỗ trợ của người học.
- Hệ thống chỉ số KPI để theo dõi chất lượng dịch vụ hỗ trợ.

## 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.6

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 6.6, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả quy định về đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học, bao gồm phạm vi, chu kỳ, phương pháp và trách nhiệm thực hiện.

- Mô tả CSĐT xây dựng kế hoạch và việc thực hiện đánh giá, đối sánh các dịch vụ hỗ trợ NH.

- Mô tả các hoạt động đánh giá đã được thực hiện, bao gồm lập kế hoạch, thu thập dữ liệu, phân tích kết quả và đối sánh. Thống kê số lượng người tham gia khảo sát, tỷ lệ phản hồi và chất lượng dữ liệu thu thập được; phương pháp phân tích và các công cụ hỗ trợ được sử dụng.

- Mô tả kết quả đánh giá, đối sánh các dịch vụ hỗ trợ NH; trình bày số liệu/dữ liệu về các kết quả đánh giá và đối sánh trong chu kỳ đánh giá.

- Nhận định về kết quả đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ (điểm mạnh, điểm yếu và các vấn đề cần cải thiện). So sánh kết quả qua các năm để xác định xu hướng phát triển. Nhận định về kết quả đối sánh với các CSĐT tương tự hoặc tiêu chuẩn tham chiếu để đánh giá vị thế và xác định cơ hội cải tiến.

- Mô tả các hình thức và kênh thông tin kết quả đánh giá đến các bên liên quan khác nhau. Nhận định về hiệu quả của việc truyền đạt thông tin thông qua phản hồi từ các bên nhận thông tin; mức độ quan tâm và sử dụng thông tin của các bên liên quan.

- Mô tả cách thức kết quả đánh giá được chuyển hóa thành các kế hoạch và biện pháp cải tiến cụ thể. Mô tả các đầu tư cải tiến đã được thực hiện và kết quả cụ thể.

- Nhận định về hiệu quả của cơ chế giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng dịch vụ. Nhận định sự phù hợp và mức độ đáp ứng các chỉ số KPI đã thiết lập. Xác định những ưu điểm và hạn chế trong việc duy trì và cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học, đề xuất các biện pháp hoàn thiện hệ thống đánh giá và cải tiến.

### 3.7. TIÊU CHUẨN 7. CƠ SỞ HẠ TẦNG, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

**Tiêu chí 7.1:** Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

#### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 7.1

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.1.1:** Có chính sách để bảo đảm chất lượng CSVC, có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỷ lệ diện tích/NH theo quy định để triển khai CTĐT, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

- CSĐT có chính sách, kế hoạch phát triển CSVC.

- CSĐT có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện và các phòng chức năng phù hợp đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.

- Phòng làm việc, phòng học, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện và các phòng chức năng đáp ứng quy định ([Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT](#); [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#)).

- CSĐT có diện tích đất và diện tích sàn xây dựng/NH đáp ứng quy định ([Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#)).

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.1.2:** Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo và để hỗ trợ triển khai hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

- Hệ thống phòng học, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện có đầy đủ trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT và để hỗ trợ triển khai hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD (ví dụ: hệ thống chiếu sáng, âm thanh, màn hình, bảng tương tác, camera, internet, v.v.)

- Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT và để hỗ trợ triển khai hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD (ví dụ: bàn ghế, tủ tài liệu, máy tính, máy in, internet, máy photocopy, v.v.)

- GV có chỗ làm việc riêng biệt đáp ứng yêu cầu ở mức tối thiểu của [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#).

#### 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 7.1

- CSĐT có chính sách về phát triển và quản lý CSVC như thế nào? Các nguồn lực đầu tư phát triển CSVC cho CTĐT như thế nào?

- Tỷ lệ diện tích/NH của CSĐT có đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục không?

- Các phòng chức năng có được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD không?

- CSĐT có chỗ làm việc riêng cho GS/PGS và GV không?

- Mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học và trang thiết bị với nhu cầu học tập của NH? Tỷ lệ sử dụng phòng học như thế nào?

- CSĐT có có phòng chờ cho GV không? Số lượng và diện tích các phòng chờ như thế nào?

- CSĐT có phòng học trực tuyến được thiết kế và trang thiết bị phù hợp với đào tạo từ xa không? Số lượng và diện tích bao nhiêu? Trang thiết bị gồm những loại nào? Tình trạng sử dụng?

- CSĐT có phòng học đa phương tiện với trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ không? Số lượng và diện tích bao nhiêu? Trang thiết bị gồm những loại nào? Tình trạng sử dụng?

- CSĐT xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp CSVC và thực hiện kế hoạch như thế nào? Kinh phí đầu tư bao nhiêu?

- Việc bảo trì và bảo dưỡng CSVC cho CTĐT có được thực hiện thường xuyên và hiệu quả không?

- Mức độ hài lòng của GV và NH của CTĐT như thế nào?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 7.1

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT](#) quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDĐT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiêu chuẩn xây dựng trường học.

- Các quy định về môi trường và vệ sinh an toàn lao động.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.1

**Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):**

- Thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng, v.v. làm căn cứ xác định tỷ lệ diện tích/NH của CSĐT.

- Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng.

- Sổ theo dõi/nhật ký sử dụng phòng học, phòng chức năng.
- Danh mục CSVC, trang thiết bị của các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng.
- Kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị hằng năm.
- Kinh phí đầu tư CSVC và trang thiết bị hằng năm (chứng từ và hồ sơ quyết toán theo quy định).
- Ý kiến của NH và GV về phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng và CSVC, trang thiết bị đi kèm.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Chính sách và quy định của CSĐT về quản lý, sử dụng CSVC.
- Hồ sơ thiết kế và bản vẽ các công trình xây dựng.
- Báo cáo kiểm tra, đánh giá định kỳ về tình trạng CSVC.
- Kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ CSVC.
- Minh chứng về mua sắm, thanh lý trang thiết bị.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.1**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các chính sách của CSĐT về phát triển, quản lý và sử dụng CSVC. Mô tả quy hoạch tổng thể về CSVC phù hợp với quy mô đào tạo hiện tại và kế hoạch phát triển. Nhận định sự phù hợp của quy hoạch với định hướng phát triển của CSĐT và yêu cầu của các CTĐT.

- Mô tả diện tích, số lượng và loại hình các phòng làm việc, phòng học theo chức năng. Nhận định mức độ sử dụng và hiệu quả khai thác các phòng học và phòng chức năng.

- Mô tả trang thiết bị phục vụ giảng dạy trực tuyến và công nghệ số. Phân tích sự phù hợp của trang thiết bị với yêu cầu cụ thể của từng CTĐT và các hoạt động nghiên cứu.

- Mô tả cách thức sử dụng CSVC và các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhận định về mức độ đáp ứng của CSVC đối với CTĐT.

- Mô tả kế hoạch đầu tư, mua sắm thiết bị và nâng cấp CSVC hằng năm. Thống kê kinh phí đã đầu tư và hiệu quả sử dụng phòng và trang thiết bị. Phân tích ưu tiên đầu tư dựa trên nhu cầu thực tế và kế hoạch phát triển CTĐT. Mô tả cơ chế bảo trì, sửa chữa và thay thế thiết bị định kỳ.

- Mô tả kết quả phản hồi từ GV và NH về CSVC. Nhận định những điểm mạnh và hạn chế trong hệ thống CSVC hiện tại. Đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và PVCĐ.

- Mô tả những biện pháp CSĐT đã triển khai để bảo đảm an toàn cho NH và GV.

**Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.**

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 7.2**

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.2.1: Phòng thí nghiệm, phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu của CTĐT.**

- CSĐT có hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của NH, GV và NCV của CTĐT. CSĐT cần có sơ đồ/chỉ dẫn phòng thí nghiệm, phòng thực hành (hoặc các khu vực được bố trí dành cho thí nghiệm, thực hành với tên gọi khác, như trại thực nghiệm, trạm quan trắc, v.v.).

- CSĐT có các phòng thí nghiệm, phòng thực hành với đầy đủ trang thiết bị phù hợp theo yêu cầu của CTĐT; có hệ thống theo dõi tình trạng sử dụng, quy trình, quy định sử dụng trang thiết bị thực hành, thí nghiệm; phân công trách nhiệm, quyền hạn quản lý; có sổ theo dõi/nhật ký sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị.

- CSĐT có các yêu cầu về kỹ năng thực hành/hướng dẫn thực hiện được các thao tác, kỹ thuật cần thiết vận hành thiết bị thực hành, thí nghiệm.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.2.2: Phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn; được duy tu/bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp để sử dụng có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của NH và GV của CTĐT.**

- Các phòng thí nghiệm, thực hành của CTĐT có hướng dẫn an toàn cho GV, NH; tuân thủ các quy định về an toàn lao động (ví dụ, các thiết bị bảo hộ cá nhân, sơ cứu, v.v.); đảm bảo vệ sinh môi trường (ví dụ: tủ đựng hóa chất, hệ thống thông gió, có hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải, v.v.), phòng cháy chữa cháy (báo cháy, chữa cháy, tiêu lệnh, v.v.) và các biện pháp an toàn khác.

- CSĐT có kế hoạch cụ thể về việc duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị cho CTĐT theo định kỳ, đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, chính xác và an toàn.

- CSĐT có kế hoạch và ngân sách để cập nhật, thay thế, nâng cấp trang thiết bị cho CTĐT khi cần thiết, đáp ứng sự phát triển của công nghệ và yêu cầu đào tạo mới.

- Hệ thống các phòng thí nghiệm, phòng thực hành được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của NH, GV và NVC (tần suất sử dụng, quy mô sử dụng, mức độ sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của NH, GV).

- CSĐT lấy ý kiến của GV, NH của CTĐT về mức độ đáp ứng của các phòng thực hành, thí nghiệm trong đào tạo, NCKH.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.2.3: Phần mềm dùng cho thí nghiệm, thực hành trong đào tạo trực tuyến phải đáp ứng các yêu cầu về bản quyền.**

- Các phần mềm được sử dụng trong thí nghiệm, phần mềm mô phỏng, thực hành, thực hành ảo trong đào tạo trực tuyến có bản quyền hợp pháp, được mua từ nhà phát triển hoặc đại lý được ủy quyền, hoặc là phần mềm miễn phí, mã nguồn mở có giấy phép sử dụng rõ ràng.

- CSĐT có hệ thống quản lý bản quyền phần mềm, theo dõi thời hạn sử dụng, số lượng license, phạm vi sử dụng và có kế hoạch gia hạn, mua bổ sung khi cần thiết.

- Việc sử dụng phần mềm tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng bản quyền, không vi phạm các quy định về số lượng người dùng, phạm vi sử dụng và mục đích sử dụng, giúp GV và NH hiểu và tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 7.2**

- CSĐT có bao nhiêu phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ CTĐT? Diện tích và các trang thiết bị của mỗi phòng như thế nào?

- CSĐT có quy định, quy trình sử dụng phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị thực hành, thí nghiệm không? Có hệ thống quản lý việc sử dụng phòng thực hành, thí nghiệm không, cụ thể như thế nào?

- Mức độ đáp ứng của trang thiết bị trong phòng thực hành, thí nghiệm so với yêu cầu của các HP trong CTĐT như thế nào?

- Tình trạng hoạt động, tính cập nhật của các trang thiết bị trong phòng thực hành, thí nghiệm như thế nào? Có phù hợp với công nghệ đang được sử dụng trong thực tế không?

- Các phòng thí nghiệm, thực hành có đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ không? Có các biện pháp phòng ngừa tai nạn không?

- CSĐT có hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải từ các phòng thực hành, thí nghiệm như thế nào (đối với các nội dung thực hành, thí nghiệm cần sử dụng nước, hóa chất, v.v.)?

- Kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị được thực hiện như thế nào?

- Trong giai đoạn đánh giá, CSĐT đã đầu tư kinh phí mua sắm, nâng cấp trang thiết bị của các phòng thực hành, thí nghiệm này như thế nào? Tổng số kinh phí đã đầu tư?

- Tần suất sử dụng của các phòng thí nghiệm, thực hành như thế nào?

- CSĐT có các phần mềm được sử dụng cho thí nghiệm, thực hành trực tuyến không, là những phần mềm nào? Tình trạng bản quyền của các phần mềm này như thế nào?

- CSĐT có hệ thống quản lý bản quyền phần mềm như thế nào? Có theo dõi thời hạn sử dụng không?

- Có những khó khăn, hạn chế nào trong việc sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị?

- NH và GV đánh giá như thế nào về chất lượng và mức độ đáp ứng yêu cầu của phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị đối với đào tạo, nghiên cứu?

## **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 7.2**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Luật An toàn, vệ sinh lao động](#) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Nghị định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định về xử lý chất thải trong phòng thí nghiệm.

- Thông tư về tiêu chuẩn kỹ thuật phòng thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục.
- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ. [Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ.](#)
- [Luật An ninh mạng 2018](#), [Luật An ninh mạng 2025](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình.
- Thông tư về quy định an toàn trong sử dụng hóa chất trong các cơ sở giáo dục.
- Các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về trang thiết bị phòng thí nghiệm.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các quy định khác có liên quan.

#### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.2

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Sơ đồ phòng thí nghiệm, phòng thực hành (hoặc các khu vực được bố trí dành cho thí nghiệm, thực hành với tên gọi khác như trại thực nghiệm, trạm quan trắc, v.v.).
- Sổ theo dõi/nhật ký sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị.
- Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH của CTĐT.
- Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thí nghiệm, phòng thực hành.
- Bảng tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị.
- Bản tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành, v.v.).
- Thông tin về các phần mềm dùng cho thí nghiệm, thực hành trong đào tạo trực tuyến.
- Ý kiến của NH và GV về phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Danh sách, vị trí và sơ đồ chỉ dẫn các khu vực thí nghiệm, thực hành cho CTĐT.
- Phần mềm quản lý, theo dõi sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị.

#### 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.2

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả số lượng, diện tích, vị trí và chức năng của từng phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ CTĐT. Mô tả cách bố trí và thiết kế các phòng đáp ứng yêu cầu chuyên môn và an toàn. Nêu rõ các khu vực đặc biệt như trại thực nghiệm, trạm quan trắc (nếu có).

- Mô tả, nhận định về các trang thiết bị của từng phòng thí nghiệm, thực hành của CTĐT, tính năng công nghệ và mức độ hiện đại của các trang thiết bị chính; mức độ đáp ứng yêu cầu dạy - học và nghiên cứu của các HP trong CTĐT.

- Mô tả về kế hoạch và thực tế đầu tư, nâng cấp thiết bị qua các năm; mô tả những nâng cấp và mức độ cập nhật so với xu hướng công nghệ trong ngành để đánh giá tính phù hợp.

- Mô tả các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong phòng thí nghiệm như hệ thống thông gió, xử lý chất thải, nước thải, thiết bị bảo hộ, báo cháy chữa cháy áp dụng tại các phòng thực hành, thí nghiệm. Mô tả các quy định và hướng dẫn an toàn, cách thức đào tạo và kiểm tra việc tuân thủ an toàn.

- Mô tả về xây dựng kế hoạch và duy tu, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị. Phân tích hiệu quả của công tác bảo dưỡng thông qua tỷ lệ thiết bị hoạt động tốt, thời gian sử dụng và chi phí sửa chữa. Mô tả cơ chế quản lý và theo dõi tình trạng thiết bị.

- Nhận định về kết quả, tần suất sử dụng, tỷ lệ sử dụng của các phòng thí nghiệm và trang thiết bị; mức độ hiệu quả sử dụng so với công suất thiết kế và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng.

- Mô tả các phần mềm được sử dụng trong thí nghiệm, thực hành trực tuyến; tính hợp pháp của bản quyền thông qua hợp đồng mua, giấy phép sử dụng. Mô tả hệ thống quản lý bản quyền và kế hoạch gia hạn, mua bổ sung license.

- Mô tả và nhận định về kết quả khảo sát ý kiến của NH và GV về chất lượng phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị. Phân tích các điểm được đánh giá tích cực và những vấn đề cần cải thiện. So sánh kết quả qua các năm để thấy được sự cải thiện.

- Nhận định về ưu điểm và hạn chế của hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị. Xác định những vấn đề cần ưu tiên giải quyết và đề xuất kế hoạch cải thiện, nâng cấp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.

***Tiêu chí 7.3 (Tiêu chí điều kiện): Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu Tiêu chí 7.3**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.3.1: Có chính sách/hệ thống bảo đảm chất lượng của thư viện với phòng đọc và các nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ.***

- CSĐT có chính sách/hệ thống BĐCL về CSVC, trang thiết bị, cơ cấu tổ chức và nhân sự của thư viện; có quy định, quy trình cơ chế phối hợp trong hoạt động của thư viện; liên kết thư viện trong và ngoài nước; xây dựng và phát triển nguồn học liệu (bao gồm cả tài liệu nội sinh). CSĐT cần tham chiếu các tiêu chuẩn thư viện ĐH để đáp ứng được các yêu cầu quy định.

- CSĐT có văn bản quy định, quy trình rõ ràng về quản lý, khai thác, phát triển thư viện và học liệu (nội quy, quy trình phục vụ, kế hoạch phát triển tài nguyên, v.v.).

- Thư viện có phòng đọc được bố trí hợp lý, đáp ứng nhu cầu truy cập, nghiên cứu và tự học của NH (khu vực đọc tham khảo nhanh; phòng đọc yên tĩnh cho nghiên cứu cá nhân; không gian học nhóm và thảo luận; khu vực truy cập tài nguyên số, máy tính, internet, đường truyền, v.v.); thư viện cần có phần mềm quản lý thư viện tích hợp đầy đủ chức năng để đảm bảo quản lý hiệu quả.

- CSĐT có quy trình, chính sách, kế hoạch và nguồn lực đầu tư cập nhật nguồn học liệu cho CTĐT. CSĐT đảm bảo đủ tài liệu, học liệu phục vụ cho CTĐT.

- Đội ngũ nhân viên thư viện đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. CSĐT cần có nhân viên hỗ trợ của thư viện hiểu về CTĐT để hỗ trợ kịp thời cho NH và GV của CTĐT.

- CSĐT cần đảm bảo thời gian phục vụ hợp lý; có hỗ trợ tài khoản/truy cập sử dụng nguồn tài liệu, học liệu số cho NH và GV, NCV của CTĐT.

- CSĐT có quy định và phân công trách nhiệm rõ ràng cho các bộ phận liên quan trong việc phối hợp xây dựng, mua sắm BĐCL nguồn học liệu phục vụ cho CTĐT và cập nhật; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thư viện.

- CSĐT cần khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của NH và GV, NCV của CTĐT về hoạt động hỗ trợ của thư viện; đánh giá hiệu quả sử dụng tài liệu, học liệu.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.3.2: Các nguồn học liệu, học liệu số đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD và có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông và tuân thủ quy định về bản quyền.***

- CSĐT có kế hoạch và triển khai cập nhật nguồn học liệu dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH bao gồm biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu dạy học khác, mua sắm học liệu mới phục vụ CTĐT.

- CSĐT có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo (các cơ sở dữ liệu quốc tế khuyến khích như Scopus, WoS (cho nghiên cứu); IEEE Xplore, ACM Digital Library (cho CNTT); ScienceDirect, SpringerLink (cho khoa học tự nhiên); JSTOR, ProQuest (cho khoa học xã hội), v.v.

- CSĐT có kế hoạch và triển khai tự xây dựng học liệu đào tạo trực tuyến hoặc hợp tác với các CSĐT khác trong phát triển, chia sẻ sử dụng học liệu và các khóa học trực tuyến theo yêu cầu quy định về ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục ĐH của Bộ GDĐT.

- CSĐT tổ chức và vận hành thư viện đáp ứng các tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục ĐH, tuân thủ Luật Thư viện và các quy định về bản quyền, đồng thời bảo đảm khả năng tiếp cận và khai thác hiệu quả học liệu của NH và GV.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 7.3**

- CSĐT có chính sách BĐCL cho thư viện về CSVC, trang thiết bị, cơ cấu tổ chức và nhân sự của thư viện, quy định, v.v. như thế nào? Cơ chế phối hợp của thư viện trong xây dựng nguồn học liệu (bao gồm cả tài liệu nội sinh) như thế nào?

- Đơn vị/cá nhân nào chịu trách nhiệm quản lý và phát triển hệ thống thư viện và nguồn học liệu này?

- Số lượng, trình độ của đội ngũ nhân viên thư viện như thế nào? Việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được triển khai như thế nào?

- Diện tích, CSVC (số phòng đọc và số chỗ ngồi đọc, phòng mượn, khu vực tra cứu, không gian học nhóm, khu vực truy cập Internet, v.v.), hạ tầng của thư viện được trang bị và bố trí như thế nào? Mức độ đáp ứng nhu cầu của NH và GV?

- Tình trạng nguồn tài liệu bản in tại thư viện để phục vụ cho CTĐT (sách, tạp chí, báo cáo, tài liệu hội thảo, v.v.) như thế nào (số lượng, số bản, mức độ đa dạng và phong phú)? Mức độ đáp ứng của tài liệu bản in so với quy định và nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của CTĐT như thế nào?

- CSĐT có bản quyền truy cập các cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế phù hợp với ngành đào tạo không? Thư viện số và các nguồn học liệu điện tử (cơ sở dữ liệu trực tuyến, tạp chí điện tử, sách điện tử, v.v.) được phát triển như thế nào? NH và GV có thể truy cập những cơ sở dữ liệu trực tuyến nào phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu?

- CSĐT có quy trình và kế hoạch cập nhật nguồn học liệu không? Việc cập nhật được thực hiện với tần suất như thế nào và dựa trên những căn cứ nào? Đơn vị/cá nhân nào tham gia vào quy trình này?

- CSĐT có cơ chế thu thập nhu cầu về tài liệu, học liệu từ GV và NH không? Nhu cầu này được đáp ứng như thế nào? Có sự tham gia của các khoa, bộ môn trong việc lựa chọn và phát triển nguồn học liệu không?

- Hệ thống thư viện có các phần mềm quản lý và dịch vụ hỗ trợ người dùng nào? Các phần mềm và dịch vụ này có thân thiện và dễ sử dụng không? NH và GV được hướng dẫn sử dụng thư viện và các nguồn học liệu như thế nào?

- CSĐT có thu thập ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT và GV về chất lượng thư viện và nguồn học liệu không? Kết quả phản hồi này được sử dụng như thế nào để cải tiến chất lượng thư viện và nguồn học liệu?

- Thư viện có thống kê về tần suất sử dụng các dịch vụ thư viện và nguồn học liệu không? Kết quả thống kê được phân tích và sử dụng như thế nào để nâng cao hiệu quả sử dụng thư viện và nguồn học liệu?

- CSĐT đã thực hiện những cải tiến nào về thư viện và nguồn học liệu trong những năm gần đây? Những cải tiến này đã tác động như thế nào đến việc đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH?

- Thư viện có tham gia mạng lưới liên kết với các thư viện khác (trong và ngoài nước) không? Các liên kết này đã mang lại những lợi ích gì trong việc mở rộng và đa dạng hóa nguồn học liệu cho NH và GV?

- CSĐT có đầu tư ngân sách phù hợp cho việc phát triển thư viện và nguồn học liệu không? Mức đầu tư này có xu hướng tăng hay giảm trong những năm gần đây? Việc phân bổ kinh phí cho các loại tài liệu, học liệu khác nhau được thực hiện như thế nào?

- Việc xây dựng, phát triển hoặc hợp tác chia sẻ học liệu và các khóa học trực tuyến được CSĐT triển khai như thế nào theo các quy định? Chất lượng và tính tương tác của học liệu đào tạo trực tuyến được đánh giá và bảo đảm như thế nào trong quá trình sử dụng?

- CSĐT triển khai các biện pháp nào trong tổ chức và hoạt động của Thư viện nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật và các quy định về bản quyền?

### 3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 7.3

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Thư viện số 46/2019/QH14](#).

- [Nghị định số 93/2020/NĐ-CP](#) của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ. [Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ](#).

- [Thông tư 14/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục ĐH.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành chuẩn cơ sở giáo dục ĐH.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

- [Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục ĐH.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### 4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.3

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Sơ đồ bố trí thư viện và các phòng đọc.

- Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ CTĐT; số lượng giáo trình, tài liệu, sách tham khảo được cập nhật hằng năm.

- Quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện và thư viện số của CSĐT.

- Hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện và thư viện số.

- Chứng từ thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu, v.v.).

- Ý kiến của NH, GV về mức độ phù hợp của thư viện, thư viện số và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD hằng năm.

- Dữ liệu theo dõi hoạt động của thư viện, thư viện số để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Văn bản quy định về quản lý, khai thác, phát triển thư viện và học liệu (nội quy, quy trình phục vụ, kế hoạch phát triển tài nguyên, v.v.) của CSĐT.
- Kế hoạch và kết quả triển khai xây dựng học liệu đào tạo trực tuyến, kết quả hợp tác với các CSĐT khác trong phát triển, chia sẻ sử dụng học liệu và các khóa học trực tuyến.

**5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.3**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về chính sách BĐCL cho thư viện về CSVC, trang thiết bị, cơ cấu tổ chức và nhân sự; các quy định về quản lý, khai thác, phát triển thư viện và học liệu (nội quy, quy trình phục vụ, kế hoạch phát triển tài nguyên, v.v.) của CSĐT.
- Mô tả về diện tích, vị trí, không gian phục vụ của thư viện; hệ thống trang thiết bị phục vụ tra cứu, mượn trả tài liệu; CSVC phục vụ nghiên cứu, học tập tại thư viện; hệ thống CNTT, phần mềm phục vụ vận hành thư viện; mô tả khu vực đọc tham khảo nhanh; phòng đọc cho nghiên cứu cá nhân; không gian học nhóm và thảo luận; khu vực truy cập tài nguyên số (nếu có).
- Mô tả quy mô tài liệu cho ngành đào tạo, chuyên môn; số lượng đầu sách, tạp chí, tài liệu tham khảo; tính cập nhật của nguồn tài liệu; cơ sở dữ liệu số nội sinh (luận văn, luận án, bài báo, giáo trình số); cơ sở dữ liệu số được mua/thuê bao (tạp chí quốc tế, sách điện tử); khả năng truy cập từ xa của thư viện số; mức độ đa dạng tài liệu tham khảo cho từng CTĐT; mức độ cập nhật của tài liệu, học liệu; khả năng hỗ trợ xuất bản và phổ biến kết quả nghiên cứu; mức độ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu chuyên sâu cho CTĐT.
- Mô tả kết quả khảo sát mức độ hài lòng, hiệu quả sử dụng, giám sát cập nhật tài liệu; đảm bảo thời gian phục vụ hợp lý và có hỗ trợ truy cập từ xa.
- Mô tả về phân công trách nhiệm cho các bộ phận liên quan (thư viện, khoa/đơn vị thực hiện CTĐT/đơn vị chức năng, GV, v.v.) trong việc phối hợp xây dựng, mua sắm BĐCL nguồn học liệu phục vụ cho CTĐT.
- Mô tả kế hoạch và kết quả triển khai cập nhật nguồn học liệu dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH bao gồm biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu dạy học khác, mua sắm học liệu mới; bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.
- Mô tả về kế hoạch và triển khai xây dựng học liệu đào tạo trực tuyến hoặc hợp tác với các CSĐT khác trong phát triển, chia sẻ sử dụng học liệu và các khóa học trực tuyến theo yêu cầu quy định về ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục ĐH của Bộ GDĐT.
- Mô tả về triển khai các biện pháp đã thực hiện nhằm tuân thủ các quy định pháp luật và các quy định về bản quyền trong tổ chức và hoạt động của thư viện.

**Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.**

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 7.4**

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.4.1: Hệ thống CNTT với hệ thống máy tính và các phần mềm chuyên dụng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, hệ thống mạng internet, hệ thống học trực tuyến, trang thông tin điện tử đáp ứng nhu cầu khai thác CNTT phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của người học, giảng viên, nghiên cứu viên.**

- CSĐT cần có đủ số lượng máy tính với cấu hình phù hợp để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của người học, giảng viên, nghiên cứu viên của CTĐT.

- CSĐT có các phần mềm chuyên dụng cần thiết cho hoạt động đào tạo, NCKH của CTĐT, đảm bảo các phần mềm này có bản quyền hợp pháp và được cập nhật thường xuyên.

- CSĐT có hệ thống mạng internet với tốc độ đáp ứng yêu cầu của chuẩn cơ sở giáo dục theo [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#), mạng internet đảm bảo ổn định, đảm bảo băng thông để phục vụ các hoạt động giảng dạy trực tuyến của CTĐT.

- CSĐT triển khai và vận hành hệ thống học tập trực tuyến với đầy đủ tính năng như quản lý khóa học, nộp bài, kiểm tra trực tuyến, diễn đàn thảo luận, video conference, v.v. Giao diện của hệ thống học tập trực tuyến đảm bảo thân thiện, dễ sử dụng cho cả GV và NH.

- CSĐT xây dựng và duy trì website với đầy đủ thông tin về CTĐT, hoạt động đào tạo, NCKH, tin tức, thông báo và các yêu cầu công khai khác theo quy định; đảm bảo website của CSĐT và đơn vị quản lý CTĐT thường xuyên được cập nhật, bảo mật và có khả năng tương tác tốt.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.4.2: Hệ thống CNTT với hệ thống máy tính, phần cứng, các phần mềm quản lý, phần mềm chuyên dụng, hệ thống mạng internet, trang thông tin điện tử đáp ứng nhu cầu phục vụ quản lý hành chính của đội ngũ quản lý, nhân viên.**

- CSĐT trang bị máy tính với cấu hình phù hợp đáp ứng nhu cầu phục vụ quản lý hành chính của đội ngũ quản lý, nhân viên của CTĐT.

- CSĐT có các hệ thống phần mềm quản lý như quản lý NH, quản lý tài chính/kế toán, quản lý nhân sự, quản lý tài sản, quản lý thư viện, v.v. để tự động hóa các quy trình hành chính và nâng cao hiệu quả công việc của đội ngũ quản lý, nhân viên của CTĐT.

- CSĐT có các phần mềm chuyên dụng như Excel, Microsoft Word, v.v. đảm bảo về bản quyền đáp ứng nhu cầu phục vụ quản lý hành chính của đội ngũ quản lý, nhân viên của CTĐT.

- CSĐT có hệ thống mạng internet với tốc độ đáp ứng yêu cầu của chuẩn cơ sở giáo dục theo [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#), mạng internet đảm bảo ổn định, đảm bảo băng thông để phục vụ các hoạt động quản lý hành chính của đội ngũ quản lý, nhân viên của CTĐT.

- CSĐT xây dựng hệ thống mạng nội bộ kết nối thông tin các đơn vị, đảm bảo chia sẻ thông tin hiệu quả và bảo mật; có chính sách phân quyền truy cập phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân và đơn vị.

- CSĐT phát triển công thông tin điện tử cho cán bộ, nhân viên của CTĐT với các chức năng như tra cứu thông tin, nộp báo cáo trực tuyến, đăng ký nghỉ phép, xem lịch công tác, thi đua khen thưởng, thông báo nội bộ, v.v.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.4.3: Hệ thống hạ tầng mạng và máy tính với các phần mềm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng để khai thác CNTT phục vụ các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

- CSĐT cần xây dựng hệ thống mạng có khả năng mở rộng để phục vụ không chỉ nhu cầu nội bộ mà còn các hoạt động kết nối với cộng đồng, đối tác bên ngoài để phát triển CTĐT.

- CSĐT phát triển các hệ thống và ứng dụng hỗ trợ các hoạt động PVCĐ của CTĐT như hệ thống đăng ký khóa học mở, tư vấn trực tuyến, hội thảo webinar, chia sẻ tài nguyên học tập, v.v.

- Hệ thống hạ tầng mạng và máy tính với các phần mềm đảm bảo hệ thống có khả năng kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương thông qua các nền tảng số, mạng xã hội và các kênh truyền thông điện tử khác để phát triển CTĐT.

**d) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.4.4: Có các hướng dẫn giúp lựa chọn công nghệ phù hợp nhu cầu học tập và điều kiện học tập của người học trong học tập trực tuyến.**

- CSĐT cung cấp các khuyến nghị cụ thể về cấu hình máy tính, thiết bị di động, tai nghe, webcam phù hợp với các khóa học trực tuyến và điều kiện kinh tế của NH. Đồng thời, cung cấp tài liệu, video hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng các công cụ, phần mềm, nền tảng học tập trực tuyến. Tổ chức các buổi tập huấn cho NH về kỹ năng học trực tuyến hiệu quả.

- CSĐT có văn bản quy định về tốc độ internet tối thiểu, loại kết nối phù hợp cho các hoạt động học trực tuyến khác nhau (như xem video bài giảng, tham gia lớp học trực tuyến, nộp bài, v.v.).

- CSĐT có đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật để giải đáp thắc mắc, hỗ trợ khắc phục sự cố kỹ thuật cho NH trong quá trình học trực tuyến.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 7.4**

- Những phần mềm chuyên dụng nào đã được cài đặt để phục vụ CTĐT? Tình trạng bản quyền của các phần mềm này như thế nào?

- Hệ thống mạng internet của CSĐT có đảm bảo tốc độ và độ ổn định theo chuẩn cơ sở giáo dục không? Băng thông hiện tại là bao nhiêu?

- Hệ thống LMS đang sử dụng có những tính năng gì? Mức độ hài lòng của người dùng như thế nào?

- Trang thông tin điện tử của CSĐT và các đơn vị có cung cấp đầy đủ thông tin và được cập nhật thường xuyên không?

- Các phần mềm quản lý hành chính nào đã được triển khai? Hiệu quả của việc sử dụng các phần mềm này như thế nào? Các phần mềm quản lý có được tích hợp/liên kết với nhau không?

- Có bao nhiêu HP của CTĐT giảng dạy trực tuyến/kết hợp?

- CSĐT có chiến lược/Kế hoạch chuyển đổi số không? Kết quả thực hiện?

- CSĐT có phòng sản xuất học liệu/Studio không? Nếu có, kết quả sản xuất học liệu thế nào?
- Hệ thống mạng nội bộ có đảm bảo bảo mật và phân quyền truy cập phù hợp không?
- CSĐT có tổ chức hướng dẫn cho NH về học tập trực tuyến?
- Đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật có đủ năng lực để hỗ trợ người dùng không?
- Hệ thống phòng họp trực tuyến được bố trí như thế nào? Mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng thế nào?
- NH, GV, NCV, nhân viên đánh giá như thế nào về hệ thống CNTT hiện tại?
- Trong thời gian tới, có kế hoạch nâng cấp, mở rộng hệ thống CNTT như thế nào?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 7.4

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.
- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ. [Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ.](#)
- [Luật An ninh mạng 2018](#), [Luật An ninh mạng 2025](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- [Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 29/12/2023 quy định về ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục ĐH.
- [Nghị định số 13/2023/NĐ-CP](#), ngày 17/4/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân
- [Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT](#) ngày 25/12/2023 ban hành quy định về đào tạo từ xa.
- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật về hạ tầng CNTT trong các cơ sở giáo dục.
- Quy định về an toàn thông tin và bảo mật trong hoạt động giáo dục trực tuyến.
- Các quy chuẩn quốc gia về chất lượng dịch vụ mạng và viễn thông.
- Hướng dẫn về tiêu chuẩn và quy trình đánh giá website của cơ quan nhà nước.
- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Và các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.4

#### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Thông kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, các thông số hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng CNTT) và các thiết bị CNTT.
- Trang thông tin điện tử của CSĐT /đơn vị đào tạo có CTĐT được đánh giá.
- Sơ đồ, bố trí hệ thống phòng họp trực tuyến.

- Phân tích mức độ đáp ứng hệ thống CNTT, hạ tầng mạng và máy tính đối với nhu cầu của NH, GV, NCV, đội ngũ quản lý và NV trong các hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD và quản lý.

- Ý kiến của NH, GV, NCV, cán bộ quản lý, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

- Hướng dẫn/Cẩm nang/Sổ tay công nghệ và học tập trực tuyến.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, các thông số hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng CNTT) và các thiết bị CNTT bao gồm: danh sách và thông số kỹ thuật máy tính, server; thống kê phần cứng: máy in, máy chiếu, thiết bị mạng; danh mục phần mềm có bản quyền đang sử dụng; sơ đồ hệ thống mạng và hạ tầng CNTT; báo cáo cấu hình và hiệu năng hệ thống.

- Trang thông tin điện tử của CSĐT/đơn vị đào tạo có CTĐT được đánh giá bao gồm: link và screenshot trang web chính của CSĐT; trang web chuyên biệt cho CTĐT; Portal NH, GV; hệ thống LMS đang vận hành; thống kê số HP sẵn sàng dạy trực tuyến; thống kê số bài giảng điện tử có trên LMS; kiểm tra tốc độ đường truyền băng thông rộng cố định tại thời điểm đánh giá ngoài.

- Sơ đồ, bố trí hệ thống phòng học và học trực tuyến.

- Phân tích mức độ đáp ứng hệ thống CNTT, hạ tầng mạng và máy tính đối với nhu cầu của NH, GV, NCV, đội ngũ quản lý và NV trong các hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD và quản lý CTĐT.

- Ý kiến của NH, GV, NCV, cán bộ quản lý, nhân viên của CTĐT về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

- Hướng dẫn/Cẩm nang/Sổ tay công nghệ và học tập trực tuyến.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.4**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 04 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả khái quát về hệ thống CNTT của CSĐT bao gồm hạ tầng mạng, hệ thống máy tính, các ứng dụng và dịch vụ CNTT chính. Nêu rõ kiến trúc tổng thể, các thành phần chính và cách thức kết nối, tích hợp giữa các hệ thống con.

- Mô tả các thành phần hỗ trợ hoạt động giảng dạy như hệ thống máy tính trong các phòng học, phòng máy, các phần mềm chuyên dụng theo từng ngành đào tạo. Đánh giá mức độ phù hợp của cấu hình máy tính và phần mềm với yêu cầu cụ thể của CTĐT.

- Mô tả các tính năng chính, khả năng tích hợp với các hệ thống khác của hệ thống LMS. Phân tích hiệu quả sử dụng thông qua số liệu về số khóa học trực tuyến, số người dùng, tỷ lệ tham gia của GV và NH.

- Mô tả khái quát thông số kỹ thuật của hệ thống mạng như băng thông, tốc độ, độ ổn định. Nhận định khả năng đáp ứng nhu cầu truy cập đồng thời của nhiều người dùng, đặc biệt trong các hoạt động học trực tuyến và họp trực tuyến.

- Mô tả hệ thống các phần mềm quản lý được triển khai như quản lý NH, phần mềm khảo sát; quản lý dữ liệu và minh chứng, tài chính, nhân sự, tài sản. Đánh giá mức độ tự động hóa các quy trình hành chính và hiệu quả mang lại trong công tác quản lý.

- Mô tả các ứng dụng, dịch vụ CNTT hỗ trợ hoạt động PVCD như website thông tin, hệ thống đăng ký khóa học mở, tư vấn trực tuyến. Đánh giá hiệu quả và tác động của các dịch vụ này đến cộng đồng.

- Mô tả các tài liệu hướng dẫn, cẩm nang sử dụng công nghệ đã được xây dựng. Nhận định về chất lượng và mức độ hữu ích của các tài liệu này thông qua phản hồi từ người dùng. Mô tả đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật và quy trình xử lý yêu cầu hỗ trợ.

- Nhận định mức độ thân thiện của giao diện các hệ thống, khả năng truy cập từ nhiều thiết bị khác nhau, khả năng hỗ trợ cho người khuyết tật. Đánh giá thời gian phản hồi của hệ thống và tỷ lệ thời gian hoạt động.

- Nhận định về kết quả khảo sát ý kiến của NH, GV, NCV, cán bộ quản lý về chất lượng dịch vụ CNTT. So sánh kết quả qua các năm để thấy được xu hướng cải thiện. Xác định các điểm mạnh được đánh giá cao và những vấn đề cần khắc phục.

- Mô tả và nhận định về tổng kinh phí đã đầu tư cho hệ thống CNTT qua các năm, bao gồm chi phí mua sắm thiết bị, phần mềm, chi phí vận hành và bảo trì; hiệu quả đầu tư.

- Đánh giá các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng. Mô tả các chính sách và quy trình backup, khôi phục dữ liệu.

- Đề xuất kế hoạch nâng cấp, mở rộng hệ thống CNTT để đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của CSĐT và CTĐT. Xác định các ưu tiên đầu tư và lộ trình triển khai cụ thể.

***Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 7.5**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.5.1: Môi trường tâm lý, giao tiếp thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH.***

- CSĐT xây dựng môi trường tâm lý thân thiện, thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau giữa GV và NH, giữa NH và NH, tạo điều kiện cho mọi người cảm thấy an toàn, tự tin để thể hiện ý kiến, khuyến khích sự sáng tạo, đóng góp vào các hoạt động học tập và NCKH.

- CSĐT xây dựng các nội quy, quy tắc và văn hóa ứng xử, giao tiếp giữa lãnh đạo với nhân viên, GV, giữa GV với NH, giữa các đồng nghiệp với nhau, giữa người bên trong với bên ngoài CSĐT.

- Các hoạt động giảng dạy tạo dựng không khí thoải mái, khuyến khích NH tham gia tích cực, đặt câu hỏi, thảo luận. GV xây dựng không gian học tập cởi mở, khuyến khích sự tương tác hai chiều.

- Môi trường tâm lý tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho NH của CTĐT tham gia các hoạt động NCKH, các câu lạc bộ học thuật, các cuộc thi sáng tạo.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.5.2: Môi trường tương tác ảo (trực tuyến) được bảo đảm để tạo không khí thoải mái, đáp ứng nhu cầu của NH và GV để thực hiện hiệu quả hoạt động giảng dạy, học tập trực tuyến.***

- CSĐT xây dựng và vận hành hệ thống CNTT phục vụ dạy - học trực tuyến (mạng internet, LMS, hệ thống hội nghị trực tuyến, email và các ứng dụng hỗ trợ), bảo đảm hoạt động ổn định, đáp ứng quy mô và đặc thù của CTĐT.

- Các nền tảng học trực tuyến được lựa chọn/thiết kế với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, hỗ trợ đa phương tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho NH và GV trong quá trình giảng dạy, học tập và tương tác.

- CSĐT cần có các nội quy/quy tắc ứng xử/giao tiếp của NH và GV trong môi trường số, sử dụng fanpage, confession, facebook, v.v.

- Môi trường học trực tuyến hỗ trợ hiệu quả các hình thức tương tác đa chiều giữa GV với NH, giữa NH và NH (trao đổi trực tiếp, thảo luận, làm việc nhóm, chia sẻ tài nguyên, v.v.), góp phần tạo không khí học tập tích cực và gắn kết.

- CSĐT có bộ phận/đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật; đồng thời tổ chức hướng dẫn, tập huấn cho GV và NH về việc sử dụng các công cụ dạy - học trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả triển khai.

- CSĐT ban hành và thực hiện các quy định liên quan đến an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư và việc sử dụng các nền tảng/mạng xã hội trong dạy - học trực tuyến.

- CSĐT theo dõi, lắng ý kiến phản hồi của GV và NH về môi trường học trực tuyến; trên cơ sở đó có các điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm và hiệu quả dạy - học.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.5.3: Cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho NH.***

- CSĐT cần có quy hoạch hợp lý về không gian xanh, bao gồm: vườn hoa, cây cảnh, bãi cỏ, khu vực nghỉ ngơi ngoài trời. Tỷ lệ không gian xanh cần tạo cảm giác thoải mái, gần gũi với thiên nhiên.

- Cảnh quan trong khuôn viên CSĐT cần được thiết kế hài hòa, thẩm mỹ, phù hợp với đặc điểm địa lý, khí hậu của khu vực.

- CSĐT cần bố trí các khu vực công cộng như sân chơi, khu tập thể thao, khu vực tụ tập, nghỉ ngơi, đọc sách ngoài trời để NH có thể thư giãn, giao lưu sau giờ học.

- CSĐT cần đảm bảo môi trường luôn sạch sẽ, không có ô nhiễm không khí, tiếng ồn. CSĐT có hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác, nước thải hợp lý và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- CSĐT cần bố trí các biển báo chỉ dẫn rõ ràng, các pano tuyên truyền mang tính giáo dục, truyền cảm hứng cho NH và GV.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 7.5

- CSĐT đã ban hành và triển khai những quy định, chính sách nào nhằm xây dựng môi trường tâm lý - xã hội tích cực, an toàn và tôn trọng trong học tập và làm việc; các quy định này được phổ biến, thực hiện và giám sát như thế nào?

- Môi trường tâm lý tại CSĐT như thế nào thông qua các mối quan hệ giữa NH - GV - cán bộ quản lý; CSĐT đã có những biện pháp gì để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các xung đột, căng thẳng phát sinh (nếu có)?

- Các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ NH của CSĐT được tổ chức, triển khai, đánh giá hiệu quả và cải tiến như thế nào?

- Cảnh quan, không gian sinh hoạt chung, CSVC thể thao và các hoạt động ngoại khóa của CSĐT được quy hoạch, tổ chức và khai thác như thế nào nhằm tạo môi trường học tập thân thiện, tăng cường giao lưu, rèn luyện và sự gắn kết của NH?

- CSĐT triển khai các hoạt động giao lưu, hợp tác, câu lạc bộ và kết nối với các CSĐT, tổ chức xã hội trong và ngoài nước như thế nào để góp phần phát triển môi trường xã hội tích cực cho NH?

- CSĐT thu thập, phân tích và sử dụng ý kiến phản hồi của NH, GV và các bên liên quan về môi trường tâm lý - xã hội - cảnh quan như thế nào? Những cải tiến cụ thể nào đã được thực hiện trên cơ sở các kết quả phản hồi đó?

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 7.5

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật An toàn, vệ sinh lao động](#) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Các tiêu chuẩn về môi trường làm việc, không gian xanh trong các cơ sở giáo dục.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

## 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.5

**Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):**

- Sơ đồ bố trí khu làm việc, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá.

- Khu vực công cộng, vườn hoa, cây cảnh, pano áp phích, bảng hiệu, đường đi lại trong khuôn viên của CSĐT.

- Nội quy/quy tắc ứng xử/giao tiếp của NH, viên chức, người lao động của CSĐT.

- Phương tiện, phương thức giao tiếp trực tuyến: email, fanpage, phần mềm tác vụ, v.v.

- Các câu lạc bộ hoạt động ngoại khóa dành cho NH.

- Các hoạt động của công đoàn, đoàn thanh niên, hội SV, các câu lạc bộ chuyên đề.
- Ngân sách được phân bổ cho việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên.
- Ý kiến phản hồi của NH, GV về môi trường tương tác ảo (trực tuyến).
- Ý kiến phản hồi của NH, GV, cán bộ quản lý, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong CSĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Minh chứng về kiểm tra về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng cháy chữa cháy; an toàn môi trường, sức khỏe, v.v.

**5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.5**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.5, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả việc CSĐT ban hành và triển khai các quy định, quy tắc ứng xử, chính sách liên quan nhằm xây dựng môi trường tâm lý - xã hội tích cực, an toàn, tôn trọng trong học tập và làm việc. Mô tả rõ cách thức phổ biến các quy định này tới NH, GV và cán bộ quản lý; cơ chế tổ chức thực hiện, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có).

- Mô tả môi trường tâm lý tại CSĐT thông qua các mối quan hệ giữa NH - GV - cán bộ quản lý. Nhận định về các biện pháp CSĐT áp dụng để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các xung đột, căng thẳng phát sinh.

- Mô tả các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ NH do CSĐT tổ chức (tư vấn, hỗ trợ học tập, tâm lý, đời sống, phúc lợi, v.v.). Làm rõ cách thức triển khai, mức độ tiếp cận của NH, phương pháp theo dõi, đánh giá hiệu quả và các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hỗ trợ NH.

- Mô tả việc quy hoạch, tổ chức và khai thác cảnh quan, không gian sinh hoạt chung, CSVC thể thao và các hoạt động ngoại khóa của CSĐT. Nhận định mức độ các điều kiện này góp phần tạo môi trường học tập thân thiện, hỗ trợ giao lưu, rèn luyện thể chất và tăng cường sự gắn kết của NH.

- Mô tả các hoạt động giao lưu, hợp tác, câu lạc bộ và kết nối của CSĐT với các CSĐT khác, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước. Nhận định về vai trò của các hoạt động này trong việc mở rộng môi trường xã hội, tăng cường trải nghiệm học tập và phát triển kỹ năng cho NH.

- Mô tả cách thức CSĐT thu thập, phân tích và sử dụng ý kiến phản hồi của NH, GV và các bên liên quan về môi trường tâm lý - xã hội - cảnh quan; các cải tiến được thực hiện trên cơ sở kết quả phản hồi nhằm nâng cao chất lượng môi trường học tập và mức độ hài lòng của NH.

***Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có).***

**1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 7.6**

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.6.1: Có quy định và tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn; có kế hoạch triển khai tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của nhóm NH chuyên biệt, đặc thù.**

- CSĐT cần xây dựng hệ thống quy định và tiêu chuẩn đầy đủ về môi trường, bao gồm: quản lý chất thải (sinh hoạt, y tế, phòng thí nghiệm, chất độc hại), xử lý nước thải, quản lý tiếng ồn, BĐCL không khí, quản lý cây xanh, cảnh quan môi trường, v.v. Các tiêu chuẩn này cần phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- CSĐT cần có các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà ăn GV, SV; an toàn giao thông trong khuôn viên, an toàn trong các hoạt động thực hành, thí nghiệm, an toàn thông tin và dữ liệu cá nhân. Các tiêu chuẩn này phải được xây dựng theo các quy chuẩn quốc gia và quốc tế.

- CSĐT cần tập huấn cho GV, nhân viên, NH kỹ năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp, nguy hiểm, cứu nạn cứu hộ, v.v.

- CSĐT cần xác định các nhóm NH có nhu cầu đặc biệt như: NH khuyết tật (khiếm thị, khiếm thính, khuyết tật, v.v.), NH có bệnh mãn tính, NH có hoàn cảnh đặc biệt, NH nước ngoài, NH dân tộc thiểu số. Đối với mỗi nhóm, cần có các quy định và hỗ trợ phù hợp về môi trường, sức khỏe và an toàn.

- CSĐT cần có kế hoạch triển khai chi tiết các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe bao gồm: phân công trách nhiệm, lịch thời gian thực hiện, ngân sách, các chỉ tiêu đánh giá và giám sát việc thực hiện.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.6.2: Xác định và triển khai tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn, gồm tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn trong đào tạo trực tuyến, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của nhóm người học chuyên biệt, đặc thù.**

- CSĐT cần ban hành và triển khai những tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn nhằm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho NH, GV, NV; các biện pháp này đảm bảo phù hợp với điều kiện học tập và đặc điểm của các nhóm NH khác nhau.

- CSĐT cần có các quy định về an toàn thông tin cá nhân và dữ liệu học tập, bảo mật trong các buổi học và thi trực tuyến, phòng chống tấn công mạng, an toàn khi sử dụng internet, hướng dẫn nhận biết và tránh các rủi ro trực tuyến.

- CSĐT cần bảo đảm an ninh và an toàn trong khuôn viên CSĐT, ký túc xá và các địa điểm thực hành, thực tập khác của CSĐT.

- CSĐT cần đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng cháy, chữa cháy; an toàn y tế, v.v.

- CSĐT cần quan tâm đến vấn đề của NH như căng thẳng, trầm cảm, bị cô lập xã hội; cần có các biện pháp hỗ trợ tâm lý, tạo cơ hội giao tiếp xã hội, duy trì động lực học tập.

- Đối với NH khuyết tật, CSĐT cần đảm bảo có phương tiện công nghệ hỗ trợ phù hợp (phần mềm đọc màn hình, phụ đề video, ngôn ngữ ký hiệu). Ngoài ra, cũng cần quan tâm đến đối tượng NH dân tộc thiểu số, NH ở vùng sâu, vùng xa, v.v.

- CSĐT cần có cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ hiệu quả của các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn, thu thập phản hồi từ NH và điều chỉnh kịp thời.

## 2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 7.6

- CSĐT đã ban hành và triển khai những tiêu chuẩn nào nhằm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho NH; các biện pháp này có phù hợp với điều kiện học tập và đặc điểm của các nhóm NH khác nhau không?

- CSĐT đã xác định được những nhóm NH đặc thù, chuyên biệt nào? Có những biện pháp hỗ trợ cụ thể nào cho từng nhóm?

- Hệ thống xử lý chất thải, nước thải của CSĐT hoạt động như thế nào? Có đảm bảo an toàn môi trường không?

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn của CSĐT được trang bị và vận hành như thế nào?

- CSĐT có những dịch vụ chăm sóc sức khỏe nào cho NH và cán bộ? Chất lượng các dịch vụ này như thế nào?

- Căng tin có giấy chứng nhận an toàn thực phẩm còn thời hạn không? Cơ chế kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của CSĐT như thế nào?

- Các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn trong đào tạo trực tuyến được quy định chi tiết như thế nào?

- CSĐT có trang bị những CSVC, thiết bị nào để hỗ trợ NH khuyết tật và các nhóm đặc thù khác?

- Trong giai đoạn đánh giá, có xảy ra sự cố nào về môi trường, sức khỏe, an toàn không? Cách xử lý như thế nào?

- CSĐT có tuyên truyền nào về ý thức bảo vệ môi trường, sức khỏe và an toàn không?

- Các bên liên quan có hài lòng với các điều kiện về môi trường, sức khỏe và an toàn tại CSĐT không?

## 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 7.6

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật An toàn, vệ sinh lao động](#) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- [Luật Phòng cháy và chữa cháy](#).

- [Luật An ninh mạng 2018](#), [Luật An ninh mạng 2025](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- [Luật Người khuyết tật](#) và các văn bản hướng dẫn về hỗ trợ người khuyết tật trong giáo dục.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, an toàn lao động trong các cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.

- Và các quy định khác có liên quan.

#### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.6

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.6 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định liên quan đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe/y tế và an toàn theo quy định hiện hành có lưu ý đến nhu cầu của NH trực tuyến và nhóm NH đặc thù.

- Các hoạt động theo tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn trong CSĐT (bao gồm xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt; chất thải, rác thải y tế; chất thải phòng thí nghiệm, chất thải độc hại, v.v.).

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai, việc bảo đảm an ninh và an toàn trong khuôn viên CSĐT, ký túc xá.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe thể chất, tâm lý, sinh lý cho NH và viên chức, người lao động (khám sức khỏe định kỳ cho viên chức, người lao động, bảo hiểm y tế của NH, hoạt động của phòng y tế ...).

- Các CSVC và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các nhóm NH đặc thù.

- Ý kiến của NH (gồm nhóm NH trực tuyến và NH đặc thù, khuyết tật) và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Minh chứng về dịch vụ y tế (số phòng y tế, diện tích, trang thiết bị y tế; đội ngũ nhân viên y tế, v.v.).

- Danh sách đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- Thống kê số lớp tập huấn và số người tham gia tập huấn về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- An ninh trật tự: lực lượng bảo vệ/Ký hợp đồng với công ty bảo vệ?

- Kế hoạch triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn; phân công trách nhiệm, lịch thời gian, ngân sách thực hiện.

- Hồ sơ, giấy phép liên quan đến xử lý môi trường, chất thải theo quy định.

- Kết quả kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống an toàn, phòng cháy chữa cháy.

- Danh sách và hồ sơ NH thuộc các nhóm đặc thù, chuyên biệt; các biện pháp hỗ trợ cụ thể (nếu có).

- Quy định, hướng dẫn về sức khỏe và an toàn trong đào tạo trực tuyến.

- Minh chứng về công nghệ hỗ trợ NH khuyết tật trong học trực tuyến.

- Báo cáo sự cố (nếu có) và cách xử lý về môi trường, sức khỏe, an toàn.

- Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của NH về điều kiện môi trường, sức khỏe và an toàn.

- Chứng chỉ, giấy chứng nhận về đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường, an toàn (nếu có).

## 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.6

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.6, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về các quy định, tiêu chuẩn của CSĐT về môi trường, sức khỏe và an toàn. Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành; Đánh giá tính đầy đủ, phù hợp của các quy định với đặc thù của CSĐT.

- Mô tả các nhóm NH có nhu cầu đặc biệt của CTĐT - nếu có (NH khuyết tật, NH có bệnh mãn tính, NH nước ngoài, NH dân tộc thiểu số, v.v.). Mô tả các biện pháp hỗ trợ đặc thù cho từng nhóm về môi trường, sức khỏe và an toàn. Đánh giá hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ thông qua phản hồi của NH và kết quả theo dõi.

- Mô tả hệ thống quản lý và xử lý chất thải (sinh hoạt, y tế, phòng thí nghiệm, chất độc hại), hệ thống xử lý nước thải, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn. Mô tả các chương trình giáo dục môi trường và ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng GV, NH của CTĐT.

- Mô tả hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo động, đường thoát hiểm, trang thiết bị cứu hỏa. Mô tả các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong khuôn viên và ký túc xá. Mô tả tình trạng hoạt động của các hệ thống này thông qua các cuộc kiểm tra, diễn tập định kỳ. Kế hoạch ứng phó với các tình huống khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh và kết quả triển khai.

- Mô tả kế hoạch và kết quả triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà CSĐT cung cấp, bao gồm khám sức khỏe định kỳ, dịch vụ y tế cơ bản, hỗ trợ sức khỏe tinh thần. Chú trọng các hoạt động hỗ trợ sức khỏe tinh thần, tâm lý cho NH thuộc nhóm đặc thù.

- Mô tả các quy định cụ thể về thời gian học, điều kiện học tập, sử dụng thiết bị công nghệ an toàn. Mô tả các biện pháp bảo mật thông tin và an toàn mạng trong quá trình học trực tuyến. Nhận định hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ NH đặc thù/khuyết tật trong môi trường học trực tuyến.

- Mô tả việc thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ NH (bao gồm NH đặc thù), GV, cán bộ về các điều kiện môi trường, sức khỏe và an toàn. Nhận định mức độ hài lòng và xác định những vấn đề còn tồn tại. Mô tả các sự cố đã xảy ra (nếu có) và cách thức xử lý, bài học kinh nghiệm. Đề xuất kế hoạch cải tiến, nâng cấp các điều kiện về môi trường, sức khỏe và an toàn, đặc biệt chú trọng đến nhu cầu của các nhóm NH đặc thù.

***Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.***

### 1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 7.7

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.7.1: Xác định năng lực và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị (nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên) của tất cả các phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.***

- CSĐT phân nhóm đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị, bao gồm nhân viên hành chính quản lý CSVC, chuyên viên kỹ thuật chuyên trách, kỹ thuật viên vận hành thiết bị, nhân viên bảo trì sửa chữa, và các vị trí hỗ trợ khác tùy theo đặc thù của từng CSĐT và mô tả VTVL

của đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị theo từng nhóm, đảm bảo sự phù hợp giữa năng lực cá nhân và yêu cầu công việc.

- CSĐT thiết lập rõ ràng các năng lực cần thiết cho từng vị trí trong đội ngũ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị, bao gồm năng lực chuyên môn kỹ thuật, năng lực quản lý và vận hành thiết bị, năng lực CNTT, năng lực hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và học tập cho các phương thức đào tạo.

- CSĐT thiết lập các tiêu chí đánh giá năng lực cho đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị đảm bảo rõ ràng, có thể đo lường được, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành và các kỹ năng mềm cần thiết.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.7.2: Đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị (nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên) để đáp ứng các phương thức đào tạo và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.***

- CSĐT thiết lập quy trình và triển khai định kỳ việc đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị (hàng năm hoặc theo thời gian, chu kỳ phù hợp) và thực hiện đánh giá, sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng như đánh giá hiệu quả công việc, kiểm tra chuyên môn, đánh giá 360 độ (tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá, v.v.). Đặc biệt chú trọng đến năng lực hỗ trợ CNTT cho đào tạo trực tuyến và các phương thức đào tạo hiện đại.

- CSĐT định kỳ đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (NH, GV, lãnh đạo, đối tác) đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị.

- CSĐT phân tích kết quả đánh giá năng lực về CSVC và trang thiết bị để công nhận, khen thưởng, bổ nhiệm và luân chuyển, đồng thời xây dựng kế hoạch và triển khai đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị.

## **2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 7.7**

- CSĐT đã xây dựng và ban hành văn bản nào quy định về năng lực đội ngũ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị? Năng lực được xác định có phù hợp với VTVL không?

- Bản mô tả VTVL của đội ngũ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị có được xây dựng đầy đủ không? Các mô tả này có phản ánh đúng yêu cầu thực tế của công việc không?

- Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ được xác định như thế nào? Có phù hợp với năng lực đã được xác định không?

- CSĐT có kế hoạch đánh giá định kỳ năng lực của đội ngũ hỗ trợ không? Chu kỳ đánh giá là bao lâu? Phương pháp đánh giá nào được sử dụng?

- Kết quả đánh giá định kỳ đội ngũ hỗ trợ được sử dụng như thế nào?

- Năng lực của đội ngũ hỗ trợ hiện tại đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ cho tất cả các phương thức đào tạo mà CSĐT đang triển khai như thế nào?

- CSĐT có thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về chất lượng dịch vụ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị không? Kết quả phản hồi như thế nào?

- Trình độ học vấn, chứng chỉ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc của đội ngũ hỗ trợ có phù hợp với yêu cầu công việc không?

- CSĐT có CTĐT, bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho đội ngũ hỗ trợ không? Hiệu quả của các chương trình này như thế nào?

- CSĐT có kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng hoặc thay thế đội ngũ hỗ trợ dựa trên kết quả đánh giá năng lực không?

- Đội ngũ hỗ trợ có được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa về các thiết bị, công nghệ mới được đầu tư không?

### **3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 7.7**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Viên chức - Luật số 129/2025/QH15](#).

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- Các quy chế, quy định nội bộ của CSĐT về tuyển dụng, sử dụng và đánh giá viên chức, người lao động.

- Các tiêu chuẩn nghề nghiệp, chứng chỉ chuyên môn có liên quan đến các vị trí hỗ trợ kỹ thuật.

- Quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong các phòng thí nghiệm và xưởng thực hành.

### **4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.7**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.7 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định năng lực đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị của CSĐT.

- Bản mô tả công việc của đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị.

- Kế hoạch đánh giá định kỳ năng lực đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị của CSĐT.

- Kết quả đánh giá định kỳ đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị.

- Hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị.

- Ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên trong về đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Ma trận năng lực theo từng VTVL của đội ngũ hỗ trợ.

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ hỗ trợ.

- Báo cáo thống kê về cơ cấu đội ngũ hỗ trợ theo trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm.

- Biên bản đánh giá năng lực cá nhân của từng thành viên trong đội ngũ hỗ trợ.

- Báo cáo kết quả thi đua, khen thưởng hằng năm.
- Kế hoạch tuyển dụng, luân chuyển đội ngũ hỗ trợ dựa trên đánh giá năng lực.
- Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về dịch vụ hỗ trợ.

### **5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.7**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.7, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả về cơ cấu tổ chức, số lượng nhân sự theo từng vị trí (nhân viên hành chính, chuyên viên kỹ thuật, kỹ thuật viên vận hành, nhân viên bảo trì), phạm vi trách nhiệm và mối quan hệ công việc giữa các vị trí.

- Mô tả các văn bản quy định về yêu cầu năng lực đối với từng vị trí, mô tả công việc chi tiết, tiêu chí tuyển dụng và đánh giá, phân tích tính phù hợp và đầy đủ của các quy định này.

- Nhận định về trình độ học vấn, chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, các chứng chỉ chuyên môn của đội ngũ hiện tại, so sánh với yêu cầu công việc để xác định mức độ đáp ứng trong việc hỗ trợ các hình thức đào tạo khác nhau.

- Mô tả quy trình và phương pháp đánh giá được sử dụng, tiêu chí đánh giá cụ thể, kết quả đánh giá qua các năm trong chu kỳ đánh giá.

- Mô tả, nhận định kết quả đánh giá đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị, về chất lượng dịch vụ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị, xác định mức độ hài lòng và những điểm cần cải thiện.

- Nhận định những khó khăn trong việc xây dựng và duy trì đội ngũ hỗ trợ chất lượng (nguồn nhân lực, kinh phí, công nghệ thay đổi nhanh, v.v.) và các biện pháp khắc phục đã/đang được triển khai.

- Nhận định điểm mạnh và những hạn chế cần khắc phục; các biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng đội ngũ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị, bao gồm kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đầu tư trang thiết bị hỗ trợ công việc và các chính sách khuyến khích phù hợp.

- Mô tả các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã triển khai để nâng cao năng lực cho đội ngũ hỗ trợ, đánh giá hiệu quả của các chương trình này và kế hoạch phát triển.

**Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến.**

#### **1. Giải thích và hướng dẫn các yêu cầu của Tiêu chí 7.8**

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.8.1: Có quy định, tiêu chí và thực hiện đánh giá chất lượng CSVC (thư viện, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, ký túc xá, sân bãi thể thao, và các dịch vụ hỗ trợ khác) phục vụ cho CTĐT.**

- CSĐT cần có các quy định, tiêu chí, quy trình đánh giá chất lượng CSVC (thư viện, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, ký túc xá, sân bãi thể thao, và các dịch vụ hỗ trợ khác) và định kỳ triển khai thực hiện.

Việc đánh giá chất lượng CSVC phục vụ CTĐT thông qua ý kiến phản hồi trực tiếp của người sử dụng như GV, NH.

- CSĐT có dữ liệu đầy đủ đánh giá chất lượng CSVC (thư viện, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, ký túc xá, sân bãi thể thao, và các dịch vụ hỗ trợ khác).

- CSĐT phân tích kết quả đánh giá chất lượng CSVC (điểm mạnh, hạn chế của hệ thống CSVC, và mức độ đáp ứng yêu cầu phục vụ CTĐT). Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ đầu tư, nâng cấp, cải thiện chất lượng CSVC, đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ hỗ trợ CSVC.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.8.2: Định kỳ nâng cấp/cải tiến CSVC phục vụ cho CTĐT.***

- Trên cơ sở kết quả đánh giá chất lượng CSVC, CSĐT có kế hoạch định kỳ nâng cấp CSVC phục vụ cho CTĐT phù hợp với quy định của luật pháp và điều kiện của CSĐT và đặc thù của CTĐT.

- CSĐT chú ý đến việc cập nhật công nghệ mới đối với trang thiết bị, máy móc của các phòng thí nghiệm, thực hành khi nâng cấp/cải tiến CSVC phục vụ cho CTĐT.

- CSĐT có văn bản hướng dẫn và tập huấn GV, nhân viên hỗ trợ sử dụng thiết bị mới được trang bị.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 7.8.3: Nghiên cứu lựa chọn, áp dụng, tích hợp công nghệ mới trong đào tạo trực tuyến.***

- CSĐT có quy định/hướng dẫn về lựa chọn, áp dụng, tích hợp công nghệ mới trong đào tạo trực tuyến phù hợp và đáp ứng yêu cầu cụ thể của từng CTĐT, trong bối cảnh chuyển đổi số quan tâm đến các ứng dụng AI trong đào tạo trực tuyến.

- CSĐT nâng cao năng lực sử dụng công nghệ của đội ngũ CB, GV, NCV đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho NH trong đào tạo trực tuyến.

- CSĐT định kỳ đánh giá tác động của việc lựa chọn, áp dụng, tích hợp công nghệ mới đến chất lượng đào tạo trực tuyến.

**2. Các câu hỏi chẩn đoán để đánh giá Tiêu chí 7.8**

- CSĐT có quy định cụ thể về đánh giá chất lượng CSVC phục vụ CTĐT không? Các tiêu chí đánh giá chất lượng CSVC có phù hợp với từng loại CSVC không?

- CSĐT có đánh giá định kỳ chất lượng CSVC theo đúng quy định không? Tần suất và chất lượng đánh giá như thế nào? Có sự cải thiện rõ rệt về chất lượng CSVC qua các năm không?

- Kết quả đánh giá CSVC được sử dụng để cải tiến, nâng cấp chất lượng CSVC như thế nào?

- CSĐT có thực hiện nâng cấp/cải tiến CSVC định kỳ không? Hiệu quả của việc nâng cấp như thế nào?

- Kinh phí đầu tư cho nâng cấp CSVC có được thực hiện đúng kế hoạch và được sử dụng hiệu quả không?

- CSĐT có nghiên cứu, lựa chọn và áp dụng công nghệ mới trong đào tạo trực tuyến không? Kết quả như thế nào?

- Ý kiến của NH, GV về chất lượng CSVC như thế nào? Mức độ hài lòng như thế nào?
- Chỉ số đánh giá chất lượng CSVC có được thiết lập và theo dõi thường xuyên không?

### 3. Gợi ý các văn bản cần tham chiếu khi đánh giá Tiêu chí 7.8

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và trang thiết bị công trình giáo dục.
- Tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng dịch vụ thư viện, ký túc xá cho người học.
- [Luật An ninh mạng 2018](#), [Luật An ninh mạng 2025](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trong cơ sở giáo dục.
- Và các quy định khác có liên quan.

### 4. Các minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.8

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 7.8 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Kế hoạch và các hoạt động đánh giá chất lượng CSVC của CSĐT (thư viện, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, ký túc xá, sân bãi thể thao, và các dịch vụ hỗ trợ khác) phục vụ CTĐT.

- Ý kiến của NH, GV và cán bộ quản lý về chất lượng CSVC phục vụ CTĐT.
- Thống kê những thay đổi về CSVC phục vụ CTĐT.
- Các chỉ số về chất lượng CSVC.
- Báo cáo phân tích, nghiên cứu lựa chọn, áp dụng, tích hợp công nghệ mới trong đào tạo trực tuyến.

- Kinh phí đầu tư để nâng cấp, sửa chữa, cải tiến CSVC phục vụ CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Quy định/quy trình/tiêu chí và phương pháp đánh giá chất lượng CSVC phục vụ CTĐT.
- Báo cáo kết quả đánh giá định kỳ chất lượng CSVC phục vụ CTĐT.
- Kế hoạch nâng cấp/cải tiến CSVC hằng năm và theo giai đoạn cho CTĐT.

### 5. Gợi ý các nội dung mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.8

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 7.8, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả khái quát các quy định, tiêu chí và phương pháp đánh giá chất lượng CSVC của CSĐT. Nhận định sự phù hợp của các tiêu chí với từng loại CSVC cụ thể. Mô tả quy trình thực hiện đánh giá, vai trò của các bên tham gia và cách thức đảm bảo tính khách quan, chính xác của kết quả đánh giá.

- Mô tả, nhận định kết quả đánh giá chất lượng CSVC qua các năm, bao gồm các chỉ số định lượng và định tính. So sánh sự thay đổi về chất lượng CSVC theo thời gian để thể hiện xu hướng cải thiện; ý kiến phản hồi từ NH, NV và cán bộ quản lý về chất lượng CSVC.

- Mô tả kế hoạch đầu tư, nâng cấp CSVC, bao gồm các dự án đã thực hiện và kết quả đạt được. Mô tả, nhận định về kinh phí đầu tư cho nâng cấp CSVC và đánh giá hiệu quả sử dụng; các dự án được đầu tư, nâng cấp dựa trên kết quả đánh giá và nhu cầu thực tế.

- Mô tả các hoạt động nghiên cứu, lựa chọn và áp dụng công nghệ mới trong đào tạo trực tuyến; mô tả quy trình đánh giá và thí điểm công nghệ mới trước khi triển khai rộng rãi. Nhận định về hiệu quả của việc tích hợp công nghệ mới vào hoạt động đào tạo và những thách thức.

- Đánh giá mức độ đáp ứng của CSVC đối với CSĐT. Xác định những điểm mạnh và hạn chế trong hệ thống CSVC hiện tại.

- Mô tả kế hoạch phát triển CSVC trên cơ sở kết quả đánh giá và xu hướng công nghệ, xác định các ưu tiên đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu của CTĐT và hoạt động đào tạo; đồng thời mô tả kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt trong đào tạo trực tuyến và công nghệ số.

### 3.8. TIÊU CHUẨN 8. ĐÀU RA VÀ KẾT QUẢ ĐÀU RA

***Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### 1. Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu của Tiêu chí 8.1

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.1.1: Tỷ lệ tốt nghiệp được xác lập, giám sát, đối sánh trong và ngoài CSĐT qua từng năm để cải tiến chất lượng.***

- CSĐT cần tính toán và xác định tỷ lệ NH tốt nghiệp CTĐT theo năm học, theo khóa, theo loại hình/hình thức đào tạo. Tỷ lệ NH tốt nghiệp CTĐT tham khảo cách tính theo [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#); tỷ lệ NH tốt nghiệp sớm (trước hạn) được tính bằng tỷ lệ NH tốt nghiệp sớm hơn thời gian so với kế hoạch đào tạo chuẩn. CSĐT có cơ sở dữ liệu về NH tốt nghiệp của CTĐT.

- CSĐT cần thiết lập hệ thống giám sát tỷ lệ NH tốt nghiệp qua từng năm để phát hiện sớm các xu hướng bất thường và có biện pháp can thiệp kịp thời. Hệ thống giám sát cần có đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm; phương pháp, công cụ giám sát; thông tin dữ liệu về NH trong đó có dữ liệu về tỷ lệ tốt nghiệp. CSĐT phân loại, xử lý thông tin, trong đó: (i) Xác định và phân tích các nguyên nhân khiến NH không tốt nghiệp trong thời gian quy định, tốt nghiệp sớm hoặc chậm so với kế hoạch học tập chuẩn; triển khai các biện pháp cảnh báo, can thiệp phù hợp theo từng nhóm nguyên nhân và phân theo mức độ rủi ro của từng NH; (ii) Xác định các biện pháp giúp NH tốt nghiệp đúng hạn, trước thời hạn; tổng hợp, phân tích và chia sẻ, lan tỏa các thực hành tốt nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo.

- Đối sánh bên trong và bên ngoài CSĐT về tỷ lệ NH tốt nghiệp của CTĐT: CSĐT đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của CTĐT giữa các năm học/khóa học; giữa các CTĐT trong cùng CSĐT để xác định những điểm mạnh, tồn tại và học hỏi thực hành tốt để cải tiến chất lượng; đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của CTĐT với tỷ lệ tốt nghiệp của các CSĐT khác có CTĐT tương tự, hoặc đối sánh với chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành (nếu có) hoặc chuẩn quốc gia, quốc tế (nếu có).

- CSĐT căn cứ kết quả giám sát, đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của CTĐT để đề xuất và triển khai các biện pháp đảm bảo tỷ lệ tốt nghiệp đã được xác lập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp trước hạn và đúng hạn của NH.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.1.2: Tỷ lệ thôi học được xác lập, giám sát, đối sánh trong và ngoài CSĐT qua từng năm để cải tiến chất lượng.***

- CSĐT cần tính toán và xác định tỷ lệ thôi học theo các mốc thời gian khác nhau (sau năm thứ nhất, năm thứ hai, v.v.), phân tích theo nguyên nhân thôi học (học yếu, lý do cá nhân, chuyển trường, v.v.). Tỷ lệ thôi học được xác định bằng tỷ lệ NH chưa tốt nghiệp mà không tiếp tục theo học hằng năm (tham khảo theo cách tính tại [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#)). CSĐT có cơ sở dữ liệu về NH thôi học của CTĐT.

- CSĐT cần thiết lập hệ thống giám sát tỷ lệ NH thôi học để kịp thời phát hiện sớm các xu hướng bất thường, cảnh báo sớm cho NH và có biện pháp can thiệp kịp thời; cần thực hiện giám sát thường xuyên để phát hiện những NH có nguy cơ thôi học cao và có các biện pháp hỗ trợ kịp thời. Hệ thống giám sát cần có đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm; phương pháp, công cụ

giám sát; thông tin dữ liệu về NH trong đó có dữ liệu về tỷ lệ thôi học. CSĐT phân loại và theo dõi nguyên nhân thôi học và có biện pháp can thiệp phù hợp với từng nhóm nguyên nhân đã xác định theo mức độ rủi ro trong học tập, rèn luyện của từng NH; đề xuất giải pháp giúp NH cải thiện kết quả học tập, rèn luyện và cải tiến chất lượng công tác hỗ trợ NH của CTĐT.

- Đối sánh bên trong và bên ngoài về tỷ lệ NH của CTĐT thôi học: CSĐT đối sánh tỷ lệ NH thôi học giữa các năm của chính CTĐT; giữa các CTĐT trong và ngoài CSĐT.

- CSĐT căn cứ kết quả giám sát, đối sánh tỷ lệ NH thôi học CTĐT để đánh giá hiệu quả đào tạo/tuyển sinh, thực hiện hỗ trợ kịp thời cho NH, dự báo biến động quy mô, kịp thời điều chỉnh kế hoạch nguồn lực và cải tiến chất lượng.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.1.3: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh trong và ngoài CSĐT qua từng năm để cải tiến chất lượng.***

- CSĐT tính toán và xác định thời gian tốt nghiệp trung bình của NH CTĐT theo từng khóa, theo loại hình/phương thức đào tạo so với thời gian đào tạo chuẩn, phân tích tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn/chậm so với thời hạn/quá hạn. CSĐT có cơ sở dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT.

- CSĐT có hệ thống giám sát và thực hiện giám sát xu hướng thay đổi của thời gian tốt nghiệp trung bình của NH CTĐT qua các năm để đánh giá hiệu quả và có các biện pháp cải tiến. Hệ thống giám sát có đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm; phương pháp, công cụ giám sát; thông tin dữ liệu về NH trong đó có dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình.

- CSĐT đối sánh bên trong và ngoài CSĐT về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH CTĐT giữa các năm, các chương trình trong và ngoài CSĐT.

- CSĐT xây dựng và vận hành hệ thống phân loại, theo dõi nguyên nhân chậm tốt nghiệp; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian tốt nghiệp (như chất lượng đầu vào, phương pháp giảng dạy, điều kiện học tập, hỗ trợ NH, v.v.), đồng thời triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp với từng nhóm nguyên nhân.

***d) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.1.4: Các hoạt động xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng được triển khai hằng năm theo quy trình quy định và có sự tham gia của đơn vị/cá nhân được phân công.***

- CSĐT có quy định/quy trình cụ thể cho việc xác lập, giám sát, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình cho CTĐT, trong đó có thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình, nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp, tốt nghiệp sớm hơn so với kế hoạch đào tạo chuẩn, v.v.

- CSĐT phân công đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chủ trì/điều phối, tham gia thu thập, quản lý, phân tích dữ liệu, đối sánh và đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng CTĐT.

- Hằng năm các đơn vị/cá nhân được phân công triển khai thực hiện xác lập, giám sát, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 8.1**

- CSĐT quy định về việc quản lý và phân công trách nhiệm xác lập, giám sát, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình như thế nào? Đơn vị nào được giao

nhiệm vụ chính trong việc triển khai thực hiện và quản lý cơ sở dữ liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp?

- CSĐT có kế hoạch cụ thể hằng năm và có thực hiện kế hoạch để thu thập, cập nhật và phân tích dữ liệu về các chỉ số tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình không?

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý thông tin NH có đảm bảo tính chính xác và cập nhật không? Có thuận tiện cho việc trích xuất và phân tích dữ liệu không?

- Tỷ lệ tốt nghiệp của CTĐT qua các năm có xu hướng như thế nào? Có năm nào CTĐT có tỷ lệ tốt nghiệp biến động bất thường không?

- Tỷ lệ thôi học của CTĐT qua các năm có xu hướng như thế nào? Nguyên nhân chính của việc thôi học là gì? Có biện pháp can thiệp nào đã được triển khai? Kết quả triển khai như thế nào?

- Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH so với thời gian đào tạo tiêu chuẩn như thế nào? Tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn/chậm so với thời hạn như thế nào?

- CSĐT đã chọn những CTĐT nào để đối sánh? Tiêu chí lựa chọn CTĐT để đối sánh là gì? Kết quả đối sánh như thế nào?

- Có báo cáo phân tích chuyên sâu về nguyên nhân của các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình không?

- Những giải pháp cải tiến nào đã được đề xuất và triển khai? Hiệu quả của các giải pháp này như thế nào?

- Có tổ chức thảo luận/họp/hội nghị/hội thảo chuyên đề để trao đổi về các vấn đề này và tìm kiếm giải pháp không?

### **3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 8.1**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 15/10/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và công khai thông tin đối với cơ sở giáo dục ĐH.

- Các quy chế tuyển sinh do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

- Các quy chế, quy định nội bộ của CSĐT về quản lý đào tạo, tốt nghiệp và cấp bằng.

- Các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn nội bộ của CSĐT.
- Các văn bản quy định khác có liên quan.

#### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.1**

##### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.1 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)***

- Văn bản quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân thực hiện lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình (VD: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị, văn bản phân công, điều hành có nội dung này...).

- Bản Kế hoạch hoặc nội dung cụ thể trong bản kế hoạch của đơn vị được giao nhiệm vụ về lập CSDL quản lý tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT.

- Các quyết định trúng tuyển, cho thôi học (nếu có), quyết định tốt nghiệp; Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp...

- Có hệ thống quản lý CSDL về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được cập nhật; bảo đảm thuận tiện trong việc trích xuất CSDL về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các năm trong chu kỳ đánh giá.

- Văn bản thể hiện tiêu chí để chọn CSDL đối sánh.

- CSDL để đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSĐT và với CTĐT của một số CSĐT khác.

- Báo cáo tổng kết khóa học/báo cáo hội nghị/hội thảo chuyên đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình trong chu kỳ đánh giá (trong đó có phân tích thực trạng, nguyên nhân của tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục, cải tiến). Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được ghi nhận, thống kê, phân tích, đối sánh giữa các năm, khoá, giữa các CTĐT trong CSĐT, với một số CSĐT khác.

- Quy định/văn bản chỉ đạo, điều hành/biên bản cuộc họp cấp Trường/khoa... về thực hiện giải pháp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình.

##### ***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Minh chứng về hệ thống cảnh báo sớm, phát hiện những NH có nguy cơ thôi học cao và có các biện pháp hỗ trợ kịp thời.

- CSDL về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT khác trong cùng lĩnh vực.

#### **5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.1**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.1, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 04 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả cơ cấu tổ chức, đơn vị được phân công trách nhiệm trong việc quản lý và theo dõi các chỉ số tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình. Mô tả quy trình thu thập, xử lý và báo cáo dữ liệu.

- Mô tả và nhận định kết quả (số lượng, tỷ lệ) tốt nghiệp qua các năm trong chu kỳ đánh giá, phân tích theo từng CTĐT, hình thức đào tạo. Sử dụng biểu đồ, bảng số liệu để minh họa xu hướng và so sánh.

- Mô tả và nhận định kết quả (số lượng, tỷ lệ) thôi học qua các năm, phân loại theo nguyên nhân (học lực, điều kiện kinh tế, cá nhân, chuyên trường, v.v.), phân tích các yếu tố ảnh hưởng và xu hướng thay đổi.

- Mô tả và nhận định về thời gian tốt nghiệp trung bình so với thời gian đào tạo tiêu chuẩn, tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn và các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian hoàn thành chương trình.

- Mô tả tiêu chí lựa chọn các CTĐT để đối sánh, kết quả so sánh với các CSĐT khác về các chỉ số, phân tích vị thế và thế mạnh của CSĐT so với các đơn vị khác.

- Mô tả các giải pháp để cải thiện các chỉ số, đánh giá hiệu quả của từng biện pháp thông qua số liệu cụ thể.

- CSĐT có thể mô tả thêm các thực hành tốt như: việc đánh giá sâu các yếu tố tác động đến tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp như chất lượng đầu vào, CTĐT, phương pháp giảng dạy, điều kiện học tập, hỗ trợ NH; đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý dữ liệu, quy trình giám sát và báo cáo, xác định những điểm mạnh và hạn chế của hệ thống hiện tại; đánh giá hiệu quả của việc quản lý và theo dõi các chỉ số, thể hiện cam kết của lãnh đạo CSĐT trong việc tiếp tục cải tiến chất lượng đào tạo thông qua việc nâng cao các chỉ số này.

***Tiêu chí 8.2 (Tiêu chí điều kiện): Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu của Tiêu chí 8.2**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.2.1: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp được xác lập.***

- CSĐT thiết lập quy trình cụ thể cho việc thu thập thông tin về việc làm của người học: i) Xây dựng quy trình/hướng dẫn về thu thập thông tin về việc làm của NH; ii) Phân công trách nhiệm cho đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chủ trì và đơn vị/cá nhân phối hợp; iii) Triển khai thu thập, phân tích, báo cáo, quản lý dữ liệu về tỷ lệ việc làm bao gồm tự tạo việc làm, khởi nghiệp, học tập nâng cao trình độ (có thể bổ sung về mức độ thăng tiến nghề nghiệp, nơi làm việc và thu nhập của NH tốt nghiệp, v.v.). Thời gian thực hiện các khảo sát thu thập thông tin về việc làm của NH thường là sau 6 tháng, 1 năm sau khi NH tốt nghiệp.

- CSĐT xác lập tỷ lệ việc làm bao gồm tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ (có thể bổ sung thêm về mức độ thăng tiến nghề nghiệp, nơi làm việc và thu nhập của NH tốt nghiệp, v.v.) theo năm/năm học, theo khóa, theo loại hình/hình thức đào tạo. CSĐT có cơ sở dữ liệu về tỷ lệ việc làm theo các nhóm này trong tổng số NH tốt nghiệp của CTĐT.

- CSĐT có phương pháp thu thập dữ liệu hợp lý, có tần suất thực hiện định kỳ (ít nhất mỗi năm hoặc mỗi khóa tốt nghiệp), có phân tích và lưu trữ kết quả để phục vụ đánh giá kết quả đầu ra của CTĐT và cải tiến chất lượng.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.2.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp được giám sát.***

- CSĐT thiết lập quy trình cụ thể cho việc giám sát tỷ lệ việc làm: i) Phân công trách nhiệm cho đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm giám sát về tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp, học nâng cao trình độ (có thể bổ sung mức độ thăng tiến nghề nghiệp, nơi làm việc và thu nhập của NH tốt nghiệp, v.v.); ii) Thực hiện giám sát thông qua kiểm tra, khảo sát, báo cáo; hoạt động giám sát được thực hiện thường xuyên theo năm/năm học, theo khóa, theo loại hình/hình thức đào tạo.

- Kết quả giám sát được phản hồi lại cho các đơn vị/cá nhân có trách nhiệm để triển khai các biện pháp cải tiến kịp thời.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.2.3: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp được đối sánh trong và ngoài CSĐT qua từng năm để cải tiến chất lượng.***

- CSĐT thiết lập quy trình cụ thể cho việc đối sánh tỷ lệ việc làm gồm: i) Phân công trách nhiệm cho đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm đối sánh tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp, học nâng cao trình độ (có thể bổ sung về mức độ thăng tiến nghề nghiệp, nơi làm việc và thu nhập của NH tốt nghiệp, v.v.); ii) Triển khai việc đối sánh thông qua các thông tin dữ liệu khảo sát, báo cáo của các CSĐT/CTĐT khác trong và ngoài CSĐT; hoạt động đối sánh theo năm/năm học, theo khóa, theo loại hình/hình thức đào tạo.

- Nội dung đối sánh bao gồm: đối sánh tỷ lệ việc làm phân biệt theo ngành, thời điểm sau tốt nghiệp; đối sánh tỷ lệ tự tạo việc làm của NH tốt nghiệp; đối sánh tỷ lệ khởi nghiệp của NH tốt nghiệp; đối sánh tỷ lệ thăng tiến nghề nghiệp của NH tốt nghiệp; đối sánh tỷ lệ học tiếp lên cao hơn theo trình độ, trong nước hay quốc tế; đối sánh mức thu nhập khởi điểm và thu nhập trung bình/năm (nếu có), có thể đối sánh thêm giữa nam/nữ, vùng miền, ngành đào tạo, v.v. Lưu ý, tùy theo phương thức và trình độ đào tạo của CTĐT, CSĐT lựa chọn các tiêu chí đối sánh khác nhau.

- CSĐT đối sánh các tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ, thăng tiến nghề nghiệp, nơi làm việc và thu nhập của NH tốt nghiệp giữa các năm, các CTĐT trong và ngoài CSĐT để đánh giá hiệu quả đào tạo/tuyển sinh. Các kết quả đối sánh được sử dụng để cải tiến chất lượng CTĐT, tư vấn hướng nghiệp, v.v.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 8.2**

- CSĐT thiết lập hệ thống thu thập thông tin về tình trạng việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, thăng tiến nghề nghiệp và học nâng cao trình độ của NH sau khi tốt nghiệp như thế nào? Thành phần của hệ thống này được thiết kế như thế nào và đơn vị/cá nhân nào chịu trách nhiệm vận hành?

- CSĐT có xác lập các chỉ tiêu về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, thăng tiến nghề nghiệp và học nâng cao trình độ của NH sau khi tốt nghiệp không? Những chỉ tiêu này được xác lập dựa trên những căn cứ nào? Ai chịu trách nhiệm trong việc đề xuất và phê duyệt các chỉ tiêu này?

- CSĐT đã tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của NH tốt nghiệp như thế nào? Phương pháp và công cụ khảo sát là gì? Tần suất khảo sát thế nào (sau bao lâu kể từ khi tốt nghiệp và có lặp lại khảo sát không)? Tỷ lệ phản hồi trong các đợt khảo sát là bao nhiêu?

- CSĐT có phân tích dữ liệu về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, thăng tiến nghề nghiệp và học nâng cao theo những tiêu chí nào (ngành học, khu vực địa lý, giới tính, loại hình doanh nghiệp...)? Phân tích nguyên nhân/yếu tố ảnh hưởng tới các tỷ lệ này? Trong 5 năm gần đây, tỷ lệ này có đạt được mục tiêu đề ra không và có sự thay đổi đáng kể nào theo thời gian không? Kết quả phân tích có được chia sẻ với các bên liên quan không và được sử dụng như thế nào?

- CSĐT có hệ thống giám sát thường xuyên các chỉ số về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, thăng tiến nghề nghiệp và học nâng cao trình độ không? Hệ thống này hoạt động như thế nào và có những công cụ, phần mềm hỗ trợ nào?

- CSĐT có đối sánh các chỉ số về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ không? Việc đối sánh được thực hiện với đối tượng nào (giữa các ngành học, giữa các năm, với các cơ sở giáo dục khác, với mức trung bình của cả nước, v.v.)? Kết quả đối sánh được sử dụng như thế nào?

- CSĐT có thu thập thông tin về chất lượng việc làm không (mức lương, vị trí công việc, sự phù hợp giữa công việc với chuyên ngành đào tạo, thời gian tìm được việc làm, thăng tiến nghề nghiệp, v.v.)? Những thông tin này được sử dụng như thế nào để cải tiến chất lượng đào tạo?

- CSĐT đã thực hiện những hoạt động nào để hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp hoặc học nâng cao trình độ? Những hoạt động này có tác động như thế nào đến các chỉ số về việc làm của NH tốt nghiệp?

- CSĐT có sử dụng kết quả khảo sát về tình trạng việc làm để rà soát, điều chỉnh CTĐT và phương pháp giảng dạy không? Việc sử dụng kết quả khảo sát được thực hiện như thế nào và đã dẫn đến những cải tiến cụ thể nào?

- CSĐT có duy trì mối quan hệ với cựu NH và nhà sử dụng lao động để cập nhật thông tin về nhu cầu thị trường lao động và khả năng đáp ứng của NH tốt nghiệp không? Mối quan hệ này được duy trì thông qua những kênh nào và mang lại hiệu quả như thế nào?

- Xu hướng về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, thăng tiến nghề nghiệp và học nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp trong 05 năm gần đây như thế nào? Có những biến động đáng chú ý nào không và nguyên nhân là gì?

- CSĐT đã thực hiện những cải tiến nào dựa trên kết quả khảo sát, giám sát và đối sánh về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, thăng tiến nghề nghiệp và học nâng cao trình độ? Những cải tiến này đã tác động như thế nào đến chất lượng đào tạo và khả năng tìm việc, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, thăng tiến nghề nghiệp của NH?

### **3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 8.2**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và công khai thông tin đối với cơ sở giáo dục ĐH.

- [Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Thông tư quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

- Các quy chế tuyển sinh do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

- Các quy chế, quy định nội bộ của CSĐT về quản lý đào tạo, tốt nghiệp và cấp bằng.

- Các văn bản quy định khác có liên quan.

#### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.2**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.2 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân thực hiện lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện về tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp (VD: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị, văn bản phân công, điều hành có nội dung này, v.v.).

- Bản Kế hoạch hoặc nội dung cụ thể trong Bản Kế hoạch của đơn vị được giao nhiệm vụ về lập CSDL quản lý tình hình việc làm (bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH) của đơn vị được giao nhiệm vụ.

- Trích xuất CSDL về tình hình việc làm các năm trong chu kỳ đánh giá.

- Văn bản thể hiện tiêu chí để chọn CSDL đối sánh.

- CSDL để đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSĐT và với CTĐT của một số CSĐT khác.

- Báo cáo tổng kết năm học/báo cáo hội nghị/hội thảo chuyên đề liên quan đến tình hình việc làm (trong đó có phân tích thực trạng, nguyên nhân của tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục).

- Quy định/văn bản chỉ đạo, điều hành/biên bản cuộc họp cấp Trường/khoa... về thực hiện các giải pháp/kế hoạch cải tiến tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp.

- Phiếu khảo sát/biên bản khảo sát/biên bản họp/hội thảo...

- Báo cáo khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về NH tốt nghiệp.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Kết quả khảo sát cựu NH với dữ liệu chi tiết VTVL, mức thu nhập trung bình mức độ đáp ứng năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ, v.v.), thăng tiến nghề nghiệp, học nâng cao trình độ.

- Kế hoạch hành động dựa trên dữ liệu (ví dụ: thêm khóa học khởi nghiệp nếu tỷ lệ thấp).

- Báo cáo phân tích kết quả đối sánh, trong đó nêu được nguyên nhân về tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp cao hơn hay thấp hơn so với CTĐT của các trường ĐH trong, ngoài nước được đối sánh.

- Dữ liệu về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, học nâng cao trình độ của CTĐT khác trong cùng lĩnh vực.

### **5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.2**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.2, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả đơn vị/cá nhân được giao nhiệm vụ thu thập, quản lý và phân tích thông tin về tình trạng việc làm của NH sau tốt nghiệp; mô tả chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/cá nhân theo các văn bản phân công; mô tả các quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân đảm nhiệm việc thu thập, quản lý và phân tích thông tin về tình trạng việc làm của NH sau tốt nghiệp.

- Mô tả quy trình xây dựng và phê duyệt các chỉ tiêu; các chỉ tiêu được xác lập về tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, học nâng cao; cơ sở/căn cứ để xác lập các chỉ tiêu (theo quy định của Bộ GDĐT, theo chiến lược phát triển của CSĐT, theo xu hướng thị trường lao động, v.v.); cách thức theo dõi diễn biến tỷ lệ việc làm qua các năm, các khóa; công cụ/phần mềm hỗ trợ giám sát.

- Mô tả các kết quả giám sát tỷ lệ việc làm trong chu kỳ đánh giá, kèm bảng tóm tắt số liệu về tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo; thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp; mức thu nhập bình quân, v.v.; số liệu định lượng, bao gồm tỷ lệ việc làm tổng thể trong 6-12 tháng sau tốt nghiệp, tỷ lệ tự tạo việc làm, tỷ lệ khởi nghiệp (ví dụ: số NH thành lập startup, doanh nghiệp mới); tỷ lệ học nâng cao (ví dụ: số NH học ThS, TS, chuyên khoa, v.v.);

- Mô tả quy trình thu thập, lưu trữ và xử lý thông tin; mô tả phương pháp, công cụ thu thập thông tin (phiếu khảo sát, hệ thống thông tin trực tuyến, v.v.); mô tả kế hoạch thu thập thông tin việc làm theo định kỳ; thời điểm thực hiện khảo sát và tần suất thực hiện.

- Mô tả cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp; phương thức lưu trữ, quản lý và bảo mật thông tin.

- Mô tả phương pháp và tiêu chí đối sánh tỷ lệ việc làm, tỷ lệ tự tạo việc làm, tỷ lệ khởi nghiệp, tỷ lệ thăng tiến nghề nghiệp, tỷ lệ học nâng cao giữa các ngành học, giữa các năm, với các cơ sở giáo dục ĐH khác...; cơ sở lựa chọn đối tác đối sánh; kết quả đối sánh trong chu kỳ đánh giá; phân tích xu hướng thay đổi qua các năm; nguyên nhân ảnh hưởng đến tỷ lệ việc làm thông thường trong 6 - 12 tháng sau tốt nghiệp, tỷ lệ tự tạo việc làm, tỷ lệ khởi nghiệp, tỷ lệ thăng tiến nghề nghiệp, tỷ lệ học nâng cao.

- Mô tả các giải pháp cải tiến đã thực hiện dựa trên kết quả giám sát và đối sánh; hiệu quả của các giải pháp đã thực hiện.

- CSĐT có thể mô tả bổ sung thêm thông tin về các hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, NH tốt nghiệp, v.v.) về năng lực NH sau tốt nghiệp; cách thức sử dụng kết quả phản hồi để cải tiến chất lượng. Mô tả các hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm và khởi nghiệp; các CTĐT kỹ năng nghề nghiệp/khởi nghiệp cho

NH; các hoạt động kết nối doanh nghiệp, hội thảo việc làm, ngày hội tuyển dụng, v.v. hoạt động tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ học nâng cao trình độ.

***Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu của Tiêu chí 8.3**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.3.1: Hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học được xác lập, giám sát và đối sánh trong và ngoài CSĐT để cải tiến chất lượng.***

- CSĐT ban hành quy định/hướng dẫn quản lý hoạt động NCKH trong đó có sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH; phân công giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân chủ trì/phối hợp thực hiện việc xác lập, giám sát, đánh giá hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH (tham khảo thêm trong [Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021](#)).

- CSĐT có hệ thống xác định, phân loại các loại hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH. Các hoạt động NCKH mà NH có thể tham gia như đề án tốt nghiệp có tính chất nghiên cứu; tham gia các đề tài nghiên cứu của GV; tham gia hội nghị, hội thảo khoa học; công bố bài báo khoa học, v.v. Sản phẩm sáng tạo của NH được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các kết quả NCKH và các kết quả đổi mới sáng tạo, được thể hiện dưới các hình thức như: (i) Các công bố khoa học (nếu có); (ii) Sản phẩm, giải pháp công nghệ; (iii) Thiết kế, phần mềm, mô hình; (iv) Các sản phẩm sở hữu trí tuệ; (v) Các kết quả được ứng dụng trong thực tiễn hoặc PVCD; (vi) Các dự án khởi nghiệp hoặc tự tạo việc làm; (vii) Các giải pháp đổi mới sáng tạo khác (tham khảo thêm trong [Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021](#)).

- CSĐT thiết lập và triển khai hệ thống giám sát hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH gồm: i) Thiết lập CSDL về hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của từng NH; ii) Theo dõi định kỳ tiến độ thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu; iii) NH báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu định kỳ; đơn vị đầu mối có báo cáo tổng hợp theo năm học.

- CSĐT đối sánh hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH để cải tiến chất lượng:

+ Đối sánh nội bộ kết quả NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH giữa các khóa học, các ngành đào tạo khác; so sánh với mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển; phân tích xu hướng thay đổi qua các năm.

+ Đối sánh bên ngoài kết quả NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH của các CTĐT/CSĐT cùng loại/quy mô/định hướng phát triển của các trường ĐH trong và ngoài nước, bao gồm cả các trường ĐH hàng đầu trong khu vực (nếu có); tham chiếu với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế (nếu có).

+ Sử dụng kết quả đối sánh: xác định điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động NCKH của NH; đề xuất giải pháp cải tiến cụ thể; điều chỉnh chính sách khuyến khích, nâng cao chất lượng, hiệu quả NCKH của NH.

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.3.2: Hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh trong và ngoài cơ sở đào tạo qua từng năm so với mục tiêu đã xác lập để cải tiến chất lượng.***

- CSĐT có hệ thống xác định, phân loại hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của GV và NCV của CTĐT. Giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyên giao công nghệ.

- CSĐT xác định hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của GV và NCV của CTĐT. Sản phẩm sáng tạo của giảng viên và nghiên cứu viên được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các kết quả NCKH và đổi mới sáng tạo, được thể hiện dưới các dạng sau: (i) Các công bố khoa học (nếu có); (ii) Sản phẩm, giải pháp công nghệ; (iii) Thiết kế, phần mềm, mô hình; (iv) Các sản phẩm sở hữu trí tuệ; (v) Các kết quả được ứng dụng trong thực tiễn hoặc PVCD; (vi) Các dự án khởi nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; (vii) Số lượng, tỷ lệ GV, NCV khởi nghiệp (nếu có); (viii) Các giải pháp đổi mới sáng tạo khác.

- CSĐT xác định các loại hoạt động NCKH của GV và NCV của CTĐT, bao gồm:

+Xác định các chỉ tiêu cụ thể: (i) Số lượng và chất lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín; Số đề tài nghiên cứu cấp trường, cấp bộ, cấp nhà nước; (ii) Sản phẩm, giải pháp công nghệ; (iii) Thiết kế, phần mềm, mô hình; (iv) Các sản phẩm sở hữu trí tuệ; (v) Các kết quả được ứng dụng trong thực tiễn hoặc PVCD; (vi) Các dự án khởi nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ giảng viên/nghiên cứu viên tham gia sáng lập hoặc đồng sở hữu doanh nghiệp, giá trị vốn hóa của các công ty spin-off, số lượng việc làm tạo ra (nếu có); (vii) Các giải pháp đổi mới sáng tạo khác.

+Số bằng sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp; Sản phẩm khoa học công nghệ được ứng dụng trong thực tiễn; Tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; Hoạt động hướng dẫn NCKH cho người học, v.v.

+Phân loại theo trình độ và chức danh: CSĐT có yêu cầu khác nhau cho từng nhóm GV và NCV (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Phó Giáo sư, Giáo sư); định mức NCKH tối thiểu theo từng cấp bậc/từng nhóm; tiêu chí thăng hạng và bổ nhiệm chức danh (nếu có), v.v.

- CSĐT giám sát hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của GV và NCV qua các hoạt động: i) Thiết lập CSDL về hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của từng GV và NCV; ii) Theo dõi định kỳ tiến độ và sản phẩm thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu; iii) GV và NCV báo cáo kết quả NCKH định kỳ; iv) Đánh giá hiệu quả công việc dựa trên kết quả NCKH.

- CSĐT đối sánh hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của GV và NCV thông qua các hoạt động:

+Đối sánh nội bộ hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của GV và NCV: so với mục tiêu của CSĐT; so với chiến lược phát triển khoa học công nghệ của CSĐT; so với mục tiêu cấp đơn vị/khoa, chỉ tiêu kế hoạch NCKH của từng khoa/viện/bộ môn; so với mục tiêu cá nhân của GV và NCV; so với cam kết cá nhân trong hợp đồng lao động/mô tả VTVL/phân công nhiệm vụ. Phân tích xu hướng thay đổi qua các năm.

+Đối sánh bên ngoài: Đối sánh hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của GV và NCV của các CSĐT khác, CTĐT khác; đối chiếu với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế (nếu có), các tiêu chuẩn xếp hạng (nếu có).

+ Sử dụng kết quả đối sánh hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của GV và NCV để cải tiến chất lượng: Điều chỉnh chính sách (chính sách, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ NCKH); phân bổ nguồn lực (ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực có tiềm năng); nâng cao năng lực (tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng nghiên cứu); xây dựng môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động NCKH, v.v.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 8.3**

- CSĐT có quy định rõ ràng về hoạt động NCKH, sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH, GV và NCV của CTĐT không?

- Hệ thống CSDL về hoạt động NCKH của NH, GV và NCV của CTĐT có được xây dựng đầy đủ và cập nhật thường xuyên không?

- CSĐT có đơn vị chuyên trách quản lý và phát triển hoạt động NCKH của NH, GV và NCV không? Nhiệm vụ và quyền hạn thế nào?

- Chiến lược và kế hoạch khoa học công nghệ của CSĐT có được xây dựng và triển khai như thế nào? Các mục tiêu và chỉ số liên quan đến KHCN của CSĐT/Khoa/Viện/Bộ môn được xác định như thế nào?

- Việc giám sát hoạt động NCKH của NH, GV và NCV của CTĐT có được thực hiện định kỳ và có hệ thống không?

- CSĐT có thực hiện đối sánh kết quả NCKH của NH, GV và NCV của CTĐT với các mục tiêu đã đề ra không? Phương pháp và kết quả như thế nào? Kết quả đối sánh được sử dụng để điều chỉnh chính sách và cải tiến chất lượng như thế nào?

- Có sự khác biệt rõ rệt về kết quả NCKH NH, GV và NCV của CTĐT với các đơn vị, các cá nhân không? Nguyên nhân là gì?

- Những giải pháp nào đã được áp dụng để cải thiện hoạt động NCKH NH, GV và NCV của CTĐT? Hiệu quả thế nào?

- Mức độ tham gia NCKH và sản phẩm NCKH của NH có tăng lên qua các năm không?

## **3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 8.3**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Khoa học và Công nghệ](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ. [Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ.](#)

- [Nghị quyết số 57-NQ/TW](#) ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Các văn bản của Trung ương và Chính phủ, các Bộ ngành và cơ sở giáo dục về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- [Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục ĐH.

- [Nghị định số 109/2022/NĐ-CP](#) ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục ĐH.

- [Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Thông tư quy định về hoạt động NCKH của sinh viên trong cơ sở giáo dục ĐH.

- [Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT](#) ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Thông tư quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

- Các quy định về quản lý khoa học công nghệ hiện hành của Bộ GDĐT.

- Các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV ĐH.

- Và các quy định khác có liên quan.

#### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.3**

***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.3 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#):***

- Văn bản quy định hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH, GV và NCV.

- Văn bản quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân thực hiện lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện về hoạt động NCKH (VD: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị, văn bản phân công, điều hành có nội dung này...).

- Chiến lược/kế hoạch khoa học công nghệ cấp Trường/Khoa.

- Bản Kế hoạch hoặc nội dung cụ thể trong Bản Kế hoạch của đơn vị được giao nhiệm vụ về lập CSDL và quản lý, phát triển hoạt động NCKH sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH, GV và NCV.

- Trích xuất CSDL về kết quả hoạt động NCKH, sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH, GV và NCV.

- Tiêu chí để chọn CSDL đối sánh.

- CSDL để đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSĐT và với CTĐT của một số CSĐT khác.

- Báo cáo tổng kết năm học/khoá học; báo cáo hội nghị toàn trường hàng năm hoặc hội nghị/hội thảo chuyên đề; biên bản họp cấp trường/cấp khoa liên quan đến tình hoạt động NCKH, sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH, GV và NCV (trong đó có phân tích thực trạng, nguyên nhân của tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục).

- Quy định/văn bản chỉ đạo, điều hành/biên bản cuộc họp cấp trường/khoa... về thực hiện các giải pháp/kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động khoa học công nghệ và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của NH, GV và NCV.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Báo cáo kết quả đối sánh hoạt động NCKH, sản phẩm sáng tạo của GV, NCV của CTĐT với CTĐT của các CSĐT khác có những thực hành tốt; hoặc báo cáo đối sánh với các tiêu chí và kết quả xếp hạng ĐH.

- Báo cáo kết quả triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng sau quá trình đối sánh.

- Dữ liệu về hoạt động NCKH, sản phẩm sáng tạo của NH, GV, NCV của CTĐT khác trong cùng lĩnh vực.

### **5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.3**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.3, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 02 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả các quy định của CSĐT về hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo của NH, GV và nghiên cứu viên. Mô tả cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị chuyên trách quản lý NCKH. Mô tả về chiến lược và kế hoạch khoa học công nghệ ở các cấp (trường, khoa/viện/bộ môn) và cách thức triển khai thực hiện.

- Mô tả việc xây dựng, duy trì và cập nhật CSDL về hoạt động NCKH của từng cá nhân và đơn vị. Mô tả quy trình giám sát, theo dõi định kỳ hoạt động NCKH, bao gồm các biểu mẫu báo cáo, chu kỳ đánh giá và cơ chế kiểm soát chất lượng. Phân tích tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của hệ thống thông tin.

- Mô tả các chỉ số định lượng về hoạt động NCKH của NH (số đề tài NCKH-SV, bài báo, sáng chế, sản phẩm sáng tạo) và của GV, NCV (bài báo WoS/Scopus, đề tài nghiên cứu, bằng sáng chế). So sánh kết quả qua các năm để thể hiện xu hướng phát triển. Đánh giá chất lượng và tác động thực tiễn của các sản phẩm nghiên cứu.

- Mô tả tiêu chí lựa chọn các đối tượng đối sánh (CTĐT trong nước, quốc tế, tiêu chuẩn ngành). Nhận định về kết quả thực tế với các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển để đánh giá mức độ hoàn thành.

- Mô tả các giải pháp đã được triển khai để cải thiện hoạt động NCKH, bao gồm điều chỉnh chính sách khuyến khích, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, nâng cao năng lực đội ngũ, cải thiện môi trường nghiên cứu. Đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã thực hiện và kế hoạch cải tiến tiếp theo.

- Đánh giá tổng thể tình hình hoạt động NCKH của CSĐT, xác định những thành tựu đạt được và những hạn chế cần khắc phục. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động NCKH như chính sách khuyến khích, nguồn lực đầu tư, năng lực đội ngũ, môi trường nghiên cứu. Đề xuất định hướng phát triển hoạt động NCKH, kèm theo các mục tiêu cụ thể và kế hoạch hành động để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả NCKH.

- CSĐT có thể bổ sung thông tin về các thực hành tốt - những hoạt động BĐCL CTĐT/CSĐT triển khai: mô tả công cụ/tiêu chí đánh giá chất lượng nghiên cứu; tính khoa học và tính mới của kết quả nghiên cứu; khả năng ứng dụng trong thực tiễn; mức độ tự lập trong nghiên cứu; kỹ năng trình bày và viết báo cáo khoa học. Mô tả về các giải pháp chống đạo văn, thực hiện đạo đức trong nghiên cứu, sử dụng AI, v.v.

***Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.***

#### **1. Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu của Tiêu chí 8.4**

CSĐT xây dựng và vận hành một hệ thống dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR của CTĐT, trong đó dữ liệu được xác lập có hệ thống; được giám sát thường xuyên, đa chiều; được đối

sánh theo thời gian và với mục tiêu đã xác định và được sử dụng làm căn cứ cho cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt động dạy - học.

**a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.4.1: Dữ liệu về mức độ người học đạt CĐR của CTĐT được xác lập.**

- CSĐT xác định và dự báo mức độ NH đạt CĐR của CTĐT, tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ đạt CĐR ngay từ khi ban hành CTĐT.

- Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị dữ liệu đo lường mức độ đạt CĐR:

+ Phân công đơn vị chủ trì/đầu mối/điều phối và tham gia xây dựng kế hoạch, bộ công cụ đo lường trực tiếp (bài thi, tiểu luận, hồ sơ năng lực, v.v.) và gián tiếp (khảo sát, phỏng vấn, v.v.), xác định tiêu chí đánh giá (Rubrics) và ngưỡng đạt (Benchmarks/Threshold) cho từng CĐR, thu thập, giám sát dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR.

+ Thiết lập quy trình và triển khai thu thập dữ liệu về mức độ đạt CĐR từ các nguồn trực tiếp và gián tiếp (như kết quả kiểm tra, đánh giá HP của NH; đánh giá thực tập, đồ án tốt nghiệp; phản hồi của nhà sử dụng lao động, khảo sát cựu NH, v.v.).

+ Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về mức độ đạt CĐR đồng bộ, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, bảo mật và khả năng trích xuất dữ liệu theo nhiều tiêu chí khác nhau.

+ Xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu mức độ NH đạt CĐR CTĐT để đánh giá khoảng cách giữa kết quả thực tế và mục tiêu đề ra, làm căn cứ để điều chỉnh nội dung giảng dạy, phương pháp đánh giá và cải tiến CTĐT.

**b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.4.2: Dữ liệu về mức độ người học đạt CĐR của CTĐT được giám sát.**

- CSĐT xây dựng và ban hành quy trình giám sát định kỳ việc đạt CĐR, bao gồm chu kỳ giám sát, phương pháp giám sát và trách nhiệm của các bên liên quan (chủ trì/đầu mối, điều phối, tham gia) thực hiện giám sát dữ liệu về mức độ người học đạt CĐR của CTĐT.

- CSĐT theo dõi dữ liệu về mức độ đạt CĐR không chỉ ở giai đoạn kết thúc mỗi khóa học mà trong suốt quá trình đào tạo để có thể điều chỉnh kịp thời CTĐT. Việc giám sát có thể thông qua dữ liệu đo lường, đánh giá CĐR hoặc thu thập thông tin từ nhiều bên liên quan bao gồm: đánh giá của NH, đánh giá của GV, đánh giá từ bên ngoài (nhà sử dụng lao động, cựu NH, v.v.).

- CSĐT thiết lập hệ thống cảnh báo khi có dấu hiệu cho thấy mức độ NH đạt CĐR không đáp ứng mục tiêu đề ra.

- CSĐT lập báo cáo định kỳ về kết quả giám sát mức độ NH đạt CĐR để cung cấp thông tin cho việc ra quyết định quản lý, cải tiến chất lượng CTĐT.

- CSĐT có các biện pháp giám sát việc đảm bảo dữ liệu chính xác, thường trực, an toàn và bảo mật thông tin.

**c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.4.3: Dữ liệu về mức độ người học đạt CĐR của CTĐT được đối sánh qua từng năm, so với các mục tiêu đã được xác lập để cải tiến chất lượng.**

- CSĐT ban hành văn bản về quy trình, chỉ đạo/điều phối hoạt động đối sánh mức độ NH đạt CĐR của CTĐT, trong đó có xác định tiêu chí để chọn CSDL, CSĐT có CTĐT để đối sánh.

- CSĐT đối sánh mức độ NH đạt CĐR của CTĐT thông qua việc so sánh mức độ NH đạt CĐR của CTĐT giữa các khóa học theo từng năm để xác định xu hướng tiến bộ hoặc giảm sút. CSĐT đối sánh mức độ NH đạt CĐR của CTĐT với mục tiêu đã được xác lập trong kế hoạch chiến lược và kế hoạch đào tạo.

- CSĐT phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc NH đạt/không đạt CĐR của CTĐT để đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; phân tích và so sánh dữ liệu đánh giá mức độ đạt CĐR giữa các hình thức/phương thức đào tạo khác nhau của CTĐT (nếu có) (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, trực tuyến, v.v.). Phân tích điểm mạnh và hạn chế của hệ thống đo lường đánh giá CĐR hiện tại, đánh giá tính chính xác, tin cậy của dữ liệu và hiệu quả của các biện pháp cải tiến đã thực hiện. Xác định những thuận lợi, khó khăn trong việc đo lường và giám sát mức độ đạt CĐR (phương pháp đo lường, nguồn lực, sự phối hợp giữa các đơn vị) và các giải pháp đã/đang được triển khai.

- CSĐT sử dụng kết quả đối sánh để điều chỉnh CTĐT, phương pháp giảng dạy và các hoạt động hỗ trợ NH.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 8.4**

- Đơn vị nào được giao nhiệm vụ chính trong việc xác lập, giám sát dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR của CTĐT?

- Các công cụ và phương pháp đo lường mức độ đạt CĐR được xây dựng như thế nào? Có đảm bảo tính khoa học và khách quan không?

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR của CTĐT có được thiết lập và quản lý chặt chẽ không? Dữ liệu có đảm bảo tính chính xác và cập nhật không?

- CĐR của CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật bao nhiêu lần trong 5 năm vừa qua? Lý do điều chỉnh là gì? Tương ứng với mỗi lần điều chỉnh thì dữ liệu mức độ NH đạt CĐR của CTĐT được xác lập như thế nào? Kế hoạch đo lường, đánh giá và dữ liệu đánh giá như thế nào sau mỗi lần điều chỉnh?

- Quy trình giám sát mức độ NH đạt CĐR CTĐT được thực hiện như thế nào? Chu kỳ giám sát là bao nhiêu lâu? Đơn vị/cá nhân nào thực hiện giám sát?

- Kết quả giám sát cho thấy mức độ NH đạt CĐR của CTĐT như thế nào? Có CĐR nào có tỷ lệ NH đạt thấp/cao bất thường không?

- Có sự khác biệt về mức độ NH đạt CĐR của CTĐT giữa các phương thức đào tạo khác nhau không? Nếu có, nguyên nhân là gì?

- CSĐT có đối sánh mức độ NH đạt CĐR của CTĐT với các mục tiêu đã đề ra không? Kết quả như thế nào? Những biện pháp cải tiến nào đã được triển khai dựa trên kết quả đo lường và giám sát mức độ NH đạt CĐR của CTĐT?

- CSĐT có tổ chức các cuộc họp, hội thảo để thảo luận về kết quả đo lường CĐR và đề xuất giải pháp cải tiến không?

- CSĐT có những thực hành tốt nào trong việc lưu trữ, phân tích dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR của CTĐT để đảm bảo dữ liệu chính xác, thường trực, an toàn và bảo mật thông tin không?

### 3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 8.4

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Quyết định 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- [Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế đào tạo trình độ ĐH.

- [Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS.

- [Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 15/10/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS.

- [Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và công khai thông tin đối với cơ sở giáo dục ĐH.

- Các quy chế tuyển sinh do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.
- Chuẩn CTĐT của ngành/nhóm ngành/lĩnh vực (nếu có).
- Các quy chế, quy định, hướng dẫn nội bộ của CSĐT về đo lường, đánh giá CĐR CTĐT.
- Các quy chế, quy định nội bộ của CSĐT về quản lý đào tạo, tốt nghiệp và cấp bằng.
- Các văn bản quy định khác có liên quan.

### 4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.4

#### *Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.4 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)*

- Văn bản quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân thực hiện lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện về mức độ đạt CĐR của CTĐT (VD: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị, văn bản phân công, điều hành có nội dung này...).

- Văn bản công bố CĐR của CTĐT.
- Thống kê các điều chỉnh/cập nhật CĐR của CTĐT trong 5 năm thuộc chu kỳ đánh giá.
- Bản Kế hoạch hoặc nội dung cụ thể trong bản kế hoạch của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai việc xác lập dữ liệu, giám sát, đo lường việc đạt CĐR CTĐT.
- Trích xuất CSDL về mức độ đạt CĐR của CTĐT.
- Biên bản họp cấp CSĐT/cấp khoa/Báo cáo kết quả đo lường, giám sát, đối sánh việc đạt CĐR của CTĐT, cho thấy sự bảo đảm việc đạt CĐR là như nhau giữa các phương thức đào tạo.
- Biên bản họp cấp CSĐT/cấp khoa có liên quan đến cải tiến mức độ đạt CĐR của CTĐT.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Ma trận liên kết giữa CĐR và các học phần trong CTĐT.
- Phương pháp, công cụ đo lường mức độ NH đạt CĐR của CTĐT.
- Báo cáo đối sánh mức độ người học đạt CĐR với các mục tiêu đã đề ra.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT dựa trên dữ liệu đo lường mức độ NH đạt CĐR của CTĐT.
- Dữ liệu về mức mức độ NH đạt CĐR của CTĐT/CSĐT khác trong cùng lĩnh vực.

**5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.4**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.4, CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả mức độ NH đạt CĐR của CTĐT đã được công bố chính thức.
- Mô tả cơ cấu tổ chức, phân công trách nhiệm trong việc xác lập dữ liệu về mức độ đạt CĐR; mô tả các công cụ, phương pháp đo lường và hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu.
- Mô tả và nhận định số liệu cụ thể về mức độ đạt từng CĐR qua các năm trong chu kỳ đánh giá, phân tích theo từng phương thức đào tạo (từ xa, liên thông, văn bằng 2, VLVH, v.v.). Sử dụng biểu đồ, bảng thống kê để minh họa kết quả.
- Mô tả quy trình giám sát mức độ đạt CĐR, bao gồm chu kỳ giám sát, phương pháp giám sát, trách nhiệm của các bên liên quan và cơ chế báo cáo.
- Nhận định mức độ đạt CĐR thực tế với các mục tiêu đã được xác lập, phân tích xu hướng thay đổi qua các năm và nguyên nhân của những thay đổi đó.
- Mô tả các hoạt động cải tiến về kết quả đo lường CĐR dựa trên kết quả giám sát.
- CSĐT có thể bổ sung thông tin mô tả về việc CSĐT phân tích và so sánh dữ liệu đánh giá mức độ đạt CĐR giữa các hình thức đào tạo khác nhau (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, trực tuyến, v.v.), đánh giá sự BDCL tương đương. Phân tích điểm mạnh và hạn chế của hệ thống đo lường đánh giá CĐR hiện tại, đánh giá tính chính xác, tin cậy của dữ liệu và hiệu quả của các biện pháp cải tiến đã thực hiện. Xác định những khó khăn trong việc đo lường và giám sát mức độ đạt CĐR (phương pháp đo lường, nguồn lực, sự phối hợp giữa các đơn vị) và các giải pháp đã/đang được triển khai.

***Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.***

**1. Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu của Tiêu chí 8.5**

***a) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.5.1: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập.***

- CSĐT ban hành các quy trình/quy định/hướng dẫn về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan trong CSĐT (NH, GV, NCV (nếu có), kỹ thuật viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý và các tổ chức, cá nhân liên quan khác), các bên liên quan bên ngoài (cụm NH, NH tiềm năng, gia đình NH, nhà sử dụng lao động, các tổ chức nghề nghiệp, chuyên gia, doanh nghiệp, đối tác,

nhà tài trợ, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác).

- CSĐT xác định đối tượng cần lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng, dưới đây là một số gợi ý: (i) Đối với NH: chất lượng CTĐT và giảng dạy; dịch vụ hỗ trợ học tập (thư viện, phòng máy, phòng thí nghiệm, v.v.); dịch vụ sinh hoạt (ký túc xá, căng tin, y tế, v.v.); hoạt động ngoại khóa và thể thao; công tác quản lý và hành chính; môi trường học tập và CSVC, v.v.; (ii) Đối với GV: chính sách nhân sự và phúc lợi; điều kiện làm việc và nghiên cứu; cơ hội phát triển nghề nghiệp; hỗ trợ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu; môi trường làm việc và quan hệ đồng nghiệp, v.v.; (iii) Đối với nhà sử dụng lao động: chất lượng và năng lực của NH; sự phù hợp giữa đào tạo và yêu cầu công việc; kỹ năng mềm và thái độ làm việc; khả năng thích ứng và học hỏi, v.v.; (iv) Đối với gia đình NH: chất lượng đào tạo và môi trường học tập; sự quan tâm và chăm sóc NH; thông tin liên lạc và thông báo kết quả học tập; cơ hội việc làm sau tốt nghiệp v.v.

- CSĐT xây dựng quy trình, công cụ và hình thức thu thập thông tin đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan có thể lựa chọn: (i) Phiếu khảo sát: thiết kế bảng hỏi có cấu trúc, sử dụng thang đo phù hợp với từng đối tượng khảo sát; (ii) Phỏng vấn sâu: đối với các vấn đề cần tìm hiểu kỹ hơn về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, NH sau tốt nghiệp và các vấn đề khác của CTĐT. Lưu ý đối với những CTĐT có số lượng người tốt nghiệp ít, số lượng nhà sử dụng lao động hạn chế, nên áp dụng phỏng vấn sâu để đạt hiệu quả cao hơn; (iii) Thảo luận nhóm: thu thập ý kiến tập thể về các vấn đề chung, mức độ hài lòng về CTĐT. Lưu ý đối với những CTĐT có số lượng người tốt nghiệp ít, số lượng nhà sử dụng lao động hạn chế, nên áp dụng phương pháp thảo luận nhóm để đạt hiệu quả cao hơn; (iv) Quan sát trực tiếp: đánh giá qua hành vi và phản ứng thực tế.

- CSĐT xây dựng, ban hành kế hoạch hoặc nội dung cụ thể trong bản kế hoạch của đơn vị được giao nhiệm vụ lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan; xác lập, giám sát và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

- CSĐT quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chủ trì/đầu mối/điều phối, tham gia xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng, lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện về mức độ hài lòng của các bên liên quan (Ví dụ: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị, văn bản phân công, điều hành có nội dung này, v.v.).

- CSĐT xác lập mức độ hài lòng của mỗi bên liên quan về CTĐT; xây dựng CSDL và phân tích dữ liệu về mức độ hài lòng của từng bên liên quan về CTĐT trong chu kỳ đánh giá. (CSĐT có thể tham khảo [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) về Chuẩn cơ sở giáo dục ĐH với Tiêu chí 5.4 - Tỷ lệ NH hài lòng với GV về chất lượng và hiệu quả giảng dạy; tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể về quá trình học tập và trải nghiệm).

***b) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.5.2: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được giám sát.***

- CSĐT thiết lập hệ thống giám sát gồm các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện việc giám sát; đối tượng thực hiện giám sát; chu kỳ giám sát (theo học kỳ/theo năm học/khóa học).

- CSĐT xây dựng quy trình thực hiện giám sát gồm: i) Lập kế hoạch: Xác định đối tượng, thời gian, phương pháp và nguồn lực; ii) Thu thập thông tin, dữ liệu: Triển khai giám sát theo đúng quy trình đã xây dựng; iii) Xử lý và phân tích thông tin, dữ liệu giám sát (làm sạch dữ liệu,

phân tích thông kê, v.v.); iv) Báo cáo kết quả giám sát; v) Đề xuất biện pháp xử lý/cải tiến: dựa trên kết quả để đề xuất các biện pháp cải tiến sau giám sát.

- CSĐT phân công rõ ràng đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chủ trì/đầu mối/điều phối, tham gia giám sát chỉ số về mức độ hài lòng của các bên liên quan.

- CSĐT thiết lập cơ chế cảnh báo khi mức độ hài lòng giảm, đồng thời phân tích sự thay đổi mức độ hài lòng theo thời gian.

***c) Giải thích và hướng dẫn Yêu cầu 8.5.3: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được đối sánh trong và ngoài CSĐT để cải tiến chất lượng.***

- CSĐT ban hành quy trình, chỉ đạo/điều phối hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan, trong đó có xác định tiêu chí để chọn CSDL, CSĐT có CTĐT để đối sánh.

- CSĐT thực hiện đối sánh nội bộ về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT: i) Đối sánh theo thời gian về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT qua các năm để xác định xu hướng; ii) Đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT của các đơn vị trong CSĐT; iii) Đối sánh mức độ hài lòng của từng bên liên quan về CTĐT.

- CSĐT thực hiện đối sánh bên ngoài về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT: i) Đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan với các CTĐT có cùng ngành/nhóm ngành/lĩnh vực, của các trường/CTĐT có quy mô và đặc điểm tương tự; ii) Đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan với các CTĐT của CSĐT hàng đầu, có uy tín để xác định khoảng cách cần phấn đấu.

- CSĐT xác định ưu tiên cải tiến chất lượng đối với các tiêu chí có mức độ hài lòng thấp; thiết lập các chỉ báo về mức độ hài lòng của các bên liên quan cần tập trung cải thiện dựa trên kết quả đối sánh; sử dụng kết quả đối sánh để cải thiện chất lượng CTĐT; có các giải pháp/kế hoạch cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu/ nhu cầu của các bên liên quan.

- CSĐT xây dựng CSDL đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSĐT.

- CSĐT đánh giá hoạt động khảo sát/thu thập ý kiến các bên liên quan hằng năm, trong đó có phân tích tình hình, kết quả đối sánh, nguyên nhân mức độ hài lòng/không hài lòng của các bên liên quan và đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng.

- CSĐT tổ chức họp cấp CSĐT/khoa thảo luận, đánh giá kết quả sau khi triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng sau quá trình đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan.

## **2. Câu hỏi chẩn đoán đánh giá Tiêu chí 8.5**

- CSĐT xác định các bên liên quan nào theo các lĩnh vực cần đánh giá mức độ hài lòng của CTĐT?

- Có đơn vị chuyên trách hoặc được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan không?

- Quy trình và phương pháp khảo sát mức độ hài lòng có được thiết kế khoa học và phù hợp không?

- Tần suất đo lường, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan có đảm bảo tính thường xuyên và kịp thời không?

- Chất lượng dữ liệu khảo sát đo lường, đánh giá mức độ hài lòng của bên liên quan có đảm bảo tính đại diện, tin cậy và khách quan không?

- CSĐT có đối sánh mức độ hài lòng qua các năm và với các CSĐT khác không?

- Kết quả khảo sát được phân tích sâu để xác định nguyên nhân của sự hài lòng/không hài lòng của từng bên liên quan như thế nào?

- Các giải pháp cải tiến có được đề xuất và triển khai dựa trên kết quả giám sát, đối sánh như thế nào?

- Hiệu quả của các biện pháp cải tiến chất lượng dựa trên thông tin về mức độ hài lòng của các bên liên quan có được theo dõi và đánh giá không?

- Có cơ chế phản hồi kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng đến các bên liên quan không?

### **3. Văn bản tham chiếu đánh giá Tiêu chí 8.5**

- [Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15](#) và các quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục ĐH.

- [Luật Thống kê số 89/2015/QH13](#) và [Luật số 138/2025/QH15](#) ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê.

- [Luật An toàn thông tin mạng](#) về bảo mật thông tin cá nhân trong khảo sát.

- [Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục.

- [Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT](#) ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và công khai thông tin đối với cơ sở giáo dục ĐH.

- Các quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan của CSĐT.

- Các quy định khác có liên quan.

### **4. Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.5**

#### ***Minh chứng gợi ý đánh giá Tiêu chí 8.5 theo Phụ lục II [Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT](#)***

- Văn bản quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân thực hiện lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện về mức độ hài lòng của các bên liên quan (Ví dụ: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị, văn bản phân công, điều hành có nội dung này, v.v.).

- Quy trình/quy định của đơn vị về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan.

- Bản kế hoạch hoặc nội dung cụ thể trong bản kế hoạch của đơn vị được giao nhiệm vụ về: lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan; xác lập CSDL, giám sát và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

- Trích xuất CSDL về mức độ hài lòng của các bên liên quan.

- Văn bản thể hiện tiêu chí để chọn CSDL đối sánh.

- CSDL để đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSĐT.

- Báo cáo tổng kết khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm, trong đó có phân tích tình hình, kết quả đối sánh, nguyên nhân mức độ hài lòng/không hài lòng của các bên liên quan và đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng.

- Quy định/văn bản chỉ đạo, điều hành/biên bản cuộc họp cấp CSĐT/khoa, v.v. về thực hiện các giải pháp/kế hoạch cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

***Minh chứng gợi ý khác (nếu có):***

- Báo cáo những thực hành tốt về kết quả thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT với CTĐT của các cơ sở giáo dục đại khác.

- Các kết quả cải thiện chất lượng sau khi triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng sau quá trình đối sánh.

- Dữ liệu về mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT khác trong cùng lĩnh vực.

**5. Hướng dẫn mô tả trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.5**

Trong báo cáo tự đánh giá Tiêu chí 8.5 CSĐT cần thể hiện rõ ràng CTĐT đáp ứng/không đáp ứng 03 yêu cầu của tiêu chí, bao gồm các nội dung cơ bản cần mô tả dưới đây (lưu ý sau mỗi thông tin, nhận định đính kèm các mã minh chứng):

- Mô tả sự tham gia của các bên liên quan và các lĩnh vực đánh giá mức độ hài lòng. Mô tả cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị chuyên trách thực hiện công tác khảo sát. Mô tả quy trình thiết kế và triển khai các hoạt động thu thập ý kiến từ các bên liên quan, bao gồm phương pháp, công cụ và tần suất thực hiện.

- Mô tả hệ thống cơ sở dữ liệu về mức độ hài lòng của các bên liên quan, cách thức cập nhật và quản lý dữ liệu. Mô tả quy trình giám sát định kỳ, các chỉ số theo dõi và cơ chế cảnh báo sớm khi có sự sụt giảm mức độ hài lòng. Nhận định về dữ liệu khảo sát về tính đại diện, tin cậy và tính khách quan.

- Mô tả và nhận định về kết quả khảo sát mức độ hài lòng của từng nhóm bên liên quan qua các năm. Nhận định xu hướng thay đổi mức độ hài lòng theo thời gian và theo từng lĩnh vực cụ thể. Nhận định những điểm mạnh được các bên liên quan đánh giá cao và những vấn đề còn hạn chế cần cải thiện.

- Mô tả tiêu chí lựa chọn đối tượng đối sánh và phương pháp thực hiện đối sánh. Nhận định kết quả nội bộ giữa các đơn vị, các CTĐT khác và theo thời gian. Mô tả, nhận định về kết quả đối sánh bên ngoài với các CSĐT tương tự và các tiêu chuẩn ngành để xác định vị thế của CSĐT (nếu có).

- Mô tả các giải pháp cải tiến đã được triển khai để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan.

- CSĐT có thể bổ sung thông tin về các thực hành tốt về đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải tiến thông qua sự thay đổi tích cực qua việc đo lường, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Nhận định về mối liên hệ giữa mức độ hài lòng với chất lượng đào tạo và hiệu quả hoạt động của CSĐT. Mô tả về các định hướng cải tiến hệ thống khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan, kèm theo kế hoạch hành động cụ thể để cải thiện chất lượng từ kết quả đánh giá.

## PHẦN 4. PHỤ LỤC - BIỂU MẪU CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày ...../..... /20...*

#### I. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1. Tên cơ sở giáo dục *(theo Quyết định thành lập)*
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
2. Tên viết tắt của cơ sở đào tạo
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
3. Tên trước đây *(nếu có)*: .....
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: .....
5. Địa chỉ: .....
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: .....E-mail: ..... Website:.....
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục *(theo Quyết định thành lập)*: .....
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: .....
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: .....
10. Loại hình cơ sở đào tạo *(Công lập/Tư thực/Loại hình khác (đề nghị ghi rõ))*: .....
11. Các địa điểm tổ chức đào tạo của CTĐT trong giai đoạn đánh giá: .....

#### II. Thông tin chung về chương trình đào tạo

12. Tên Chương trình đào tạo:
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
  - Tên trước đây *(nếu có)*: .....
13. Mã CTĐT theo danh mục mã ngành cấp IV *(nếu có)* và/hoặc mã do CSĐT quy định: .....
14. Trình độ đào tạo *(ĐH, ThS, TS)*: .....
15. Hình thức đào tạo *(tích và ô tương ứng với CTĐT, có thể tích cả 02 ô nếu CTĐT tổ chức theo cả 02 hình thức)*:

Chính quy	
Thường xuyên	

16. Phương thức tổ chức đào tạo *(tích vào ô tương ứng với CTĐT)*:

Trực tiếp	
Từ xa	
Kết hợp giữa trực tiếp và từ xa	

## 17. Các loại hình đào tạo của CTĐT (tích vào ô tương ứng với CTĐT):

Liên thông	
Văn bằng 2	
Song ngành	
Vừa làm vừa học	
Đào tạo bằng tiếng nước ngoài	
Liên kết đào tạo với nước ngoài	
Liên kết đào tạo trong nước	
Khác (ghi rõ): .....	

18. Các chuyên ngành/hướng chuyên sâu thuộc CTĐT (nếu có): .....

19. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: .....

20. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: .....

21. Thông tin về văn bằng được cấp cho NH theo quyết định mở ngành và/hoặc các quyết định ban hành CTĐT điều chỉnh.

Năm ban hành	Số quyết định mở ngành đào tạo/cho phép đào tạo và các quyết định ban hành CTĐT điều chỉnh	Tên văn bằng được cấp cho người học theo quyết định mở ngành và/hoặc các quyết định ban hành CTĐT điều chỉnh (cử nhân, ThS, TS, bác sĩ, và văn bằng theo CTĐT chuyên sâu của một số ngành, lĩnh vực đặc thù theo quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT; CTĐT chuyên sâu sau ĐH thuộc lĩnh vực sức khỏe cấp văn bằng bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa do Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn, tổ chức thực hiện và quản lý)
2016	QĐ số .../QĐ-.... ngày .../.../.... của Hiệu trưởng Trường ĐH X về mở ngành đào tạo - CTĐT trình độ ĐH ngành Quản trị kinh doanh	VD: Cử nhân Quản trị kinh doanh
2020	QĐ số .../QĐ-.... ngày .../.../.... của Hiệu trưởng Trường ĐH X về ban hành CTĐT trình độ ĐH ngành Quản trị kinh doanh	VD: Cử nhân Quản trị kinh doanh
...	...	...

**III. Thông tin chung các đơn vị quản lý, thực hiện chương trình đào tạo**

22. Đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT:

- Tên đơn vị (theo Quyết định thành lập): .....
- Tên trước đây (nếu có): .....
- Năm thành lập: .....
- Địa chỉ: .....
- Thông tin liên hệ: Điện thoại: .....E-mail: .....Website: .....

23. Tên các đơn vị tham gia thực hiện CTĐT: .....

24. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở đào tạo và đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

25. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở đào tạo và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT.

TT	Các đơn vị/bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
1	Lãnh đạo CSĐT			
...				
2	Lãnh đạo các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội sinh viên			
...				
3	Lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị tham gia thực hiện CTĐT			
...				
4	Lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT			
...				
5	Lãnh đạo các bộ môn thực hiện CTĐT			
...				

#### IV. Giảng viên của chương trình đào tạo

26. Thống kê giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức và tham gia thực hiện CTĐT (trong chu kỳ tự đánh giá)

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Vai trò tham gia (Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện, tham gia giảng dạy)	Phân loại GV (GV cơ hữu/GV đồng cơ hữu/GV HĐ toàn thời gian sau khi nghỉ hưu/GV thỉnh giảng)	Lĩnh vực chuyên môn được đào tạo (ghi trên văn bằng TS)	Tên học phần giảng dạy
1	PGS. TS. Nguyễn Văn A	Chủ trì xây dựng CTĐT	GV cơ hữu		
2	TS. Nguyễn Thị B	Chủ trì giảng dạy CTĐT	GV cơ hữu		
3	TS. Cao Thị C	Chủ trì giảng dạy	GV cơ hữu		
4	PGS.TS. Trần Thị D	Chủ trì giảng dạy	GV cơ hữu		
5	TS. Vũ Minh E	Chủ trì giảng dạy	GV cơ hữu		
6	ThS. Trần Thị K	Tham gia giảng dạy	GV đồng cơ hữu		
7	TS. Tạ Văn H	Tham gia giảng dạy	GV thỉnh giảng		
8	TS. Phùng Văn T	Tham gia giảng dạy	GV toàn thời gian		
...					

\* Theo [Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BGDĐT](#) ngày 09/12/2024 Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo ĐH, ThS, TS.

## 27. Thống kê, phân loại GV tham gia thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu		GV đồng cơ hữu	GV hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu	GV thỉnh giảng	
			GV cơ hữu trong biên chế	GV hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			Trong nước	Quốc tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo sư, Viện sĩ							
2	Phó Giáo sư							
3	Tiến sĩ/Tiến sĩ khoa học*							
4	Thạc sĩ							
5	ĐH (nếu có)							
	<b>Tổng</b>							

\* Không bao gồm GV có chức danh Giáo sư, Viện sĩ, Phó Giáo sư.

27.1. Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8, 9) (người)

27.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: .....

28. Cơ cấu giảng viên cơ hữu, đồng cơ hữu và toàn thời gian tham gia thực hiện CTĐT theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ/Tiến sĩ khoa học*									
4	Thạc sĩ									
5	ĐH (nếu có)									
	<b>Tổng</b>									

\* Không bao gồm GV có chức danh Giáo sư, Viện sĩ, Phó Giáo sư.

Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: ..... tuổi

29. Số lượng giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có) của đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT trong 05 năm

Năm	Chức danh		Trình độ			
	GS	PGS	TS/TSKH*	ThS	ĐH	Tổng số
20..						
20..						
20..						
20..						
20..						

\* Không bao gồm GV có chức danh GS, PGS.

30. Biến động số lượng giảng viên và nghiên cứu viên cơ hữu (nếu có) của đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT trong 05 năm

Nội dung	Năm					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
Tuyển dụng mới/chuyển đến						
Chuyển đi/thôi việc						
Nghỉ hưu/nghỉ chế độ						

31. Số lượng giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT được thăng hạng/bổ nhiệm

Nội dung	Năm					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
GVC và tương đương						
GVCC và tương đương						
PGS						
GS						

## V. Nhân viên hỗ trợ

32. Số lượng, trình độ của nhân viên tham gia hỗ trợ CTĐT (thống kê theo thực tế của CSĐT)

Thông tin	Trung cấp/Cao đẳng	ĐH	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tổng
<b>I. Nhân viên hỗ trợ thuộc các phòng, ban, trung tâm, đơn vị khác của Trường có tham gia hỗ trợ CTĐT</b>					
Nhân viên thư viện					
Nhân viên phòng thí nghiệm/Thực hành/Kỹ thuật viên					
Nhân viên CNTT					
Nhân viên tại các đơn vị chức năng khác					
<b>Tổng cộng</b>					
<b>II. Nhân viên hỗ trợ của đơn vị chủ trì thực hiện CTĐT</b>					
Giảng viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập					
Thư ký/Giáo vụ					
Trợ giảng (nếu có)					
Nhân viên phòng thí nghiệm/Thực hành/Kỹ thuật viên (nếu có)					
...					
<b>Tổng cộng</b>					

33. Đào tạo, bồi dưỡng cho nhân viên hỗ trợ trực tiếp cho CTĐT

Năm	Số lượng khóa bồi dưỡng	Số lượt người tham dự	Tổng kinh phí
20..			
20..			
20..			
20..			
20..			



Nội dung	Năm/năm học									
	20...		20...		20...		20...		20...	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Người học trả lời đã có việc làm <i>(ghi rõ số lượng)</i>										
- NH có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo										
- NH tự tạo việc làm										
- NH khởi nghiệp										
- NH học nâng cao trình độ										
- Được thăng tiến/bổ nhiệm ở vị trí cao hơn sau tốt nghiệp <i>(đối với NH ở CTĐT trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ)</i>										
2. Thời gian tìm việc lần đầu										
- Từ 0 đến dưới 6 tháng										
- Từ 6 đến dưới 12 tháng										
3. Khu vực và loại hình cơ quan công tác										
- Nhà nước										
- Tư nhân										
- Có yếu tố nước ngoài										
4. Thu nhập bình quân (triệu đồng/tháng)										

35.3. Kết quả mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT (thống kê theo năm/năm học nếu CSĐT thực hiện đánh giá mức độ đạt CDR)

TT	Năm/năm học	Mức độ NH đạt CDR của CTĐT (theo cách đánh giá của CSĐT)
1		
2		
...		

## VII. Nghiên cứu khoa học

36. Nghiên cứu khoa học của giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

36.1. Số lượng đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp chủ trì của giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

Đề tài/Dự án*	Năm/năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
Cấp Nhà nước						
Nafosted/Bộ/Tỉnh hoặc tương đương						
Cấp trường/cơ sở						
Hợp đồng/Dự án nghiên cứu khác						

\* Thống kê theo danh mục phân loại của CSĐT.

36.2. Số lượng, kết quả khoa học công nghệ của giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

Công bố	Năm/năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
1. Sáng chế/Giải pháp hữu ích/Chứng nhận sở hữu trí tuệ khác						

Công bố	Năm/năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ						
3. Bài báo quốc tế						
- Trong đó: thuộc danh mục WoS/Scopus						
4. Bài báo trong nước (tạp chí chuyên ngành có tính điểm)						
5. Kỷ yếu hội thảo có ISBN						
- Trong đó: Hội thảo Quốc tế						

36.3. Số lượng sách, giáo trình của giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT đã xuất bản

Sách, giáo trình	Năm/năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
1. Giáo trình						
2. Sách chuyên khảo						
3. Sách tham khảo						

37. Nghiên cứu khoa học của người học

37.1. Số lượng người học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học

Nội dung	Năm/năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
Số lượng người học chủ trì đề tài/nhiệm vụ NCKH						
Số lượng người học tham gia đề tài/nhiệm vụ NCKH của người học						
Số lượng người học tham gia đề tài/nhiệm vụ NCKH của GV						
Số lượng người học tham gia các cuộc thi NCKH						
Số lượng người học tham gia các CLB, nhóm NCKH						
Số lượng người học tham gia các hoạt động NCKH khác						

37.2. Số lượng công bố nghiên cứu khoa học của người học

Nội dung	Năm/Năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
Bài báo quốc tế						
- Trong đó: thuộc danh mục WoS/Scopus						
Bài báo trong nước (tạp chí chuyên ngành có tính điểm)						
Báo cáo tại hội nghị khoa học cấp quốc gia						
Báo cáo tại hội nghị khoa học cấp cơ sở/Trường						
Báo cáo tại hội nghị khoa học cấp Khoa/Bộ môn						

37.3. Số lượng giải thưởng nghiên cứu khoa học của người học

Nội dung	Năm/Năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
Giải thưởng quốc tế						

Nội dung	Năm/Năm học					Tổng
	20..	20..	20..	20..	20..	
Giải thưởng cấp quốc gia/hoặc tương đương						
Giải thưởng cấp trường						
Các giải thưởng khác						

### VIII. Cơ sở vật chất

#### 38. Phòng học, phòng chức năng phục vụ giảng dạy và học tập của CTĐT

TT	Loại phòng	Số lượng phòng	Tổng diện tích
1	Phòng làm việc của giảng viên và nhân viên		
2	Phòng học		
3	Phòng học trực tuyến		
4	Phòng đa phương tiện		
5	Hội trường		
6	Phòng chức năng khác		

#### 39. Phòng máy tính và phòng thực hành/thí nghiệm của CTĐT

TT	Tên phòng máy tính và phòng thực hành/thí nghiệm	Số lượng phòng	Tổng diện tích
1			
2			
3			
...			

#### 40. Danh mục các phần mềm dùng cho thực hành/thí nghiệm của CTĐT

TT	Tên phần mềm	Đơn vị quản lý	Mô tả	Bản quyền
1				
2				
3				
...				

#### 41. Thư viện và học liệu phục vụ CTĐT

##### 41.1. Danh mục học liệu của CTĐT

TT	Số thống kê/chỉ số về học liệu, thư viện	Số lượng	Ghi chú
1	Số đầu sách/nhan đề sách, giáo trình bản in của CTĐT có trong Thư viện		
2	Số đầu sách điện tử của CTĐT ( <i>học liệu số truy cập trực tuyến</i> )		
3	Số lượng bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan CTĐT		*
4	Số bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến CTĐT		*

\* Ghi rõ tên bản quyền (Ví dụ: Elsevier, Springer, Taylor & Francis, v.v.).

##### 41.2. Số lượng tài liệu, học liệu mua mới, bổ sung cho CTĐT trong giai đoạn đánh giá

TT	Năm/Năm học	Số lượng	Kinh phí
1	20..		
2	20..		
3	20..		
4	20..		
5	20..		

## 42. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho CTĐT

## 42.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

TT	Hạ tầng CNTT	Mô tả	Số lượng
1	Máy tính		
2	Phần cứng		
3	Phần mềm quản lý		
4	Phần mềm chuyên dụng		
5	Hệ thống mạng		
6	Trang thông tin điện tử		
...			

## 42.2. Kinh phí đầu tư mới cho hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, ...)

TT	Năm/Năm học	Kinh phí đầu tư nâng cấp cho hệ thống CNTT
1	20..	
2	20..	
3	20..	
4	20..	
5	20..	

## 42.3. Tỷ lệ học phần sẵn sàng dạy trực tuyến của CTĐT

TT	Năm/Năm học	Số lượng học phần của CTĐT sẵn sàng dạy trực tuyến	Tỷ lệ học phần của CTĐT sẵn sàng dạy trực tuyến	Số lượng giảng viên xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử
1	20..			
2	20..			
3	20..			
4	20..			
5	20..			

## IX. Mức độ hài lòng của các bên liên quan

TT	Đối tượng khảo sát*	Tỷ lệ hài lòng (%)					Trung bình (nếu có)
		20..	20..	20..	20..	20..	
1	Người học						
2	Cựu người học						
3	Giảng viên						
4	Nhân viên hỗ trợ						
5	Nhà sử dụng lao động						
6	Đối tượng khác						

\* CSĐT có thể liệt kê chi tiết theo các tiêu chí khảo sát với các đối tượng (nếu có).